***Tuần Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 1:**

**PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH (T1)**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

Qua tiết học học sinh nhận biết và hiểu được:

- Sự kết hợp hài hoà giữa phẩm chất dân tộc và tính nhân loại trong tiếp nhận văn hoá, giữa bình dị và vĩ đại trong nếp sống. Đó là những vẻ đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh.

**2. Kỹ năng:** Tìm hiểu và bước đầu làm quen với các yếu tố kể, tả trong văn bản thuyết minh.

**3. Thái độ:** Kính yêu và tự nguyện noi gương Bác.

1. **Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, nghiên cứu tài liệu.

**2. Học sinh:** Đọc bài, trả lời các câu hỏi ở sgk.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ (2 phút):** kiểm tra vở soạn của HS

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3’) | | |
| - 1 nhóm lên trình chiếu đoạn phim tư liệu đã chuẩn bị trước  (?) Qua đoạn video, bạn có suyy nghĩ gì về con người của Bác ?  -> GV dẫn vào bài :  GV khẳng định tầm vóc văn hoá của chủ tịch HCM: HCM không những là nhà yêu nước, nhà CM vĩ đại mà còn là danh nhân văn hoá thế giới. Vẻ đẹp văn hoá chính là nét nổi bật trong phong cách HCM. | HS trình bày |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25’)** | | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung (18 phút)** |  | **I. Tìm hiểu chung** |
| - Yêu cầu: Đọc rõ ràng, diễn cảm.  Giáo viên đọc mẫu -> gọi HS đọc. |  | ***1. Đọc văn bản.*** |
| ? Phong cách?  ? Thuần đức? Danh nho? |  | ***2. Chú thích*** |
| ? Theo em văn bản “Phong cách Hồ Chí Minh” được viết với mục đích gì?  ?Hãy xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản này? |  | ***3. Phương thức biểu đạt***  Trình bày cho người đọc biết và quý trọng vẻ đẹp của phong cách Hồ Chí Minh.  Phương thức thuyết minh. |
|  |  | ***4. Bố cục:*** |
| ? Cho biết văn bản được chia làm mấy phần? Nội dung của mỗi phần? |  | - 2 phần:  + Từ đầu đến “rất hiện đại”  => Vẻ đẹp trong phong cách văn hoá của Bác.  + Phần 2: Còn lại: => Vẻ đẹp trong phong cách sinh hoạt của Bác. |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu chi tiết: (20 phút)** |  | **II. Tìm hiểu chi tiết:** |
| ?Cho biết những biểu hiện của sự tiếp xúc văn hoá nhiều nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh? |  | ***1. Vẻ đẹp trong phong cách văn học.***  Biểu hiện:  - Ghé lại nhiều hải cảng thăm các nước Châu Phi, Châu Á, Châu Mỹ.  - Người từng sống dài ngày ở Pháp, Anh  - Người viết và viết thạo nhiều thứ tiếng ngoại quốc.  - Am hiểu về các dân tộc, nhân dân thế giới, văn hoá thế giới một cách sâu sắc. |
| ? Cách tiếp xúc văn hoá ở Bác có gì đặc biệt? |  | - Cách tiếp xúc:  + Trên đường hoạt động cách mạng.  + Trong lao động. |
| ? Những ảnh hưởng của văn hoá thế giới đối với Bác? |  | - Tiếp thu các giá trị văn hoá của nhân loại -> văn hoá của Bác mang tính nhân loại.  - Bác vẫn giữ vững các giá trị văn hoá nước nhà -> văn hoá của Bác mang đậm bản sắc dân tộc. |
| ? Em hiểu như thế nào về sự nhào nặn của 2 nền văn hoá quốc tế và dân tộc ở Bác? |  | - Đó là sự đan xen, kết hợp, bổ sung, tái tạo hài hoà hai nguồn văn hoá nhân loại và dân tộc trong trí thức văn hoá Hồ Chí Minh. |
| ? Từ đó em hiểu thêm những gì về vẻ đẹp trong phong cách văn hoá Hồ Chí Minh? |  | => Bác là người biết kế thừa và phát triển các giá trị văn hoá. Ở Bác có sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại. |
| ? Ở đoạn đầu này tác giả đã sử dụng các phương pháp thuyết minh nào? |  | - So sánh, liệt kê, bình luận |
| ? Những phương pháp thuyết minh đó có tác dụng như thế nào trong bài viết? |  | - Giúp trình bày sáng rõ trong biểu hiện vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (10’)** | | |
| HS các nhóm trình bày phần chuẩn bị của mình  + Kể lại 1 số mẩu chuyện về cuộc đời hoạt động của BH.  + Tìm hiểu ý nghĩa 1 số từ Hán Việt | Thảo luận nhóm |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (3’)** | | |
| Kể tên những văn bản viết về Bác mà em đã được học. Nêu những nét chính về ND của những văn bản đó | HS kể |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Tìm hiểu nét đẹp trong lối sống của Hồ Chí Minh?  - Các câu chuyện kể về tính giản dị của Bác  - Các phương pháp thuyết minh trong bài. |  |  |

\***. Rút kinh nghiệm.**

.................................................................................................................................................................................................................................................................. \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Tuần Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 2:**

**PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH (T2)**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu sự kết hợp hài hoà giữa phẩm chất dân tộc và tính nhân loại trong tiếp nhận văn hoá, giữa bình dị và vĩ đại trong nếp sống. Đó là những vẻ đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh.

**2. Kỹ năng:** Tìm hiểu và bước đầu làm quen với các yếu tố kể, tả trong văn bản thuyết minh.

**3. Thái độ:** Kính yêu và tự nguyện noi gương Bác.

**4. Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực: giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, nghiên cứu tài liệu.

**2. Học sinh:** Đọc đoạn 2, trả lời câu hỏi 2, 3 và phần yêu cầu chuẩn bị ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong dạy bài mới

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3’)** | | |
| Cho học sinh hát tập thể  Chủ đề về bác | Cả lớp hát |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25’)** | | |
| **Hoạt động 1. Tìm hiểu văn bản** (33 phút) |  | **II. Tìm hiểu văn bản** |
| Gọi học sinh đọc đoạn 2. | ***Đọc hiểu*** | ***1. Nét đẹp trong phong cách sinh hoạt của Bác.*** |
| ? Cho biết những biểu hiện trong lối sống của Chủ tịch Hồ Chí Minh? | Tìm dẫn chứng | - Nơi ở, nơi làm việc đơn sơ. Chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh chiếc ao như cảnh làng quê quen thuộc…  - Trang phục hết sức giản dị: Bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp thô sơ, tư trang ít ỏi…  - Ăn uống đạm bạc: Cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa. |
| ? Em có nhận xét gì về lối sống đó? |  | => Lối sống bình dị, rất Việt Nam nhưng vô cùng thanh cao, sang trọng. |
| ? Vì sao có thể nói lối sống của Bác là sự kết hợp giữa giản dị và thanh cao? | Giải thích, trao đổi ý kiến | - Đây không phải là lối sống khắc khổ của con người tự vui trong hoàn cảnh nghèo khó.  - Cũng không phải là cách tự thần thánh hoá, tự làm cho khác đời, hơn đời.  - Đây là một cách sống có văn hoá đã trở thành một quan niệm thẩm mĩ. Cái đẹp là sự giản dị, tự nhiên. Nét đẹp của lối sống dân tộc, bình dị mà cao cả. |
| ? Trong đoạn thứ 2 này tác giả đã sử dụng phương pháp thuyết minh nào? | Trả lời cá nhân | - Phương pháp so sánh:  So sánh với các vị lãnh tụ khác  So sánh với các vị hiền triết ngày xưa.  => Làm toát lên vẻ đẹp trong phong cách sinh hoạt của Hồ Chí Minh. |
| **Hoạt động 2: Tổng kết** (3 phút) |  | **III. Tổng kết** |
|  |  | ***1. Nội dung*** |
| ? Qua văn bản em đã cảm nhận được những gì về nét đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh? | Ghi ngắn gọn những yếu tố đặc sắc | - Vẻ đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại, giữa tính dân tộc và nhân loại, giữa thanh cao và giản dị. |
|  |  | ***2. Nghệ thuật:*** |
| Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật trong văn bản để làm nổi bật phong cách Hồ Chí Minh? |  | - Nghệ thuật liệt kê, so sánh.  - Kết hợp giữa kể và bình luận.  - Biết chọn lọc các chi tiết tiêu biểu.  - Sử dụng nghệ thuật đối lập: Vĩ nhân mà giản dị, gần gủi, am hiểu mọi nền văn hoá mà rất Việt Nam |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (10’)** | | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**  - Cho HS làm bài luyện tập trong SGK tr 8 để củng cố kiến thức. | HS làm cá nhân | **IV. Luyện tập** |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5’)** | | |
| Viết một đoạn văn khoảng 12 câu nêu suy nghĩ của em về đức tính giản dị của Hồ Chí Minh. | - Suy nghĩ, lập dàn ý |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Tìm hiểu về cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM.  - Hoàn chỉnh bài tập .  - Hướng dẫn HS học và chuẩn bị bài ở nhà  - Soạn bài : Các phương châm hội thoại | - Tìm hiểu và sưu tầm tài liệu  - Thực hiện yêu cầu |  |

**\*. Rút kinh nghiệm.**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Tuần Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

###### TIẾT 3 :

###### CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI

**I. Mục tiêu cần đạt** : Qua bài học HS nắm được:

**1. Kiến thức**:

- Nắm được nội dung phương châm về lượng và phương châm về chất

**2. Kỹ năng**:

- Nhận biết và phân tích được cách sử dụng phương châm về lượng và phương châm về chất trong 1 tình huống giao tiếp cụ thể.

- Biết vận dụng những phương châm này trong hoạt động giao tiếp.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức sử dụng các phương châm này trong giao tiếp.

**4. Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên** :

- Soạn giáo án.

- Chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu

**2. Học sinh :**

- Soạn bài .

- Chuẩn bị giấy khổ to & bút dạ để thảo luận nhóm .

### III Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy - học

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ**( 1 phút) **:** Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

#### 3. Bài mới

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | **Nội dung cần đạt** | |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)** | | | | |
| - 1 nhóm lên chuẩn bị đoạn hội thoại (có tình huống vi phạm phương châm hôi thoại).  **-> GV dẫn vào bài:** | HS trình bày | |  | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25’)** | | | | |
| **Hoạt động 1:**  Hướng dẫn HS tìm hiểu phương châm về lượng |  | | **I. Phương châm về lượng** | |
| - Gọi HS đọc đoạn đối thoại (Bảng phụ hoặc máy chiếu) | -HS đọc | | **Bài tập TH 1:** | |
| - Bơi nghĩa là gì? | -HS trả lời | | - Bơi: di chuyển trong nước hoặc trên mặt nước bằng cử động của cơ thể | |
| - Cho HS thảo luận nhóm 4 HS trả lời các câu hỏi SGK tr 8 | -HS thảo luận nhóm 4 HS | | **- Câu trả lời của Ba không mang nội dung mà An cần biết. Điều An cần biết là 1 địa điểm cụ thể nào đó**  **\* Khi nói, câu nói phải có nội dung đúng với yêu cầu của giao tiếp, không nên nói ít hơn những gì mà giao tiếp đòi hỏi.** | |
| -Cho HS đọc hoặc kể lại truyện “Lợn cưới, áo mới”. | - HS đọc, kể hoặc xây dựng tiểu phẩm | | **BT TH 2:** VB “Lợn cưới, áo mới” | |
| Cho HS thảo luận nhóm 2 câu hỏi SGK tr 9 | - HS thảo luận nhóm 2 | | -Truyện này gây cười vì các nhân vật nói nhiều hơn những gì cần nói. Lẽ ra chỉ cần hỏi “Bác có thấy con lợn nào chạy qua đây không?” và chỉ cần trả lời “Nãy giờ tôi chẳng thấy có con lợn nào chạy qua đây cả”  **\*Trong giao tíêp, không nên nói nhiều hơn những gì cần nói.** | |
| -Gọi HS đọc ghi nhớ SGK tr 9 | -HS đọc | | **\*Ghi nhớ** : SGK tr 9 | |
| **Hoạt động 2**: (10 phút) Hướng dẫn HS tìm hiểu phương châm về chất |  | | II. Phương châm về chất | |
| - Gọi HS đọc hoặc kể lại truyện cười quả bí khổng lồ. | -HS đọc hoặc kể hoặc xây dựng video | | BT TH 3: | |
| Cho HS trả lời miệng các câu hỏi SGK tr 10 | - HS trả lời | | -Truyện này phê phán tính nói khoác  **\*Trong giao tiếp không nên nói những điều mà mình không tin là đúng sự thật**. Ta không nên nói những điều trái với điều ta nghĩ | |
| - Nếu không biết chắc 1 điều gì em có nên nói với các bạn trong lớp không? | -HS trả lời | | **\*Trong giao tiếp đừng nên nói những điều mà mình không có bằng chứng xác thực. *Ta không nên nói điều gì mà mình chưa có cơ sở để xác định là đúng. Nếu cần nói điều đó thì phải báo cho người nghe biết tính xác thực của điều đó chưa được kiểm chứng( VD: Thêm từ hình như, em nghĩ là…)*** | |
| -Gọi HS đọc ghi nhớ 2 tr 10 | -HS đọc | | \***Ghi nhớ** : SGK tr 10 | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (8’)** | | | | |
| Hướng dẫn HS luyện tập để củng cố kiến thức (Bảng phụ hoặc máy chiếu) |  | | III. Luyện tập | |
| **Bài 1**: Hướng dẫn HS vận dụng phương châm về lượng để phân tích lỗi câu. Đây là dạng bài tập rèn luyện kĩ năng cho HS. Cho HS trình bày cảm nhận riêng | HS trình bày cảm nhận | | Bài tập 1.-Các câu đều mắc một loại lỗi: sử dụng từ ngữ trùng lặp, thêm từ ngữ mà không thêm một phần nội dung nào.a)“Trâu là một loài gia súc nuôi ở nhà.’’: Câu này thừa cụm từ nuôi ở nhà bởi vì gia súc đã hàm chứa nghĩa là thú nuôi trong nhà.b)“Én là một loài chim có hai cánh.’’: Tất cả các loài chim đều có hai cánh. Vì thế có hai cánh là một cụm từ thừa. | |
| **Bài 2**: HS biết dùng từ đúng phương châm hội thoại. Cho HS làm miệng | HS làm cá nhân  HS trả lời  HS khác nhận xét, bổ sung | | Bài tập 2.a)nói có sách, mách có chứng.b nói dối.c)nói mò.d) nói cuội.e) nói trạng.Các từ ngữ này đều chỉ những cách tuân thủ hoặc vi phạm phương châm hôi thoại về chất. | |
| **Bài 3**: HS hiểu rõ phương châm hội thoại về lượng  +Gọi HS đọc  +Gọi HS trả lời | -HS đọc  -HS trả lời  HS nhận xét, bổ sung | | Bài tập 3-Với câu hỏi “Rồi có nuôi được không?’’, người nói đã không tuân thủ phương châm về lượng (hỏi một điều rất thừa). | |
| Bài 4: HS hiểu rõ phương châm về chất. Cho HS thảo luận nhóm 2 hs | -HS thảo luận nhóm 2 HS | | Bài tập 4.Đôi khi người nói phải dùng những cách diễn đạt như:a)Khi giao tiếp đừng nói những điều mà mình tin là không đúng hay không có bằng chứng xác thực. Trong nhiều trường hợp, vì lý do nào đó, người nói muốn (hoặc phải) đưa ra một nhận định hay truyền đạt một thông tin, nhưng chưa có bằng chứng chắc chắn.Để bảo đảm tuân thủ phương châm về chất, người nói phải dùng những cách nói trên nhằm báo cho người nghe biết là tính xác thực của nhận định hay thông tin mà mình đưa ra chưa được kiểm chứng.b) Phương châm về lượng đòi hỏi khi giao tiếp cần nói cho có một nội dung, nội dung của lời nói phải đúng như yêu cầu của giao tiếp, không thiếu, không thừa. Khi nói một điều mà người nói nghĩ là người nghe biết rồi thì người nói đã không tuân thủ phương châm về lượng. Trong giao tiếp, đôi khi để nhấn mạnh hay để chuyển ý, dẫn ý, người nói cần nhắc lại một nội dung nào đó đã nói hay giả định là mọi người đều biết. Khi đó, để bảo đảm phương châm về lượng, người nói phải dùng những cách nói trên nhằm báo cho người nghe biết là việc nhắc lại nội dung đã cũ là do chủ ý của người nói. | |
| Bài tập 5: Bài tập yêu cầu giải thích nghĩa của các thành ngữ và cho biết phương châm hội thoại nào có liên quan đến những thành ngữ này. Cho HS thảo luận nhóm nhỏ 2  GV: Tất cả những thành ngữ trên đều chỉ những cách nói, nội dung nói không tuân thủ phương châm về chất. Các thành ngữ này chỉ những điều tối kị trong giao tiếp, HS cần tránh. | -HS thảo luận nhóm nhỏ 2 | | Bài tập 5.-ăn đơm nói đặt: vu khống, đặt điều, bịa chuyện cho người khác.-ăn ốc nói mò: nói không có căn cứ.-ăn không nói có: vu khống, bịa đặt.-Cãi chày cãi cối: cố tranh cãi, như không có lí lẽ gì cả.-Khua môi múa mép: nói năng hoa, khoác lác, phô trương.-Nói dơi nói chuột: nói lăng nhăng, linh tinh, không xác thực.-Hứa hươu hứa vượn: hứa để được lòng rồi không thực hiện lời hứa. | |
| D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (4’) | | | | |
|  |  | |  | |
| Lập dàn ý cho đoạn văn sau: Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về cách giao tiếp của thanh niên hiện nay. | Lập dàn ý | |  | |
| E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (1’) | | | | |
| - Sưu tầm những tình huống vi phậm các phương châm hội thoại trên. - Hoàn chỉnh bài tập .  - Hướng dẫn HS học và chuẩn bị bài ở nhà  - Soạn bài : Sử dụng 1 số biện pháp nghệ thuật trong VB thuyết minh | |  | |  |

**\*. Rút kinh nghiệm.**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Tuần Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 4:**

**SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT**

**TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập kiến thức về văn bản thuyết minh.

- Hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh làm cho văn bản thêm sinh động, hấp dẫn.

**2. Kỹ năng:**

- Biết sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn thuyết minh.

**3. Thái độ:**

Ý thức vận dụng sáng tạo trong viết văn.

**4. Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, xem lại văn bản thuyết minh, các phương pháp thuyết minh.

**2. Học sinh:** Đọc kỹ văn bản, trả lời câu hỏi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ (1’):** Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

#### 3. Bài mới

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (4’)** | | |
| - Tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn  + Cách chơi: ghi nhanh lại các tác phẩm mà em nhận ra trong đoạn video  + Thời gian: 2’  -> GV dẫn vào bài: | - 1 nhóm chuẩn bị và chiếu đoạn video có liên quan đến các VBTM đã được học trong chương trình Ngữ văn 8 |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25’)** | | |
| **Hoạt động 1**: Hướng dẫn HS ôn lại những kiến thức về kiểu VBTM và các phương pháp TM |  | **I. Tìm hiểu 1 số biện pháp nghệ thuật trong VBTM** |
|  |  | **1. Ôn tập VBTM** |
| -VB TM là gì? | -HS trả lời HS khác nhận xét, bổ sung | - Khái niệm : VB TM là loại VB trình bày tính chất, cấu tạo, cách dùng cùng lý do phát sinh, quy luật phát triển, biến hoá của sự vật, nhằm cung cấp tri thức, hướng dẫn cách sử dụng cho con người |
| - Đặc điểm chủ yếu của VBTM? | -HS trả lời HS khác nhận xét, bổ sung | - Đặc điểm chung của VBTM  **+ Có nhiệm vụ cung cấp tri thức khách quan về sự vật, giúp con người hiểu biết được đặc trưng, tính chất của sự vật hiện tượng và biết sử dụng chúng vào mục đích có lợi cho con người.**  + VBTM đòi hỏi chính xác -> không thể hư cấu, bịa đặt, tưởng tượng hay suy luận.  + VBTM không đòi hỏi ngừơi viết phải bộc lộ cảm xúc cá nhân chủ quan của mình. Người viết phải biết tôn trọng sự thật, không vì lòng yêu ghét của mình mà thêm thắt cho đối tượng  + VBTM không đòi hỏi bắt buộc phải làm cho người đọc thưởng thức cái hay, cái đẹp như tác phẩm văn học. Tuy nhiên nếu viết có cảm xúc, biết gây hứng thú cho người đọc thì vẫn tốt |
| - Các phương pháp thuyết minh?  (Bảng phụ hoặc máy chiếu ) | - HS trả lờiHS khác nhận xét, bổ sung | - Phương pháp TM  **1 Phương pháp nêu định nghĩa, giải thích**  **2 Phương pháp liệt kê**  **3 Phương pháp nêu ví dụ**  4 Phương pháp dùng số liệu( con số)  **5 Phương pháp so sánh**  6 Phương pháp phân loại, phân tích |
| **Hoạt động 2:** Hướng dẫn HS tìm hiểu viết VB TM có sử dụng 1 số biện pháp nghệ thuật |  | **2. Viết VB TM có sử dụng 1 số biện pháp nghệ thuật** |
| -Gọi HS thay nhau đọc VB “HL- Đá và Nước” | -HS đọc | **\*Văn bản “ Hạ Long - Đá và Nước”** |
| Cho HS thảo luận nhóm các câu hỏi SGK tr 12 | -HS thảo luận nhóm | ***-*** Giới thiệu vẻ đẹp của vịnh Hạ Long***, thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam được công nhận là di sản văn hoá thế giới.***  ***-*** Nội dung: thuyết minh sự kì lạ vô tận của Hạ Long do đá và nước tạo nên***, tức thuyết minh về vẻ đẹp hấp dẫn kì diệu của Hạ Long.***  ***- Tác giả giới thiệu Hạ Long theo một phương diện ít ai nói tới, có thể nói là một phát hiện của nhà văn: đó là đá và nước Hạ Long đem đến cho du khách những cảm giác thú vị.*** |
| -TG đã trình bày được sự kỳ lạ của HL chưa? Trình bày như thế là nhờ biện pháp gì? | -HS trả lời | ***-*** Tác giả sử dụng phương pháp liệt kê là chính, biện pháp tưởng tượng và liên tưởng, dùng phép nhân hoá để tả các đảo đá  ***a)Nước tạo nên sự di chuyển và khả năng di chuyển theo mọi cách tạo nên sự thú vị của cảnh sắc.***  b)Tuỳ theo góc độ và tốc độ di chuyển của du khách, tuỳ theo cả hướng ánh sáng rọi vào các đảo đá, mà thiên nhiên tạo nên thế giới sống động, biến hoá đến lạ lùng,  -Tác dụng giới thiệu vịnh Hạ Long không chỉ là đá và nước mà là một thế giới sống có hồn.***Sau mỗi góc độ quan sát, tốc độ di chuyển, ánh sáng phản chiếu là sự miêu tả những biến đổi của hình ảnh đảo đá, biến chúng từ những vật vô tri thành vật sống động, có hồn. Bài viết là một bài thơ văn xuôi mời gọi du khách đến với Hạ Long.*** |
| - Chúng ta có thể sử dụng các biện pháp nghệ thuật nào trong VB TM? Tác dụng của các VB đó? | -HS trả lời | \***Ghi nhớ** : SGK tr 13 |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (8’)** | | |
| Hướng dẫn HS luyện tập để củng cố kiến thức (bảng phụ hoặc máy chiếu ) |  | **II. Luyện tập** |
| Bài 1: Cho HS thảo luận nhóm để biết cách sử dụng các BP NT vào VB TM | HS tl nhóm 6 HS | **Bài tập 1**  a) Có thể xem đây là truyện vui có tính chất thuyết minh hay là một văn bản thuyết minh có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật.  - Ở đây, yếu tố thuyết minh và yếu tố nghệ thuật kết hợp rất chặt chẽ. Tính chất thuyết minh thể hiện ở chỗ giới thiệu loài ruồi rất có hệ thống***: những tính chất chung về họ, giống, loài, về các tập tính sinh sống, sinh đẻ, đặc điểm cơ thể, cung cấp các kiến thức chung đáng tin cậy về loài ruồi, thức tỉnh ý thức giữ gìn vệ sinh, phòng bệnh, ý thức diệt ruồi.*** Nhưng mặt khác, hình thức nghệ thuật gây hứng thú cho người đọc.  - Các phương pháp thuyết minh được sử dụng là:  ***- Định nghĩa: thuộc họ côn trùng hai cánh, mắt lưới***  ***- Phân loại: các loại ruồi.***  ***- Số liệu: số vi khuẩn, số lượng sinh sản của một cặp ruồi.***  ***- Liệt kê: mắt lưới, chân tiết ra chất dính***  b) Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng là:  - Nhân hoá.  - Có tình tiết.  c) Các biện pháp nghệ thuật có tác dụng, gây hứng thú cho bạn đọc nhỏ tuổi, vừa là truyện vui, vừa học thêm tri thức. |
| Bài 2: Cho HS làm miệng để nhận biết được các biện pháp NT | -HS làm miệng | **Bài tập 2**. ***Đoạn văn này nhằm nói về tập tính của chim cú dưới dạng một ngộ nhận (định kiến) thời thơ ấu, sau lớn lên đi học mới có dịp nhận thức lại sự nhầm lẫn cũ. Biện pháp nghệ thuật ở đây chính là lấy ngộ nhận hồi nhỏ làm đầu mối câu chuyện.*** |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5’)** | | |
| Phát hiện lỗi sai và bổ sung cho những văn thuyết minh còn chưa có yếu tố miêu tả | HS suy nghĩ, thực hiện |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI (1’)** | | |
| Sưu tầm những VBTM có sử dụng nhiều yếu tố miêu tả -> tác dụng  - Hoàn chỉnh bài tập .  - Hướng dẫn HS học và chuẩn bị bài ở nhà  - Soạn bài : Luyện tập sử dụng 1 số biện pháp nghệ thuật trong VBTM | Hs sưu tâm, phát hiện  Thực hiện yêu cầu |  |

**\*. Rút kinh nghiệm.**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Tuần Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 5:**

**LUYỆN TẬP: SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT**

**TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Biết hệ thống hoá các kiến thức về văn bản thuyết minh, kết hợp với các biện pháp nghệ thuật.

**2. Kỹ năng:**

- Biết tổng hợp kiến thức, viết một văn bản thuyết minh hoàn chỉnh có sử dụng biện pháp nghệ thuật.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục ý thức học hỏi, sáng tạo.

1. **Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, hướng dẫn học sinh chuẩn bị các đề ở sgk.

**2. Học sinh:** Chuẩn bị 2 đề ở sgk

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ (1’):** Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

**3. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3’)** | | |
| Yêu cầu HS lên thuyết trình phần chuẩn bị ở nhà  -> GV dẫn vào bài: | **-** 1 nhóm HS chuẩn bị 1 đoạn video thuyết minh về một danh lam thắng cảnh  - HS khác chỉ ra các BPNT đã học được sử dụng trong đoạn video đó |  |
| **B.** **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25’)** | | |
| **Hoạt động 1**: GV kiểm tra việc chuẩn bị ở nhà của HS. |  | **Đề bài**: **Thuyết minh 1 trong 4 đồ dùng sau: cái quạt, cái bút, cái kéo, cái nón** |
| - Chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm lập dàn ý cho một trong bốn đề thuyết minh các đồ dùng: cái quạt, cái bút, cái kéo, chiếc nón. | - HS thảo luận nhóm | **Yêu cầu:**  +Nội dung: nêu được công dụng, cấu tạo, chủng loại, lịch sử của đồ dùng ấy  +Hình thức: Vận dụng 1 số biện pháp NT làm bài viết vui tươi, hấp dẫn như kể chuyện, tự thuật, hỏi đáp theo lối nhân hoá |
| **MB:**Giới thiệu về đồ vật và vị trí ý nghĩa của nó hay tầm quan trọng trong đời sống con người.  **TB:** -Giới thiệu về nguồn gốc hay người phát minh, xuất xứ của đồ vật đó.  -Thuyết minh về cấu tạo hay cách làm:  + Các bộ phận cấu tạo ra sao .  + Cơ chế hoạt động, cách sử dụng.  + Chất liệu màu sắc.  -Thuyết minh vai trò hay công dụng của đồ vật trong đời sống, ý nghĩa biểu tượng hay văn hoá của đồ vật.  -Thuyết minh về cách bảo quản, nơi bán mua hay giá cả  **KB:** Khẳng định lại về giá trị và ý nghĩa của đồ vật trong đời sống con người. | | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (8’)** | | |
| **Hoạt động 2**: Cho HS các nhóm trình bày dàn ý, dự kiến cách sử dụng các biện pháp NT trong bài viết  -HS bổ sung  -GV chốt lại dàn ý | -HS các nhóm trình bày dàn ý -HS bổ sung |  |
| **Dàn ý**   1. **Thuyết minh cái quạt** 2. **Mở bài**   - Việt Nam nằm trong vùng khí hậu ấm nóng nên nhu cầu làm mát, đặc biệt là bằng quạt là điều thường gặp ở mọi miền đất nước...  **II. Thân bài**  **1.Giới thiệu về các loại quạt ở Việt Nam**  a. Quạt bằng tay: giới thiệu chất liệu cấu thành, màu sắc, cách làm quạt, cách sử dụng, nơi thường sử dụng  - Quạt nan:  - Quạt mo:  - Quạt giấy:  - Quạt bằng tấm xốp:  b. Quạt điện:  - Liệt kê một số loại quạt chạy điện: để bàn, treo tường, quạt trần, quạt thông gió ...  - Cấu tạo, cơ chế hoạt động, mức độ tiện lợi so với quạt bằng tay  **2. Quạt và văn hóa Việt Nam**  - Quạt là phương tiện biểu lộ tình nghĩa: ông, bà, cha mẹ quạt cho con cháu và ngược lại  - Quạt trong văn hóa văn nghệ: đạo cụ biểu diễn, hình ảnh sử dụng trong thơ ca....  **III. Kết bài**  - Khẳng định ý nghĩa, vai trò của cái quạt trong đời sống sinh hoạt của người dân Việt Nam  2**. Thuyết minh về cái bút**   * **Giới thiệu bút bi**   -**Có câu chủ đề: Giới thiệu về chiếc bút bi**.  ( **Bút bi** hay còn gọi là **bút Bic,**  là một công cụ dùng để [viết](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Vi%E1%BA%BFt&action=edit) rất phổ biến ngày nay. )  - **Giới thiệu sự xuất hiện của bút bi**  (Sự ra đời của chiếc bút bi bắt đầu từ quan sát của một phóng viên người Hungary. Một ngày của năm 1938, Laszlo Biro chịu hết xiết chiếc bút máy dở chứng làm rách giấy và lấm lem mực. Thời đó, Biro đã quan sát thấy mực in báo mau khô. Còn bi lăn đã có trước đó trong các chai lăn khử mùi. Tuy nhiên, chỉ có Biro mới nhìn thấy sự kết hợp hoàn hảo giữa những gì đã có và chiếc bút bi ra đời. Biro đã cùng người anh trai thiết kế ra loại bút có bi ở đầu. Bi lăn đến đâu thì mực ra đến đó và khô ngay.)  **- Hình dáng, nguyên liệu**  **- Cấu tạo, công dụng**  + Phần ruột bút bi gồm đầu bút bi và ống mực, loại mực đặc biệt  + Phần vỏ gồm ống nhựa hoặc sắt để bọc ruột bút bi và làm cán bút viết. Phần này gồm ống, nắp bút có lò xo.  **- Cách sử dụng và bảo quản.**  +Khi dùng khẽ bấm nhẹ lên đầu bút.  + Nét viết đều, êm và nhẹ (Thân viết được đúc theo ống bát giác để dễ cầm, bi không gỉ được làm từ tungsten và mực được nén để có thể viết dưới nước.  - Hình dáng, nguyên liệu  - Cấu tạo, công dụng  + Phần ruột bút bi gồm đầu bút bi và ống mực, loại mực đặc biệt  + Phần vỏ gồm ống nhựa hoặc sắt để bọc ruột bút bi và làm cán bút viết. Phần này gồm ống, nắp bút có lò xo.  - Cách sử dụng và bảo quản.  +Khi dùng khẽ bấm nhẹ lên đầu bút.  **+ Nột viết đều, ờm và nhẹ\_** (\*Được thiết kế độc đáo với cơ chế đầu bấm năng động  \* Bên trong ruột bút bi có chứa một ống mực đặc sệt, sử dụng lâu, khi viết, mực được in lên giấy là nhờ hoạt động "lăn" của một viên bi rất nhỏ (đường kính khoảng từ 0.7 mm đến 1 mm) gắn nơi đầu ống chứa mực. Loại mực dùng để chế tạo bút bi thì khô ngay lập tức sau khi tiếp xúc với giấy)  **- Hình dáng, nguyên liệu**  - **Cấu tạo, công dụng**  + Phần ruột bút bi gồm đầu bút bi và ống mực, loại mực đặc biệt  + Phần vỏ gồm ống nhựa hoặc sắt để bọc ruột bút bi và làm cán bút viết. Phần này gồm ống, nắp bút có lò xo.  **- Cách sử dụng và bảo quản.**  +Khi dùng khẽ bấm nhẹ lên đầu bút.  **+ Nột viết đều, ờm và nhẹ\_** ( Vỏ bút có 4 màu tương ứng 4 màu mực giúp thuận tiện cho việc lựa chọn đúng màu mực ưa thích)  **- Hình dáng, nguyên liệu**  - **Cấu tạo, công dụng**  + Phần ruột bút bi gồm đầu bút bi và ống mực, loại mực đặc biệt  + Phần vỏ gồm ống nhựa hoặc sắt để bọc ruột bút bi và làm cán bút viết. Phần này gồm ống, nắp bút có lò xo.  **- Cách sử dụng và bảo quản.**  + Khi dùng khẽ bấm nhẹ lên đầu bút. | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5’)** | | |
| Cho HS viết phần MB, KB  - Gọi HS đọc bài đọc thêm tr 16 | Hs viết  HS đọc |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (2’)** | | |
| - thuyết minh về ngôi trường nơi em đang học  - Hoàn chỉnh bài tập .  - Hướng dẫn HS học và chuẩn bị bài ở nhà  - Soạn bài :Đấu tranh cho 1 thế giới hoà bình | HS suy nghĩ  HS thực hiện yêu cầu |  |

**\*. Rút kinh nghiệm.**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

***Tuần Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 6:**

**ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH**

(Gac-xi-a Mac-ket)

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh hiểu được nội dung vấn đề đặt ra trong văn bản. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe doạ toàn bộ sự sống trên trái đất -> Nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại là đấu tranh cho một thế giới hoà bình.

- Thấy được nghệ thuật Nghị luận của tác giả. Chứng cứ cụ thể, xác thực. Cách so sánh rõ ràng, giàu sức thuyết phục, lập luận chặt chẽ.

**2. Kỹ năng:**

- Đọc, hiểu và phân tích hệ thống luận điểm, luận cứ trong văn bản nghị luận chính trị, xã hội.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức yêu chuộng hoà bình

**4. Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên:** Soạn bài, nghiên cứu tài liệu

**2. Học sinh:** Đọc văn bản, trả lời các câu hỏi ở sgk

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ (1’):** Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

**3. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3’)** | | |
| Cho học sinh hát tập thể bài hát về Hoà bình | HS hát |  |
| **B.** **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25’)** | | |
| **HĐ1. Tìm hiểu chung** |  | **I. Tìm hiều chung** |
| Yêu cầu: Đọc to, rõ ràng, chú ý những từ viết tắt và cần nhấn mạnh sự nguy hiểm, phi lý của những cuộc chạy đua vũ trang và nhấn mạnh nhiệm vụ cấp thiết của toàn nhân loại. | ***HS đọc*** | ***1. Đọc văn bản*** |
| Gọi học sinh đọc chú thích \* ở sgk | ***HS đọc*** | ***2. Chú thích*** |
|  |  | \* Tác giả - tác phẩm |
|  |  | \* Từ khó |
| UNICEP? FAO |  |  |
|  |  | ***3. Kiểu loại văn bản, phương thức biểu đạt.*** |
| ? Văn bản đề cập đến vấn đề gì? | HS trả lời | Chiến tranh (một vấn đề bức thiết của toàn nhân loại) |
| ? Vậy văn bản thuộc kiểu loại văn bản nào? | HS trả lời | Văn bản nhật dụng |
| ? Phương thức biểu đạt chính? | HS trả lời | Nghị luận (chính trị - xã hội) |
|  |  | ***4. Bố cục của văn bản.*** |
| ? Bố cục của văn bản? |  | - 4 phần  + Từ đầu -> vận mệnh đất nước  => Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe doạ sự sống của trái đất.  + Tiếp theo -> Cho toàn thế giới -> Chạy đua hạt nhân là cực kỳ tốn kém.  + Tiếp -> Điểm xuất phát của nó -> Chiến tranh hạt nhân là cực kỳ phi lý.  + Còn lại: Ngăn chặn chiến tranh hạt nhân là nhiệm vụ toàn nhân loại.  **II. Tìm hiểu văn bản.**  **1. Hiểm hoạ chiến tranh hạt nhân**  **a)Nguy cơ chiến tranh hạt nhân**  Để cho thấy tính chất hiện thực và sự khủng khiếp của nguy cơ này, tác giả đã bắt đầu bài viết bằng việc xác định cụ thể thời gian (Hôm nay ngày 8-8-1986) và đưa ra số liệu cụ thể đầu đạn hạt nhân với một phép tính đơn giản: Nói nôm na… trên trái đất.  Để thấy rõ hơn sức tàn phá khủng khiếp của kho vũ khí hạt nhân, tác giả còn đưa ra những tính toán lí thuyết: Kho vũ khí ấy có thể tiêu diệt tất hệ mặt trời.  -Kho vũ khí hạt nhân đang được tàng trữ có khả năng huỷ diệt cả trái đất và các hành tinh khác trong hệ mặt trời  Cách vào đề trực tiếp và bằng những chứng cứ rất xác thực đã thu hút người đọc và gây ấn tượng mạnh mẽ về tính chất hệ trọng của vấn đề đang được nói tới |
| **HĐ2. Tìm hiểu văn bản**  GV: Vấn đề mà văn bản đề cập là chiến tranh và đấu tranh cho hoà bình thế giới. Vấn đề đó được triển khai qua các luận điểm nào? Học sinh thảo luận bàn. ?  Các luận điểm đó được làm rõ bởi  Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả?các luận cứ nào? | HS trả lời  HS trả lời |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (7’)** | | |
| Gọi học sinh nhắc lại các luận điểm | HS trả lời |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (6’)** | | |
| - Kể tên những quốc gia, vùng lãnh thổ đang có xung đột vũ trang và cho biết em có suy nghĩ gì? | Thảo luận nhóm trả lời, bổ sung |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (2’)** | | |
| - Đọc kỹ văn bản  - Phân tích các luận cứ  - Tìm hiểu các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản. |  |  |

**\*. Rút kinh nghiệm.**

.................................................................................................................................................................................................................................................................. \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Tuần Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 7:**

**ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH (T2)**

(Gac-xi-a Mac-ket)

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh hiểu được nội dung vấn đề đặt ra trong văn bản. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe doạ toàn bộ sự sống trên trái đất -> Nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại là đấu tranh cho một thế giới hoà bình.

- Thấy được nghệ thuật Nghị luận của tác giả. Chứng cứ cụ thể, xác thực. Cách so sánh rõ ràng, giàu sức thuyết phục, lập luận chặt chẽ.

**2. Kỹ năng:**

- Đọc, hiểu và phân tích hệ thống luận điểm, luận cứ trong văn bản nghị luận chính trị, xã hội.

**3. Thái độ:**

Giáo dục học sinh ý thức yêu chuộng hoà bình

**4. Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên:** Soạn bài, nghiên cứu tài liệu

**2. Học sinh:** Đọc văn bản, trả lời các câu hỏi ở sgk

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong học bài mới

**3. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| 1. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)** | | |
| HS trình chiếu vi deo hình ảnh đã sưu tầm | Quan sát |  |
| 1. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (30’)** | | |
| **Tiếp hoạt động 2** |  | **b) Sự tốn kém và tính chất vô lý của cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân** |
| -Gọi HS đọc lại văn bản | -HS đọc |  |
| -Sự tốn kém và tính chất vô lý của cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân đã được TG chỉ ra bằng những chứng cứ nào?  (Bảng phụ hoặc máy chiếu ) | -HS trả lời | -Cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân đã làm mất đi khả năng để con người được sống tốt đẹp hơn  +Để làm rõ luận cứ này, tác giả đã đưa ra **hàng loạt dẫn chứng với những so sánh thật thuyết phục trong các lĩnh vực xã hội, y tế, tiếp tế thực phẩm, giáo dục**. Đây đều là những lĩnh vực hết sức thiết yếu trong cuộc sống con người, đặc biệt là với các nước nghèo, chưa phát triển.  +D/c những VD so sánh làm nổi bật **sự tốn kém ghê gớm và tính chất phi lí của cuộc chạy đua vũ trang**-> cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân đã và đang cướp đi của thế giới nhiều điều kiện để cải thiện cuộc sống của con người, nhất là ở các nước nghèo. |
| -Nhận xét nghệ thuật lập luận của tác giả trong đoạn văn? | -HS nhận xét | **-Nghệ thuật lập luận: đơn giản, có sức thuyết phục cao. TG đưa ra những VD so sánh trên nhiều lĩnh vực và những con số ở đây là những con số biết nói. Có ~ so sánh khiến người đọc ngạc nhiên, bất ngờ trước những sự thật hiển nhiên mà rất phi lí. Chẳng hạn như: chỉ 2 chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân là đủ tiền xoá nạn mù chữ cho toàn thế giới** |
| -Gọi đọc tiếp đoạn 3 |  | c) Chiến tranh hạt nhân chẳng những đi ngược lại lí trí của con người mà còn phản lại sự tiến hoá của tự nhiên |
| -Vì sao có thể nói: Chiến tranh “không những đi ngược lại lí trí con người mà còn đi ngược cả lý trí tự nhiên nữa”? Em có suy nghĩ gì trước lời cảnh báo của TG về nguy cơ huỷ diệt sự sống và nền văn minh trên trái đất 1 khi chiến tranh hạt nhân nổ ra? | -HS trả lời | **-Chiến tranh không chỉ tiêu diệt nhân loại mà còn tiêu huỷ mọi sự sống trên trái đất**. Vì nó phản tiến hoá, phản lí trí tự nhiên như cách nói của tác giả  - TG đưa ra những chứng cứ từ khoa học địa chất và cổ sinh học về nguồn gốc và sự tiến hoá của sự sống trên trái đất. Sự sống ngày nay trên trái đất và con người là kết quả của 1 quá trình tiến hoá hết sức lâu dài và tự nhiên, 1 quá trình được tính bằng hàng triệu năm  +Từ đó dẫn đến 1 nhận thức rõ ràng về tính chất phản tiến hoá, phản tự nhiên của CT HN:**Nếu nổ ra, nó sẽ đẩy lùi sự tiến hoá trở về điểm xuất phát ban đầu, tiêu huỷ mọi thành quả của quá trình tiến hoá sự sống trong tự nhiên**  ->**Hiểm hoạ CT đã được nhận thức sâu hơn ở tính chất phản tự nhiên, phản tiến hoá của nó.** |
| -Gọi HS đọc đoạn cuối | -HS đọc | **2 Nhiệm vụ của con người:** |
| -Tác giả muốn gửi tới mọi người thông điệp gì? | -HS trả lời | -Sau khi chỉ ra hết sức rõ ràng về hiểm hoạ hạt nhân đang đe doạ loài người và sự sống trên trái đất, TG không dẫn người đọc đến sự lo âu mang tính bi quan về vận mệnh của nhân loại, mà hướng tới 1 thái độ tích cực.**Thông điệp mà tác gỉa muốn gửi tới mọi người: Đấu tranh ngăn chặn CTHN, cho 1 thế giới hoà bình**: “Chúng ta đến đây->công bằng” |
| -Nếu CT vẫn xảy ra thì TG tiếp tục khẳng định điều gì? | -HS thảo luận nhóm 4 HS | ***-*** Nhưng liệu những tiếng nói ấy có thể ngăn chặn được hiểm hoạ hạt nhân hay không, và nếu như nó vẫn xảy ra thì sao? Dường như TG cũng tính đến những ý nghĩ như thế của ai đó để rồi tiếp tục **khẳng định ý nghĩa của sự có mặt trong hàng ngũ những người đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân** |
| -Kết thúc lời kêu gọi của mình, TG nêu ra lời đề nghị gì? Nhằm mục đích gì?  GV: Nhà văn muốn nhấn mạnh: Nhân loại cần giữ gìn ký ức của mình, lịch sử sẽ lên án những thế lực hiếu chiến đẩy nhân loại vào thảm hoạ hạt nhân | -HS trả lời | -Để kết thúc lời kêu gọi của mình, **TG đã nêu ra 1 lời đề nghị: Cần lập ra 1 nhà băng lưu giữ trí nhớ tồn tại được sau thảm hoạ hạt nhân, để nhân loại các thời đại sau biết đến cuộc sống của chúng ta đã từng tồn tại trên trái đất và không quên những kẻ đã vì những lợi ích ti tiện mà đẩy nhân loại vào hoạ diệt vong** |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu về nội dung nghệ thuật** |  | **III Tổng kết** |
| -Nêu cảm nhận của em về VB? | -HS nêu cảm nhận | -Gợi ý: HS liên hệ với tình hình thời sự về chiến tranh, xung đột và các cuộc chạy đua vũ trang trên thế giới hiện nay->rút ra được những bài học cần thiết và phương hướng hành động tích cực |
| -Gọi HS đọc ghi nhớ |  | **\*Ghi nhớ : SGK tr 21** |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5’)** | | |
| Hướng dẫn HS làm bài luyện tập SGK tr 21 để củng cố kiến thức | -HS làm việc độc lập | **IV. Luyện tập**   * Nhận thức được sự nguy hiểm, tác hại của chiến tranh * Tự ý thức phải nâng cao trách nhiệm bản thân trong việc giữ gìn hòa bình |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (3’)** | | |
| Bản thân em và mọi người xung quanh đã làm những gì để góp phần bảo vệ hòa bình thế giới? | Trả lời |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (1 ‘)** | | |
| -Soạn bài : Các phương châm hội thoại |  |  |

**\*. Rút kinh nghiệm.**

.................................................................................................................................................................................................................................................................. \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Tuần Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 8:**

**CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (TIẾP)**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

Nắm được nội dung phương châm quan hệ, phương châm cách thức và phương châm lịch sử.

**2. Kỹ năng:**

- Biết vận dụng những phương châm này trong giao tiếp.

**3. Thái độ:**

- Trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

1. **Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, nghiên cứu tài liệu

**2. Học sinh:** Đọc ví dụ, trả lời các câu hỏi ở sgk

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong học bài mới

**3. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| 1. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)** | | |
| - 1 nhóm lên chuẩn bị 1 đoạn tiểu phẩm (có vi phạm PCHT)  🡪GV dẫn vào bài |  |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 20’)** | | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về phương châm quan hệ** |  | **I. Phương châm quan hệ** |
| - Cho HS trả lời các câu hỏi SGK tr 21  (Bảng phụ hoặc máy chiếu ) | -HS trả lời | **Bài 1:**  -TN này dùng để chỉ tình huống hội thoại mà trong đó mỗi người nói 1 đằng, không khớp với nhau, không hiểu nhau  -Nếu xuất hiện những tình huống hội thoại như thế thì con người sẽ không giao tiếp với nhau được và những hoạt động của XH sẽ trở nên rối loạn  **\*Khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài mà hội thoại đang đề cập, tránh nói lạc đề** |
| -Muốn biết 1 câu nói có tuân thủ phương châm quan hệ không ta cần chú ý đến điều gì? | -HS trả lời | -Ta cần biết thực sự người nói muốn nói điều gì qua câu đó. |
| GV: Đối với những câu nói bắt đầu cuộc hội thoại khi đề tài giao tiếp chưa được xác định rõ thì PCQH có thể chưa được đặt ra  +Trong quá trình hội thoại người tham gia có thể thay đổi đề tài, dùng ngôn ngữ có cách thức để báo hiệu sự thay đổi đó: Thôi , nói chuyện khác đi cho vui!; à này, còn chuyện hôm qua thì sao? | -HS nghe | **Chú ý** :Trong thực tế có những câu nói nếu chỉ xét theo nghĩa tường minh thì dường như câu đáp không tuân thủ phương châm quan hệ  VD: -Anh ơi, quả khế chín rồi kìa.  -Cành cây cao lắm  ->Người nghe hiểu và đáp lại câu nói theo hàm ý( nghĩa là phải thông qua suy luận mới biết được)  -> Phương châm quan hệ vẫn được tuân thủ |
| -Gọi HS đọc ghi nhớ SGK tr 21 | -HS đọc | **\*Ghi nhớ : SGK tr 21** |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu về phương châm cách thức** |  | **II. Phương châm cách thức** |
| -Cho HS trả lời các câu hỏi 1, 2 trong mục II tr 21, 22 | -HS trả lời | **Bài 2:**  -TN thứ nhất dùng để chỉ cách nói dài dòng, rườm rà. TN thứ 2 dùng để chỉ cách nói ấp úng, không thành lời, không rành mạch  -Những cách nói đó làm cho người nghe khó tiếp nhận hoặc tiếp nhận không đúng nội dung được truyền đạt. ->Giao tiếp không đạt kết quả mong muốn  **\*Khi giao tiếp, cần chú ý đến cách nói ngắn gọn, rành mạch** |
| GV: Trong nhiều tình huống giao tiếp, những yếu tố thuộc ngữ cảnh có thể giúp người nghe hiểu đúng ý của người nói. Tuy nhiên có trường hợp người nghe không biết nên hiểu ntn. | -HS nêu ý kiến câu hỏi 2 | -Câu trên có thể được hiểu theo 2 cách  + Nếu của ông ấy bổ nghĩa cho nhận định-> Tôi đồng ý với những nhận định của ông ấy về truyện ngắn  +Nếu bổ nghĩa cho truyện ngắn :Tôi đồng ý với những nhận định của 1 (~ ) người nào đó về truyện ngắn của ông ấy (truyện ngắn do ông ấy sáng tác)  **Khi giao tiếp nếu không vì 1 lý do nào đó đặc biệt thì không nên nói những câu mà người nghe có thể hiểu theo nhiều cách.** Bởi vì những câu nói đó khiến người nghe và người nói không hiểu nhau, gây trở ngại rất lớn cho quá trình giao tiếp |
| -Gọi HS đọc ghi nhớ tr 22 | -HS đọc | **\*Ghi nhớ : SGK tr 22** |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu về phương châm lịch sự** |  | **III. Phương châm lịch sự** |
| -Cho HS đọc truyện “Người ăn xin” và trả lời câu hỏi SGK tr 22 | -HS đọc và trả lời | **Bài 3**:  -Tuy cả 2 người đều không có của cải, tiền bạc gì nhưng cả 2 đều cảm nhận được tình cảm mà người kia đã dành cho mình, đặc biệt là tình cảm của cậu bé đối với ông ăn xin. Đối với 1 người ở hoàn cảnh bần cùng, cậu bé không hề tỏ ra khinh miệt,xa lánh mà vẫn có thái độ và lời nói hết sức chân thành, thể hiện sự tôn trọng và quan tâm đến người khác  **\*Trong giao tiếp, dù địa vị XH và hoàn cảnh của người đối thoại ntn đi nữa thì người nói cũng phải chú ý đến cách nói tôn trọng đối với người đó.** Không nên vì cảm thấy người đối thoại thấp kém hơn mình mà dùng những lời lẽ thiếu lịch sự |
| -Nêu quan điểm của em về vấn đề lịch sự ? | -HS trả lời | \*Chú ý: Lịch sự là 1 yêu cầu quan trọng trong quan hệ giữa người với người trong cuộc sống nói chung và trong giao tiếp nói riêng, thể hiện ở 2 phương diện chính:  +Khiêm tốn, không tự nhấn mạnh cái tôi quá mức  +Đề cao, quan tâm đến người khác; không làm phương hại đến thể diện, đến lĩnh vực riêng tư của người khác hoặc biết làm giảm nhẹ mức độ của những hành vi gây phương hại.  -Trong giao tiếp, yêu cầu về lịch sự được thể hiện qua phương châm lịch sự |
| -Gọi HS đọc ghi nhớ SGK tr 23 | -HS đọc | **\*Ghi nhớ :** SGK tr 23 |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (15’)** | | |
|  |  | **IV. Luyện tập** |
| Bài 1: Cho HS hiểu rõ về PCLS. Cho HS thảo luận lớp | HS thảo luận NHÓM 4 HS | **Bài 1**: Những câu TN và CD đó khẳng định vai trò của ngôn ngữ trong đời sống và khuyên ta trong giao tiếp nên dùng những lời lẽ lịch sự nhã nhặn  -VD: Chim khôn kêu tiếng rảnh rang  Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe  +Vàng thì thử lửa, thử than  Chuông kêu thử tiếng, người ngoan thử người  +Một câu nhịn chín câu lành…. |
| Bài 2: Cho HS tìm hiểu phép tu từ có liên quan đến phương châm lịch sự. Cho HS làm việc độc lập | HS làm việc độc lập | **Bài 2:** Phép tu từ từ vựng có liên quan trực tiếp là nói giảm nói tránh  VD: Thay vì nói bạn mình bị trượt 2 môn, nhiều HS nói là bị vướng 2 môn  +Thay vì nói bài viết của người khác dở ta nói là chưa được hay |
| Bài 3: Giúp HS biết lựa chọn cách nói phù hợp trong giao tiếp. HS làm miệng | HS làm miệng | **Bài 3**: Lần lượt chọn : nói mát, nói hớt, nói móc, nói leo, nói ra đầu ra đũa  -Các TN trên chỉ những cách nói liên quan đến phương châm lịch sự: a,b,c,d và phương châm cách thức : e |
| Bài 4: HS hiểu rõ hơn về cách ăn nói trong giao tíêp. Cho HS thảo luận lớp | HS thảo luận nhóm 2 | **Bài 4:**Đôi khi người ta dùng cách nói như vậy vì:  a)Khi người nói hỏi về 1 vấn đề không đúng vào đề tài mà 2 người đang trao đổi, tránh để người nghe hiểu là mình không tuân thủ phương châm quan hệ, người nói dùng nhiều cách diễn đạt trên  b)Trong giao tiếp đôi khi vì 1 lý do nào đó, người nói phải nói 1 điều mà người đó nghĩ là sẽ làm tổn thương thể diện người đối thoại. Để giảm nhẹ ảnh hưởng, tức là xuất phát từ việc chú ý tuân thủ phương châm lịch sự , người nói dùng những cách diễn đạt trên  c)Những cách nói này báo hiệu cho người đối thoại biết là người đó đã không tuân thủ phương châm lịch sự và phải chấm dứt sự không tuân thủ đó |
| Bài 5: Giúp HS biết sử dụng TN hợp phương châm hội thoại. Cho HS làm miệng | HS làm miệng | **Bài 5:**  -Nói băm nói bổ: nói bốp chát, xỉa xói, thô bạo( PC lịch sự)  -Nói như đấm vào tai: nói mạnh, trái ý người khác, khó tiếp thu( PC lịch sự )  -Điều nặng tiếng nhẹ: nói trách móc,chì chiết (PC lịch sự )  -Nửa úp, nửa mở : nói mập mờ, ỡm ờ, không nói ra hết ý (PC cách thức)  -Mồm loa mép giải: lắm lời, đanh đá, nói át người khác (PC lịch sự )  -Đánh trống lảng: lảng ra, né tránh không muốn tham dự vào nào đó, không muốn đề cập đến 1 vấn đề nào đó mà người đối thoại đang trao đổi( PC quan hệ )  -Nói như dùi đục chấm mắm cáy: nói không khéo, thô cộc, thiếu tế nhị (PC lịch sự) |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (4’)** | | |
| Từ bài học trên, em rút ra điều gì cho bản thân khi giao tiếp? | Trả lời |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (1’)** | | |
| -Soạn bài :Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh | Ghi chép |  |

**\*. Rút kinh nghiệm.**

.................................................................................................................................................................................................................................................................. \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Tuần Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 9:**

**SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

Giúp học sinh hiểu được văn bản thuyết minh có khi phải kết hợp với yếu tố miêu tả thì văn bản mới hay.

**2. Kỹ năng:**

- Viết bài văn thuyết minh có sử dụng yếu tố miêu tả.

**3. Thái độ:**

- Học tập nghiêm túc

1. **Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên:** Đọc bài, soạn giáo án, xem các tài liệu về cây chuối.

**2. Học sinh:** Đọc văn bản, trả lời các câu hỏi ở sgk.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong học bài mới

**3. Bài mới:**.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| 1. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3’)** | | |
| - 1 nhóm lên chuẩn bị 1 đoạn tiểu phẩm (có vi phạm PCHT)  🡪GV dẫn vào bài |  |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 20’)** | | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về phương châm quan hệ** |  | **I. Phương châm quan hệ** |
| - Cho HS trả lời các câu hỏi SGK tr 21  (Bảng phụ hoặc máy chiếu ) | -HS trả lời | **Bài 1:**  -TN này dùng để chỉ tình huống hội thoại mà trong đó mỗi người nói 1 đằng, không khớp với nhau, không hiểu nhau  -Nếu xuất hiện những tình huống hội thoại như thế thì con người sẽ không giao tiếp với nhau được và những hoạt động của XH sẽ trở nên rối loạn  **\*Khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài mà hội thoại đang đề cập, tránh nói lạc đề** |
| -Muốn biết 1 câu nói có tuân thủ phương châm quan hệ không ta cần chú ý đến điều gì? | -HS trả lời | -Ta cần biết thực sự người nói muốn nói điều gì qua câu đó. |
| GV: Đối với những câu nói bắt đầu cuộc hội thoại khi đề tài giao tiếp chưa được xác định rõ thì PCQH có thể chưa được đặt ra  +Trong quá trình hội thoại người tham gia có thể thay đổi đề tài, dùng ngôn ngữ có cách thức để báo hiệu sự thay đổi đó: Thôi , nói chuyện khác đi cho vui!; à này, còn chuyện hôm qua thì sao? | -HS nghe | **Chú ý** :Trong thực tế có những câu nói nếu chỉ xét theo nghĩa tường minh thì dường như câu đáp không tuân thủ phương châm quan hệ  VD: -Anh ơi, quả khế chín rồi kìa.  -Cành cây cao lắm  ->Người nghe hiểu và đáp lại câu nói theo hàm ý( nghĩa là phải thông qua suy luận mới biết được)  -> Phương châm quan hệ vẫn được tuân thủ |
| -Gọi HS đọc ghi nhớ SGK tr 21 | -HS đọc | **\*Ghi nhớ : SGK tr 21** |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu về phương châm cách thức** |  | **II. Phương châm cách thức** |
| -Cho HS trả lời các câu hỏi 1, 2 trong mục II tr 21, 22 | -HS trả lời | **Bài 2:**  -TN thứ nhất dùng để chỉ cách nói dài dòng, rườm rà. TN thứ 2 dùng để chỉ cách nói ấp úng, không thành lời, không rành mạch  -Những cách nói đó làm cho người nghe khó tiếp nhận hoặc tiếp nhận không đúng nội dung được truyền đạt. ->Giao tiếp không đạt kết quả mong muốn  **\*Khi giao tiếp, cần chú ý đến cách nói ngắn gọn, rành mạch** |
| GV: Trong nhiều tình huống giao tiếp, những yếu tố thuộc ngữ cảnh có thể giúp người nghe hiểu đúng ý của người nói. Tuy nhiên có trường hợp người nghe không biết nên hiểu ntn. | -HS nêu ý kiến câu hỏi 2 | -Câu trên có thể được hiểu theo 2 cách  + Nếu của ông ấy bổ nghĩa cho nhận định-> Tôi đồng ý với những nhận định của ông ấy về truyện ngắn  +Nếu bổ nghĩa cho truyện ngắn :Tôi đồng ý với những nhận định của 1 (~ ) người nào đó về truyện ngắn của ông ấy (truyện ngắn do ông ấy sáng tác)  **Khi giao tiếp nếu không vì 1 lý do nào đó đặc biệt thì không nên nói những câu mà người nghe có thể hiểu theo nhiều cách.** Bởi vì những câu nói đó khiến người nghe và người nói không hiểu nhau, gây trở ngại rất lớn cho quá trình giao tiếp |
| -Gọi HS đọc ghi nhớ tr 22 | -HS đọc | **\*Ghi nhớ : SGK tr 22** |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu về phương châm lịch sự** |  | **III. Phương châm lịch sự** |
| -Cho HS đọc truyện “Người ăn xin” và trả lời câu hỏi SGK tr 22 | -HS đọc và trả lời | **Bài 3**:  -Tuy cả 2 người đều không có của cải, tiền bạc gì nhưng cả 2 đều cảm nhận được tình cảm mà người kia đã dành cho mình, đặc biệt là tình cảm của cậu bé đối với ông ăn xin. Đối với 1 người ở hoàn cảnh bần cùng, cậu bé không hề tỏ ra khinh miệt,xa lánh mà vẫn có thái độ và lời nói hết sức chân thành, thể hiện sự tôn trọng và quan tâm đến người khác  **\*Trong giao tiếp, dù địa vị XH và hoàn cảnh của người đối thoại ntn đi nữa thì người nói cũng phải chú ý đến cách nói tôn trọng đối với người đó.** Không nên vì cảm thấy người đối thoại thấp kém hơn mình mà dùng những lời lẽ thiếu lịch sự |
| -Nêu quan điểm của em về vấn đề lịch sự ? | -HS trả lời | \*Chú ý: Lịch sự là 1 yêu cầu quan trọng trong quan hệ giữa người với người trong cuộc sống nói chung và trong giao tiếp nói riêng, thể hiện ở 2 phương diện chính:  +Khiêm tốn, không tự nhấn mạnh cái tôi quá mức  +Đề cao, quan tâm đến người khác; không làm phương hại đến thể diện, đến lĩnh vực riêng tư của người khác hoặc biết làm giảm nhẹ mức độ của những hành vi gây phương hại.  -Trong giao tiếp, yêu cầu về lịch sự được thể hiện qua phương châm lịch sự |
| -Gọi HS đọc ghi nhớ SGK tr 23 | -HS đọc | **\*Ghi nhớ :** SGK tr 23 |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (15’)** | | |
|  |  | **IV. Luyện tập** |
| Bài 1: Cho HS hiểu rõ về PCLS. Cho HS thảo luận lớp | HS thảo luận NHÓM 4 HS | **Bài 1**: Những câu TN và CD đó khẳng định vai trò của ngôn ngữ trong đời sống và khuyên ta trong giao tiếp nên dùng những lời lẽ lịch sự nhã nhặn  -VD: Chim khôn kêu tiếng rảnh rang  Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe  +Vàng thì thử lửa, thử than  Chuông kêu thử tiếng, người ngoan thử người  +Một câu nhịn chín câu lành…. |
| Bài 2: Cho HS tìm hiểu phép tu từ có liên quan đến phương châm lịch sự. Cho HS làm việc độc lập | HS làm việc độc lập | **Bài 2:** Phép tu từ từ vựng có liên quan trực tiếp là nói giảm nói tránh  VD: Thay vì nói bạn mình bị trượt 2 môn, nhiều HS nói là bị vướng 2 môn  +Thay vì nói bài viết của người khác dở ta nói là chưa được hay |
| Bài 3: Giúp HS biết lựa chọn cách nói phù hợp trong giao tiếp. HS làm miệng | HS làm miệng | **Bài 3**: Lần lượt chọn : nói mát, nói hớt, nói móc, nói leo, nói ra đầu ra đũa  -Các TN trên chỉ những cách nói liên quan đến phương châm lịch sự: a,b,c,d và phương châm cách thức : e |
| Bài 4: HS hiểu rõ hơn về cách ăn nói trong giao tíêp. Cho HS thảo luận lớp | HS thảo luận nhóm 2 | **Bài 4:**Đôi khi người ta dùng cách nói như vậy vì:  a)Khi người nói hỏi về 1 vấn đề không đúng vào đề tài mà 2 người đang trao đổi, tránh để người nghe hiểu là mình không tuân thủ phương châm quan hệ, người nói dùng nhiều cách diễn đạt trên  b)Trong giao tiếp đôi khi vì 1 lý do nào đó, người nói phải nói 1 điều mà người đó nghĩ là sẽ làm tổn thương thể diện người đối thoại. Để giảm nhẹ ảnh hưởng, tức là xuất phát từ việc chú ý tuân thủ phương châm lịch sự , người nói dùng những cách diễn đạt trên  c)Những cách nói này báo hiệu cho người đối thoại biết là người đó đã không tuân thủ phương châm lịch sự và phải chấm dứt sự không tuân thủ đó |
| Bài 5: Giúp HS biết sử dụng TN hợp phương châm hội thoại. Cho HS làm miệng | HS làm miệng | **Bài 5:**  -Nói băm nói bổ: nói bốp chát, xỉa xói, thô bạo( PC lịch sự)  -Nói như đấm vào tai: nói mạnh, trái ý người khác, khó tiếp thu( PC lịch sự )  -Điều nặng tiếng nhẹ: nói trách móc,chì chiết (PC lịch sự )  -Nửa úp, nửa mở : nói mập mờ, ỡm ờ, không nói ra hết ý (PC cách thức)  -Mồm loa mép giải: lắm lời, đanh đá, nói át người khác (PC lịch sự )  -Đánh trống lảng: lảng ra, né tránh không muốn tham dự vào nào đó, không muốn đề cập đến 1 vấn đề nào đó mà người đối thoại đang trao đổi( PC quan hệ )  -Nói như dùi đục chấm mắm cáy: nói không khéo, thô cộc, thiếu tế nhị (PC lịch sự) |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5’)** | | |
| Từ bài học trên, em rút ra điều gì cho bản thân khi giao tiếp? | Trả lời |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (1’)** | | |
| -Soạn bài :Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh | Ghi chép |  |

**\*. Rút kinh nghiệm.**

................................................................................................................................................................................................................................................................. \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Tuần Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 10:**

**LUYỆN TẬP SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được tác dụng của yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.

**2. Kỹ năng:**

- Biết sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.

**4. Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, nghiên cứu tài liệu.

**2. Học sinh:** Chuẩn bị phần chuẩn bị ở nhà

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong học bài mới

**3. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3’)** | | |
| Giới thiệu 1 đoạn video thuyết minh | Quan sát |  |
| B. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (30’)** | | |
| **Hoạt động 1**: Thực hành về việc tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý |  | **Đề bài: Con trâu ở làng quê Việt Nam** |
| - Cho HS đọc lại đề bài | -HS đọc |  |
| -Đề yêu cầu trình bày vấn đề gì? Đối với đề văn này, cần phải trình bày những ý gì? | - HS trả lời | **-Yêu cầu:** Trình bày con trâu trong đời sống làng quê VN  -Cần trình bày vị trí, vai trò của con trâu trong đời sống của người nông dân, trong nghề nông của người VN |
| - Cho HS thảo luận nhóm lập dàn ý  - Các nhóm cử người trình bày  - GV chốt ý | HS thảo luận nhóm 4 HS | \* Dàn ý:  **MB**:Giới thiệu chung về con trâu trên đồng ruộng VN TB -Con trâu trong nghề làm ruộng: là sức kéo để cày, bừa, kéo xe, trục lúa  -Con trâu trong lễ hội, đình đám  -Con trâu – nguồn cung cấp thịt, da để thuộc, sừng trâu dùng để làm đồ mỹ nghệ  -Con trâu là tài sản lớn của người nông dân VN  -Con trâu và trẻ chăn trâu, việc chăn nuôi trâu  KB: Con trâu trong tình cảm của người nông dân |
| **Hoạt động 2** **Luyện tập sử dụng yếu tố MT trong VB TM** |  |  |
| -Cho HS viết MB vừa có nội dung TM, vừa có yếu tố MT con trâu ở làng quê VN | -HS viết | **\*Gợi ý :**  -Viết MB:  +Có thể MB bằng cách giới thiệu: ở VN đến bất kỳ miền quê nào đều thấy hình bóng con trâu trên đồng ruộng  +MB bằng cách giới thiệu mấy câu TN, ca dao về trâu: Con trâu là đầu cơ nghiệp  Trâu ơi ta bảo trâu này…  +Bắt đầu bằng đoạn tả cảnh trẻ em chăn trâu, cho trâu tắm, trâu ăn cỏ…  Từ đó dẫn ra vị trí của con trâu trong đời sống nông thôn VN |
| +Gọi 1 số HS đọc | - HS đọc |  |
| +GV chữa bài cho HS |  |  |
| -Cho HS viết đoạn giới thiệu con trâu trong việc làm ruộng  -Gọi HS trình bài  -Cho HS chữa bài cho bạn  -GV chữa bài cho HS | -HS viết | * Viết đoạn giới thiệu con trâu trong việc làm ruộng   Gợi ý : Chú ý những ý phải thuyết minh  -Trâu cày, bừa ruộng, kéo xe, chở lúa,trục lúa  -Cần phải giới thiệu từng loại việc và có sự miêu tả con trâu trong từng việc đó |
| -Tương tự cho HS viết đoạn giới thiệu trâu trong 1 số lễ hội; con trâu với tuổi thơ ở nông thôn | -HS viết | * Viết đoạn giới thiệu trâu trong 1 số lễ hội   Có thể giới thiệu hội chọi trâu hay đâm trâu |
| -Cho HS viết đoạn kết bài | -HS viết | * Viết đoạn giới thiệu con trâu với tuổi thơ ở nông thôn:   Giới thiệu cảnh chăn trâu, con trâu ung dung gặm cỏ là 1 hình ảnh đẹp của cuộc sống thanh bình ở làng quê VN. Chú ý MT cảnh trẻ em chăn trâu, hình ảnh những con trâu cần cù gặm cỏ |
| 1. **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (10’)** | | |
| Viết đoạn văn ngắn có sử dụng yếu tố miêu tả thuyết minh về công dụng của chiếc bút bi. | Làm cá nhân |  |
| 1. **HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (1’)** | | |
| -Soạn bài : Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em | Ghi chép |  |

**\*. Rút kinh nghiệm.**

.................................................................................................................................................................................................................................................................. \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 11:**

**TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN,**

**QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM.**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1.Kiến thức:***

- Hiếu thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay.

- Hiểu tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em hiện nay, sự chăm sóc của cộng đồng quốc tế.

***2. Kỹ năng:*** Rèn luỵên kỹ năng đọc, phân tích văn bản nhật dụng chính trị xã hội.

***3. Thái độ:*** Giáo dục ý thức trách nhiệm và quyền của trẻ em.

**-** Từ nội dung bài học học sinh thấy được tầm quan trọng của hợp tác quốc tế trong vấn đề bảo vệ trẻ em, ý thức được những quyền lợi và nghĩa vụ của bản thân.

**4. Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thong.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ:**

***1. Giáo viên*:** Đọc bài, soạn giáo án.

***2. Học sinh:*** Đọc văn bản + trả lời câu hỏi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

***1. Ổn định tổ chức: (1’)***

***2. Kiểm tra bài cũ:*** Lồng ghép trong dạy bài mới

***3. Bài mới:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)** | | |
| Cho học sinh xem đoạn video về quyền trẻ em.  Từ đoạn video GV dẫn vào bài | HS xem |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (30’)** | | |
| **HĐ1. Tìm hiểu chung** |  | **I. Tìm hiểu chung.** |
| Yêu cầu: Đọc rõ ràng, mạch lạc |  | ***1. Đọc văn bản*** |
| Gọi học sinh đọc các chú thích ở sgk | HS đọc | ***2. Chú thích*** |
|  |  | ***3. Kiểu loại văn bản, phương thức biểu đạt.*** |
| ? Xác định kiểu loại văn bản? | HS trả lời | - Văn bản nhật dụng |
| ? Phương thức biểu đạt chính? |  | *-* Nghị luận chính trị xã hội |
|  |  | ***4. Bố cục văn bản*** |
| ? Cho biết bố cục của văn bản? |  | - Ba phần |
|  |  | + Sự thách thức: Nêu lên những thực tế, những con số về cuộc sóng khổ cực trên nhiều mặt, về tình trạng bị rơi vào hiểm hoạ của nhiều trẻ em trên thế giới. |
|  |  | + Cơ hội: Khẳng định những điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế có thể đẩy mạnh việc chăm sóc bảo vệ trẻ em. |
|  |  | - Nhiệm vụ: Xác định nhiệm vụ cụ thể mà từng quốc gia và cả cộng đồng quốc tế cần làm vì sự sống còn, phát triển của trẻ em. |
| **HĐ2. Tìm hiểu văn bản** |  | **II. Tìm hiểu văn bản** |
| ? Đặc điểm tâm sinh lý? Quyền của trẻ em? | HS trả lời | ***1. Sự thách thức:*** |
| ? Trẻ em trên thế giới hiện nay đang rơi vào hiểm hoạ gì? |  | - Trở thành nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, sự phân biệt chủng tộc, sự xâm lược và thôn tính. |
|  |  | - Nạn nhân của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, vô gia cư, dịch bệnh, mù chữ, ô nhiễm môi trường. |
|  |  | - Nhiều trẻ em chết mỗi ngày do suy dinh dưỡng và dịch bệnh. |
| ? Sự thách thức (khó khăn trước mắt cần vượt qua) | HS trả lời |  |
| ? Em có nhận xét gì về cách trình bày của tác giả? |  | - Cách trình bày ngắn gọn, rõ ràng. Mục 3 có vai trò chuyển đoạn còn mục 7 kết luận lại vấn đề. |
| ? Qua cách lập luận đó cho thấy tình trạng chung của trẻ em thế giới là gì? | HS trả lời | - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục.  => Trẻ em thế giới đang đứng trước nguy cơ rơi vào hiểm họa về nhiều mặt. |
| ? Trẻ em Việt Nam có cùng đứng trước những thách thức đó không? (HS giỏi)  ? Liên hệ bản thân? | HS trả lời  HS liên hệ |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | ***2. Những cơ hội*** |
| Gọi 1 học sinh đọc phần 2  ? Em hãy tóm tắt những điều kiện thuận lợi đã nêu ở mục 8, 9. | HS tóm tắt | Sự liên kết của các quốc gia, ý thức cao của cộng đồng quốc tế trong việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em. |
|  |  | - Đã có công ước về quyền trẻ em làm cơ sở, tạo ra một cơ hội mới. |
|  |  | - Sự đoàn kết và hợp tác quốc tế ngày càng cao. |
| ? Ở nước ta hiện nay đã có những điều kiện gì để bảo vệ và chăm sóc trẻ em? (HS giỏi)  ? Nhận xét về những cơ hội? | HS trả lời | - Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến vấn đề chăm sóc và bảo vệ trẻ em.  - Các bậc phụ huynh đã ý thức và đặc biệt quan tâm đến sự phát triển của con cái => Thế giới có rất nhiều cơ hội |
|  |  | ***3. Những nhiệm vụ*** |
| Gọi 1 học sinh đọc phần nhiệm vụ. | HS đọc |  |
| ? Những nhiệm vụ đặt ra cho việc bảo vệ và chăm sóc trẻ em là gì? | HS trả lời | - Tăng cường sức khoẻ và chế độ dinh dưỡng, giảm tỷ lệ tử vong. |
|  |  | - Quan tâm đến trẻ em tàn tật và những em có hoàn cảnh khó khăn. |
|  |  | - Đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ |
|  |  | - Phát triển giáo dục cho trẻ em. |
|  |  | - Chăm sóc sức khoẻ của bà mẹ mang thai. |
|  |  | - Giáo dục tính tự lập và tinh thần trách nhiệm ở trẻ. |
|  |  | - Đảm bảo sự tăng trưởng, phát triển của các quốc gia. |
| ? Để thực hiện những nhiệm vụ đó cần có yêu cầu gì? | HS trả lời | => Các nước phải có sự nổ lực, hợp tác với nhau trong hành động của mỗi nước cũng như trong hợp tác quốc tế. |
| ? Em có nhận xét gì về bố cục chung của văn bản? |  | - Tính chặt chẽ, hợp lý cao. |
| **Hoạt động 2. Tổng kết** |  | **III. Tổng kết** |
| ? Qua bản tuyên bố em nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em, sự quan tâm của cộng đồng quốc tế đối với vấn đề này? | HS trả lời | ***1. Nội dung***  - Trẻ em là tương lai của đất nước, nhân loại. Thể hiện trình độ phát triển của đất nước, một xã hội, thể hiện một thể chế chính trị cao hay thấp, tiến bộ hay lạc hậu, nhân ái hay phản động. Trẻ em cần được cộng đồng quốc tế dành sự quan tâm thích đáng, toàn diện. |
|  |  | ***2. Nghệ thuật*** |
| ? Nghệ thuật của văn bản? |  | - Lập luận chặt chẽ, rõ ràng |
|  |  | - Dẫn chứng, số liệu cụ thể, thuyết phục. |
|  |  |  |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (4’)** | | |
| Cho học sinh trả lời miệng bài tập trong SGK | HS trả lời cá nhân |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (4’)** | | |
| GV chia nhóm lớn thảo luận  ? Nếu sự quan tâm của chính quyền địa phương? | HS liên hệ thực tiễn thảo luận nhóm và trả lời |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, VẬN DỤNG (1’)** | | |
| - Xem kỹ nội dung các phần, sự thách thức, cơ hội, nhiệm vụ.  - Nắm nội dung, nghệ thuật của văn bản  - Soạn văn bản: Chuỵên người con gái Nam Xương. |  |  |

**\*.Rút kinh nghiệm**

**.........................................................................................................................................................................................................**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 12:**

**CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI *(Tiếp)***

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:** Hiểu được mối quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp.

**2. Kỹ năng:** Vận dụng có hiệu quả các phương châm hội thoại vào giao tiếp.

**3. Thái độ**: Lịch sự khi giao tiếp

- Học sinh biết vận dụng các phương châm hội thoại phù hợp trong tình huống giao tiếp.

1. **Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thong.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ:**

***1. Giáo viên*:** Đọc bài, soạn giáo án.

***2. Học sinh:*** Đọc văn bản + trả lời câu hỏi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

***1. Ổn định tổ chức: (1’)***

***2. Kiểm tra bài cũ:*** Lồng ghép trong dạy bài mới

***3. Bài mới:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (4’)** | | |
| Xem tiểu phẩm  Yêu cầu 1 nhóm lên trinh bày tiểu phẩm về việc không tuân thủ phương châm hội thoại  GV vào bài mới | Xem và đưa ra nhận xét |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25’)** | | |
| **HĐ1. Tìm hiểu** **quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp.** |  | **I. Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp.** |
|  |  | ***1. Ví dụ*** |
| Gọi học sinh đọc ví dụ ở sgk | HS đọc |  |
|  |  | ***2. Nhận xét*** |
| ? Nhân vật chàng rễ đã tuân thủ đúng phương châm lịch sự chưa? Tại sao? | HS trả lời | - Tuân thủ phương châm lịch sự  - Lễ phép, quan tâm người khác. |
| ? Sự lịch sự đó có đúng chổ, đúng lúc không? Vì sao? | HS trả lời | - Lịch sự không đúng lúc vì người được hỏi đang ở mãi trên cao, phải tụt xuống đất để trả lời một câu hỏi, câu chào của anh ta. |
| ? Từ câu chuyện trên em rút ra bài học gì trong giao tiếp? | HS trả lời | => Trong giao tiếp không chỉ tuân thủ các phương châm hội thoại mà còn phải nắm được các tình huống giao tiếp như: Nói với ai? Nói ở đâu? Nhằm mục đích gì? |
| Gọi 1 học sinh đọc ghi nhớ. |  | ***3. Ghi nhớ (sgk)*** |
| **HĐ2. Tìm hiểu những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại.** |  | **II. Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại.** |
| Cho học sinh xem lại các ví dụ. Trong các ví dụ đó, ví dụ nào người nói đã tuân thủ phương châm hội thoại? | HS đọc | - Ví dụ về phương châm lịch sự tuân thủ phương châm hội thoại, còn lại không tuân thủ. |
| Gọi học sinh đọc đoạn đối thoại. |  |  |
| ? Câu trả lời của Ba có đáp ứng được câu hỏi của An không? |  | - Không |
| ? Trong tình huống này phương châm hội thoại nào không được tuân thủ? | HS trả lời | - Phương châm về lượng: Không cung cấp đủ thông tin mà An hỏi. |
| ? Vì sao Ba không tuân thủ phương châm hội thoại đó? | HS trả lời | - Vì Ba không biết chính xác chiếc máy bay đó được sản xuất năm nào, để tuân thủ phương châm về chất (không nói điều mà mình không có bằng chứng xác thực) nên Ba trả lời chung chung. |
| ? Khi Bác sĩ nói với một người mắc bệnh…? | HS trả lời | -Không tuân thủ phương châm về chất |
| ? Vì sao Bác sĩ lại vi phạm? | HS trả lời | - Vì không muốn bệnh nhân quá lo lắng. |
| ? Nêu tình huống tương tự? |  | - Người chiến sĩ rơi vào tay giặc |
|  |  | - Nhận xét lực học của bạn. |
| ? Khi nói: “Tiền bạc chỉ là tiền bạc” có phải người nói không tuân thủ phương châm về lượng không? Phải hiểu ý câu này như thế nào? | Thảo luận nhóm | Hiển ngôn: Vi phạm  Hàm ngôn: Nó vẫn bảo đảm tuân thủ phương châm về lượng.  Nghĩa: Tiền bạc chỉ là phương tiện để sống, chứ không phải mục đích cuối cùng của con người… răn dạy người ta không nên chạy theo tiền bạc mà quên đi nhiều thứ khác quan trọng hơn, thiêng liêng hơn trong cuộc sống. |
| ? Như vậy, những trường hợp nào có thể vi phạm phương châm hội thoại? | HS trả lời | \* Ghi nhớ |
| Gọi 1 học sinh đọc ghi nhớ? | HS đọc |  |
|  |  |  |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (7’)** | | |
| **HĐ3. Luyện tập** |  | **III. Luyện tập** |
| Gọi học sinh đọc bài tập 1 |  | Bài 1: Ông bố vi phạm phương châm cách thức vì đứa bé 5 tuổi không thể biết đâu là “tuyển tập….” |
|  |  | Bài 2: |
| Chân, Tay vi phạm phương châm nào? Vì sao? |  | - Phương châm lịch sự.  - Vì đang bất hoà với lão Miệng. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (7’)** | | |
| GV tổ chức hoạt động nhóm  Hãy lấy vd trong thực tế về việc tuân thủ phương châm hội thoại. Từ đó rút ra bài học gì? | Hoạt động nhóm |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Nắm được 5 phương châm hội thoại.  - Tình huống không tuân thủ phương châm hội thoại.  - Làm lại 2 bài tập ở sgk  - Xem bài: Xưng hô trong hội thoại. |  |  |

**IV. Rút kinh nghiệm.**

.................................................................................................................................................................................................................................................................. \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 13, 14:**

**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức:***

- Giúp học sinh viết được một văn bản thuyết minh trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả và các biện pháp nghệ thuật.

***2. Kỹ năng:***

- Diễn đạt, thu nhập tài liệu, chọn lọc hình ảnh, sử dụng các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả.

**-** Học sinh biết vận dụng để viết được những bài văn thuyết minh mang tính sáng tạo, nghệ thuật cao.

**3. Thái độ:**

- Ôn tập, làm bài nghiêm túc, cẩn thận, chủ động, sáng tạo.

**4. Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; **- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Chọn đề, định hướng cho học sinh.

**2. Học sinh:** Xem các đề văn ở sgk, chọn các tài liệu cho bài làm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra sự chuẩn bị của HS**

**3. Bài mới**

**HĐ1. Phát đề**

**HĐ2. Kiểm tra:** Đề bài và đáp án như sổ lưu đề.

* GV theo dõi HS làm bài, nhắc nhở những HS chưa nghiêm túc.

**HĐ3**: Thu bài

***4. Củng cố:***

- Giáo viên nhận xét chung.

***5. Hướng dẫn về nhà:***

- Xem lại các đề ở sgk

- Lập dàn ý cho những đề văn đó.

**\*. Rút kinh nghiệm:**

.................................................................................................................................

................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 15:**

**CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

**(Trích Truyền kỳ mạn lục - *Nguyễn Dữ)***

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức:**

- Giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp truyền thống trong tâm hồn người phụ nữ Việt Nam qua nhân vật Vũ Nương.

- Thấy rõ số phận oan trái của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến.

- Thấy rõ nghệ thuật dựng truỵên của tác giả, sự kết hợp giữa các yếu tố kỳ ảo với những tình tiết có thực tạo nên vẻ đẹp riêng.

**2. Kỹ năng:**

- Tóm tắt tác phẩm tự sự và phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự.

**3. Thái độ:** Giáo dục tình cảm yêu thương, cảm thông với những số phận bất hạnh.

**-** Từ nội dung câu chuyện học sinh có thể thấy được số phận bất hạnh của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến từ đó bày tỏ lòng cảm thông chân thành đối với họ. Và bản thân các em có sự cố gắng vươn lên trong cuộc sống.

**4. Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thong.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên:** Đọc nghiên cứu tài liệu + soạn bài.

**2. Học sinh:** Đọc và trả lời câu hỏi ở sgk.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong dạy bài mới

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3’)** | | |
| GV cho học sinh hát 1 bài hát về người phụ nữ  GV Giới thiệu vào bài | Cả lớp hát |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (27’)** | | |
| **HĐ1. Tìm hiểu chung** |  | **I. Tìm hiểu chung** |
|  |  | ***1. Tác giả - tác phẩm*** |
| Gọi học sinh đọc chú thích ở sgk |  | a. Tác giả |
| ? Tóm tắt những nét chính về tác giả, tác phẩm?  Em hiểu thêm những gì về tác giả Nguyễn Dữ (HS giỏi) | HS tóm tắt | Nguyễn Dữ là một người học rộng, tài cao, nhưng ông chỉ làm quan một năm rồi xin nghỉ về nuôi mẹ già và viết sách, sống ẩn dật như các trí thức đường thời. |
|  |  | b. Tác phẩm: |
|  |  | Truyền kỳ mạn lục là một tác phẩm gồm 20 truyện, được viết bằng chữ Hán, khai thác các truyện dân gian và truyền thuyết lịch sử. Nhân vật là người phụ nữ bất hạnh trong xã hội cũ hoặc những trí thức bất mãn với thời cuộc và các truyện thường có thêm yếu tố hoang đường, kỳ ảo. |
|  |  | ***2. Đọc văn bản*** |
| Yêu cầu: Đọc mạch lạc, rõ ràng, diễn cảm | HS đọc |  |
| Giáo viên đọc -> Học sinh đọc -> nhận xét. |  |  |
| Gọi học sinh đọc một số chú thích. |  | ***3. Chú thích*** |
|  |  | ***4. Thể loại: Truyền kỳ*** |
| ? Hãy cho biết bố cục của văn bản | HS trả lời | ***5. Bố cục*** |
|  |  | Ba đoạn |
|  |  | Đoạn 1: Từ đầu -> Cha mẹ đẻ mình |
|  |  | => Vũ Thị Thiết lấy chồng và phẩm hạnh của nàng khi xa chồng. |
|  |  | Đoạn 2: Tiếp -> Trót đã qua rồi => Nỗi oan khuất và cái chết bi thảm của Vũ Nương. |
|  |  | Đoạn 3: Còn lại -> Cuộc gặp gỡ của Long và Vũ Nương được giải oan. |
| ? Qua tìm hiểu bố cục em hãy nêu lên đại ý chung của bài? | HS trả lời | Chuyện kể về số phận oan nghiệt của một người phụ nữ có nhan sắc, đức hạnh dưới chế độ phong kiến. Chỉ vì lời nói ngây thơ của trẻ mà bị nghi oan phải tìm đến cái chết để tỏ tấm lòng trong sạch. Tác phẩm thể hiện mong ước ngàn đời của người dân ở hiền gặp lành. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (6’)** | | |
| - Xác định ngôi kể của văn bản? Tác dụng?  - Thuyết minh về tác giả | HS trả lời  HS thuyết minh |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (8’)** | | |
| Tổ chức thảo luận nhóm  - Liên hệ trong chương trình đã học những văn bản nào cũng đề cập đến số phận người phụ nữ.  - Trong thực tế cuộc sống, vai trò của người phụ nữ ntn? | Thảo luận nhóm, trả lời |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, VẬN DỤNG (1’)** | | |
| - Đọc văn bản  - Phân tích nhân vật Vũ Nương, Trương Sinh  - Tóm tắt văn bản, Nội dung - nghệ thuật. |  |  |

**\*. Rút kinh nghiệm:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Tuần Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 16:**

**CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG (T2)**

**(Trích Truyền kỳ mạn lục - *Nguyễn Dữ)***

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp truyền thống trong tâm hồn người phụ nữ Việt Nam qua nhân vật Vũ Nương.

- Thấy rõ số phận oan trái của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến.

- Thấy rõ nghệ thuật dựng truỵên của tác giả, sự kết hợp giữa các yếu tố kỳ ảo với những tình tiết có thực tạo nên vẻ đẹp riêng.

**2. Kỹ năng:**

Tóm tắt tác phẩm tự sự và phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự.

**3. Thái độ:** Giáo dục tình cảm yêu thương, cảm thông với những số phận bất hạnh.

**-** Từ nội dung câu chuyện học sinh có thể thấy được số phận bất hạnh của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến từ đó bày tỏ lòng cảm thông chân thành đối với họ. Và bản thân các em có sự cố gắng vươn lên trong cuộc sống.

**4. Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thong.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Đọc nghiên cứu tài liệu + soạn bài.

**2. Học sinh:** Đọc và trả lời câu hỏi ở sgk.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong dạy bài mới

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
|  |  |  |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (4’)** | | |
| Tổ chức trò chơi “Chiếc hộp bí mật”  GV chuẩn bị trong chiếc hộp có 5 câu hỏi, quản trò cầm chiếc hộp đưa cho 1 HS bất kì, cả lớp đồng thanh hát, lời hát dừng ở HS nào, học sinh đó sẽ mở chiếc hộp và trả lời câu hỏi gắp thăm được. Lần lượt cho tới hết 5 câu | HS chơi theo HD của giáo viên |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (27’)** | | |
| **HĐ1. Tìm hiểu văn bản**  GV: Đây là một văn bản tự sự có nhân vật, cốt truyện và các tình tiết. Vậy ta nên phân tích theo hướng nào? | HS trả lời | **II. Tìm hiểu văn bản**  ***1. Nhân vật Vũ Nương*** |
|  |  | \* Khi sống với chống |
| ? Mở đầu truyện nhân vật Vũ Nương đã được tác giả giới thiệu như thế nào? | HS trả lời | - Là cô gái xinh đẹp, nết na |
| ? Về làm vợ chàng Trương nàng tỏ ra là người như thế nào? | HS trả lời | Về làm vợ chàng Trương:  - Luôn giữ gìn khuôn phép, không để xảy đến bất hoà. |
| ? Khi tiễn chồng ra trận nàng bày tỏ những gì? |  | \* Khi chồng đi xa:  - Không mong đeo ấn phong hầu, áo gấm trở về, chỉ xinh ngày về hai chữ bình yên… |
| ? Qua lời dặn dò ấy giúp ta hiểu thêm những gì về người phụ nữ ấy? **(HS giỏi)** | HS trả lời | - Thông cảm, lo lắng và khắc khoải chờ chồng. |
| ? Trong thời gian chồng ra trận Vũ Nương ở nhà sống như thế nào? |  | - Buồn, cô đơn, nhớ mong chồng  - Chăm sóc mẹ chồng chu đáo. |
| ? Qua lời trăn trối của bà cụ cho biết thêm những gì về Vũ Nương? | HS trả lời | -> Là người vợ hiền thục, người con hiếu thảo. |
|  |  | \* Nỗi oan của Vũ Nương |
| ? Nguyên nhân dẫn đến nỗi oan của Vũ Nương? | HS trả lời | - Chàng Trương đa nghi  - Lời nói vô tư của con trẻ. |
| ? Vì sao nàng quyết định tìm đến cái chết? Đó có phải là suy nghĩ bồng bột? | HS trả lời | - Tìm đến cái chết để giải bày oan ức và bảo vệ danh dự. |
| ? Vì sao khi được Linh Phi cứu rồi về động rùa nàng không muốn trở về với chồng con? | HS trả lời | - Vì nỗi oan chưa hoá giải đành cam chịu số phận. |
| ? Sau đó sao nàng lại muốn quay về? | HS trả lời | - Tình cảm chồng con, muốn được thanh minh lấy lại danh dự. |
| ? Cuối cùng nàng có về được không? Vì sao? |  | - Không, chỉ về giữa dòng nói vọng vào rồi biến mất. Đó cũng là một dụng ý của tác giả vì nếu nàng có muốn quay về thì xã hội và gia đình phong kiến phụ quyền cũng không có chổ cho những người như nàng. |
| ? Qua đoạn truỵên kỳ ảo này tác giả muốn nhắn gửi điều gì? So sánh với truyện cổ tích “Vợ chàng Trương” **(HS giỏi)** | HS trả lời | - Tác giả mơ ước sự thật phải được sáng tỏ, người hiền được đền đáp. |
| ? Qua đó em rút ra kết luận gì về tâm hồn, tính cách và số phận của Vũ Nương? | HS trả lời | - Người phụ nữ xinh đẹp, đức hạnh nhưng vô cùng bất hạnh |
| ? Em rút ra nhận xét gì về người phụ nữ nói chung trong xã hội phong kiến? | HS trả lời | => Số phận của Vũ Nương cũng chính là số phận của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến |
|  |  | ***2. Trương Sinh và hình ảnh cái bóng.*** |
| ? Em có nhận xét gì về nhân vật Trương Sinh? | HS trả lời | - Là người đa nghi, độc đoán, cố chấp, nông nổi.  - Ghen tuông mù quáng-> đại diện cho chế độ nam quyền. |
| ? Em có nhận xét gì về 2 lần xuất hiện của hình ảnh cái bóng? (thảo luận) | HS trả lời | \* Hình ảnh cái bóng.  - Hình ảnh cái bóng xuất hiện có tác dụng thắt nút, mở nút trong bi kịch của Vũ Nương. |
|  |  | + Lần 1: Là bằng chứng không thể chối cãi cho sự hư hỏng của vợ -> nguyên nhân nỗi oan của Vũ Nương.  + Lần 2: Nguyên nhân giải oan cho Vũ Nương, khơi gợi sự ân hận muộn màng của Trương Sinh. |
| **HĐ2. Tổng kết** |  | **III. Tổng kết:** |
|  |  | **1. Nội dung** |
| ? Qua câu chuyện này em rút ra điều gì? (Tác giả muốn gửi gắm điều gì?) | HS trả lời | -> Chế độ nam quyền đã đẩy người phụ nữ đến bước đường cùng. Bi kịch của Vũ Nương là một lời tố cáo xã hội phong kiến xem trọng uy quyền của người nam giới và đồng thời đã nói lên số phận oan nghiệt của người phụ nữ. |
|  |  | **2. Nghệ thuật** |
| ? Rút ra những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản? | HS trả lời | - Nghệ thuật dựng truyện, xây dựng tình tiết, tắt nút, mở nút.  - Miêu tả tâm lý nhân vật  - Yếu tố kỳ ảo làm cho câu chuyện hấp dẫn và gần gũi, mang âm hưởng dân gian.  - Kết hợp giữa tự sự với trữ tình. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5’)** | | |
| GV hướng dẫn học sinh làm bài trong phần luyện tập (SGK)  Nhấn mạnh lại những câu hỏi trong phần “đọc – hiểu văn bản” | HS làm cá nhân |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (7’)** | | |
| Tổ chức thảo luận nhóm  So sánh hình ảnh người phụ nữ xưa và nay. | HS làm việc nhóm, nhận xét, trả lời |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, VẬN DỤNG (1’)** | | |
| - Phân tích nhân vật Vũ Nương  - Nguyên nhân nào đẩy Vũ Nương tìm đến cái chết  - Nắm nội dung - nghệ thuật  - Soạn: Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh. |  |  |

**\*. Rút kinh nghiệm:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 17: XƯNG HÔ TRONG HỘI THOẠI**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức:**

- Nắm được hệ thống từ ngữ thường được dùng để xưng hô trong hội thoại.

- Hiểu mối quan hệ chặt chẽ giữa việc sử dụng từ ngữ xưng hô và tình huống giao tiếp.

**2. Kỹ năng:**

Rèn kỹ năng sử dụng thích hợp từ ngữ xưng hô.

**3. Thái độ:** Giáo dục thái độ ứng xử, xưng hô trong cuộc sống.

**4. Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thong.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Đọc nghiên cứu tài liệu + soạn bài.

**2. Học sinh:** Đọc và trả lời câu hỏi ở sgk.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong dạy bài mới

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3’)** | | |
| Xem tiểu phẩm  Yêu cầu 1 nhóm lên trinh bày tiểu phẩm về các đại từ xưng hô trng Tiếng Việt  GV vào bài mới | Xem và đưa ra nhận xét |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (20’)** | | |
| **HĐ1. Tìm hiểu từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô** |  | **I. Từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô.** |
| ? Nêu một số từ ngữ dùng để xưng hô trong Tiếng Việt? Cách sử dụng? | HS trả lời | - (Xưng hô với người nhỏ tuổi hơn mình: Tôi, tao, chúng tôi, mày, chúng mày). |
|  |  | - Ngôi thứ nhất: Tôi, tao, mình, tớ, chúng tôi, chúng tao. |
|  |  | - Ngôi thứ hai: Mày, cậu, chúng mày. |
|  |  | - Ngôi thứ ba: Nó, hắn, họ |
|  |  | - Thân mật: Cậu, tớ, anh, em… |
|  |  | - Suồng sã: Mày, tao… |
|  |  | - Trang trọng: Quý bà, quý cô… |
| ? Khi nói chuyện với bố mẹ là giáo viên trong sân trường em xưng hô như thế nào? | HS trả lời | - Thầy (cô) – Em (I - You) |
| ? Khi ở nhà em xưng hô như thế nào? | HS trả lời | - Ba (mẹ) – Con (I - You) |
| ? Như vậy em có nhận xét gì về cách xưng hô trong Tiếng Việt? | HS trả lời | - Cách xưng hô rất đa dạng. |
|  |  | 1. Ví dụ: |
| Gọi học sinh đọc đoạn trích ở sgk |  | 2. Nhận xét: |
| ? Xác định các từ ngữ xưng hô? | HS trả lời | a. - Dế choắt: Anh - Em  - Dế mèn: Ta – Chú mày  b. Dế mèn: Tôi – Anh  Dế choắt: Tôi – Anh |
| ? Phân tích sự thay đổi trong cách xưng hô đó? | HS trả lời | - Đoạn 1: Sự xưng hô của 2 nhân vật khác nhau thể hiện sự bất bình đẳng.  Choắt: Mặc cảm mình yếu thế, hèn mọn, yếu ốm.  Mèn: Ngạo mạn, cậy thế. |
|  |  | - Đoạn 2: Xưng hô giống nhau:  Mèn: Nhận ra tội ác  Choắt: Hết mặc cảm thấp hèn. |
| ? Vậy trong giao tiếp cần xác định yếu tố gì để xưng hô cho thích hợp? | HS trả lời | => Cần căn cứ vào đối tượng và các đặc điểm khác nhau của tình huống để giao tiếp cho phù hợp. |
| Gọi học sinh đọc ghi nhớ |  | ***3. Ghi nhớ*** |
|  |  |  |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (13’)** | | |
| **HĐ2. Luyện tập** |  | **II. Luỵên tập** |
| Gọi học sinh đọc bài tập 1  Học sinh thảo luận, trả lời | Thảo luận nhóm, nhận xét, bổ sung | Bài 1: Nhầm giữa chúng tôi – chúng ta vì trong tiếng anh: You có nghĩa là bạn, anh, em. Còn we là chúng tôi, chúng ta nên người viết đã bị nhầm. |
|  | Bài 2:  Dùng chúng tôi chứ không xưng tôi để nhằm tăng tính khách quan cho những điều nêu ra và thể hiện sự khiêm tốn của người viết. |
|  |  | Bài 3: |
| Học sinh đọc bài tập và thảo luận nhóm. | Thảo luận nhóm | - Đứa bé gọi mẹ mình theo cách gọi thông thường. |
|  |  | - Xưng hô với sứ giả là: Ông – ta chứng tỏ sự bất thường của đứa trẻ |
| Gọi học sinh đọc bài tập 4 | HS làm độc lập | Bài 4: |
|  |  | Vị tướng: Thầy – con: Thể hiện sự kính trọng, biết ơn. |
|  |  | Thầy gọi vị tướng là ngài. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (7’)** | | |
| Nhóm 2 trình bày tiểu phẩm  Nội dung: Sử dụng Đại từ xưng hô trong giao tiếp phù hợp | Các nhóm khác xem, nhận xét và bổ sung |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, VẬN DỤNG (1’)** | | |
| - Học thuộc phần ghi nhớ.  - Làm bài tập 5, 6  - Xem bài: Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp. |  |  |

**\* Rút kinh nghiệm:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 18:**

**CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1.Kiến thức:***

- Nắm được cách dân trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong viết văn.

***2. Kỹ năng:***

**-** Biết vận dụng cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong viết văn và trong đời sống.

***3. Thái độ:*** Giáo dục thái độ ham tìm hiểu, học hỏi.

**4. Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thong.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Đọc nghiên cứu tài liệu + soạn bài.

**2. Học sinh:** Đọc và trả lời câu hỏi ở sgk.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong dạy bài mới

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3’)** | | |
| GV tổ chức cho học sinh các tổ thi đọc thơ  GV Giới thiệu vào bài | HS đọc thơ theo yêu cầu |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (20’)** | | |
| **HĐ1. Tìm hiểu cách dẫn trực tiếp** |  | **I. Cách dẫn trực tiếp**  ***1. Ví dụ*** |
| Gọi học sinh đọc ví dụ ở sgk | ***HS đọc*** |  |
|  |  | ***2. Nhận xét*** |
| ? Trong đoạn trích (a) bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ của nhân vật? | HS trả lời | - Lời nói của nhân vật |
| ? Nó được ngăn với bộ phận đứng trước bằng dấu gì? |  | - Dấu hai chấm và dấu ngoặc kép |
| ? Trong đoạn trích (b) là lời nói hay ý nghĩ? | HS trả lời | - Ý nghĩ |
| ? Nó được ngăn với bộ phận đứng trước bằng dấu gì? | HS trả lời | - Dấu hai chấm và dấu ngoặc kép |
| ? Trong cả hai đoạn trích có thể đảo vị trí giữa bộ phận in đậm với bộ phận đứng trước nó không? Vì sao? **(HS giỏi)** | HS trả lời | - Được |
| - Nếu đảo thì phải thêm dấu gì? | HS trả lời | - Cần thêm dấu gạch ngang |
| => Như vậy trong hai trường hợp trên người nói đã sử dụng cách dẫn trực tiếp. Em hiểu thế nào là dẫn trực tiếp? |  | - Dẫn trực tiếp: Là dẫn lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của nhân vật.  - Lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép. |
| **HĐ2. Tìm hiểu cách dẫn gián tiếp:** |  | **II. Cách dẫn gián tiếp:** |
|  |  | ***1. Ví dụ*** |
| Gọi học sinh đọc các đoạn trích ở sgk | HS đọc |  |
|  |  | ***2. Nhận xét*** |
| ? Trong đoạn trích (a) phần in đậm là lời nói hay ý nghĩ? | HS trả lời | -Lời nói |
| ? Đoạn trích (b) là lời nói hay ý nghĩ? |  | - Ý nghĩ |
| ? Hai bộ phận in đậm đó được ngăn với phần trước bằng dấu gì? | HS trả lời | (a): Không có dấu hiệu gì.  (b): Có từ “rằng” |
| Ở ví dụ (a, b) người ta đã dùng cách dẫn gián tiếp. Vậy em hiểu thế nào là cách dẫn gián tiếp? | HS trả lời | - Là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của ai đó có sự điều chỉnh cho thích hợp. |
| Gọi học sinh đọc ghi nhớ | HS đọc | => Ghi nhớ |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (10’)** | | |
| **HĐ3. Luyện tập** |  | **III. Luỵên tập** |
| Gọi học sinh đọc và làm các bài tập | Học sinh làm việc độc lập, trả lời | ***Bài 1:*** |
|  | Học sinh khác nhận xét -> giáo viên nhận xét, ghi điểm. | a. Ý nghĩ - dẫn trực tiếp |
|  |  | b. Ý nghĩ - dẫn trực tiếp |
|  | Học sinh thảo luận: Nhóm 1, 2 câu 1. 3 câu 2, 4 câu 3. | ***Bài 2:*** |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (9’)** | | |
| - Tìm trên những khẩu hiệu trong lớp học nhưng câu dẫn trực tiếp. Chuyển chúng thành lời dẫn gián tiếp | HS làm việc độc lập |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, VẬN DỤNG (2’)** | | |
| - Làm bài tập 3  - Xem bài: Sự phát triển của từ vựng.  + Tìm nghĩa từ kinh tế trong bài “Vào nhà…”  - Học thuộc ghi nhớ. |  |  |

**\*. Rút kinh nghiệm:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Tuần Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 19: Đọc thêm:**

**LUYỆN TẬP TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức:***

Củng cố, hệ thống hoá kiến thức về tóm tắt văn bản tự sự đã học.

***2. Kỹ năng:***

Rèn kỹ năng tóm tắt các văn bản tự sự theo các yêu cầu khác nhau. Đảm bảo số lượng nhân vật, cốt truyện.

Học sinh biết tóm tắt văn bản đầy đủ, hợp lý.

***3. Thái độ:*** Tự giác tìm hiểu văn bản tóm tắt.

***4. Năng lực:***

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thong.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Đọc nghiên cứu tài liệu + soạn bài.

**2. Học sinh:** Đọc và trả lời câu hỏi ở sgk.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong dạy bài mới

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3’)** | | |
| GV cho học sinh thi kể chuyện  Chia lớp thành hai đội kể diễn cảm một câu chuyện em đã đọc trong thời gian 2 p | HS nghe, nhận xét |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (7’)** | | |
| **HĐ1. Tìm hiểu sự cần thiết của việc tóm tắt văn bản tự sự.** |  | **I. Sự cần thiết của việc tóm tắt văn bản tự sự.** |
| Gọi học sinh đọc 3 tình huống ở sgk | ***HS đọc*** |  |
| ? Nhận xét sự cần thiết của việc tóm tắt văn bản tự sự? | HS trả lời | - Việc tóm tắt văn bản rất cần thiết. Cụ thể là nó giúp cho ta nắm vững cốt truyện để có thể kể lại cho người khác, giới thiệu hay phân tích tác phẩm. |
| ? Nêu các tình huống khác nhau trong cuộc sống mà em thấy cần phải vận dụng kỹ năng tóm tắt văn bản tự sự? | HS trả lời | - Lớp trưởng báo cáo tóm tắt việc thực hiện nề nếp của lớp trong tuần.  - Người chiến sĩ kể lại diễn biến một trận đánh.  - Công tố viên tóm tắt bản án trong một phiên toà. |
| **HĐ2. Thực hành tóm tắt văn bản tự sự** |  | **II. Thực hành tóm tắt văn bản tự sự** |
|  |  | Tóm tắt “Chuyện người con gái Nam Xương” |
| Gọi học sinh đọc các ý đã nêu ở sgk | HS đọc |  |
| ? Các sự việc chính được nêu đã đầy đủ chưa? Có thiếu sự việc nào không? | HS trả lời | - Các chi tiết được nêu tương đối đầy đủ, thiếu một chi tiết quan trọng đó là sự xuất hiện hình ảnh cái bóng lần 2 |
| ? Vì sao đó là chi tiết quan trọng? **(HS giỏi)** |  | - Ví nó có tác dụng giải oan cho Vũ Nương |
| ? Các sự việc đã nêu đã hợp lý chưa? Cần điều chỉnh gì thêm? | HS trả lời | - Chi tiết thứ 7 chưa hợp lý. Cần sửa lại: Một đêm, hai cha con ngồi bên ngọn đèn, bỗng đứa trẻ chỉ bóng cha in trên vách và nói rằng đó là cha nó. Lúc này Trương Sinh mới tỉnh ngộ.  - Sự việc 8: Trương Sinh nghe P Lang kể bèn lập đàn giải oan nhưng Vũ Nương chỉ về giữa dòng nói vọng vào rồi biến mất. |
| ? Nếu phải tóm tắt ngắn gọn em sẽ tóm tắt như thế nào? |  |  |
| Gọi học sinh trả lời -> nhận xét -> ghi điểm.  ? Từ đó em hãy rút ra thế nào là tóm tắt văn bản tự sự, tác dụng? |  | => Ghi nhớ: sgk |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (4’)** | | |
| **Hoạt động3. Luyện tập** |  | **III. Luyện tập** |
| Cho học sinh thảo luận, nhớ lại các chi tiết trong truyện “Lão Hạc” sau đó viết thành văn bản tóm tắt. | HS thảo luận nhóm | Tóm tắt văn bản “Lão Hạc” |
| Học sinh đọc bài -> nhận xét |  |  |
| Giáo viên ghi điểm. |  |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (27’)** | | |
| Viết một đoạn văn khoảng 10 – 12 câu tóm tắt văn bản “Chuyện người con gái Nam Xương”. | HS làm việc độc lập |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, VẬN DỤNG (2’)** | | |
| - Nắm được yêu cầu về tóm tắt văn bản tự sự.  - Tóm tắt truyện Chiếc lá cuối cùng.  - Làm bài tập 2 |  |  |

**\*. Rút kinh nghiệm:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Tuần Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**Tiết 20: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức:***

Học sinh hiểu:

- Từ vựng của một ngôn ngữ không ngừng phát triển.

- Sự phát triển trên cơ sở nghĩa gốc. Hai phương thức chủ yếu phát triển nghĩa là ẩn dụ và hoán dụ.

***2. Kỹ năng:***Nhận ra hiện tượng chuyển nghĩa của từ trong các văn bản và biết vận dụng trong viết văn bản.

- Học sinh biết vận dụng và phát triển vốn từ của mình.

***3. Thái độ****:* Giáo dục học sinh biết sử dụng và yêu mến ngôn ngữ của dân tộc.

**4. Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thong.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Đọc nghiên cứu tài liệu + soạn bài.

**2. Học sinh:** Đọc và trả lời câu hỏi ở sgk.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong dạy bài mới

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3’)** | | |
| GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “Nối từ”  Luật chơi: Giáo viên đưa ra một từ bất kì, chỉ định một học sinh nào đó tìm một từ có hai tiếng trở lên trong đó tiếng thứ nhất phải trùng với tiếng cuối cùng của từ giáo viên vừa đưa, cứ như thế cho tới những người tiếp theo.  Vd: Gv đưa ra từ khai trường -> trường học ->học tập,...  GV dẫn vào bài | HS chơi theo hướng dẫn |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (7’)** | | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ.** |  | **I. Sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ.** |
| Gọi 1 học sinh đọc bài thơ “Vào nhà…” | HS đọc |  |
| ? Từ “Kinh tế” trong bài có nghĩa là gì? | HS trả lời | - Là từ nói tắt của “Kinh bang tế thế” có nghĩa là trị nước cứu đời. Cả câu thơ có nghĩa là tác giả vẫn ôm ấp hoài bão cứu nước, cứu đời. |
| ? Ngày nay chúng ta có hiểu nghĩa của từ này như vậy không? | HS trả lời | - Không, kinh tế là toàn bộ hoạt động của con người trong lao động sản xuất, trao đổi, phân phối và sử dụng của cải vật chất làm ra. |
| ? Qua đó em có nhận xét gì về nghĩa của từ? | HS trả lời | - Nghĩa của từ không phải là bất biến, nó có thể thay đổi theo thời gian, có những nghĩa cũ bị mất đi và nghĩa mới được hình thành. |
|  |  | ***1. Ví dụ:*** |
|  |  | ***2. Nhận xét:*** |
| Gọi học sinh đọc các đoạn thơ ở sgk |  |  |
| Chú ý các từ in đậm |  |  |
| ? Cho biết nghĩa của từ “Xuân” và từ “tay” | HS trả lời | - Xuân 1: Mùa chuyển tiếp từ đông sang hạ, thời tiết ấm dần lên. Thường được coi bắt đầu của một năm. |
|  |  | - Xuân 2: Thuộc về tuổi trẻ -> nghĩa chuyển |
|  |  | - Tay 1: Bộ phận phía trên của cơ thể từ vai đến các ngón, dùng để cầm nắm. |
|  |  | - Tay 2: Người chuyên hoạt động hay giỏi về một môn. |
| ? Như vậy, từ “xuân” nào được dùng theo nghĩa gốc, nghĩa chuyển? | HS trả lời | - Xuân 1: Nghĩa gốc  - Xuân 2: Nghĩa chuyển |
| Từ “tay” nào được dùng theo nghĩa gốc, nghĩa chuyển? | HS trả lời | - Tay 1: Nghĩa gốc  - Tay 2: Nghĩa chuyển |
| Các nghĩa đó được hình thành theo phương thức chuyển nghĩa nào? |  | - Xuân: Chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ |
|  |  | - Tay: Chuyển nghĩa theo phương thức hoán dụ |
| Gọi học sinh đọc ghi nhớ |  | ***3. Ghi nhớ*** |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5’)** | | |
| **Hoạt động 2: Luyện tập** | Thảo luận, trả lời, nhóm khác bổ sung. | **II. Luyện tập** |
| Học sinh đọc bài tập 1. |  | Bài 1:  a. Nghĩa gốc  b. Hoán dụ  c. Ẩn dụ  d. Ẩn dụ |
| Gọi học sinh đọc bài tập 2, | học sinh làm việc độc lập. | Bài 2:  - Các từ: Trà ti sô, trà hà thủ ô… được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ |
|  |  | Bài 3: |
|  |  | Các từ đồng hồ điện, đồng hồ nước… được dùng theo nghĩa chuyển. Từ đồng hồ chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (27’)** | | |
| GV cho học sinh Thảo luận nhóm;  Hãy tìm 5 từ mới được phát triển và cho biết chúng được phát triển theo cách nào? | HS thảo luận và trả lời  Các nhóm khác nhận xét, bổ sung |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, VẬN DỤNG (2’)** | | |
| - Học thuộc ghi nhớ  - Làm bài tập 4, 5  - Tìm các từ được dùng theo nghĩa chuyển trong các văn bản đã học.  - Xem bài: Sự phát triển của từ vựng (tiếp) |  |  |

**\*. Rút kinh nghiệm:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019*****TIẾT 21: ĐỌC THÊM - CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA TRỊNH**

**(TRÍCH *VŨ TRUNG TUỲ BÚT* )**

PHẠM ĐÌNH HỔ ( 1768 – 1839)

**A. Mục tiêu cần đạt** :

**1. Kiến thức**: HS hiểu:

- Sơ giản về thể văn tùy bút thời trung đại

- Cuộc sống xa hoa của vua chúa, sự nhũng nhiễu của quan lại thời Lê - Trịnh

- Những đặc điểm nghệ thuật của 1 văn bản viết theo thể loại tùy bút thời kỳ trung đại ở Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh

**2. Kỹ năng**:

- Đọc –hiểu 1 VB tùy bút thời trung đại

-Tự tìm hiểu 1 số địa danh, chức sắc, nghi lễ thời Lê Trịnh.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức tìm hiểu về lịch sử của dân tộc

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**B. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên** :

- Soạn giáo án.

- Chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu

- Chuẩn bị ảnh chân dung tác giả và tranh ảnh minh họa cho bài học

**2. Học sinh :**

- Soạn bài .

- Chuẩn bị giấy khổ to & bút dạ để thảo luận nhóm .

### C Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy - học

**1. Ổn định tổ chức: (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ**: Lồng ghép trong tiết học

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (4 phút)** | | |
| - 1 nhóm trình chiếu đoạn video đã chuẩn bị trước, tái hiện lại cuộc sống xa hoa của vua chúa trong 1 số triều đại phong kiến  - GV dẫn vào bài : ***Chúng ta sẽ thấy được cuộc sống xa hoa của vua chúa, sự nhũng nhiễu của quan lại thời Lê- Trịnh qua văn bản* Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh *của Phạm Đình Hổ*** | - Hs quan sát |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (10 phút)** | | |
| **Hoạt động 1** Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu về văn bản “**Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh**” (15 phút) |  | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:** SGK tr 61 |
| - Giới thiệu đôi nét về tác giả?  - GV cho HS quan sát ảnh và giới thiệu thêm về tác giả( SGV tr 62) | - HS trả lời - HS quan sát ảnh và nghe |  |
| - Giới thiệu về tác phẩm “VTTB”? | HS trả lời | **2. Tác phẩm *Vũ trung tuỳ bút***: SGK tr 61 |
|  |  | **3. Văn bản *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*** |
| - Giới thiệu xuất xứ của VB. | - HS trả lời | **\*Xuất xứ**: Trích “Vũ trung tuỳ bút” |
| - GV giới thiệu về Thịnh Vương | - HS nghe |  |
| - GV đọc mẫu và gọi HS đọc  - Kiểm tra việc đọc chú thích của HS | -HS đọc | **\*Đọc, chú thích** |
| - Xác định bố cục của VB | - HS trả lời | **\*Bố cục:** 2 đoạn |
|  |  | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Thói ăn chơi của chúa Trịnh và các quan lại hầu cận trong phủ chúa** |
| Cho HS thảo luận nhóm  - Thói ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh và các quan lại hầu cận được miêu tả thông qua những chi tiết nào? Qua đó, em hiểu gì cách sống của vua chúa thời phong kiến suy tàn?  - Tìm hiểu ý nghĩa đoạn văn cuối bài: “Nhà ta ….cũng là vì cớ ấy”? | - HS thảo luận nhóm  - Các nhóm trình bày | **2 Thủ đoạn của bọn quan lại hầu cận trong phủ chúa** |
| - Nêu cảm nhận của em sau khi học bài?  - Gọi HS đọc ghi nhớ SGK tr 63 | - HS trả lời  - HS đọc | III. Tổng kết **\* Ghi nhớ** : SGK tr 63 |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (25 phút)** | | |
| **Hoạt động 2: HDHS viết đoạn văn nghị luận xã hội**  - Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về lối sống của giới trẻ hiện nay qua trang phục, lời nói. | - HS thảo luận nhóm đôi, lập dàn bài cho đoạn văn, cử đại diện nhóm trình bày. | **IV. Rèn kĩ năng viết đoạn:**  **Đoạn văn cần đảm bảo các ý:**  - Lối sống là gì?  - Biểu hiện lối sống của giới trẻ qua trang phục, lời nói.  + Tốt  + Xấu  - Nguyên nhân, hậu quả của lối sống ấy.  - Giải pháp. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (4 phút)** | | |
| - Từ cuộc sống xa hoa của chúa Trịnh, em hãy cho biết cách nhìn của mình về cuộc sống của những vị lãnh đạo tại địa phương em? | - Hs suy nghĩ, trả lời |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, SÁNG TẠO ( 1 phút)** | | |
| - Hoàn chỉnh bài tập .  - Hướng dẫn HS học và chuẩn bị bài ở nhà  - Soạn bài: *Hoàng Lê nhất thống chí* | - Hs luyện tập ở nhà. |  |

###### \*. RÚT KINH NGHIỆM

###### .................................................................................................................................................................................................................................................................. \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

###### TIẾT 22: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

**Hồi thứ 14 (trích) - NGÔ GIA VĂN PHÁI**

**I. Mục tiêu cần đạt** : Qua bài học HS nắm được:

**1. Kiến thức**

- Những hiểu biết chung về nhóm tác giả thuộc Ngô gia văn phái, về phong trào Tây Sơn và người anh hùng Nguyễn Huệ

- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm viết theo thể loại tiểu thuyết chương hồi

- Một trang sử oanh liệt của dân tộc ta: Quang Trung đại phá 20 vạn quân Thanh, đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi bờ cõi.

**2. Kĩ năng**:

- Quan sát các sự việc được kể trong đoạn trích trên bản đồ

- Cảm nhận sức trỗi dậy kỳ diệu của tinh thần dân tộc, cảm quan hiện thực nhạy bén, cảm hứng yêu nước của tác giả trước những sự kiện trọng đại của dân tộc

- Liên hệ những nhân vật, sự kiện trong đoạn trích với những văn bản liên quan.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức tự hào về truyền thống của dân tộc.

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên** :

- Soạn giáo án.

- Chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu

- Chuẩn bị cuốn “*Hoàng Lê nhất thống chí*” để minh hoạ cho bài học

**2. Học sinh :**

- Soạn bài

- Chuẩn bị giấy khổ to & bút dạ để thảo luận nhóm .

### III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong tiết học

#### 3. Bài mới

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)** | | |
| **- 1 nhóm** trình chiếu đoạn video giới thiệu về cuộc chiến đấu chống Thanh thời kì Quang Trung – Nguyễn Huệ  -> GV dẫn vào bài: ***Vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trong chiến công đại phá quân Thanh, sự thảm bại của bọn xâm lược và số phận của lũ vua quan phản dân hại nước được thể hiện rất rõ trong hồi 14 của cuốn* Hoàng Lê nhất thống chí *của dòng họ Ngô Thì.*** | - Hs theo dõi |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (30 phút)** | | |
| **Hoạt động 1**: Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu chung |  | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Tác giả** |
| - Giới thiệu đôi nét về tác giả?  - GV giới thiệu thêm về tác giả. | - HS trả lời - HS nghe | - Ngô gia văn phái: 1 nhóm tác giả cùng trong dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, Hà Nội. Có hai tác giả chính là:  - Ngô Thì Chí (1758-1788), em ruột Ngô Thì Nhậm, làm quan dưới thời Lê Chiêu Thống.  - Ngô Thì Du (1772-1840), anh em chú bác ruột với Ngô Thì Chí |
| - Giới thiệu thể chí | - HS trả lời | **2 Tác phẩm *Hoàng Lê nhất thống chí*** SGK tr 70  **\* Thể chí**: Là 1 lối văn ghi chép sự vật, sự việc; là 1 thể văn vừa có tính VH, vừa có tính lịch sử. |
| - Gọi HS đọc lời giới thiệu về tác phẩm “HLNTC”  - GV giới thiệu thêm | - HS đọc  - HS nghe | - Viết về những sự kiện lịch sử, chịu ảnh hưởng lối viết tiểu thuyết chương hồi của Trung Quốc. Tác phẩm tái hiện chân thực bối cảnh lịch sử đầy biến động nước ta trong hoảng hơn ba thập kỉ cuối của thế kỉ XVIII và mấy năm đầu thế kỉ XIX.  ***- Là 1 tác phẩm văn xuôi chữ Hán có qui mô lớn nhất và đạt được những thành công xuất sắc về mặt nghệ thuật trong VH VN thời trung đại*** |
| - Giới thiệu vị trí đoạn trích học? | - HS trả lời | **3. Văn bản hồi thứ 14**  **\* Vị trí** : trích hồi 14, viết về sự kiện vua QT đại phá quân Thanh |
| - GV giới thiệu đôi nét diễn biến của 2 hồi trước (hồi 12, 13)(SGV tr 68) | - HS nghe |  |
| - GV đọc mẫu và gọi HS đọc  - Kiểm tra việc đọc chú thích của HS | - HS đọc | **\* Đọc, chú thích** |
| - Tìm đại ý của đoạn trích ? | - HS trả lời | **\* Đại ý**: Đoạn trích miêu tả chiến thắng lẫy lừng của vua QT, sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận lũ vua quan phản nước, hại dân. |
| - Xác định bố cục của đoạn trích ?  (Bảng phụ hoặc máy chiếu ) | - HS trả lời | **\* Bố cục**:3 đoạn  - Đoạn 1: Từ đầu ->Mậu Thân ( 1788): Được tin báo quân Thanh đã chiếm TL, BBV Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế và thân chinh cầm quân dẹp giặc  - Đoạn 2: Tiếp -> rồi kéo vào thành :Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua QT  - Đoạn 3: Còn lại :Sự đại bại của quân tướng nhà Thanh và tình trạng thảm hại của vua tôi Lê Chiêu Thống |
| Tóm tắt nội dung hồi 14. | - HS tóm tắt |  |
| **Hoạt động 2:** Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu văn bản |  | **II. Đọc - hiểu văn bản** |
| - Gọi HS đọc lại đoạn 1  - Qua đoạn trích tác phẩm, em cảm nhận hình ảnh người anh hùng dân tộc QT- NH ntn? Tìm chi tiết minh hoạ?  + Phân tích lời phủ dụ quân lính ở Nghệ An?  + Phân tích hình ảnh vua QT trong trận đánh đồn Ngọc Hồi?  - Tìm hiểu giá trị nghệ thuật của hình tượng? | - HS đọc  - HS thảo luận nhóm  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời | **1. Hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ**  **- Con người luôn hành động mạnh mẽ và quyết đoán**:  + Nghe tin giặc đã đánh chiếm đến tận Thăng Long, ông không hề nao núng  + Hơn 1 tháng, NH đã làm đựơc bao nhiêu việc lớn  - Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén:  + Sáng suốt trong việc phân tích tình hình thời cuộc và thế tương quan chiến lược giữa địch và ta. ***Lời phủ dụ quân lính ở Nghệ An khẳng định chủ quyền DT ta và lên án hành động xâm lăng phi nghĩa, trái đạo trời của giặc, nêu bật dã tâm của giặc, nhắc lại truyền thống chống giặc ngoại xâm của DT ta từ xưa, kêu gọi quân lính đồng tâm hiệp lực,giữ kỷ luật nghiêm Lời phủ dụ có thể xem như 1 bài hịch rất ngắn gọn mà ý tứ thật phong phú, sâu xa, có tác động kích thích lòng yêu nước và truyền thống quật cường của dân tộc***  + Sáng suốt, nhạy bén trong việc xét đoán và dùng người. Ông rất hiểu sở trường, sở đoản của các tướng sỹ, khen chê đều đúng người đúng việc  **- Ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng**  **- Tài dùng binh như thần**: Cuộc hành quân thần tốc do vua QT chỉ huy đến nay vẫn làm chúng ta kinh ngạc  **- Hình ảnh lẫm liệt trong chiến trận**: Hoàng đế QT thân chinh cầm quân không phải chỉ trên danh nghĩa (Đặc biệt là hình ảnh vua QT trong trận đánh đồn Ngọc Hồi)  - Đoạn văn trần thuật này không chỉ ghi lại những sự kiện lịch sử diễn biến gấp gáp, khẩn trương qua từng mốc thời gian, mà còn chú ý miêu tả cụ thể từng hành động, lời nói của nhân vật chính, từng trận đánh và những mưu lược tính toán, thế đối lập giữa 2 đội quân, 1 bên thì xộc xệch, trể nải, run sợ, 1 bên thì tổ chức nghiêm minh, xông xáo, dũng mãnh  -> **Hình ảnh người anh hùng được khắc hoạ khá đậm nét với tính cách quả cảm, mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, dụng binh như thần; là người tổ chức và linh hồn của chiến công vĩ đại**. Đây là đặc điểm khẳng định rõ tính chất thể loại tiểu thuyết lịch sử của tác phẩm |
| - Theo em, nguồn cảm hứng nào đã chi phối ngòi bút tác giả khi tạo dựng hình ảnh người anh hùng dân tộc này? | - HS trả lời | ***- Quan niệm phản ánh hiện thực của các tác giả là sự tôn trọng sự thật lịch sử và ý thức dân tộc ở những người trí thức này. Các tác giả Ngô gia văn phái là những cựu thần, chịu ơn sâu nghĩa nặng của nhà Lê, nhưng họ đã không thể bỏ qua sự thực là ông vua nhà Lê hèn yếu đã cõng rắn cắn gà nhà và chiến công lừng lẫy của vua QT là niềm tự hào lớn của cả DT. Bởi thế họ vẫn có thể viết thực và hay như vậy về người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ.*** |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)** | | |
| Thuật lại cách đánh của quân Tây Sơn ở trận Ngọc Hồi và nêu cảm nghĩ của em? | - Hs trả lời |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (4 phút)** | | |
| - Thảo luận: Em hãy nêu một số trận đánh mà em biết của quân ta cho thấy rõ tài cầm quân của vị chủ tướng? | - Hs thảo luận, cử đại diện trả lời |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, SÁNG TẠO (2 phút)** | | |
| - Hs tìm hiểu thêm về Quang Trung – Nguyễn Huệ.  - Soạn tiếp bài | - Hs luyện tập ở nhà. |  |

**\*. RÚT KINH NGHIỆM:**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

###### TIẾT 23: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

**Hồi thứ 14 (trích)**

**NGÔ GIA VĂN PHÁI**

**I. Mục tiêu cần đạt** : Qua bài học HS nắm được:

**1. Kiến thức**

- Những hiểu biết chung về nhóm tác giả thuộc Ngô gia văn phái, về phong trào Tây Sơn và người anh hùng Nguyễn Huệ

- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm viết theo thể loại tiểu thuyết chương hồi

- Một trang sử oanh liệt của dân tộc ta: Quang Trung đại phá 20 vạn quân Thanh, đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi bờ cõi.

**2. Kĩ năng**:

- Quan sát các sự việc được kể trong đoạn trích trên bản đồ

- Cảm nhận sức trỗi dậy kỳ diệu của tinh thần dân tộc, cảm quan hiện thực nhạy bén, cảm hứng yêu nước của tác giả trước những sự kiện trọng đại của dân tộc

- Liên hệ những nhân vật, sự kiện trong đoạn trích với những văn bản liên quan.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức tự hào về truyền thống của dân tộc.

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên** :

- Soạn giáo án.

- Chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu

- Chuẩn bị cuốn “*Hoàng Lê nhất thống chí*” để minh hoạ cho bài học

**2. Học sinh :**

- Soạn bài

- Chuẩn bị giấy khổ to & bút dạ để thảo luận nhóm .

### III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong tiết học

#### 3. Bài mới:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (4 phút)** | | |
| - Gv cho học sinh theo dõi một đoạn video ngắn giới thiệu về sự xâm lược của quân Thanh đối với nước ta.  - Gv dẫn vào bài | - Hs theo dõi |  |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (30 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động: HDHS tìm hiểu về sự thảm bại của quân Thanh và số phận vua tôi Lê Chiêu Thống** |  | **2. Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống**  **a ) Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh** |
| - Gọi HS đọc đoạn 2  - Em biết gì về Tôn Sĩ Nghị? | - HS đọc  - HS trả lời | - Tôn Sĩ Nghị kéo quân sang An Nam là nhằm những lợi ích riêng, lại không muốn tốn nhiều xương máu. Hơn nữa y còn là một tên tướng bất tài, cầm quân mà không biết được tình hình thực hư ra sao, lại còn kiêu căng, tự mãn, chủ quan khinh địch. Dù đã được vua tôi Lê Chiêu Thống báo trước, y vẫn không chút đề phòng |
| - Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống phản nước hại dân đã được miêu tả ntn?  ( Bảng phụ hoặc máy chiếu) | - HS thảo luận nhóm 6 HS | - **Khi quân Tây Sơn đánh đến nơi**  **+ Tướng: sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp…chuồn trước qua cầu phao**  **+ Quân : rụng rời sợ hãi, xin ra hàng hoặc bỏ chạy tán loạn, xô đẩy nhau chết rất nhiều,**  **+ Cả đội binh hùng tướng mạnh tháo chạy**  **b) Số phận thảm hại của bọn vua tôi phản nước, hại dân.**  **- Phải chịu đựng nỗi sỉ nhục**, không còn tư cách bậc quân vương, cũng phải **chịu chung số phận bi thảm của kẻ vong quốc**  + LCT cùng bề tôi thân tín chạy bán sống bán chết, cướp cả thuyền dân để qua sông  + Tình cảnh của vua tôi LCT khi chạy sang Tàu, phải cạo hết đầu, tết tóc, ăn mặc giống như người Mãn Thanh và cuối cùng gửi nắm xương tàn nơi đất khách quê người. |
| - Em có nhận xét gì về lối văn trần thuật ở đây? | - HS trả lời | - Nhận xét về lối văn trần thuật: Kể chuyện xen kẽ miêu tả 1 cách sinh động,cụ thể gây được ấn tượng mạnh. |
| - Gọi HS đọc lại 2 đoạn văn miêu tả 2 cuộc tháo chạy: của quan tướng nhà Thanh và của vua tôi LCT. Ngòi bút của tác giả khi miêu tả có gì khác biệt? Vì sao có sự khác biệt đó? | - HS đọc và thảo luận nhóm 4 hs | - So sánh 2 đoạn văn miêu tả hai cuộc tháo chạy  + Tất cả đều là tả thực, với những chi tiết cụ thể, nhưng âm hưởng lại rất khác nhau.  + Đoạn văn trên nhịp điệu nhanh, mạnh, hối hả, ngòi bút miêu tả khách quan, nhưng vẫn hàm chứa vẻ hả hê, sung sướng của người thắng trận trước sự thảm bại của lũ cướp nước.  + Ở đoạn văn dưới, nhịp điệu có chậm hơn, tác gỉa dừng lại miêu tả tỉ mỉ những giọt nước mắt thương cảm của người thổ hào, nước mắt tủi hổ của vua tôi Lê Chiêu Thống, cuộc tiếp đãi thịnh tình của kẻ bề tôi âm hưởng có phần ngậm ngùi, chua xót.  - Là những cựu thần của nhà Lê, các tác giả không thể không mủi lòng trước sự sụp đổ của một vương triều mà mình từng phụng thờ, tuy vẫn hiểu đó là kết cục không thể tránh khỏi. |
| **Hoạt động: Hướng dẫn HS tổng kết** |  | III. Tổng kết |
| - Nêu cảm nhận của em sau khi học bài? | -HS trả lời | - VB mang lại cho em sự hiểu biết về người anh hùng NH và số phận của quân Thanh xâm lược và vua tôi LCT. |
| - Theo em, tại sao các tác giả Ngô gia văn phái vốn trung thành với nhà Lê, lại có thể viết thực và hay như thế về người anh hùng Nguyễn Huệ? | - HS thảo luận nhóm 2 HS | - Vì họ được sống giữa những biến động của thời đại lúc bấy giờ.  + Vì NH có đủ phẩm chất và công lao của 1 anh hùng DT, không ai có thể phủ nhận được  + Vì họ là những nhà sử học. |
| - Gọi HS đọc ghi nhớ SGK tr 72 | - HS đọc | **\* Ghi nhớ** : SGK tr 72 |
| C. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP (5 phút) | | |
| Hướng dẫn HS luyện tập SGK tr 72 để củng cố kiến thức (Bảng phụ hoặc máy chiếu). Cho HS làm việc độc lập. | - HS làm việc độc lập | IV. Luyện tập Dựa theo tác phẩm, hãy viết 1 đoạn văn ngắn miêu tả lại chiến công thần tốc đại phá quân Thanh của vua Quang Trung từ tối 30 Tết đến ngày mồng 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu |
| D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (3 phút) | | |
| Dựa vào văn bản đã học, em hãy nêu một số giải pháp để bảo vệ chủ quyền hiện nay? | - Hs trả lời |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, SÁNG TẠO ( 2 phút)** | | |
| - Hoàn chỉnh bài tập . Hướng dẫn HS học và chuẩn bị bài ở nhà  - Soạn bài: *Sự phát triển của từ vựng* | - Hs luyện tập ở nhà |  |

**\*. RÚT KINH NGHIỆM:**

.................................................................................................................................................................................................................................................................. **\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019****:*

###### TIẾT 24: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG ( TIẾP )

**I. Mục tiêu cần đạt** : Qua bài học HS nắm được:

**1. Kiến thức**:

- Việc tạo từ ngữ mới

- Việc mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài

**2. Kỹ năng**:

- Nhận biết từ ngữ mới được tạo ra và những từ ngữ mượn của tiếng nước ngoài

- Sử dụng từ ngữ mượn tiếng nước ngoài phù hợp

**3. Thái độ**:

- Có thái độ trân trọng từ thuần Việt và có ý thức sử dụng từ mượn phù hợp hoàn cảnh.

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên** :

- Soạn giáo án.

- Chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu

**2. Học sinh :**

- Soạn bài

- Chuẩn bị giấy khổ to & bút dạ để thảo luận nhóm .

### III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy - học

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong tiết học

#### 3. Bài mới

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG**  **CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)** | | |
| **- Tổ chức** trò chơi tìm từ  -> GV dẫn vào bài: ***Ngôn ngữ là 1 hiện tượng XH. Nó không ngừng biến đổi theo sự vận động của xã hội. Sự phát triển của tiếng Việt cũng như ngôn ngữ nói chung, được thể hiện trên cả 3 mặt: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Tiết học hôm nay sẽ đề cập đến sự phát triển của từ ngữ về lượng*** | - Hs tham gia trò chơi |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15 phút)** | | |
| **Hoạt động 1:** Hướng dẫn HS tìm hiểu cách tạo từ ngữ mới |  | **I. Tạo từ ngữ mới**  **1. Bài tập 1** ( Bảng phu hoặc máy chiếu ) |
| - Cho HS tìm những từ ngữ mới được cấu tạo trong thời gian gần đây trên cơ sở các từ **điện thoại, kinh tế, di động, sở hữu, tri thức, đặc khu, trí tuệ** và giải thích nghĩa của những từ ngữ đó. | -HS trả lời | - Điện thoại di động: điện thoại vô tuyến nhỏ mang theo người, được sử dụng trong vùng phủ sóng của cơ sở cho thuê  - Kinh tế tri thức: nền kinh tế dựa chủ yếu vào việc sản xuất, lưu thông phân phối các sản phẩm có hàm lượng tri thức cao.  - Đặc khu kinh tế: khu vực dành riêng để thu hút vốn và công nghệ nước ngoài, với những chính sách ưu đãi.  - Sở hữu trí tuệ: quyền sở hữu đối với sản phẩm do hoạt động trí tuệ mang lại, được pháp luật bảo hộ như quyền tác giả, quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp |
| - Cho HS tìm những từ ngữ mới được cấu tạo theo mô hình **x+tặc** như **không tặc, hải tặc.** | - HS tìm từ | **Bài 2:**  -Lâm tặc: kẻ cướp tài nguyên rừng.  -Tin tặc: kẻ dùng kĩ thuật thâm nhập trái phép vào dữ liệu trên máy tính của người khác để khai thác phá hoại.  \*Tạo từ ngữ mới để làm cho vốn tù ngữ tăng lên cũng là 1 cách để phát triển từ vựng tiếng Việt  \*Lưu ý: ***Việc tạo thêm từ ngữ mới thường được hình thành trên cơ sở ~ yếu tố đã có sẵn và theo 2 phương thức cơ bản là ghép và láy. Tuy nhiên hiện nay các TN mới chủ yếu được hình thành theo cách dùng các yếu tố có sẵn ghép lại với nhau*** |
| GV lưu ý HS 1 số điều cần chú ý | -HS nghe | **II. Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài** |
| **Hoạt động 2:(** 10’) Hướng dẫn HS tìm hiểu cách mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài |  |  |
| - Gọi HS đọc 2 đoạn trích SGK tr 73 (Bảng phụ hoặc máy chiếu )  - Tìm những từ Hán Việt trong hai đoạn trích. | - HS đọc  - HS tìm từ | **Bài 3**: Có những từ Hán Việt sau:  a)Thanh minh, tiết, lễ, tảo mộ, hội, đạp thanh, yến anh, bộ hành, xuân, tài tử, giai nhân.  b)bạc mệnh, duyên, phận, thần, linh, chứng giám, thiếp, đoan trang, tiết, trinh bạch, ngọc (không kể tên riêng trong đoạn trích). |
| - Những từ nào dùng để chỉ những khái niệm nêu ra ở điểm (a) và (b)? Những từ đó có nguồn gốc từ đâu? | - HS trả lời | **Bài 4:**  -AIDS (ết) (a) và ma-két-ting (maketing; tiếng Anh: marketing) (b) là những từ mượn của tiếng nước ngoài. |
| - Nêu nhận xét của em về cách tạo từ mới ? | - HS trả lời | \***Mượn TN của tiếng nước ngoài cũng là 1 cách để phát triển từ vựng tiếng Việt. Bộ phận từ mượn quan trọng nhất là từ mượn tiếng Hán** |
| - GV lưu ý HS thêm 1 số điều cần chú ý. | - HS nghe | **\* Lưu ý:**  *- Trong nhiều trường hợp, mượn từ của tiếng nước ngoài đặc biệt là các thuật ngữ chuyên môn để biểu thị những khái niệm mới xuất hiện trong đời sống là cách thức tốt nhất*  *+ Ở các tài liệu chuyên môn dành cho người có trình độ học vấn cao, từ mượn được viết nguyên dạng như trong tiếng nước ngoài hoặc được phiên âm,chuyển tự sang chữ quốc ngữ, giữa các tiếng không cần gạch nối.*  *+ Ở sách báo dành cho bạn đọc rộng rãi, người ta thường phiên âm từ mượn và đặt dấu gạch nối giữa các tiếng cùng 1 bộ phận cấu tạo từ cho dễ đọc* |
| - Gọi HS đọc lại các ghi nhớ SGK tr 73, 74 | -HS đọc | **\* Ghi nhớ** : SGK tr 73, 74 |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (15 phút)** | | |
|  |  | **III. Luyện tập** |
| - Bài 1 : Giúp HS biết 1 số mô hình để tạo từ mới. HS thảo luận lớp | -HS thảo luận lớp | **Bài 1:**  - X+ trường: chiến trường, công trường, nông trường, ngư trường, thương trường  - X+ hoá: ô- xi hoá, lão hoá, cơ giới hoá, điện khí hoá, công nghiệp hoá, thương mại hoá  - X+ điện tử: thư điện tử, thương mại điện tử, giáo dục điện tử, chính phủ điện tử |
| - Bài 2: HS nhận biết 1 số TN mới xuất hiện. Cho HS làm việc độc lập | - HS làm việc độc lập | **Bài 2:**  - Bàn tay vàng: bàn tay tài giỏi, khéo léo hiếm có trong việc thực hiện 1 thao tác lao động hoặc kỹ thuật nhất định  - Cầu truyền hình: hình thức truyền hình tạichỗ cuộc giao lưu, đối thoại trực tiếp với nhau qua hệ thống ca-mê-ra giữa các địa điểm xa nhau  - Cơm bụi: cơm giá rẻ, thường bán trong hàng quán nhỏ, tạm bợ  - Công nghệ cao: công nghệ dựa trên KHKT hiện đại, có độ chính xác và hiệu quả cao  - Công viên nước: công viên trong đó chủ yếu là những trò chơi dưới nước, bơi thuyền, tắm biển nhân tạo |
| - Bài 3:Giúp HS hiểu từ mượn tiếng Hán và của các ngôn ngữ châu Âu. HS làm miệng | - HS làm miệng | **Bài 3:**  - Từ mượn tiếng Hán: mãng xà, biên phòng, tham ô, tô thuế, phê bình, phê phán, ca sĩ, nô lệ  - Từ mượn của các ngôn ngữ châu Âu:xà phòng, ô tô, ra- đi- ô, ô xi, cà phê, ca nô |
| Bài 4: HS thảo luận nhóm để hiểu rõ bài học | - HS thảo luận nhóm | **Bài 4**: Những cách phát triển của từ vựng: phát triển về nghĩa của từ ngữ và phát triển về số lượng từ ngữ. Sự phát triển về số lượng từ ngữ có thể diễn ra bằng 2 cách: tạo từ ngữ mới và mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài  - Cần khẳng định ngay là từ vựng của 1 ngôn ngữ không thể không thay đổi. Thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh chúng ta luôn luôn vận động và phát triển. Nhận thức về thế giới của con người cũng vận động và phát triển theo. Nếu từ vựng của 1 ngôn ngữ không thay đổi thì ngôn ngữ đó không thể đáp ứng được nhu cầu giao tiếp và nhận thức của người bản ngữ.  VD: Chẳng hạn khi trong đời sống của người VN xuất hiện loại phương tiện |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (7 phút)** | | |
| Yêu cầu học sinh xây dựng một đoạn phim ngắn về việc sử dụng ngôn ngữ hiện nay của giới trẻ (video, đóng kịch, thuyết trình)  - Hình thức: Làm việc theo nhóm lớn | - Hs trình bày |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, SÁNG TẠO (2 phút)** | | |
| - Hoàn chỉnh bài tập .  - Hướng dẫn HS học và chuẩn bị bài ở nhà  - Soạn bài :Truyện Kiều của Nguyễn Du | - Hs luyện tập ở nhà |  |

**\*. RÚT KINH NGHIỆM**

................................................................................................................................................................................................................................................................ \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Tuần Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

## TIẾT 25:

###### “*TRUYỆN KIỀU*” CỦA NGUYỄN DU

**I. Mục tiêu cần đạt** : Qua bài học HS nắm được:

**1. Kiến thức**:

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.

- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện của Truyện Kiều.

- Thể thơ lục bát của truyền thống của dân tộc trong 1 tác phẩm VH trung đại

**2. Kỹ năng**:

- Đọc – hiểu 1 tác phẩm truyện Nôm trong văn học trung đại

- Nhận ra những đặc điểm nổi bật về cuộc đời và sáng tác của 1 tác giả văn học trung đại.

**3. Thái độ**:

- Trân trọng giá trị của Truyện Kiều, tự hào về truyền thống văn học nước nhà

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên** :

- Soạn giáo án.

- Chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu

- Chuẩn bị ảnh chân dung tác giả, cuốn “*Truyện Kiều”* và tranh ảnh minh hoạ cho bài học

**2. Học sinh :**

- Soạn bài .

- Chuẩn bị giấy khổ to & bút dạ để thảo luận nhóm .

### III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy - học

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong tiết học

#### 3. Bài mới

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)** | | | |
| - 1 nhóm chiếu video đã chuẩn bị giới thiệu về tài liệu liên quan đến truyện Kiều  *->* GV dẫn vào bài: *Truyện Kiều của thi hào dân tộc Nguyễn Du là 1 công trình nghệ thuật bằng thơ lục bát chan chứa tinh thần nhân đạo. Thiên diễm tình của Người quốc sắc, kẻ thiên tài với bao tình tiết đẹp đẽ, cảm động gieo vào lòng ta bao ấn tượng khó phai mờ. Trong tiết học hôm nay , cô sẽ giới thiệu với các em về cuộc đời, con người, sự nghiệp văn học của Nguyễn Du; về cốt truyện, những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của Truyện Kiều.* | Hs theo dõi | |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (30 phút)** | | | |
| **Hoạt động 1:** Hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả ND |  | | **I. Nguyễn Du ( 1765 - 1820)** : SGK tr 77 |
| - Nêu những nét chính về cuộc đời, con người Nguyễn Du có ảnh hưởng tới sự nghiệp văn học của ông. | - HS trả lời HS khác nhận xét, bổ sung | | **-** Nguyễn Du sinh trưởng trong một thời đại có nhiều biến động dữ dội. *Những thay đổi kinh thiên động địa ấy đã tác động mạnh tới tình cảm, nhận thức của Nguyễn Du để ông hướng ngòi bút vào hiện thực*  - Gia đình Nguyễn Du là một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan. *Hoàn cảnh gia đình cũng có tác động lớn tới cuộc đời Nguyễn Du.*  - Nguyễn Du là người có hiểu biết sâu rộng, có vốn sống phong phú. *Đi nhiều, tiếp xúc nhiều, từng trải trong cuộc sống, tất cả những điều đó đã có ảnh hưởng lớn đến sáng tác của nhà thơ.*  - Nguyễn Du là con người có trái tim yêu thương.  - Về sự nghiệp văn học của Nguyễn Du mang tầm vóc của một thiên tài văn học ở cả sáng tác chữ Hán và chữ Nôm, ở giá trị kiệt tác của truyện Kiều.  - Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hoá. |
| - GV cho HS quan sát ảnh và giới thiệu thêm về tác giả. | - HS quan sát và nghe | |  |
| **Hoạt động 2:** Hướng dẫn HS tìm hiểu truyện Kiều |  | | **II. Truyện Kiều.** |
| - Gọi HS giới thiệu nguồn gốc của truyện Kiều? | - HS trả lời | | **\* Nguồn gốc**: Có nguồn gốc cốt truyện từ một tác phẩm và học Trung Quốc nhưng phần sáng tạo của Nguyễn Du là hết sức lớn, mang ý nghĩa quyết định thành công của tác phẩm.  -Viết truyện Kiều, tác giả có dựa vào cốt truyện **Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân**. Tuy nhiên, Nguyễn Du đã có nhiều sáng tạo từ nghệ thuật tự sự-kể chuyện bằng thơ, đến nghệ thuật xây dựng nhân vật, miêu tả thiên nhiên |
| - Cho HS đọc tóm tắt Truyện Kiều theo ba phần như SGK tr 78. | - HS đọc | | **\* Tóm tắt Truyện Kiều** : SGK tr 78 |
| - Cho HS kể lại “Truyện Kiều” một cách cô đọng, ngắn gọn. | - HS kể | |  |
| - Nêu giá trị to lớn của Truyện Kiều, cả giá trị nội dung và nghệ thuật? | -HS trả lời | |  |
| **\* Giá trị to lớn của Truyện Kiều** (Bảng phụ, máy chiếu)  **1. Giá trị nội dung:** Truyện Kiều có hai giá trị lớn là hiện thực và nhân đạo.  **- Hiện thực**: Tác phẩm đã phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội đương thời với bộ mặt tàn bạo của taqàng lớp thống trị và số phận những con người bị áp bức đau khổ, đặc biệt là số phận bi kịch của người phụ nữ.  **- Nhân đạo**: ***Truyện Kiều mang giá trị nhân đạo với những nội dung cơ bản nhất:***  + Niềm thương cảm sâu sắc trước những đau khổ của con người  + Sự lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo  ***+ Sự trân trọng, đề cao con người từ vẻ đẹp hiình thức, phẩm chất đến những ước mơ, những khát vọng chân chính.***  **2. Giá trị nghệ thuật**: Truyện Kiều có thành tựu lớn về nhiều mặt, đặc biệt là **ngôn ngữ và thể loại.**  + Đến Truyện Kiều, tiếng Việt đã đạt tới đỉnh cao ngôn ngữ nghệ thuật, không chỉ có chức năng biểu đạt (phản ánh), biểu cảm (thể hiện cảm xúc) mà còn mang chức năng thẩm mĩ (vẻ đẹp của nghệ thuật ngôn từ). Tiếng Việt trong Truyện Kiều hết sức giàu và đẹp.  *+Với Truyện Kiều, nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc*. Ngôn ngữ kể chuyện đã có cả ba hình thức: trực tiếp (lời nhân vật), gián tiếp (lời tác giả), nửa trực tiếp (lời tác giả nhưng mang suy nghĩ, giọng điệu nhân vật). Nhân vật xuất hiện với cả con người hành động (dáng vẻ bên ngoài) và con người cảm nghĩ (đời sống nội tâm bên trong). Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên đa dạng, bên cạnh những bức tranh chân thực, sinh động là những bức tranh tả cảnh ngụ tình. Những thành tựu nghệ thuật này sẽ phần nào được thể hiện trong các đoạn trích Truyện Kiều ở SGK. | | | |
| - Gọi HS đọc ghi nhớ SGK tr 80 | - HS đọc | | **\*Ghi nhớ :** SGK tr 80 |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (4 phút)** | | | |
| Yêu cầu hs tóm tắt *“Truyện Kiều”* | - Hs trả lời |  | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (3 phút)** | | | |
| GV yêu cầu học sinh lấy một số dẫn chứng khác từ Truyện Kiều để chứng minh những nhận định về giá trị nhân đạo của tác phẩm. | - Hs trả lời |  | |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, SÁNG TẠO (2 phút)** | | | |
| - Hoàn chỉnh bài tập .  - Hướng dẫn HS học và chuẩn bị bài ở nhà  - Soạn bài: *Chị em Thuý Kiều* | - Hs luyện tập ở nhà |  | |

## \*. RÚT KINH NGHIỆM

## .................................................................................................................................................................................................................................................................. \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

###### TIẾT 26-27 :

###### CHỊ EM THUÝ KIỀU - (Trích TRUYỆN KIỀU - NGUYỄN DU)

**I. Mục tiêu cần đạt** : Qua bài học HS nắm được:

**1. Kiến thức**:

- Bút pháp nghệ thuật tượng trưng ước lệ của Nguyễn Du trong miêu tả nhân vật

- Cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du: trân trọng, ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người qua 1 đoạn trích cụ thể.

**2. Kỹ năng**:

- Đọc –hiểu 1 văn bản truyện thơ trong văn học trung đại

- Theo dõi diễn biến sự việc trong tác phẩm truyện

- Có ý thức liên hệ với văn bản liên quan để tìm hiểu về nhân vật

- Phân tích được 1 số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật cổ điển của ND trong văn bản.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức trân trọng vẻ đẹp của người phụ nữ trong XH cũ

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên** :

- Soạn giáo án.

- Chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu

**2. Học sinh :**

- Soạn bài .

- Chuẩn bị giấy khổ to & bút dạ để thảo luận nhóm .

### III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy - học

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút) Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong bài mới

**3. Bài mới (44’)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)**  - 1 nhóm tổ chức trò chơi: Tìm hiểu về Truyện Kiều  -> GV dẫn vào bài: *ND là nhà thơ thiên tài của dân tộc ta. TK là kiệt tác của nền thi ca cổ dân tộc sáng ngời tinh thần nhân đạo. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu 1 trong những đoạn thơ hay nhất, đẹp nhất trong truyện Kiều: Đó là đoạn* Chị em Thuý Kiều  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (30’)** | | | |
| **Hoạt động 1:** **Tìm hiểu phần tìm hiểu chung** |  | | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1.Vị trí đoạn trích**: |
| - Giới thiệu vị trí đoạn trích? | -HS trả lời | | Đoạn trích thuộc phần mở đầu Truyện Kiều, giới thiệu gia cảnh Vương viên ngoại. Đó là một gia đình trung lưu, có 3 người con. Con trai út là Vương Quan và hai cô con gái là Thúy Kiều và Thúy Vân. Đoạn trích gồm 24 câu ( từ câu 15 đến câu 38 ) nói về Chị em Thỳy Kiều. |
| - GV đọc mẫu và gọi HS đọc | -HS đọc | | **2. Đọc, chú thích** |
| -Kiểm tra việc đọc chú thích của HS |  | |  |
| -Hãy tìm hiểu kết cấu của đoạn thơ và nhận xét kết cấu ấy có liên quan ntn với trình tự miêu tả nhân vật của tác giả? | -HS trả lời | | **3. Kết cấu đoạn trích:**  - 4 câu đầu : Khái quát về ngoại hỡnh và cốt cỏch hai chị em Kiều.  -4 câu tiếp: Vẻ đẹp của Thúy Vân.  -12 câu tiếp: Vẻ đẹp của Thúy Kiều .  +4 câu cuối: Nhận xét chung về cuộc sống của 2 chị em  \*Kết cấu chặt chẽ, thể hiện cách miêu tả nhân vật tinh tế của tác giả. |
| **Hoạt động 2 : Tìm hiểu chi tiết văn bản** |  | | II. Đọc - hiểu văn bản |
| - Gọi HS đọc lại 4 câu thơ đầu | -HS đọc | | 1.Bốn câu thơ đầu: Giới thiệu khái quát hai chị em TK |
| - Em hiểu ***tố nga*** nghĩa là gì? Nhận xét về nghệ thuật miểu tả của tác giả? | -HS trả lời | | **-Tố nga : chỉ người con gái đẹp. Bút pháp ước lệ gợi tả vẻ đẹp duyên dáng, thanh cao, trong trắng của người thiếu nữ: Mai cốt cách, tuyết tinh thần.** |
| -4 câu thơ cho ta biết điều gì? | -HS trả lời | | **-Chỉ với “ Mai cốt cách, tuyết tinh thần” ông đó khái quát được vẻ đẹp chung ai cũng hoàn thiện, toàn mỹ (mười phân vẹn mười) tuy là “mỗi người một vẻ” với những tính cách rất riêng. Để làm việc này, tác giả đó dựng bút pháp ước lệ, tuợng trưng, lấy vẻ đẹp thiên nhiên ( mai, mây, tuyết…) để làm chuẩn mực so sánh gián tiếp với vẻ đẹp của Vân, Kiều**  -Hai chị em Kiều mang vẻ đẹp thanh tao, trinh trắng như mai, như tuyết, mỗi người có 1 vẻ đẹp riêng toàn thiện, toàn mỹ |
|  |  | | **2. Bốn câu thơ gợi tả vẻ đẹp Thuý Vân.** |
| - HS đọc 4 câu thơ tiếp theo | -HS đọc | |  |
| -Những hình tượng nghệ thuật nào mang tính ước lệ khi gợi tả vẻ đẹp của Thuý Vân? Qua những hình tượng ấy, em cảm nhận Thuý Vân có nét riêng về nhan sắc và tính cách ntn? | -HS trả lời | | -Câu mở đầu vừa giới thiệu, vừa khái quát đặc điểm nhân vật nói lên **vẻ đẹp cao sang, quý phái của Vân.**  ***-Bút pháp nghệ thuật ước lệ, hình tượng quen thuộc, nhưng lại có chiều hướng cụ thể hơn lúc tả Kiều.***  +Cụ thể trong thủ pháp liệt kê: khuôn mặt, đôi mày, mái tóc, làn da, nụ cười, giọng nói. Chỉ với 4 câu miêu tả ngắn gọn, Nguyễn Du làm hiển thị một Thúy Vân từ khuôn mặt, nét mày, màu da, mái tóc đến nụ cười của một cô gái xinh đẹp, thùy mỵ, nết na, dịu dàng, đoan trang, phúc hậu và khiêm nhường .  +Cụ thể trong việc sử dụng từ ngữ để làm nổi bật vẻ đẹp riêng của đối tượng miêu tả. Biện pháp tu từ ẩn dụ ước lệ, đặc biệt là các từ “trang trọng, đầy đặn, đoan trang, thua, nhường” đó phác hoạ ra một Thúy Vân phúc hậu, đẹp người đẹp nết ***->*** TV có vẻ đẹp tươi trẻ, đầy sức sống nhưng phúc hậu, đoan trang. |
| -Sắc đẹp của TV dự báo số phận của TV sẽ ntn? | -HS thảo luận lớp | | **-Chân dung Thuý Vân là chân dung mang tính cách, số phận.** Vẻ đẹp của Vân tạo sự hoà hợp, êm đềm với xung quanh-*>* **ngầm dự báo một tương lai sáng sủa của nàng,** nàng sẽ có cuộc đời bình lặng, suôn sẻ. |
| C. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5’)** | | | |
| (?) Viết đoạn văn khoảng 8 câu nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của Thúy Vân | Lập dàn ý | |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG (2’)** | | | |
| Đặt 1-2 câu tả lại người em yêu quí có tham khảo cách tả Thúy Vân của Nguyễn Du | Thực hiện | |  |
| E**. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (1’)** | | | |
| - Xem lại bài  - Chuẩn bị nội dung tiếp theo |  | |  |
| \*. RÚT KINH NGHIỆM............................................................................................................................................................................................................................................................ \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\* **TIẾT 2** | | | |
| **1.** Ổn định tổ chức (1’)  2. Kiểm tra bài cũ (lồng ghép vào bài mới)  3. Bài mới | | | |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)** | | | |
| **1 nhóm** lên tổ chức trò chơi: Đuổi hình bắt chữ: Nhìn h/a cho biết đó là vẻ đẹp nào của nhân vật.  -> GV dẫn vào bài: Chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu vẻ đẹp Thúy Kiều | HS tổ chức  Hs tham gia  Nghe | |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (30’)** | | | |
| **Tiếp hoạt động 2 : Tìm hiểu chi tiết** | | | |
|  |  | | **3. Mười hai câu thơ gợi tả vẻ đẹp Thuý Kiều.** |
| - Gọi HS đọc 12 câu tiếp | -HS đọc | |  |
| - Khi gợi tả nhan sắc của TK, tác giả cũng sử dụng hình tượng nghệ thuật mang tính ước lệ, theo em, có những điểm nào giống và khác so với tả TV? | -HS nêu suy nghĩ của mình | | Sau khi đó “chiêm ngưỡng” Thuý Vân “tài sắc vẹn toàn”như thế. Ta càng ngưỡng mộ hơn “tài sắc Thuý Kiều” khi đọc đến “Kiều càng sắc sảo mặn mà. So bề tài sắc lại là phần hơn”. Thậm chí nếu tác giả không nói thêm một lời nào nữa thì qua Thúy Vân tuyệt sắc kia ta cũng có thể hình dung ra một Thuý Kiều “tài sắc tuyệt vời” như thế nào. Cái dụng ý của Nguyễn Du là ở chỗ này.  - Cũng như lúc tả Vân, câu thơ đầu khái quát đặc điểm nhân vật. **Nàng sắc sảo về trí tuệ và mặn mà về tâm hồn.**  + Gợi tả vẻ đẹp của Kiều, tác giả vẫn dùng những hình tượng nghệ thuật ước lệ-> tạo một ấn tượng chung về **vẻ đẹp của một giai nhân tuyệt thế.**  + “Làn thu thủy, nét xuân sơn”. Vẻ đẹp của Thuý Kiều ẩn chứa trong đôi mắt. Đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt như làn nước mùa thu. Lông mày xinh tươi, thanh tú như vẻ núi mùa xuân trên gương mặt trẻ trung. |
| -Bên cạnh vẻ đẹp hình thức tác giả còn nhấn mạnh những vẻ đẹp nào ở Thuý Kiều? Những vẻ đẹp ấy cho thấy TK là người ntn? | HS nêu cảm nhận của mình | | Không chỉ có thừa “chỉ số” về nhan sắc, Kiều còn là một cô gái thông minh và tài hoa rất mực:  “Thông minh … ca ngâm”. Đủ tài “cầm kỳ thi họa” Kiều lại còn là một hảo cầm thủ mà tuyệt xảo là khúc “ Bạc mệnh" mà nàng tự sáng tác ra:  Bằng lối tu từ ẩn dụ, ước lệ, thậm xưng, Nguyễn Du đó dựng nên một bức tranh tuyệt tác về nhan sắc “nghiêng nước, nghiêng thành” của Kiều . Qua đoạn trích này, Nguyễn Du đó hết sức trân trọng đề cao vẻ đẹp một con người, một vẻ đẹp hoàn thiện, hoàn mỹ. Đây chính là một trong những biểu hiện của cảm hứng nhân đạo, nhân văn trong Truyện Kiều vậy. |
| -Khi tả Thuý Vân, tác giả chủ yếu gợi tả nhan sắc mà không thể hiện cái tài, cái tình của nàng. Thế nhưng khi tả Kiều, nhà thơ tả sắc một phần còn dành đến hai phần để tả tài năng. Tài của Kiều đạt tới mức lí tưởng theo quan niệm thẩm mĩ phong kiến, gồm đủ cả cầm (đàn), kì (cờ), thi (thơ), hoạ (vẽ). Đặc biệt tài đàn của nàng đã là sở trường. Cực tả cái tài của Kiều cũng là để ngợi ca cái tâm đặc biệt của nàng  ***->*Vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp của cả sắc-tài-tình** | | | |
| -Sắc đẹp của TK sẽ dự báo số phận của Kiều ntn? | -HS trả lời | | -Chân dung Thuý Kiều cũng là chân dung mang tính cách, số phận. Nhan sắc đó đó làm cho hoa, liễu vụ tri kia cũng muốn ganh tị, hờn ghen: “Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kộm xanh”.  ->**Vẻ đẹp của Kiều làm cho tạo hoá phải ghét ghen, các vẻ đẹp khác phải đố kỵ-> ngầm dự báo cho một tương lai u ám, số phận éo le, đau khổ của Kiều** |
| -Cho HS thảo luận nhóm: Trong 2 bức chân dung của Thuý Vân và Thuý Kiều, em thấy bức chân dung nào nổi bật hơn? Vì sao? | HS thảo luận nhóm | | - Để thấy được sự tinh tế của tác giả khi miêu tả nhân vật Thuý Kiều. Chân dung Thuý Vân được miêu tả trước để làm nền nổi bật lên chân dung Thuý Kiều. Có thể coi là thủ pháp nghệ thuật đòn bẩy. Nguyễn Du chỉ dành bốn câu thơ để gợi tả Vân, trong khi đó dành tới mười hai câu thơ để cực tả vẻ đẹp của Kiều. Vẻ đẹp của Vân chủ yếu là ngoại hình, còn vẻ đẹp của Kiều là cả nhan sắc, tài năng, tâm hồn. |
| Ở đầu tác phẩm, Nguyễn Du giới thiệu Thúy Kiều là một cô gái ***"sắc sảo" "mặn mà"****,* đoan trang hiền thục. Tuy đó đến tuổi cập kê nhưng nàng vẫn chưa có ý trung nhõn nờn để ***"Tường đông ong bướm đi về mặc ai"****.* Như vậy, từ***"Tường đông"***nờn hiểu thế nào cho phự hợp với câu thơ ? | -HS thảo luận lớp | | ***- Tường đông"*** có thể là một tín hiệu thẩm mỹ đặc biệt giúp cho người đọc phần nào cảm nhận được tính cách của nhân vật. Trong văn hóa cổ truyền phương đông, hướng đông là nơi ấm áp, vạn vật sinh trưởng. ***"Tường đông"*** có thể là thực chỉ, đó là bức tường ở phía đông. Song, nếu dừng lại ở đây thì dụng ý nhấn mạnh của tác giả vẫn chưa thật sự rõ ràng, khúc chiết. Cho nên, ***"Tường đông"*** cú thể cũn mang ***"ý nghĩa hư chỉ để nói về chỗ ở của nam giới"*** (4). Bởi lẽ, Kiều là thục nữ khuê môn, những chuyện bỡn cợt ong bướm đều bỏ ngoài tai, chẳng chút động lòng nên tỏc giả đó hạ bút:  *"… Êm đềm trướng rủ màn che*  Tường đông ong bướm đi về mặc ai….".  + Cùng với các từ láy như xấp xỉ, êm đềm… ngữ liệu ***"Tường đông"*** cũng gúp phần tạo nên âm hưởng nhẹ nhàng, có chiều sâu khi khắc họa tính cách và có tác dụng tô đậm vẻ đẹp tú lệ, đương tuổi thanh xuân của thiếu nữ họ Vương, hơn nữa tín hiệu thẩm mỹ này vừa làm cho câu thơ hấp dẫn, vừa chuẩn thi pháp lại đậm nét tượng trưng tạo nên một vùng thẩm mỹ cho ngữ cảnh đang miêu tả. |
| **Hoạt động 3:** Tìm hiểu phần tổng kết |  | | *III. Tổng kết*  **1. Cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du.** |
| -Cảm hứng nhân đạo của ND thể hiện trong đoạn trích ntn? | -HS trả lời | | ***- Đoạn trích "Chị em Thúy Kiều" là một bức tranh bằng thơ, Nguyễn Du đó khắc họa một cách sinh động và chân thực những nét đẹp trong tâm hồn, tính cách, ngoại hình và tài năng của hai nhân vật Thúy Kiều và Thúy Vân. Tác giả đề cao những giá trị con người. Đó có thể là nhân phẩm, tài năng, khát vọng, ý thức về thân phận cá nhân,*** |
| -Cho HS so sánh đoạn thơ Chị em Thuý Kiều với đoạn đọc thêm (trong SGK) trích từ Kim Vân Kiều truyện để thấy được những sáng tạo và cũng là những thành công nghệ thuật của Nguyễn Du? | --HS thảo luận lớp | | -Thanh Tâm Tài Nhân chủ yếu là kể về hai chị em Kiều; còn Nguyễn Du thì thiên về gợi tả sắc đẹp Thuý Vân, tài sắc Thuý Kiều.  -Thanh Tâm Tài Nhân kể về Kiều trước, Vân sau; còn Nguyễn Du, ngược lại, gợi tả vẻ đẹp Thuý Vân trước để làm nền tôn vẻ đẹp Thuý Kiều. |
| -Gọi HS đọc ghi nhớ SGK tr 83 | -HS đọc | | **2. Ghi nhớ** : SGK tr 83 |
| **C. HOẠT ĐỘNG HDHS LUYỆN TẬP (10’)** | | | |
| Hướng dẫn HS viết đoạn văn nêu cảm nhận của em sau khi học xong bài để củng cố kiến thức | HS làm việc cá nhân | | IV. Luyện tập Nêu cảm nhận của em sau khi học bài thơ? |
| D. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG (2’) | | | |
| Qua việc miêu tả 2 chị em Thúy Kiều, em có nhận xét gì về cách tả người của tác giả Nguyễn Du | Suy nghĩ, trả lời | | - Bút pháp ước lệ tượng trưng - Bút pháp đòn bẩy, tả cảnh ngụ tình  ..... |
| E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (1’) | | | |
| -Hoàn chỉnh bài tập .  -Hướng dẫn HS học và chuẩn bị bài ở nhà  -Soạn bài :Cảnh ngày xuân |  |  | |

## \*. RÚT KINH NGHIỆM

## .................................................................................................................................................................................................................................................................. \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**TIẾT 28 : CẢNH NGÀY XUÂN**

**(TRÍCH TRUYỆN KIỀU )**

**NGUYỄN DU (1765 – 1820)**

**I. Mục tiêu cần đạt** : Qua bài học HS nắm được:

**1. Kiến thức**:

- Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên của thi hào dân tộc Nguyễn Du: kết hợp bút pháp tả và gợi, sử dụng từ ngữ giàu chất tạo hình để miêu tả cảnh ngày xuân với những đặc điểm riêng. Tác giả miêu tả cảnh mà nói lên được tâm trạng của nhân vật.

- Sự đồng cảm của Nguyễn Du đối với tâm hồn trẻ tuổi.

**2. Kỹ năng**:

- Bổ sung kiến thức đọc –hiểu văn bản truyện thơ trung đại, phát hiện, phân tích được các chi tiết miêu tả cảnh thiên nhiên trong đoạn trích

- Cảm nhận được tâm hồn trẻ trung của nhân vật qua cái nhìn cảnh vật trong ngày xuân

-Vận dụng bài học để viết văn tả cảnh.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức học tập cách miêu tả người của tác giả

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên** :

- Soạn giáo án. Soạn giáo án điện tử (Chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu )

- Chuẩn bị tranh ảnh minh hoạ

**2. Học sinh :**

- Soạn bài .

- Chuẩn bị giấy khổ to & bút dạ để thảo luận nhóm .

### III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy - học

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

#### 3. Bài mới (44’)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)** | | |
| - 1 nhóm lên báo cáo phần chuẩn bị : sưu tầm tài liệu đánh giá về Truyện Kiều  -> GV dẫn vào bài: Trong bài thơ Kính gửi cụ Nguyễn Du, nhà thơ Tố Hữu đã viết :  “Tiếng thơ ai động đất trời  Nghe như non nước vọng lời ngàn thu  Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du  Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày »  Nguyễn Du là nhà thơ thiên tài của dân tộc. Truyện Kiều là kiệt tác của nền thi ca cổ sáng ngời tinh thần nhân đạo. Tiết học trước, chúng ta đã tìm hiểu trích đoạn Chị em Thúy Kiều và biết tài tả người của Nguyễn Du. Tiết học này chúng ta tiếp tục tìm hiểu tài tả cảnh của ND qua đoạn trích Cảnh ngày xuân |  |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (30’)** | | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu phần tìm hiểu chung** |  | **I. Đọc và tìm hiểu chung** |
| -Giới thiệu vị trí đoạn trích? | -HS trả lời | **1. Vị trí đoạn trích**: phần đầu của tác phẩm |
| -GV đọc mẫu và gọi HS đọc | -HS đọc |  |
| -Tiết thanh minh thường diễn ra vào thời gian nào trong năm? | HS trả lời |  |
| -Có bản Kiều khác viết là “Cỏ non xanh dợn chân trời”Bản Kiều chúng ta học là “ Cỏ non xanh tận chân trời”? Theo em bản nào hay hơn? | -HS trả lời | -Xanh dợn: gợi sắc độ lạnh, không gợi 1 không gian rộng  +Tận: gợi không gian rộng, không có giới hạn. |
|  |  | **2.Đọc và tìm hiểu kết cấu đoạn trích**: |
| -Xác định kết cấu đoạn trích? |  | -Đoạn thơ kết cấu theo trình tự thời gian  ***+Bốn câu đầu: Khung cảnh mùa xuân.***  ***+Tám câu tiếp: Khung cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh.***  ***+Sáu câu cuối: Cảnh chị em Kiều du xuân trở về*** |
| -Em hãy xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản? Vì sao em khẳng định như vậy? | -HS trả lời | -Phương thức miêu tả vì phần lớn các lời thơ dành để tả cảnh, tả người trong lễ hội mùa xuân. |
| +Không chỉ có phương thức biểu đạt miêu tả, VB còn là sự kết hợp của những phương thức biểu đạt nào? | -HS trả lời | -Sự kết hợp của các yếu tố tự sự và biểu cảm. |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản** |  | II. Tìm hiểu chi tiết |
| -Gọi HS đọc lại 4 câu đầu | -HS đọc | 1. Khung cảnh ngày xuân |
| -Hai dòng thơ đầu cho ta biết điều gì? Dòng thơ nào cho ta biết điều đó? Em hiểu nghĩa của dòng thơ này ntn?  -Tìm những dấu hiệu của mùa xuân tháng 3 được thể hiện trong câu thơ? | -HS trả lời | -Cảnh mùa xuân được giới thiệu vào thời điểm tháng 3  +Dòng thơ “Thiều quang chín chục đã ngoài 60”-> Chín chục ngày xuân mà nay đã ngoài 60 ngày, tức là đã qua tháng giêng, tháng hai và đã bước sang tháng ba.  -Chim én, thiều quang, cỏ non, cành lê, hoa  **-** Những cánh chim én vẫn rộn ràng bay liệng như thoi đưa giữa **bầu trời trong sáng**  **+Mặt đất tươi xanh**  **+Không gian yên ả, thanh bình** |
| - 4 câu thơ đầu gợi cảnh tượng mùa xuân ntn? | -HS nêu ‎ kiến cá nhân | - 4 câu đầu là bức hoạ tuyệt đẹp về mùa xuân- đó là bức tranh thiên nhiên rực rỡ ánh sáng và màu sắc. Thảm cỏ non trải rộng tới chân trời là gam nền cho bức tranh xuân. Trên nền màu xanh non ấy điểm xuyết 1 vài bông hoa lê trắng. Màu sắc có sự hài hoà tới mức tuyệt diệu. Trên nền trong trẻo của bầu trời Thanh minh từng đàn chim én bay qua bay lại linh hoạt, nhịp nhàng |
| -Cho lớp thảo luận nhóm bài tập trong SGK tr 87 | -HS thảo luận nhóm | - Trong câu thơ cổ của Trung Quốc đã gợi lên vẻ đẹp của mùa xuân có hương thơm của cỏ non ( phương thảo), có sắc xanh của bầu trời( liên thiên bích ), có hoa lê vừa nở ( sổ điểm hoa), không rõ là ít hay nhiều.  -Trong câu thơ Kiều, ND dùng cỏ non thay vì cỏ thơm.Cỏ non trải rộng tới chân trời gợi 1 sắc xuân tràn đầy sức sống. Trên nền xanh của cỏ non nổi bật 1 vài bông hoa lê trắng.Chữ trắng đảo lên trước gây ấn tượng nổi bật, gợi vẻ đẹp thanh khiết tinh khôi. Hai dòng thơ được ví như 1 bức tranh thuỷ mặc, chỉ vài nét chấm phá mà nêu bật được cái thần của cảnh.  -> ND đã tiếp thu & sáng tạo câu thơ cổ |
| -Cho HS thảo luận lớp ý kiến | - HS thảo luận lớp | - Đồng ý cả 4 lí do trên |
| -Có ‎ý kiến cho rắng: *Lời thơ* :Cỏ non ...hoa *là 1 trong những câu thơ hay nhất của TK vì 4 lí do sau:*  *+Ngôn từ thuần Việt*  *+Giàu hình ảnh*  *+Giàu nhạc điệu*  *+Thể thơ lục bát dễ thuộc dễ nhớ*  *Em có đồng ‎ với ý kiến trên không?* | | |
| -ND có tài quan sát, lựa chọn những đường nét, những hình ảnh, những màu sắc đưa vào 1 tổng thể cấu trúc hội hoạ hài hoà +Tài dùng ngôn ngữ thuần Nôm, thể thơ lục bát quen thuộc  + Tâm hồn nhạy cảm, tha thiết với vẻ đẹp thiên nhiên  **=> 4 câu thơ đầu gợi lên** **vẻ đẹp riêng của mùa xuân: mới mẻ, giàu sức sống, khoáng đạt, trong trẻo, nhẹ nhàng**. Chữ điểm làm cho cảnh vật trở nên sinh động, có hồn chứ không tĩnh tại | | |
| -Gọi đọc lại 8 câu thơ tiếp.  Trong phần trên, các em đã biết trong ngày thanh minh có 2 hoạt động chính là lễ và hội. Lễ thì gắn với tín ngưỡng; còn hội gắn với sinh hoạt. | -HS đọc | 2. Khung cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh |
| -Dựa vào chú thích, em có thể giải thích giúp cô: lễ tảo mộ là gì? Hội đạp thanh là gì? | -HS trả lời | -Trong ngày thanh minh, **có 2 hoạt động diễn ra cùng 1 lúc: lễ tảo mộ** - đi viếng mộ, quét tước, sửa sang phần mộ của người thân, tìm đến những bóng hình của quá khứ - đó là nghi lễ truyền thống; **hội đạp thanh**- đi chơi xuân ở chốn đồng quê. Hội đạp thanh là 1 cuộc sống hiện tại và có thể tìm đến những sợi tơ hồng của mai sau. Nghi lễ và hội hè có thể có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ nhưng đó vẫn là 2 hình thức sinh hoạt văn hoá có khác biệt.  Nguyễn Du đã chứng tỏ tài năng bậc thầy về ngôn ngữ ngay ở câu thơ tự sự ngắn gọn về 1 sinh hoạt thông thường. Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh. Trong tiết Thanh minh có hồi ức và tưởng niệm quá khứ nhưng cũng có khát khao và hoài vọng nhìn về phía trước của cuộc đời. |
| -Tìm những từ ngữ và hình ảnh gợi lên không khí và hoạt động của lễ hội? | -HS thống kê và nêu cảm nhận | -1 loạt từ 2 âm tiết (trong đó có cả từ ghép và từ láy) là TT, DT, ĐT xuất hiện: gần xa, yến anh, chị em, tài tử, giai nhân, nô nức, sắm sửa, dập dìu gợi lên **không khí lễ hội thật rộn ràng, náo nhiệt** . Các DT (yến anh, chị em, tài tử, giai nhân) gợi tả sự **đông vui, nhiều người cùng đến lễ hội**; các ĐT(sắm sửa, dập dìu)gợi tả sự rộn ràng náo nhiệt của ngày hội; các TT (gần xa, nô nức) làm rõ hơn tâm trạng của người đi hội.  +Hình ảnh so sánh, cách nói ẩn dụ nô nức yến anh gợi lên hình ảnh từng đoàn người nhộn nhịp đi chơi xuân như chim én, chim oanh ríu rít.   * Lễ viếng thăm phần mộ tưng bừng, náo nhiệt, xen kẽ ngày hội giai ngộ của tuổi thanh xuân đã hoàn chỉnh bức tranh mùa xuân khi cỏ cây hoa lá vẫn đang độ tươi xanh rực rỡ, khi không trung và ánh sáng đã trở nên trong trẻo và ấm áp hơn. |
| -GV đọc lại câu thơ “ Ngổn ngang gò đống kéo lên. Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay”. Em hiểu câu thơ ấy ntn? Tại sao tác giả chỉ tập trung vào hoạt động lễ tảo mộ? | -HS thảo luận lớp | -Ngổn ngang gò đống: lấy đất chỗ nọ đắp vào chỗ kia, đó là hoạt động trong lễ tảo mộ,  +Rắc vàng vó để tạ ơn thần đất  +Đốt tiền giấy vàng mã để tưởng nhớ người thân đã khuất.  => Tác giả nói tỉ mỉ về đặc trưng của lễ tảo mộ vì Kiều vốn đa sầu đa cảm. Lúc trước vui vì dòng người đi lại tấp nập, đông đúc, nhìn thấy cảnh tảo mộ, tâm trạng của Kiều không còn náo nức như trước nữa. Tác giả chuẩn bị cho tâm trạng của Kiều ở cuối bài. |
| -Thông qua buổi du xuân của chị em TK, tác gỉa khắc hoạ hình ảnh 1 lễ hội truyền thống xa xưa. Em hãy đọc kỹ các chú thích, kết hợp với đoạn thơ để nêu 1 vài suy nghĩ về lễ hội truyền thống ấy? | -HS nêu cảm nhận riêng của mình. | -Qua cuộc du xuân của chị em TK, tác giả đã giới thiệu 1 truyền thống văn hoá lễ hội xa xưa. -> **Gợi lại 1 không khí lễ hội tưng bừng như thế, nhà thơ thể hiện là người yêu quí, trân trọng vẻ đẹp và giá trị của truyền thống văn hoá DT biểu hiện trong lễ hội.** |
| **-**Hai đoạn thơ trên là bức tranh vừa tả, vừa kể của ND. Đoạn cuối bài là bức tranh được miêu tả qua tâm trạng của nàng Kiều |  | **3. Khung cảnh chị em Thuý Kiều đi du xuân trở về ( Cảnh cuối lễ hội )** |
| -Gọi HS đọc 6 câu cuối  -Cảnh vật, không khí mùa xuân trong 6 câu thơ cuối có gì khác với 4 câu thơ đầu? Vì sao? | -HS đọc  -HS thảo luận nhóm nhỏ | -**Cảnh vẫn mang cái thanh, cái dịu của mùa xuân:** nắng nhạt, khe nước nhỏ, 1 nhịp cầu nhỏ bắc ngang.Tuy nhiên cái không khí nhộn nhịp, rộn ràng của lễ hội không còn nữa, **tất cả đang nhạt dần, lặng dần**  +Cảnh mùa xuân ở câu cuối và 4 câu đầu có sự khác nhau là bởi thời gian, không gian thay đổi, nhưng điều quan trọng là cảnh được cảm nhận qua tâm trạng. |
| -Tìm những từ láy trong đoạn thơ trên. Những từ ấy chỉ có tác dụng miêu tả sắc thái cảnh vật hay còn bộc lộ tâm trạng con người? Vì sao? | -HS tìm và trả lời | Những từ láy: **tà tà, thơ thẩn, thanh thanh, nao nao** không chỉ biểu đạt sắc thái cảnh vật mà còn bộc lộ tâm trạng con người. *Mọi chuyển động đều nhẹ nhàng: mặt trời từ từ ngả bóng về tây; bứơc chân người thơ thẩn, dòng nước uốn quanh. Ban ngày càng sôi động bao nhiêu thì kết thúc càng tĩnh lặng bấy nhiêu. Người đọc hình dung 2 không khí đối lập nhau. Không gian buổi chiều bao giờ cũng gợi cảm xúc. Dòng nước cũng góp phần thể hiện cảm xúc cho Kiều. Hai chữ nao nao đã nhuốm màu tâm trạng lên cảnh vật. Cảm giác bâng khuâng xao xuyến về 1 ngày vui xuân đang còn mà sự linh cảm về điều sắp xảy ra đã xuất hiện, như báo trước cuộc gặp nấm mồ người bất hạnh- Đạm Tiên và chàng thư sinh* Phong tư tài mạo tót vời *Kim Trọng* |
| -Cảm nhận của em về khung cảnh thiên nhiên và tâm trạng con người trong 6 câu thơ cuối? | -HS nêu cảm nhận | - **Cảnh thiên nhiên: đẹp, thanh dịu không gian lặng dần**  **+Tâm trạng con người: bâng khuâng, xao xuyến, luyến tiếc, lặng buồn.** Qua đoạn thơ, ND đã giúp chúng ta hiểu rõ hơn tính cách nhân vật Thúy‎ Kiều, 1 con ngưồi đa sầu đa cảm. |
| - HS đọc lại VB | -HS đọc |  |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu phần tổng kết** |  | III. Tổng kết |
| -Nêu cảm nhận của em sau khi học bài? | -HS nêu cảm nhận | **- Cảm nhận được bức tranh mùa xuân tươi sáng và không khí lễ hội náo nhiệt tươi vui.**  **+Hiểu phần nào về ND là người yêu thiên nhiên, hiểu lòng người, có tài miêu tả** |
| -Gọi HS đọc ghi nhớ SGK tr 87 | -HS đọc | \***Ghi nhớ** : SGK tr 87 |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5’)** | | |
|  |  | **IV. Luyện tập** |
| Bài 1: Trò chơi ô chữ  Ô chữ gồm 5 câu hỏi hàng ngang và 1 câu hỏi hàng dọc.  1. Truyện Kiều là tác phẩm tiêu biểu nhất của thể loại này?( Ô chữ gồm 9 chữ cái )  2 Từ chỉ ng­ười con gái đẹp. ( 5 chữ cái)  3 Từ chỉ tiết vào đầu tháng 3, mùa xuân khí trời mát mẻ, trong trẻo. ( 9 chữ cái)  4 Tên ngư­ời anh hùng “ đội trời đạp đất” trong truyện Kiều. ( 5 chữ cái)  5 Tên con sông mà Kiều đã trẫm mình.( 9 chữ cái).  6 Ông là ai? ( 5 chữ cái) | -HS chơi trò chơi | **Bài : 1**  -> Tố Nh­ư - tên chữ của ND- 1 thiên tài văn học, 1 danh nhân văn hoá, nhà nhân đạo chủ nghĩa có đóng góp to lớn đối với sự phát triển của VH VN. – Và là tác giả của Truyện Kiều mà chúng ta đã đư­ợc học. |
| **D. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG (2’)** | | |
| Vẽ tranh về mùa xuân  - Cho HS lên thuyết minh tranh của mình.  - HS bình tranh của bạn. | -HS vẽ tranh  -HS trình bày | Dựa vào 6 dòng thơ đầu hãy vẽ phác hoạ bức tranh mùa xuân. |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (1’)** | | |
| -Hoàn chỉnh bài tập .  -Hướng dẫn HS học và chuẩn bị bài ở nhà  -Soạn bài :Thuật ngữ |  |  |

###### \*. RÚT KINH NGHIỆM

## .................................................................................................................................................................................................................................................................. \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: .../.../2019 Ngày dạy: .../.../2019***

**TIẾT 29 : THUẬT NGỮ**

**I. Mục tiêu cần đạt** : Qua bài học HS nắm được:

**1. Kiến thức**:

- Khái niệm thuật ngữ

- Những đặc điểm của thuật ngữ.

**2. Kỹ năng**: Tìm hiểu ý nghĩa của thuật ngữ trong từ ngữ

- Sử dụng thuật ngữ trong quá trình đọc –hiểu tạo lập văn bản khoa học, công nghệ.

**3. Thái độ**: Có ý thức sử dụng từ ngữ thích hợp

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên** :

- Soạn giáo án.

- Chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu

-Chuẩn bị ảnh chân dung tác giả và tranh ảnh minh hoạ cho bài học

**2. Học sinh :**

- Soạn bài .

- Chuẩn bị giấy khổ to & bút dạ để thảo luận nhóm .

### III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy - học

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút) Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

**2. Kiểm tra bài cũ** : Lồng ghép trong bài mới

#### 3. Bài mới (44’)

**Giới thiệu bài** (1 phút):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)** | | |
| 1 nhóm lên diễn tiểu phẩm, có sử dụng thuật ngữ trong lời thoại  -> GV dẫn vào bài: ***Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về thuật ngữ và 1 số đặc điểm cơ bản của nó.*** | Hs theo dõi |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15’)** | | |
| **Hoạt động 1 Tìm hiểu khái niệm thuật ngữ** |  | **I. Thuật ngữ là gì?** |
| - Cho HS phân biệt hai cách giải thích nghĩa của nước và từ muối?  ( Bảng phụ hoặc máy chiếu ) | - HS trả lời | **Bài tập 1**  **- Cách giải thích thứ nhất: chỉ dừng lại ở những đặc tính bên ngoài của vật** (Dạng lỏng hay rắn? Màu sắc, mùi vị như thế nào? Có ở đâu hay từ đâu mà có?). Đó là cách giải thích hình thành trên cơ sở kinh nghiệm, có tính chất cảm tính.  **- Cách giải thích thứ hai: thể hiện được đặc tính bên trong của sự vật** (Được cấu tạo từ những yếu tố nào? Quan hệ giữa những yếu tố đó như thế nào?). |
| - Hãy cho biết cách giải thích nào không thể hiểu được nếu thiếu kiến thức về hoá học? | -HS trả lời | - Những đặc tính này không thể nhận biết được qua kinh nghệm và cảm tính mà phải qua nghiên cứu bằng lí thuyết và phương pháp khoa học, qua việc tác động vào sự vật để sự vật bộc lộ những đặc tính của nó.  Do đó, nếu không có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực có liên quan (cụ thể trong trường hợp này là hoá học) thì người tiếp nhận không thể hiểu được cách giải thích này.  \*Cách giải thích thứ nhất là cách giải thích nghĩa của từ ngữ thông thường, còn cách giải thích thứ hai là cách giải thích nghĩa của thuật ngữ. |
| -Thuật ngữ là gì? Cho VD? | -HS trả lời | -Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ |
| -Gọi HS đọc ghi nhớ | -HS đọc | \* Ghi nhớ: SGK |
| -Cho HS làm bài tập 2 tr 88 | -HS làm miệng | **Bài 2:**  - Bộ môn mà những thuật ngữ này được sử dụng: thạch nhũ trong địa lí, ba-dơ (Bazơ; tiếng Anh: base) trong hoá học, ẩn dụ trong ngữ văn, phân số thập phân trong hoá học.  -Những thuật ngữ này chủ yếu được dùng trong loại văn bản về khoa học, công nghệ  ->Như vậy, thuật ngữ đôi khi được dùng trong những loại văn bản khác. Chẳng hạn, một bản tin, một phóng sự hay một bài bình luận trên báo chí cũng có thể sử dụng thuật ngữ khi đề cập đến những khái niệm có liên quan. |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu văn bản** |  | **II. Đặc điểm của thuật ngữ** |
| -HS thử tìm xem các thuật ngữ trong mục I.2 (SGK) có nghĩa nào khác không? Liên hệ với những từ ngữ không phải thuật ngữ để tìm sự khác biệt? | -HS làm việc độc lập | **Bài 3:**  -Không  + Các từ ngữ không phải thuật ngữ thường có nhiều nghĩa. |
| -HS phân biệt sắc thái của từ **muối** trong một văn bản khoa học và từ **muối** trong một câu ca dao?( Bảng phu hoặc máy chiếu ) | -HS trả lời | -Từ *muối* thứ nhất là một thuật ngữ, không có tính biểu cảm, không gợi lên những ý nghĩa bóng bẩy, *muối* là muối chứ không phải là một cái gì khác.  +Còn từ *muối* thứ hai là một từ thông thường, ***gừng cay muối mặn*** chỉ tình cảm sâu đậm của con người. |
| -Nêu đặc điểm của thuật ngữ? | -HS trả lời | \*Về nguyên tắc, trong 1 lĩnh vực khoa học, công nghệ nhất định, mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị 1 khái niệm, và ngược lại, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng 1 thuật ngữ  +Thuật ngữ không có tính biểu cảm |
| -Gọi HS đọc lại ghi nhớ SGK tr 88, 89 | -HS đọc | **\*Ghi nhớ** : SGK tr 88, 89 |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (20’)** | | |
|  |  | III. Luyện tập |
| - Bài 1: HS nhận biết được thuật ngữ . Cho HS thảo luận 2 bàn 1, sau đó gọi HS làm miệng | -HS thảo luận nhóm nhỏ 2HS | **Bài tập 1**.  - Lực (Vật lí); Xâm thực (Địa lí); Hiện tượng (Hoá học);Trường từ vựng (Ngữ văn); Di chỉ (Lịch sử); Thụ phấn (Sinh học); Lưu lượng (Địa lí); Trọng lực (Vật lí); Khí áp (Địa lí), Đơn chất (Hoá học), Thị tộc phụ hệ (Lịch sử); Đường trung trực (Toán học). |
| -Bài 2: HS làm miệng để hiểu rõ hơn về thuật ngữ | -HS làm miệng | **Bài tập 2**. Điểm tựa là một thuật ngữ vật lí, có nghĩa là điểm cố định của một đòn bẩy, thông qua đó lực tác động được truyền tới lực cản.  -Nhưng trong đoạn trích này nó không được dùng như một thuật ngữ. Điểm tựa chỉ nơi làm chỗ dựa chính (ví như điểm tựa của đòn bẩy). |
| Bài 3: Giúp HS phân biệt được cách sử dụng từ trong trường hợp là thuật ngữ và từ thông thường. Cho HS trao đổi nhóm nhỏ | -HS thảo luận nhóm nhỏ | **Bài tập 3**. Trong trường hợp (a), từ hỗn hợp được dùng như một thuật ngữ  -Trong trường hợp (b), từ hỗn hợp được dùng như một từ thông thường.  -Đặt câu với từ hỗn hợp dùng theo nghĩa thông thường. ( có thể dùng những câu có những kết hợp như: thức ăn hỗn hợp, đội quân hỗn hợp,) |
| Bài 5: Cho HS ôn về hiện tượng đồng âm. Cho HS thảo luận lớp. | -HS thảo luận lớp | **Bài tập 5**. Hiện tượng đồng âm giữa thuật ngữ ***thị trường*** của kinh tế học và thuật ngữ ***thị trường*** của quang học không vi phạm nguyên tắc một thuật ngữ - một khái niệm, vì hai thuật ngữ này được dùng trong hai lĩnh vực khoa học riêng biệt, chứ không phải cùng một lĩnh vực. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2’)** | | |
| Phân biệt thuật ngữ theo cách hiểu thông thường của người Việt. Cho HS thảo luận lớp | -HS thảo luận lớp | **Bài tập 4**: Định nghĩa từ cá của sinh học: động vật có xương sống, ở dưới nước, bơi bằng vây, thở bằng mang.  +Theo cách hiểu thông thường của người Việt (thể hiện cách gọi cá voi, cá heo và có thể kể thêm cá sấu), cá không nhất thiết phải thở bằng mang. |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (1’)** | | |
| -Hoàn chỉnh bài tập .Hướng dẫn HS học và chuẩn bị bài ở nhà  -Soạn bài: Chuẩn bị ôn các đoạn trích trong Truyện Kiều |  |  |

## \*. RÚT KINH NGHIỆM

## .................................................................................................................................................................................................................................................................. \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày soạn : Ngày dạy :**

**Tiết 30: TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh đánh giá kết quả về văn thuyết minh có sử dụng yếu tố nghệ thuật và miêu tả

**2. Kĩ năng**

- Khắc sâu kiến thức về văn thuyết minh đã học ở lớp 8

**3. Thái độ**

**-** Trân trọng, yêu quí Tiếng Việt

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy**

- Soạn bài, chấm bài

- Chuẩn bị nhận xét

**2. Trò**

- Chuẩn bị bài

**III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút) Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

**2. Kiểm tra bài cũ** : Lồng ghép trong bài mới

#### 3. Bài mới (44’)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)** | | |
| - 1 nhóm chiếu video thuyết minh  - GV dẫn: Chúng ta cùng nhận lại bài để xem kết quả như thế nào | Chiếu video  Xem  Nghe |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15’)** | | |

**1. Đề bài:** Sổ lưu đề KT

**2. Đáp án, biểu điểm**: Sổ lưu đề KT

3. **Thống kê điểm:**

**Lớp 9C**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài | Điểm 0-2 | | Điểm <5 | | Điểm >8 | | Điểm 9-10 | |
| SL | (%) | SL | (%) | SL | (%) | SL | (%) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Lớp 9D**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài | Điểm 0-2 | | Điểm <5 | | Điểm >8 | | Điểm 9-10 | |
| SL | (%) | SL | (%) | SL | (%) | SL | (%) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**4. Những ưu nhược điểm:**

\* Ưu điểm:

- Đa số các em đã nắm được cách làm một bài văn thuyết minh có sử dụng yếu tố nghệ thuật và miêu tả.

- Bố cục 3 phần rõ ràng

- Một số em diễn đạt tương đối rõ ràng, lưu loát, kể sáng tạo

\* Nhược điểm:

- Một số bài viết chưa đúng với văn thuyết minh của lớp 9: không vận dụng yếu tố nghệ thuật và miêu tả vào bài viết ; một số bài lại chỉ đơn thuần kể về lợi ích công dụng của loài cây mà không chú ý đến các kiến thức khác về loại cây đó

- Một số bài viết sơ sài, nội dung kể nghèo nàn

- Nhiều em còn sai chính tả, mắc lỗi về câu, lỗi diễn đạt lủng củng

- Một số em không nắm được kiến thức, lười suy nghĩ, không chịu tư duy

**5. Những lỗi cần sửa:**

- Sai câu chủ đề

- Sai lỗi câu

- Sai chính tả

- Diễn đạt lủng củng

**6. Hướng khắc phục:**

- Củng cố lại kiến thức về chính tả, câu

- Hướng dẫn cách diễn đạt một đoạn văn

- Cách lựa chọn ý

- Đọc các bài viết tốt cho học sinh cả lớp nghe.

## IV. RÚT KINH NGHIỆM

## .................................................................................................................................................................................................................................................................. \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngµy so¹n: Ngµy d¹y:***

**TIẾT 31: LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**: HS củng cố kiến thức về đoạn văn: Khái niệm về đoạn văn; từ ngữ chủ đề và câu chủ đề trong đoạn văn; các cách trình bày nội dung đoạn văn

**2. Kĩ năng**: Rèn cách viết đoạn văn theo hướng tích hợp ba phân môn: Tiếng Việt -Văn bản -Tập làm văn

**3. Thái độ**: yêu thích môn học

**4. Năng lực:**

- Năng lực chung:tư duy, hợp tác, làm việc nhóm

- Năng lực riêng: giao tiếp bằng ngôn ngữ, tạo lập văn bản, vận dụng

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Thiết kế bài giảng, tài liệu tham khảo

**2. Học sinh:** ôn tập kiến thức

**C. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**- Phương pháp:** Phát vấn, nhận xétđánh giá

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: 1’**

**2. Kiểm tra bài cũ:** lồng ghép trong học bài mới

**3. Bài mớ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| 1. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)** | | |
| Gọi HS viết sơ đồ cấu tạo mô hình các đoạn văn và thuyết trình. | Trình bày |  |
| 1. **HOAT ĐỘNG ÔN TẬP LÍ THUYẾT (15 phút)** | | |
| **Ôn kiến thức về đoạn văn**  ? Em hiểu thế nào là đoạn văn?  + GV: Như vậy, mỗi đoạn văn phải đảm bảo đầy đủ về nội dung, hoàn chỉnh về hình thức  ? Thế nào là từ ngữ chủ đề và câu chủ đề trong đoạn văn?  ? Nêu các cách trình bày nội dung đoạn văn? | Trả lời cá nhân  Trả lời cá nhân  Trả lời cá nhân | **I) Kiến thức cơ bản về đoạn văn**:  1. Khái niệm đoạn văn:  - **1. Khái niệm: Đoạn văn là gì?**  Một văn bản gồm có nhiều đoạn văn hợp thành. Vậy, đoạn văn là một phần của văn bản. Đoạn văn chỉ có một câu văn, hoặc do một số câu văn tạo thành. Đoạn văn biểu đạt một ý tương đối trọn vẹn của văn bản. Về hình thức, chữ đầu đoạn văn phải viết hoa, lùi vào độ một ô tính từ lề. Kết thúc đoạn văn bằng dấu chấm xuống dòng.  **2. Câu chủ đề của đoạn văn.**  Câu chủ đề (còn gọi là câu chốt) mang nội dung khái quát lời lẽ ngắn gọn, thường đủ hai thành phần chính C- V; nó có thể đứng đầu đoạn văn (đoạn diễn dịch) cũng có thể đứng cuối đoạn (đoạn quy nạp)  **3. Quan hệ giữa các câu trong đoạn văn.**  Trong một đoạn văn các câu có quan hệ ý nghĩa chặt chẽ với nhau. Có thể bổ sung ý nghĩa cho nhau; có thể liên kết, phối hợp với nhau về ý nghĩa.  **4. Cách trình bày nội dung trong đoạn văn.**  **-** ***Dựng đoạn diễn dịch*** ( là cách thức trình bày ý đi từ ý chung, khái quát đến các ý cụ thể chi tiết. Đoạn diễn dịch thì câu chốt đứng đầu đoạn, các câu đi kèm sau nhằm minh hoạ câu chốt.  **-** ***Dựng đoạn quy nạp*** ( là cách trình bầy nội dung đi từ các ý chi tiết, cụ thể đến ý chung khái quát. Trong đoạn quy nạp, các câu mang ý chi tiết, cụ thể đứng trước, câu chủ đề đứng cuối đoạn.  **-** ***Dựng đoạn song hành*** (là đoạn văn được sắp xếp các ý ngang nhau, bổ sung cho nhau, phối hợp nhau để diễn tả ý chung. Đoạn song hành không có câu chủ đề.  **-** ***Dựng đoạn móc xích*** là đoạn văn trong đó cách sắp xếp ý nọ tiếp theo ý kia theo lối móc nối vào ý trước (qua những từ ngữ cụ thể) để bổ sung, giải thích cho ý trước. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (25 phút)** | | |
| **HD học sinh luyện tập**    Gọi HS xác định yêu cầu đề bài | + HS làm cá nhân | **II. Luyện tập.**  **BT1: Viết 1 đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu cảm nhận về 4 câu thơ miêu tả vẻ đẹp của Thuý Vân trong đoạn trích Chị em Thuý Kiều, có sử dụng 1 câu phủ định, 1 lời dẫn gián tiếp.**  **Gợi ý:**  - Câu thơ mở đầu vừa giới thiệu Thuý Vân vừa khái quát vẻ đẹp của nhân vật. Hai chữ “trang trọng” gợi vẻ cao sang, quý phái.  - Với bút pháp nghệ thuật ước lệ, vẻ đẹp của Vân được so sánh với những thứ cao đẹp nhất trên đời, trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc. Bằng thủ pháp liệt kê chân dung Thúy Vân được miêu tả toàn vẹn từ khuôn mặt, nét mày, làn da, mái tóc đến nụ cười, giọng nói, phong thái ứng xử nghiêm trang, đứng đắn. Mỗi chi tiết được miêu tả cụ thể hơn nhờ bổ ngữ, định ngữ, hình ảnh so sánh ẩn dụ.  - Tác giả đã vẽ nên bức chân dung Thuý Vân bằng nghệ thuật so sánh ẩn dụ và ngôn ngữ thơ chọn lọc, chau chuốt: khuôn mặt đầy đặn, phúc hậu, tươi sáng như mặt trăng; lông mày sắc nét như con ngài; miệng cười tươi thắm như hoa; giọng nói trong trẻo thốt ra từ hàm răng ngà ngọc; mái tóc đen óng ả hơn mây, làn da trắng mịn màng hơn tuyết (***khuôn trăng… màu da***).  - Chân dung Thuý Vân là chân dung mang tính cách, số phận. Vân đẹp hơn những gì mĩ lệ nhất của thiên nhiên nhưng tạo sự hoà hợp êm đềm với xung quanh: mây thua, tuyết nhường. Thuý Vân hẳn có một tính cách ung dung, điềm đạm, một cuộc đời bình yên không sóng gió. |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (1 phút)** | | |
| Chuẩn bị thực hành tiết sau  Hoàn thiện phiếu bài tập |  |  |

**IV. ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngµy so¹n: Ngµy d¹y:***

**TIẾT 32: LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN (tiếp)**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**: HS củng cố kiến thức về đoạn văn: Khái niệm về đoạn văn; từ ngữ chủ đề và câu chủ đề trong đoạn văn; các cách trình bày nội dung đoạn văn

**2. Kĩ năng**: Rèn cách viết đoạn văn theo hướng tích hợp ba phân môn: Tiếng Việt -Văn bản -Tập làm văn

**3. Thái độ**: yêu thích môn học

**4. Năng lực:**

- Năng lực chung:tư duy, hợp tác, làm việc nhóm

- Năng lực riêng: giao tiếp bằng ngôn ngữ, tạo lập văn bản, vận dụng

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Thiết kế bài giảng, tài liệu tham khảo

**2. Học sinh:** ôn tập kiến thức

**C. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**- Phương pháp:** Phát vấn, nhận xétđánh giá

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: 1’**

**2. Kiểm tra bài cũ:** lồng ghép trong học bài mới

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| 1. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)** | | |
| Cho học sinh hát một bài hát tập thể. | Cả lớp hát |  |
| 1. **HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP LÍ THUYẾT (5 phút)** | | |
| Nhắc lại các kiến thức đã học học về đoạn văn | Trả lời cá nhân | **I) Kiến thức cơ bản về đoạn văn**: |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG (35 phút)** | | |
| **HD học sinh luyện tập**    Gọi HS xác định yêu cầu đề bài | + HS làm cá nhân | **II. Luyện tập.**  **BT2. Viết 1 đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu cảm nhận về vẻ đẹp của Thuý Kiều trong đoạn trích Chị em Thuý Kiều, có sử dụng 1 câu bị động, 1 lời dẫn trực tiếp**  - Câu thơ đầu đã khái quát đặc điểm của nhân vật: “*Kiều càng sắc sảo mặn mà*”. Nàng sắc sảo về trí tuệ và mặn mà về tâm hồn.  - Gợi tả vẻ đẹp của Kiều tác giả vẫn dùng những hình tượng ước lệ: thu thuỷ, xuân sơn, hoa, liễu. Đặc biệt khi hoạ bức chân dung Kiều, tác giả tập trung gợi tả vẻ đẹp đôi mắt. Hình ảnh “***Làn thu thuỷ, nét xuân sơn***” là hình ảnh mang tính ước lệ, đồng thời cũng là hình ảnh ẩn dụ, gợi lên một đôi mắt đẹp trong sáng, long lanh, linh hoạt như làn nước mùa thu, đôi lông mày thanh tú như nét mùa xuân. Đôi mắt đó là cửa sổ tâm hồn, thể hiện phần tinh anh của tâm hồn, trí tuệ. Tả Kiều, tác giả không cụ thể như khi tả Vân mà chỉ đặc tả đôi mắt theo lối điểm nhãn - vẽ hồn cho nhân vật, gợi lên vẻ đẹp chung của một trang giai nhân tuyệt sắc. Vẻ đẹp ấy làm cho hoa ghen, liễu hờn, nước nghiêng thành đổ. Nguyễn Du không miêu tả trực tiếp nhân vật mà miêu tả sự ghen ghét, đố kị hay ngưỡng mộ, say mê trước vẻ đẹp đó, cho thấy đây là vẻ đẹp có chiều sâu, có sức quyến rũ, cuốn hút lạ lùng.  - Vẻ đẹp tiềm ẩn phẩm chất bên trong cao quý, cái tài, cái tình đặc biệt của Kiều. Tả Thuý Vân chỉ tả nhan sắc, còn tả Thuý Kiều, tác giả tả sắc một phần thì dành hai phần để tả tài. Kiều rất mực thông minh và đa tài  "*Thông minh vốn sẵn tính trời*". Tài của Kiều đạt đến mức lý tưởng theo quan niệm thẩm mĩ phong kiến, hội đủ cầm, kỳ, thi, hoạ “*Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm*”.  Tác giả đặc tả tài đàn – là sở trường, năng khiếu, nghề riêng của nàng “*Cung thương lầu bậc ngũ âm, Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương*”. Không chỉ vậy, nàng còn giỏi sáng tác nhạc. Cung đàn Bạc mện của Kiều là tiếng lòng của một trái tim đa sầu đa cảm “*Khúc nhà tay lựa nên chương, Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân*”.  Tả tài, Nguyễn Du thể hiện được cả cái tình của Kiều.  - Chân dung Thuý Kiều là bức chân dung mang tính cách và số phận. Vẻ đẹp khi cho tạo hoá phải ghen ghét, các vẻ đẹp khác phải đố kị, tài hoa trí tuệ thiên bẩm "lai bậc" đủ mùi, cả cái tâm hồn đa sầu đa cảm khiến Kiều không thể tránh khỏi định mệnh nghiệt ngã, số phận éo le, gian khổ bởi  "*Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*". "*Trời xanh quen thói mà hồng đánh ghen*". Cuộc đời Kiều hẳn là cuộc đời hồng nhan bạc mệnh.  \* Có thể nói tác giả đã rất tinh tế khi miêu tả nhân vật Thuý Kiều: Tác giả miêu tả chân dung Thuý Vân trước để làm nổi bật chân dung Thuý Kiều, ca ngợi cả hai nhưng đậm nhạt khác nhau ở mỗi người. |
| **D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG** (1 phút) | | |
| Chuẩn bị thực hành tiết sau  Hoàn thiện phiếu bài tập |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Bài 1:** Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về nhân vật Thúy Kiều trong trích đoạn “ ***Chị em Thúy Kiều***” ( trích “ Truyện Kiều” của Nguyễn Du)

**Bài 2:** Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ của Nguyễn Du trong việc miêu tả ngoại hình hai chị em Thuý Kiều. Cách miêu tả ấy đã dự báo số phận của hai nhân vật như thế nào?

**Bài 3:**

“Dập dìu tài tử giai nhân/Ngựa xe như nước áo quần như nêm”(Trích “*Truyện Kiều – Nguyễn Du*)

-Hai câu thơ trên có sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh. Hãy chỉ rõ và phân tích giá trị của biện pháp tu từ ấy?

**IV. ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn : Ngày dạy :***

**TIẾT 33 : MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. Mục tiêu cần đạt** : Qua bài học HS nắm được:

**1.Kiến thức**: - Sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong 1 văn bản

- Vai trò, tác dụng của miêu tả trong văn bản tự sự

**2. Kỹ năng**: - Phát hiện và phân tích được tác dụng của miêu tả trong văn bản tự sự

- Kết hợp kể chuyện với miêu tả khi làm bài văn tự sự

**3. Thái độ**: Có ý thức sử dụng yếu tố miêu tả trong văn tự sự

**4. Năng lực:**

- Năng lực chung:tư duy, hợp tác, làm việc nhóm

- Năng lực riêng: giao tiếp bằng ngôn ngữ, tạo lập văn bản, vận dụng

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên** : -Soạn giáo án.

-Chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu

**2. Học sinh :**  -Soạn bài .

-Chuẩn bị giấy khổ to & bút dạ để thảo luận nhóm .

**III. Tiến trình dạy - học**

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ**: Lồng ghép trong tiết dạy

#### 3. Bài mới

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| 1. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)** | | |
| *"... Đặt chân tới con đê cao, con đê chắn ngang nếp nhà lụp xụp của gia đình chị đúng lúc ở phía trời đông ông mặt trời bắt đầu thắp sáng bình minh bằng những ánh hồng rực rỡ, chị Dậu bỗng chợt nhìn thấy một đoàn người..."*  Chỉ ra và nêu tác dụng của yếu tố miêu tả trong đoạn văn? | **Trả lời** |  |
| 1. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (20 phút)** | | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong VB TS** |  | **I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự** |
| - Cho HS đọc đoạn văn  - Đoạn trích kể về trận đánh nào? Trong trận đánh đó vua Quang Trung đã xuất hiện như thế nào, để làm gì? | -HS đọc -HS trả lời | **Bài 1:**  -Đoạn văn tự sự kể chuyện vua Quang Trung đánh đồn Ngọc Hồi  -Trong trận đánh đó hình ảnh người anh hùng được khắc hoạ khá đậm nét với tính cách quả cảm, mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, dụng binh như thần; là người tổ chức và linh hồn của chiến công vĩ đại |
| -Chỉ ra các chi tiết miêu tả trong đoạn văn. Các chi tiết ấy nhằm thể hiện những đối tượng nào? | -HS tìm chi tiết và trả lời | -HS dựa vào SGK tr 91 |
| -Cho HS đọc các sự việc chính tr 91. Các sự việc chính đã được nêu đầy đủ chưa? | -HS đọc và trả lời | -Đầy đủ |
| -Cho HS nối các sự việc ấy thành một đoạn văn.Nếu chỉ kể lại sự việc diễn ra như thế thì câu chuyện có sinh động không? Tại sao? | -HS lên bảng nối và trả lời | -Không sinh động, vì chỉ đơn giản kể lại các sự việc, tức là chỉ mới trả lời câu hỏi việc gì, chứ chưa trả lời được câu hỏi việc đó diễn ra như thế nào? |
| - Cho HS so sánh các sự việc chính mà bạn đã nêu với đoạn trích. Nhờ những yếu tố nào mà trận đánh được tái hiện lại một cách sinh động? | -HS thảo luận lớp | -Nhờ có miêu tả bằng các chi tiết mới thấy được sự việc diễn biến ntn? |
| -Nêu tác dụng của yếu tố MT trong văn bản tự sự ? | -HS trả lời | \*Trong văn bản tự, sự miêu tả cụ thể, chi tiết về cảnh vật, nhân vật và sự việc có tác dụng làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, gợi cảm, sinh động |
| 1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (15 phút)** | | |
| **Hoạt động 2:** Hướng dẫn HS luyện tập để củng cố kiến thức (Bảng phụ hoặc máy chiếu) |  | **II. Luyện tập** |
| -Bài 1 : Giúp HS rèn kĩ năng nhận diện các yếu tố miêu tả qua đoạn trích Truyện Kiều vừa học. HS làm việc theo nhóm nhỏ | -HS làm việc theo nhóm nhỏ | **Bài tập 1**  -Trong đoạn Chị em Thuý Kiều, Nguyễn Du đã sử dụng rất nhiều yếu tố miêu tả, nhất là tả người. Nhằm tái hiện lại chân dung mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười của Thuý Kiều và Thuý Vân, tác giả đã sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng, 1 thủ pháp quen thuộc và nổi bật trong thơ văn cổ.  (\*Gợi ý: HS cần chỉ ra được ở mỗi đối tượng, Nguyễn Du đã chú ý tả ở phương diện nào? So sánh, ví von với những gì? Cách tả ấy đã làm nổi bật được vẻ đẹp khác nhau như thế nào ở mỗi nhân vật?)  -Trong đoạn Cảnh ngày xuân, Nguyễn Du chọn lọc những chi tiết để miêu tả và làm nổi bật cảnh sắc mùa xuân( HS chỉ rõ chi tiết ) |
| Bài tập 2: Giúp HS rèn kĩ năng viết đoạn văn tự sự dùng các yếu tố miêu tả. HS làm việc độc lập | -HS làm việc độc lập | **Bài 2**: HS viết |
| Bài tập 3:Giúp HS rèn kĩ năng nói, thuyết minh, giới thiệu. HS trình bày theo nhóm  (Có thể chia lớp ra ba nhóm, mỗi nhóm thực hiện một bài tập, sau đó cử đại diện mỗi nhóm trình bày, HS cả lớp nhận xét và bổ sung, góp ý.) | -HS làm việc theo nhóm. Các nhóm cử người trình bày | **Bài 3**: HS nói trước lớp theo nhóm |
| 1. **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (2 phút) | | |
| **-** Lồng ghép yếu tố miêu tả trong việc viết đoạn |  |  |
| E**. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG** (1 phút) | | |
| -Soạn bài :Trau dồi vốn từ. |  |  |

**IV. ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Tuần 9 Ngày soạn : Ngày dạy :

**TIẾT 34 : TRAU DỒI VỐN TỪ**

**I. Mục tiêu cần đạt** : Qua bài học HS nắm được:

**1. Kiến thức**: -Những định hướng chính để trau dồi vốn từ. Muốn trau dồi vốn từ trước hết phải rèn luyện để biết được đầy đủ và chính xác nghĩa và cách dùng của từ. Ngoài ra muốn trau dồi vốn từ còn phải biết cách làm vốn từ.

**2. Kỹ năng**: Giải nghĩa và sử dụng từ đúng nghĩa, phù hợp ngữ cảnh.

**3. Thái độ**: Có ý thức rèn luyện để trau dồi vốn từ

**4. Năng lực:**

- Năng lực chung:tư duy, hợp tác, làm việc nhóm

- Năng lực riêng: giao tiếp bằng ngôn ngữ, tạo lập văn bản, vận dụng

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên** : -Soạn giáo án.

-Chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu

**2. Học sinh :**  -Soạn bài .

-Chuẩn bị giấy khổ to & bút dạ để thảo luận nhóm .

**III. Tiến trình dạy - học**

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ**: lồng ghép trong tiết dạy

#### 3. Bài mới

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| 1. **Hoạt động khởi động (5 phút)** | | |
| GV đặt tình huống: Muốn bày tỏ một ý kiến, nguyện vọng hay suy nghĩ…của mình, em phải làm thế nào?  GV dẫn dắt: Từ là chất liệu để tạo nên câu. Muốn diễn tả chính xác và sinh động những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của mình, người nói phải biết rõ những từ mà mình dùng và có vốn từ phong phú. Do đó trau dồi vốn từ là 1 việc rất quan trọng để phát triển kỹ năng diễn đạt. Tiết học hôm nay sẽ giúp các em biết trau dồi vốn từ | **Trả lời**  **Lắng nghe** |  |
| 1. **Hoạt động hình thành kiến thức (20 phút)** | | |
| **Hoạt động 1**: Hướng dẫn HS rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ |  | **I. Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ** |
| -Gọi HS đọc ý kiến của PVĐ | HS đọc | **Bài 1:** |
| -Qua ý kiến đó, em hiểu Cố Thủ tướng- nhà văn hoá Phạm Văn Đồng muốn nói điều gì? | HS trả lời | a) Tiếng Việt là một ngôn ngữ có khả năng rất lớn để đáp ứng nhu cầu diễn đạt của người Việt.  b) Muốn phát huy tốt khả năng của tiếng Việt, mỗi cá nhân phải không ngừng trau dồi ngôn ngữ của mình mà trước hết là trau dồi vốn từ. |
| - Gọi HS đọc các câu ở BT 2 tr 100. HS xác định lỗi trong những câu đã cho? | HS đọc  HS xác định lỗi | Bài 2 -Trong ba câu này, người viết đều mắc lỗi dùng từ.  +Trong câu (a), dùng thừa từ **đẹp** vì thắng cảnh có nghĩa là “cảnh đẹp’’.  +Trong câu (b), dùng sai từ **dự đoán** có nghĩa là “đoán trước tình hình, sự việc nào đó có thể xảy ra trong tương lai’’. Vì thế ở đây chỉ có thể dùng những từ như **phỏng đoán, ước đoán, ước tính,**  +Trong câu (c), dùng sai từ **đẩy mạnh**, vì **đẩy mạnh** có nghĩa là “thúc đẩy cho phát triển nhanh lên’’. Nói về quy mô thì có thể là **mở rộng** hay **thu hẹp**, chứ không thể **nhanh** hay **chậm** được. |
| -Giải thích vì sao có những lỗi này? Vì tiếng ta nghèo hay vì người viết không biết dùng tiếng ta? Như vậy để biết dùng tiếng ta cần phải làm gì? | -HS trả lời | ***-Sở dĩ có những lỗi này vì người viết không biết chính xác nghĩa và cách dùng của từ mà mình sử dụng. Rõ ràng là không phải do tiếng ta nghèo, mà do người viết đã không biết dùng tiếng ta. Như vậy muốn biết dùng tiếng ta thì trước hết phải nắm được đẩy đủ và chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ.*** |
| -Gọi HS đọc ghi nhớ : SGK tr 100 | HS đọc | \***Ghi nhớ**: SGK tr 100 |
| **Hoạt động 2.** Hướng dẫn HS rèn luyện để làm tăng vốn từ |  | II. Rèn luyện để làm tăng vốn từ |
| -Gọi HS đọc ý kiến của nhà văn Tô Hoài  -Em hiểu ý kiến ấy ntn? | -HS đọc  -HS trả lời | **Bài 3**  -Nhà văn Tô Hoài phân tích quá trình trau dồi vốn từ của đại thi hào Nguyễn Du bằng cách học lời ăn tiếng nói của nhân dân. |
| -HS so sánh hình thức trau dồi vốn từ đã được nêu trong phần trên và hình thức trau dồi vốn từ của Nguyễn Du qua đoạn văn phân tích của Tô Hoài? | -HS thảo luận nhóm | -Trong phần trên chúng ta đề cập đến việc trau dồi vốn từ thông qua quá trình rèn luyện để biết đầy đủ và chính xác nghĩa và cách dùng của từ (đã biết nhưng có thể biết chưa rõ). Còn việc trau dồi vốn từ mà Tô Hoài đề cập đến được thực hiện theo hình thức học hỏi để biết thêm những từ mà mình chưa biết. |
| -Gọi HS đọc ghi nhớ 2 tr 101 | HS đọc | \***Ghi nhớ 2**: SGK tr 101 |
| 1. **Hoạt động luyện tập – vận dụng** (18 phút) | | |
| **Hoạt động 3:** Hướng dẫn HS luyện tập để củng cố kiến thức (Bảng phụ hoặc máy chiếu) |  | **III. Luyện tập** |
| -Bài 1 : Giúp HS hiểu rõ nghĩa của từ. Cho HS làm miệng | HS làm miệng | **Bài tập 1**.Chọn cách giải thích đúng:  -Hậu quả: kết quả xấu.  -Đoạt: chiếm được phần thắng.  Tinh tú: sao trên trời (nói khái quát). |
| Bài 2: Giúp HS xác định nghĩa của yếu tố Hán Việt. Cho HS thảo luận lớp | HS thảo luận lớp | **Bài tập 2**. Xác định nghĩa của yếu tố Hán Việt. |
| **Bài tập 2**. Xác định nghĩa của yếu tố Hán Việt.  a)Tuyệt:  -Dứt, không còn gì: tuyệt chủng (bị mất hẳn nòi giống), tuyệt giao (cắt đứt giao thiệp), tuyệt tự (không có người nối dõi), tuyệt thực (nhịn đói, không chịu ăn để phản đối-một hình thức đấu tranh).  -cực kì, nhất: tuyệt đỉnh (điểm cao nhất, mức cao nhất), tuyệt mật (cần được giữ bí mật tuyệt đối), tuyệt tác (tác phẩm văn học, nghệ thuật hay, đẹp đến mức coi như không còn có thể có cái hơn), tuyệt trần (nhất trên đời, không có gì sánh bằng).  b)Đồng:  -cùng nhau, giống nhau: đồng âm (có âm giống nhau), đồng bào (những người cùng một giống nòi, một dân tộc, một tổ quốc-với hàm ý có quan hệ thân thiết như ruột thịt), đồng bộ (phối hợp với nhau một cách nhịp nhàng), đồng chí (người cùng chí hướng chính trị), đồng dạng (có cùng một dạng như nhau,), đồng khởi (cùng vùng dậy dùng bạo, lực để phá ách kìm kẹp), đồng môn (cùng học một thầy, một trường hoặc cùng môn phái), đồng niên (cùng một tuổi), đồng sự (cùng làm việc ở cơ quan-nói về những người ngang hàng với nhau).  -Trẻ em: đồng ấu (trẻ em khoảng 6, 7 tuổi), đồng dao (lời hát dângian của trẻ em), đồng thoại (truyện viết cho trẻ em).  -(chất) đồng: trống đồng (nhạc khí gõ thời cổ, hình cái trống, đúc bằng đồng, trên mặt có chạm những hoạ tiết trang trí). | | |
| Bài 3: Giúp HS biết sửa lỗi dùng từ . Cho HS làm miệng | -HS làm miệng | **Bài tập 3**: Sửa lỗi dùng từ trong những câu sau:  a)Dùng sai từ **im lặng**. Có thể thay **im lặng** bằng **yên tĩnh, vắng lặng**.  b)Dùng sai từ **thành lập**-> sử dụng cụm từ **thiết lập quan hệ ngoại giao**.  c)Dùng sai từ **cảm xúc-> rất cảm động (hoặc xúc động, cảm phục,).** |
| Bài 4: Cho HS làm việc theo nhóm để rèn kỹ năng bình luận | -HS thảo luận nhóm | **Bài tập 4**. Bình luận ý kiến của Chế Lan Viên.  Tiếng Việt của chúng ta là một ngôn ngữ trong sáng và giàu đẹp. Điều đó được thể hiện trứơc hết qua ngôn ngữ của những nông dân. Muốn gìn giữ sự trong sáng và giàu đẹp của ngôn ngữ dân tộc phải học tập lời ăn tiếng nói của họ. |
| Bài 5: Giúp HS có ý thức tăng thêm vốn từ. Cho HS thảo luận lớp | -HS thảo luận lớp | **Bài tập 5.** Để làm tăng vốn từ, cần:  -Chú ý quan sát, lắng nghe lời nói hằng ngày của những người xung quanh và trên các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình.  -Đọc sách báo, nhất là những tác phẩm văn học mẫu mực của những nhà văn nổi tiếng.  -Ghi chép lại những từ ngữ mới đã nghe được, đọc được. Gặp những từ ngữ khó không tự giải thích được thì tra cứu từ điển hoặc hỏi người khác, nhất là hỏi thầy, cô giáo.  -Tập sử dụng những từ ngữ mới trong những hoàn cảnh giao tiếp thích hợp. |
| Bài 6, 7: HS biết cách dùng từ đúng lúc, đúng chỗ. Cho HS làm việc độc lập | -HS làm việc độc lập | **Bài tập 6**.Chọn từ ngữ thích hợp với mỗi chỗ trống trong câu.  a)điểm yếu.  b)mục đích cuối cùng.  c) đề đạt.  d) láu táu.  e) hoảng loạn.  **Bài tập 7.** Phân biệt nghĩa của các từ ngữ như sau:  a)Nhuận bút là tiền trả cho người viết một tác phẩm  + Thù lao là trả công để bù đắp vào lao động đã bỏ ra (động từ) hoặc khoản tiền trả công để bù đắp vào lao động đã bỏ ra (danh từ). ->Như vậy, nghĩa của thù lao rộng hơn nghĩa của nhuận bút rất nhiều.  b)Tay trắng là không có chút vốn liếng, của cải gì, còn trắng tay làbị mất hết tất cả tiền bạc, của cải, hoàn toàn không còn gì  c)Kiểm điểm là xem xét đánh giá lại từng cái hoặc từng việc để có được một nhận định chung, còn kiểm kê là kiểm lại từng cái, từng món để xác định số lượng và chất lượng của chúng.  d)Lược khảo là nghiên cứu một cách khái quát về những cái chính, không đi vào chi tiết, còn lược thuật là kể, trình này tóm tắt. |
| Bài 8, 9: Giúp HS mở rộng vốn từ.  +Bài 8: Chia lớp thành các nhóm và các em thi nhau xem nhóm nào tìm ra được nhiều từ nhất.  +Bài 9: Gọi nhiều HS, mỗi em tìm hai từ. | -Các nhóm thi làm nhanh  -HS làm miệng | **Bài tập 8**., 9: HS tự làm |
| 1. **Hoạt động tìm tòi, mở rộng** (1 phút) | | |
| - Soạn bài sau: Kiều ở lầu Ngưng Bích |  |  |

**IV. ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:.../..../20 Ngày dạy:..../..../20***

**Tiết 35-36: VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2: VĂN TỰ SỰ**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh viết được một văn bản tự sự có sử dụng yếu tố biểu cảm

**2. Kỹ năng:**

- Diễn đạt, thu nhập tài liệu, chọn lọc hình ảnh, sử dụng các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả.

**-** Học sinh biết vận dụng để viết được những bài văn tự sự mang tính sáng tạo, nghệ thuật cao.

**3. Thái độ:**

- Ôn tập, làm bài nghiêm túc, cẩn thận, chủ động, sáng tạo.

1. **Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; **- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Chọn đề, định hướng cho học sinh.

**2. Học sinh:** Xem các đề văn ở sgk, chọn các tài liệu cho bài làm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra sự chuẩn bị của HS**

**3. Bài mới**

**HĐ1. Phát đề**

**HĐ2. Kiểm tra:** Đề bài và đáp án như sổ lưu đề.

* GV theo dõi HS làm bài, nhắc nhở những HS chưa nghiêm túc.

**HĐ3**: Thu bài

***4. Củng cố:***

- Giáo viên nhận xét chung.

***5. Hướng dẫn về nhà:***

- Xem lại các đề ở sgk

- Lập dàn ý cho những đề văn đó.

**\*. Rút kinh nghiệm:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn:.../..../20 Ngày dạy: ..../..../20***

***Tiết 37*:** **KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

***( Trích*** ***Truyện Kiều- Nguyễn Du***)

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Qua tâm trạng cô đơn, buồn tủi và nổi niềm thương nhớ của Kiều để cảm nhận được tấm lòng thuỷ chung, hiếu thảo của nàng.

- Thấy được nghệ thuật miêu tả nội tâm của Nguyễn Du, diễn biến tâm trạng thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng phân tích tâm trạng nhân vật qua việc phân tích cảnh.

**-** Học sinh biết vận dụng kiến thức để phân tích bức tranh tâm trạng trong đoạn trích, thấy được những đặc sắc trong bút pháp miêu tả của tác giả.

**3. Thái độ*:***  Cảm thông, trân trọng những mảnh đời bất hạnh, có cái nhìn thiện cảm với những cô gái tài hoa, bạc mệnh.

1. **Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ;

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, đọc truyện Kiều.

**2. Học sinh:** Đọc văn bản, trả lời câu hỏi ở sgk.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ**: lồng ghép trong tiết dạy

#### 3. Bài mới

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)** | | |
| **Tổ chức trò chơi “Ai là triệu phú”**  Nhóm 1 điều khiển  GV dẫn vào bài | Đại diện nhóm 1 tổ chức, các bạn khác tham gia |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30’)** | | |
| **HD học sinh Tìm hiểu chung** |  | **I. Tìm hiểu chung** |
|  |  | ***1. Đọc văn bản*** |
| Yêu cầu: Đọc chậm rãi, thể hiện được nổi buồn man mác của Kiều. Chú ý nhấn các điệp ngữ. | Đọc |  |
|  |  | ***2. Chú thích*** |
| Khoá xuân? | Giải thích |  |
| Quạt nồng ấp lạnh? |  |  |
| Nêu vị trí đoạn trích?  HS kể nội dung phần trước và sau của văn bản. | Trả lời | ***3. Vị trí đoạn trích***: phần 2: Gia biến và lưu lạc |
|  |  | ***4. Bố cục*** |
| ? Hãy cho biết bố cục của văn bản. | Trả lời | 3 đoạn. |
|  |  | - Đoạn 1: 6 câu đầu: Toàn cảnh trước Lầu Ngưng Bích qua con mắt và tâm trạng của Kiều. |
|  |  | - Đoạn 2: 8 câu tiếp theo: Nỗi nhớ chàng Kim và nhớ cha mẹ. |
|  |  | - 8 câu còn lại: Tâm trạng đâu buồn, lo âu. |
| **HD học sinh Tìm hiểu văn bản.** |  | **II. Tìm hiểu văn bản.** |
|  |  | ***1. Hoàn cảnh cô đơn, tội nghiệp của Kiều*** |
| Gọi học sinh đọc 6 câu thơ đầu.  Ngưng Bích? (Ngưng là ngừng đọng lại, Bích: xanh -> tên lầu trông ra biển và núi xanh).  Khoá xuân? (Giam lỏng Kiều) | Đọc |  |
| ? Em hãy tìm những từ ngữ miêu tả khung cảnh trước lầu Ngưng Bích? | Trả lời | - Non xa, trăng gần ở chung  - Bốn bề bát ngát xa trông  - Cát vàng, bụi hồng |
| ? Qua những từ ngữ đó em có nhận xét gì về không gian miêu tả của tác giả? |  | - Không gian mở rộng cả 2 chiều:  + Chiều cao: trăng  + Chiều rộng: Bốn bề bát ngát xa trông, cát vàng… |
| ? Như vậy em có nhận xét gì về khung cảnh trước lầu? | Nhận xét | - Khung cảnh mênh mông, hoang vắng, lạnh lẽo, thiếu vắng sự sống của con người.  (Câu thơ 6 chữ, chữ nào cũng gợi lên sự rợn ngợp của không gian, không gian mở rộng đến vô cùng “Bốn bề bát ngát xa trông” càng gợi lên sự trơ trọi, cô đơn của Kiều). |
| ? Tại sao nhà thơ lại nói: “Non xa, trăng gần” em có thấy vô lý không? **HS giỏi**  (Hình ảnh: non xa, trăng gần, cát vàng, bụi hồng có thể là hình ảnh thực cũng có thể là hình ảnh mang tính ước lệ gợi lên sự mênh mông, rợn ngợp của cảnh vật, của không gian qua sự cảm nhận của Kiều) | Trả lời | - Vô lý là trăng thường xa hơn núi nhưng vì cảnh ban đêm ánh trăng dọi xuống rất sáng nên cảm giác gần, còn núi gần nhưng mờ mờ nên thấy xa. Qua cách miêu tả đó đã gợi lên hình ảnh lầu ngưng bích như đứng chơi vơi giữa mênh mang trời nước. Từ lầu nhìn ra chỉ thấy những dãy núi mờ xa, những cồn cát bụi bay mịt mù… |
| ? Qua cách miêu tả của tác giả em có nhận xét gì? | Trả lời | - Cảnh được tả không phải khách quan, vô cảm mà được cảm nhận qua tâm trạng của người ngắm cảnh. |
| ? Cụm từ “Mây sớm đèn khuya” gợi lên điều gì? | Trả lời | - Gợi lên thời gian: Sớm và khuya  Ngày và đêm. |
|  |  | => Thời gian khép kín, tuần hoàn |
| ? Không gian ấy đã gợi lên tâm trạng gì của nhân vật? (chú ý từ láy bẽ bàng) | Trả lời | - Cô đơn, trống vắng và cảm giác bị giam hãm. “Nữa tình nữa cảnh như chia tấm lòng”.  Một nữa gửi vào cảnh vật, một nữa giữ trong lòng, cũng có thể một nữa ở nơi này nhưng một nữa kia đã gửi vào cảnh vật chốn quê nhà. Thể xác ở nơi này nhưng tâm hồn đã gửi lại… |
| ? Nhận xét nghệ thuật miêu tả của tác giả? | Nhận xét | => Cảm giác chán ngán, buồn tủi, cô đơn, nàng chỉ còn biết làm bạn với mây trời, gió núi, trăng thanh giữa một thế giới mênh mông, lạnh lẽo. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5’)** | | |
| **HD HS Luyện tập**  Phân tích cái hay của câu thơ “Bẽ bang mây sớm đèn khuya” | Thảo luận nhóm | ***Bài tập 1:*** Phân tích đặc sắc nghệ thuật |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (3’)** | | |
| Đọc diễn cảm bài thơ | HS đọc |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Học thuộc lòng đoạn thơ..  - Soạn: Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga |  |  |

**IV. Rút kinh nghiệm**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn:.../..../20 Ngày dạy: ..../..../20***

***Tiết 38*:** **KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH (tiếp)**

***( Trích*** ***Truyện Kiều- Nguyễn Du***)

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức:***

- Qua tâm trạng cô đơn, buồn tủi và nổi niềm thương nhớ của Kiều để cảm nhận được tấm lòng thuỷ chung, hiếu thảo của nàng.

- Thấy được nghệ thuật miêu tả nội tâm của Nguyễn Du, diễn biến tâm trạng thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.

***2. Kỹ năng:***

- Rèn kỹ năng phân tích tâm trạng nhân vật qua việc phân tích cảnh.

**-** Học sinh biết vận dụng kiến thức để phân tích bức tranh tâm trạng trong đoạn trích, thấy được những đặc sắc trong bút pháp miêu tả của tác giả.

***3. Thái độ:***  Cảm thông, trân trọng những mảnh đời bất hạnh, có cái nhìn thiện cảm với những cô gái tài hoa, bạc mệnh.

1. **Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ;

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, đọc truyện Kiều.

**2. Học sinh:** Đọc văn bản, trả lời câu hỏi ở sgk.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ**: lồng ghép trong tiết dạy

#### 3. Bài mới

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3’)** | | | |
| **Tổ chức cho lớp hát một bài hát tập thể**  Nhóm 1 điều khiển  GV dẫn vào bài | Lớp phó văn – thể - mĩ | |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30’)** | | | |
| **HD học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản** |  | ***2. Nỗi thương nhớ người yêu, thương nhớ cha mẹ chốn quê nhà.*** | |
| Gọi học sinh đọc 8 câu tiếp. | Đọc | \* Nỗi nhớ người yêu | |
| ? 8 câu thơ này có tả cảnh? |  |  | |
| - 4 câu đầu nỗi nhớ chàng Kim |  | - Không còn tả cảnh như 4 câu trước, hay nói cách khác đã mờ đi cho nỗi nhớ cồn lên, xao động trong lòng Kiều, lúc này dường như nàng không sống với xung quanh nữa mà đang chìm dần vào thời gian, đang sống cùng những người thân yêu của mình. | |
| - 4 câu sau nhớ cha mẹ |  |  | |
| ? Kiều nhớ Kim Trọng trước, nhớ cha mẹ sau, như vậy có phù hợp không? **HS giỏi** | Thảo luận nhóm |  | |
| ? Nhớ Kim Trọng, Kiều nhớ đến hình ảnh (kỷ niệm nào nhất)? Vì sao? |  | - Hoàn toàn phù hợp với diễn biến tâm lý nhân vật. Kiều đã thất tiết với Mã Giám Sinh lại bắt phải tiếp khách làng chơi nên Kiều luôn cảm thấy mình có lỗi và mắc nợ chàng Kim, Kiều đã phụ lời thề thiêng liêng, mối tình đầu vẫn còn nhức nhối, Kiều hình dung khi Kim Trọng trở về sẽ đau khổ như thế nào. | |
| ? Khi nghĩ về Kim Trọng thì nổi đau lớn nhất của Kiều là gì? | Trả lời | -Nhớ lời thề dưới ánh trăng vì người con gái đã nguyện ước cùng ai thì đó là điều thiêng liêng nhất và trọn đời chung thuỷ. | |
| ? Nhận xét tình cảm của Kiều dành cho Kim Trọng? | Trả lời | - “Tấm son gột rửa bao giờ cho phai”  Nhớ Kim Trọng Kiều lại nghĩ đến phận mình, đang lạc lõng, bơ vơ giữa đất khách quê người nhưng tấm lòng son vẫn luôn hướng về người yêu. | |
|  |  | -> Luôn hướng về Kim Trọng với một cõi lòng đau đớn, xót xa. | |
| ? Kiều nhớ về cha mẹ như thế nào? | Trả lời | \* Nỗi nhớ cha mẹ: | |
| ? Em nhận xét như thế nào về tình cảm của Kiều dành cho cha mẹ? |  | - Xót thương cha mẹ già đang ngóng chờ tin con, không ai chăm sóc, phụng dưỡng. | |
| ? Nỗi nhớ người yêu và nỗi nhớ cha mẹ có gì khác nhau? | Trả lời | - Hiếu thảo, ơn sâu nghĩa nặng. | |
|  |  | - Nhớ Kim Trọnh: Kiều liên tưởng, hình dung kỷ niệm của 2 người, một nỗi nhớ cồn cào, đau đớn. | |
| ? Trong cảnh ngộ ở lầu Ngưng Bích Kiều là người đáng thương nhất nhưng Kiều đã quên bản thân để nghĩ đến người khác, qua đó em có suy nghĩ gì? | Trả lời | - Nhớ cha mẹ: Nghĩ đến bổn phận làm con. | |
|  |  | -> Kiều là một người tình chung thuỷ, người con có hiếu và một tấm lòng vị tha đáng trọng. | |
| Học sinh đọc 8 câu cuối |  | ***3. Tâm trạng buồn lo của Kiều*** | |
| Đây là đoạn thơ diễn tả nỗi buồn của lòng người trước mênh mang trời biển. Đây chính là đoạn thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc nhất trong truyện Kiều. |  |  | |
| ? Cảnh nào được gợi tả ở đoạn thơ này? |  |  | |
| Học sinh thảo luận: Mỗi cảnh diễn tả một tâm trạng, em hãy phân tích để thấy được tâm trạng đó? |  | - Cánh buồn thấp thoáng.  - Cánh hoa trôi dạt trên sóng nước  - Bãi cỏ đơn độc.  - Tiếng sóng biển ầm vang. | |
| ? Ở đoạn thơ này tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Tác dụng? **HS giỏi** | Thảo luận nhóm | - Hình ảnh cánh buồn mất hút giữa muôn trùng sóng nước và cánh hoa phiêu dạt liên tưởng đến thân phận chìm nổi, bơ vơ.  - Buồn trông nội cỏ rầu rầu: Mặt đất chỉ có một màu xanh đơn điệu -> Chỉ một cuộc sống buồn tẻ, vô vị.  - Gió và sóng biển: Liên tưởng đến sóng gió cuộc đời vây quanh mình và lo sợ cho tương lai mờ mịt. | |
| ? Em có nhận xét gì về nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du?(trình tự miêu tả). |  | - Điệp ngữ: Buồn trồng=> diễn tả nổi buồn chồng chất, kéo dài, cảnh vật cũng nhuốm màu tâm trạng, mang một nỗi buồn thê lương. | |
| ? Như vậy tâm trạng của Kiều ở đoạn thơ này là tâm trạng gì? |  | - Cảnh lầu Ngưng Bích được nhìn qua tâm trạng của Kiều. Cảnh từ xa đến gần, từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động, nỗi buồn từ man mác đến lo âu, kinh sợ. Ngọn gió cuốn mặt duềnh và ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi là cảnh tượng hãi hùng như báo trước giông bão cuộc đời đang nổi lên. | |
| **Tổng kết** |  | => Lo âu, kinh sợ không biết sóng gió sẽ xô đẩy về đâu. | |
| ? Qua văn bản em cảm nhận được nét đẹp nào trong tâm hồn Kiều. | Đọc | **III. Tổng kết:** Ghi nhớ | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (7’)** | | | |  |  |
| **HD học sinh luyện tập** |  | |  |
| Viết một đoạn văn ngắn khoảng 5 câu phân tích biện pháp nghệ thuật được tác giả dùng trong 8 câu thơ cuối | Làm bài cá nhân | |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (3’)** | | | |
| Chỉ ra bút pháp tả cảnh ngụ tình trong đoạn thơ, nêu hiểu biết của em về bút pháp này | Thảo luận nhóm | |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TIM TÒI – MỞ RỘNG (1’)** | | | |
| - Đọc diễn cảm và thuộc lòng đoạn thơ..  - Soạn: Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga |  | |  |

**\*. Rút kinh nghiệm**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn:.../..../20 Ngày dạy: ..../..../20***

**Tiết 39: LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh nắm được cốt truyện và những điều cơ bản về tác giả, tác phẩm.

- Tìm hiểu phương thức khắc hoạ tính cách nhân vật của truyện.

- Qua đoạn trích, hiểu được khát vọng cứu người, giúp đời của tác giả và phẩm chất của 2 nhân vật: Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga…

**2. Kỹ năng:**

- Phân tích nhân vật qua ngoại hình, hành động, tính cách.

**3. Thái độ*:*** Biết sống ngay thẳng, trung thực, sẵn sàng giúp đỡ người khác.

**-**Học sinh thấy được tình yêu thiên nhiên, con người và nghị lực sống phi thường của Nguyễn Đình Chiểu để từ đó vận dụng vào cuộc sống của bản thân. Tìm đọc thêm về truyện.

1. **Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ;

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, nghiên cứu về tác giả Nguyễn Đình Chiểu và truyện Lục Vân Tiên.

**2. Học sinh:** Đọc văn bản, trả lời câu hỏi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3’)** | | |
| **Tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”**  Hãy kể tên những tác giả của nền VHTĐ mà em đã đc học | HS kể |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (35’)** | | |
| **Hoạt động 1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm** |  | **A. TÌM HIỂU CHUNG** |
|  |  | ***1. Tác giả*** |
| Gọi học sinh đọc lại đoạn 1. | Đọc | a. Cuộc đời: |
|  |  | - Đỗ tú tài năm 1843 |
|  |  | - Chưa kịp thi tiếp thì mẹ mất rồi ốm nặng, bị mù và bị bội hôn. |
|  |  | - Ông về quê mẹ bốc thuốc chữa bệnh và mở lớp dạy học. |
|  |  | - Cùng các lãnh tụ nghĩa quân bày mưu chống giặc. |
|  |  | - Ông sáng tác thơ văn khích lệ tinh thần yêu nước, chiến đấu của nhân dân Nam Bộ |
|  |  | - NĐC là tấm gương sáng ngời về nghị lực sống và cống hiến cuộc đời cho dân, cho nước. Là ngọn cờ đầu của thơ văn yêu nước thế kỷ XIX. |
|  |  | b. Sự nghiệp |
| ? Cho biết sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu? | Trả lời | Ông để lại cho đời một sự nghiệp văn chương khá đồ sộ. |
|  |  | - Tất cả các tác phẩm đều được viết bằng chữ Nôm. |
| Từ cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu, em rút ra bài học gì cho bản thân? HS giỏi | Trả lời | - Trước 1858: Truyện Lục Vân Tiên  Ngư Tiền y thuật vấn đáp  - Sau 1858: Văn tế  Chạy giặc |
|  |  | ***2. Tác phẩm LVT:*** |
|  |  | - Truyện có 2082 câu lục bát |
|  |  | - Sáng tác năm 1850, trong thời gian Nguyễn Đình Chiểu dạy học và làm thầy thuốc ở gia đình. |
|  |  | - Truyện được lưu truyền rộng rãi khắp các tỉnh miền nam dưới hình thức SH dân gian như: Nói thơ, kể chuyện, hát thơ. |
| ?Em hãy tóm tắt tác phẩm? | Tóm tắt | 1. Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga |
|  |  | 2. Lục Vân Tiên gặp nạn được thần giúp |
|  |  | 3.Kiều Nguyệt Nga gặp nạn được cứu |
|  |  | 4.Đoàn tụ |
|  |  | **3. Giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.** |
|  |  | ***a. Giá trị nội dung*** |
|  |  | - Truyện viết ra để nhằm truyền thụ đạo lý làm người. |
|  |  | - Xem trọng tình nghĩa giữa con người với con người trong xã hội. Tình cha con, mẹ con, nghĩa vợ chồng, tình bè bạn… |
|  |  | - Đề cao tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng cứu khốn phò nguy. |
|  |  | - Thể hiện khát vọng của nhân dân hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc sống. |
|  |  | ***b. Giá trị nghệ thuật*** |
|  |  | - Truyện thơ nôm lục bát mang tính chất kể nhiều hơn, dễ đọc, dễ xem. |
|  |  | - Chủ yếu tả hành động nhân vật, không miêu tả nội tâm. |
|  |  | - Tác phẩm có nhiều yếu tố tự truyện: Giữa tác giả và nhân vật có sự trùng hợp. |
| ? Truyện LVT được kết cấu theo kiểu thông thường của loại truyện truyền thống xưa như thế nào? | Trả lời | - Kiểu kết cấu ước lệ, gần như đã trở thành khuôn mẫu. Người tốt thường gặp nhiều gian truân, trắc trở, bị kẻ xấu hãm hại nhưng vẫn được cưu mang, cuối cùng tai qua nạn khỏi. |
| **Hoạt động: Tìm hiểu đoạn trích** |  | **B. LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA** |
|  |  | **I. Tìm hiểu chung** |
|  |  | ***1. Đọc văn bản*** |
| Yêu cầu: Giọng tâm tình, nhẹ nhàng Giáo viên đọc-> Học sinh đọc. | Đọc |  |
|  |  | ***2. Chú thích*** |
| ? Cho biết bố cục của văn bản | Trả lời | ***3. Bố cục*** |
|  |  | 14 câu đầu: Lục Vân Tiên đánh cướp cứu KKN |
|  |  | Đoạn còn lại: Đối thoại giữa Vân Tiên và KKN |
|  |  | **II. Tìm hiểu văn bản** |
|  |  | ***1. Hình tượng nhân vật LVT*** |
|  |  | a. Lục Vân Tiên đánh cướp cứu người. |
| Gọi học sinh đọc 14 câu thơ đầu |  |  |
| ? Hình ảnh Lục Vân Tiên đánh cướp được miêu tả ở những chi tiết nào? | Trả lời | - Hành động: Bẻ cây làm gậy, bất chấp nguy hiểm xông vào đánh bọn cướp. |
|  |  | - Tả xung hữu đột -> Tung hoành dũng mãnh |
| ? Hình ảnh LVT đánh cướp được so sánh như thế nào? (với ai?) So sánh với Triệu Tử Long thời Tam Quốc. |  |  |
| ? Trận đánh diễn ra như thế nào? So sánh lực lượng của 2 bên? (Trận đánh diễn ra rất nhanh, mặc dù lực lượng chênh lệch, Vân Tiên đã đánh cho bọn cướp chạy toán loạn). Tên cướp phong lai chống đỡ không nổi, bị VT đánh cho một gậy mất mạng. | Thảo luận nhóm |  |
| ? Cách kể chuyện như vậy tác giả nhằm thể hiện điều gì? (HS giỏi) |  | - Lục Vân Tiên là một chàng trai tài sức hơn người. |
| ? Hình ảnh Lục Vân Tiên gợi ra hình ảnh của người anh hùng dân gian nào? |  | -Thạch Sanh |
| ? Qua đoạn thơ đó những tính cách nào của nhân vật đã được bộc lộ? | Trả lời | => Một thư sinh quả cảm, khí phách hơn người, coi trọng lẽ phải, căm ghét áp bức, không sợ gian nguy |
| Gọi học sinh đọc đoạn còn lại | Đọc | b. Trong cuộc trò chuyện với KKN |
| ? Những lời nói - chi tiết nào có giá trị khắc hoạ rõ nét nhân vật Vân Tiên? (HS giỏi) |  | - Vân Tiên nghe nói động lòng  - Khoan khoan…  - Nghe nói liền cười.  - Nhớ câu… |
| ? Qua các chi tiết đó cho thấy chàng có những phẩm chất nào?  (Đối với Vân Tiên làm việc nghĩa là một bổn phận, một lẽ tự nhiên, con người trọng nghĩa kinh tài ấy không coi đó là công trạng-> cách ứng xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán). | Trả lời | - Là người từ tâm, nhân hậu  - Khiêm nhường  - Coi trọng dân dự, bổn phận  - Ngay thẳng, trong sáng, nghĩa hiệp. |
|  |  | => Vân Tiên là một hình ảnh đẹp, lý tưởng mà tác giả gửi gắm niềm tin, ước vọng của mình. |
|  |  | ***2. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga*** |
| Gọi học sinh đọc lời của KNN. |  |  |
| ? Qua lời giải bày, em thấy KNN là cô gái có những phẩm chất nào? | Trả lời | - Một tiểu thư khuê các, nết na, khiêm nhường, có học thức.  - Sống chân thành, tình nghĩa. |
| ? Nàng có thái độ như thế nào trước tấm lòng nghĩa hiệp của Vân Tiên? | Trả lời | - Cảm kích, xúc động trước hoạt động nghĩa hiệp của Vân Tiên. |
| (áy náy, băn khoăn, tìm cách trả ơn, nguyện gắn bó cuộc đời với Vân Tiên) |  | - Mong muốn được đền ơn. |
| ? Qua đó cho thấy nàng là một người như thế nào? | Trả lời | => Là một cô gái đáng thương, đáng quý, đáng trọng, sống chân thành, tình nghĩa. |
| **Hoạt động Tổng kết** |  | **III. Tổng kết** |
| ? Em hãy rút ra nội dung văn bản? | Trả lời | ***1. Nội dung:*** Đoạn trích thể hiện khát vọng hành đạo giúp người cứu đời của tác giả, đồng thời khắc hoạ những phẩm chất đẹp đẽ của 2 nhân vật: Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga. |
| Học sinh trả lời câu 4, 5 ở sgk, giáo viên khái quát nghệ thuật. | Trả lời | ***2. Nghệ thuật:*** |
|  |  | - Là một truyện kể mang nhiều t/c dân gian. |
|  |  | - Ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, gần với lời nói thông thường. |
|  |  | - Ngôn ngữ đối thoại đa dạng, phù hợp với diễn biến tình tiết. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5’)** | | |
| HDHS làm phần luyện tập trong SGK | Thảo luận nhóm |  |
|  | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (3’)** | | |
| Đọc diễn cảm bài thơ | Đọc |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI - MỞ RỘNG (1’)** | | |
| **-** Phân tích nhân vật Lục Vân Tiên, Kiểu Nguyệt Nga.  - Học thuộc lòng đoạn thơ.  - Tóm tắt tác phẩm, nắm nội dung, nghệ thuật. | Ghi chép |  |

**\*. Rút kinh nghiệm**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:.../..../20 Ngày dạy:..../..../20***

**Tiết 40: MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh nắm vững vai trò, nội dung của yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng sử dụng các yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.

**3. Thái độ*:*** Qua những đoạn miêu tả nội tâm trong Truyện Kiều nhằm giáo dục cho học sinh tình yêu thương con người và đồng cảm sâu sắc trước nổi đau của họ.

1. **Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ;

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc – hiểu văn bản

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án.

**2. Học sinh:** Chuẩn bị trước phần bài học.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3’)** | | |
| **Cho học sinh xem một đoạn video kể chuyện**  Dẫn vào bài | **Xem** |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (20’)** | | |
| **Hoạt động : Tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.** |  | **I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.** |
| Gọi học sinh đọc lại đoạn trích “Kiều ở Lầu Ngưng Bích”. | Đọc | - Tả cảnh:  “Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân…  Cát vàng, cồn nọ, bụi hồng dặm kia” |
| ? Tìm những câu thơ tả cảnh và những câu thơ miêu tả nội tâm? | Trả lời | “Buồn trông cửa bể chiều hôm  Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi” |
|  |  | - Miêu tả nội tâm: |
|  |  | “Bên trời gốc biển bơ vơ  Có khi gốc tử đã vừa người ôm” |
| ? Dấu hiệu nào cho thấy đoạn đầu là ta cảnh, đoạn sau là miêu tả nội tâm? HS giỏi | Trả lời | - Đoạn đầu miêu tả cảnh vật thiên nhiên.  - Đoạn sau tập trung miêu tả những suy nghĩ của nàng Kiều: Nghĩ về thân phận cô đơn, bơ vơ… |
| ? Những câu thơ tả cảnh có mối quan hệ như thế nào với việc thể hiện nội tâm nhân vật? HS giỏi | Trả lời | - Có mối quan hệ chặt chẽ: Nhiều khi từ việc miêu tả hoàn cảnh ngoại hình người viết cho ta biết nội tâm của nhân vật và ngược lại từ việc mêu tả nội tâm người đọc hình dung được hình thức bên ngoài. |
| ? Miêu tả nội tâm có tác dụng như thế nào đối với việc khắc hoạ nhân vật trong văn bản tự sự? | Trả lời | - Miêu tả nội tâm là một bước tiến của nghệ thuật miêu tả nội tâm nhằm khắc hoạ chân dung tinh thần của nhân vật, tái hiện những trăn trở, dằn vặt, những rung động tinh vi trong tình cảm, tư tưởng của nhân vật. Đó là những điều không dễ nhận biết nếu miêu tả vẽ bề ngoài. |
| ? Thế nào là miêu tả bề ngoài? | Trả lời |  |
| ? Vậy em hiểu thế nào là miêu tả nội tâm? |  | - Là tái hiện những ý nghĩ, cảm xúc và diễn biến tâm trạng của nhân vật. |
| ? Gọi học sinh đọc (2) ở sgk | Đọc |  |
| ? Nhận xét cách miêu tả nội tâm nhân vật của tác giả? |  | - Miêu tả nội tâm gián tiếp bằng cách miêu tả những thay đổi ở nét mặt của Lão Hạc. |
| ? Vậy em rút ra nhận xét gì? | Trả lời | *­*- Có thể miêu tả trực tiếp nội tâm của nhân vật hoặc gián tiếp qua vẽ về ngoài. |
| Gọi học sinh đọc ghi nhớ. |  | => Ghi nhớ: *( sgk)* |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (15’)** | | |
| **Hoạt động II**: **Luỵên tập** |  | **II. Luỵên tập** |
|  |  | ***Bài 1*** |
| Gọi HS đọc bài tập 1. |  |  |
| Thuật lại đoạn trích MGS mua Kiều bằng văn xuôi, chú ý miêu tả nội tâm của nàng Kiều. | Học sinh viết bài, đọc, học sinh khác nhận xét, giáo viên nhận xét, ghi điểm. |  |
|  |  | Bài 2 |
|  |  | Bài 3 |
| Giáo viên nhận xét, ghi điểm |  |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (4’)** | | |
| - Gọi học sinh nhắc lại thế nào là miêu tả bên ngoài.  - Thế nào là miêu tả nội tâm | Học sinh nhắc lại |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (35’)** | | |
| - Làm các bài tập còn lại  - Nắm được thế nào là miêu tả nội tâm. |  |  |

-

**VI. Rút kinh nghiệm**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:.../..../20 Ngày dạy:..../..../20***

**TIẾT 41: LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- HS hiểu hình thức đoạn văn, các bước xây dựng đoạn văn trong văn bản.

**2. Kĩ năng**

*\*Kĩ năng bài học:*

- Nhận diện đoạn văn, viết câu chủ đề, liên kết câu, viết đoạn ngắn gắn với các văn bản đã học.

*\* Kĩ năng sống:*

- Làm việc theo nhóm, tham gia các hoạt động trong bài học đặc biệt là thực hành, ứng dụng, bổ sung để phát huy những năng lực của bản thân (năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ …)

**3. Thái độ**

- Học sinh yêu thích môn học

- Sử dụng Tiếng Việt đúng hoàn cảnh.

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ;

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc – hiểu văn bản

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

1. **Chuẩn bị của giáo viên**

- Soạn bài, tham kảo tài liệu

- Hướng dẫn học sinh làm việc nhóm, kể chuyện, sưu tầm hình ảnh có liên quan đến bài học.

1. **Chuẩn bị của học sinh**

**-** Soạn bài.

- Giấy A4, bút dạ.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC**

**1. Ổn định lớp (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra lồng ghép vào bài dạy.**

**3. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động**  **của HS** | **Nội dung**  **cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 3’)** | | |
| - Tổ chức cho học sinh trò chơi “Chiếc hộp bí mật”.  **Luật chơi:** Cả lớp vừa hát tập thể, vừa truyền tay nhau chiếc hộp trong đó có những câu hỏi tự luận. Khi bài hát kết thúc, chiếc hộp trong tay bạn nào thì bạn đó mở hộp ra, lấy 1 câu hỏi và trả lời.  Gợi ý câu hỏi:  **Câu 1**: Truyện Kiều còn có tên gọi khác là gì?  **Câu 2**: Khi miêu tả Thúy Vân, tác giả sử dụng bút pháp gì? Bạn hiểu bút pháp đó như thế nào?  **Câu 3:** Nêu vị trí đoạn trích “Cảnh ngày xuân”  Câu 4: Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” có bố cục mấy phần?  GV nhận xét, chuyển ý vào phần sau | Cả lớp chơi theo sự hướng dẫn của quản trò  - HS trả lời cá nhân  - HS khác trả lời (nếu bạn trả lời sai) | - **Câu 1:** Kim Vân Kiều Truyện  **- Câu 2**: Bút pháp ước lệ tượng trưng (lấy vẻ đẹp của thiên nhiên để miêu tả con người)  **- Câu 3**: Nằm ở phần 1 Truyện Kiều, tên gọi “Gặp gỡ và đính ước”  **- Câu 4**: 3 Phần |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 10’)** | | |
| **-** Hãy nêu những cách trình bày nội dung đoạn văn.  GV nhận xét, chuyển ý vào phần sau | - HS trả lời cá nhân  - HS khác theo dõi, bổ sung  (nếu có) | **I. Ôn tập lí thuyết**  1. Đoạn văn diễn dịch  2. Đoạn văn quy nạp  3. Đoạn văn tổng phân hợp  4. Đoạn văn song hành  5. Đoạn văn móc xích |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 26’)** | | |
| **BT1: Viết 1 đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu cảm nhận về 4 câu thơ đầu đoạn trích “Cảnh ngày xuân” - Nguyễn Du.**  Bài tập 2: Viết 1 đoạn văn tổng phân hợp khoảng 12 câu cảm nhận nỗi nhớ người yêu, cha mẹ của Thuý Kiều trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” - Nguyễn Du. | - HS làm việc cá nhân.  - HS trả lời cá nhân  - HS khác theo dõi, bổ sung  (nếu có) | **Gợi ý:**  - Bức tranh ngày xuân được thể hiện qua không gian và thời gian: Biện pháp nghệ thuật ẩn dụ “con én đưa thoi”,  - Bức tranh mùa xuân được vẽ nên bằng gam màu sống động.  - Nghệ thuật đảo ngữ: đưa từ “trắng” lên trước từ “điểm” và bút pháp chấm phá cho bức tranh xuân trở nên có hồn và sống động.  Bài tập 2:  \* Nỗi nhớ người yêu  - Nhớ là lời thề nguyền hẹn ước hôm nào  - Nghĩ về chàng Kim, nàng luôn có cảm giác mình là kẻ phụ tình.  - Một loạt động từ như “tưởng”, “trông”, “chờ”và ngôn ngữ độc thoại nội tâm đặc sắc đã biểu đạt thế giới nội tâm sâu sắc, phong phú của Kiều.  \* Nỗi nhớ cha mẹ.  - Kiều “xót” cha mẹ ngày đêm tựa cửa chờ ngày mình trở về.  - Nàng xót thương, băn khoăn không biết có ai chăm sóc cha mẹ hay không.  - Sử dụng thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh” và “sân Lai”, “gốc tử”, Nguyễn Du đã ca ngợi tấm lòng hiếu thảo của Kiều.  - Cụm từ “cách mấy nắng mưa”và bút pháp ước lệ quen thuộc. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 4’ )** | | |
| GV cho HS liên hệ thực tế  ***? Những lỗi thường mắc phải khi trình bày nội dung đoạn văn*** | - Thảo luận nhóm  - các nhóm khác theo dõi, bổ sung | - Chưa biết cách viết câu chủ đề.  - Sai mô hình đoạn văn  - Sai hình thức đoạn văn (còn xuống dòng).  - Các câu chưa làm rõ nội dung của câu chủ đề |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Xem lại các hình thức đoạn văn  - Hoàn thiện bài tập viết đoạn. Chuẩn bị: Chương trình địa phương phần Văn |  |  |

**VI. Rút kinh nghiệm**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ..../..../20 Ngày dạy: ..../...../20***

**Tiết 42:**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG**

**(Phần văn)**

## A. Mục tiêu cần đạt

**1. Kiến thức:**

- Hs bổ sung vào vốn hiểu biết về XH địa phương bằng việc nắm được những tác giả và một số tác phẩm từ sau 1975 viết về địa phương mình.

**2. Kĩ năng**

*\*Kĩ năng bài học:*

- Tìm hiểu và sưu tầm tác giả, tác phẩm văn học địa phương.

*\* Kĩ năng sống:*

- Làm việc theo nhóm, tham gia các hoạt động trong bài học đặc biệt là thực hành, ứng dụng, bổ sung để phát huy những năng lực của bản thân (năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ …)

**3. Thái độ**

- Tự giác, tích cực tìm hiểu, nghiên cứu và thể hiện tình cảm yêu mến về quê hương.

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ;

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc – hiểu văn bản

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Soạn bài, tham khảo tài liệu

- Hướng dẫn học sinh làm việc nhóm, kể chuyện, sưu tầm hình ảnh có liên quan đến bài học.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

**-** Soạn bài.

- Tự tìm hiểu và sưu tầm các tác giả và tác phẩm.

- Giấy A4, bút dạ.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ: Lồng trong bài học**

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động**  **của HS** | **Nội dung**  **cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 3’)** | | |
| - Tổ chức cho học sinh hát 1 bài hát về Hà Nội  GV nhận xét, chuyển ý vào phần sau. | Cả lớp hát tập thể |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 25’)** | | |
| **Hoạt động 1: Thống kê các tác giả - tác phẩm VH địa phương Hà Nội từ 1975 → nay.**  **Tổ chức hoạt động nhóm**  Gv hình thành bảng thống kê đầy đủ  GV nhận xét, chuyển ý vào phần sau | Hs tập hợp theo tổ các bản thống kê mà từng cá nhân đã làm, các sáng tác mà mỗi hs đã sưu tầm lựa chọn.  Từng tổ tiến hành tập hợp, bổ sung vào một bảng thống kê về tác giả, tác phẩm VH địa phương  Các tổ lần lượt cử đại diện đọc trước lớp bảng thống kê của tổ mình và danh sách các tác phẩm đã sưu tầm được.  - Hs bổ sung vào bảng thống kê của mình những tác phẩm, tác giả còn thiếu. | **I. Thống kê các tác giả - tác phẩm VH địa phương Hà Nội từ 1975 → nay.**  Số thứ tự – Họ tên – Bút danh – Tác phẩm  1. Ma Văn Kháng – Mùa lá rụng trong vườn  Đám cưới không có giấy giá thú  Ngược dòng nước lũ.  2. Tô Hoài – hồi ký Cát bụi chân ai  Chiều chiều  3. Hồ Anh Thái\_Người và xe chạy dưới ánh trăng  Tự sự 265 ngày  4. Chu Lai – Phố nhà binh  5. Nguyễn Huy Tập – Không có vua  6. Nguyễn Khải – Một người Hà Nội.  7. Bảo Ninh – Nỗi buồn chiến tranh  8. Hoàng Ngọc Hà - Tự ngẫm, Hạnh Phúc  9. Hoàng Quốc Hải – bộ tiểu thuyết đời trần gồm 4 quyển (Bão táp cung đình. Thăng Long nổi giận. Huyền Trân công chúa. Vương triều sụp đổ)  10. Nguyễn Xuân Khánh – Hồ Quý Ly (Tiểu thuyết)  11. Đỗ Trung Lai – Thăng Long (thơ)  12. Băng Sơn – Cơm chay. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 5’)** | | |
| **Hoạt động 2: Giới thiệu 1 tác phẩm văn học địa phương.**  - GV cho học sinh lên thuyết trình cá nhân | - HS trả lời cá nhân.  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có) | **II. Giới thiệu 1 tác phẩm văn học địa phương** |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 10’ )** | | |
| **Hoạt động: GV cho HS sáng tác thơ, văn về địa phương mình**  GV nhận xét, chuyển ý | - HS làm việc cá nhân. |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Hs tiếp tục bổ sung bảng hệ thống  - Sưu tầm những tác phẩm hay viết về địa phương  - Chuẩn bị bài: Tổng kết từ vựng |  |  |

**\*. Rút kinh nghiệm**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ..../.../20. Ngày dạy:..../.../20.***

**Tiết 43: TỔNG KẾT TỪ VỰNG**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1.Kiến thức*:**

- Hiểu khái niệm, phân loại và tác dụng của các loại từ vựng đã học trong chương trình Ngữ văn THCS.

***2. Kỹ năng:***

*\*Kĩ năng bài học:*

- Hệ thống hoá các được kiến thức đã học, nhận diện, phân tích tác dụng của từ vựng trong các hoàn cảnh giao tiếp.

*\* Kĩ năng sống:*

- Làm việc theo nhóm, tham gia các hoạt động trong bài học đặc biệt là thực hành, ứng dụng, bổ sung để phát huy những năng lực của bản thân (năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ …)

***3. Thái độ*:** Tích cực ôn tập tích hợp kiến thức đã học.

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ;

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc – hiểu văn bản

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Soạn bài, tham khảo tài liệu

**2. Chuẩn bị của học sinh**

**-** Soạn bài.

- Tự tìm hiểu và trau dồi vốn từ vựng đã học.

- GiấyA4, bút dạ.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: ( 1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ: ( 1’):**  Kiểm tra chuẩn bị của HS

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động**  **của học sinh** | **Nội dung**  **cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 3’)** | | |
| - GV cho học sinh chơi trò chơi  Gọi 4 học sinh lên bảng  Câu hỏi: Hãy ghi nhanh lên bảng 5 từ ghép Hán Việt  GV nhận xét: Chuyển ý | - 4 HS được chọn lên ghi  - HS khác theo dõi, bổ sung (nếu có) |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 30’)** | | |
| **Hoạt động I: Hệ thống hoá kiến thức về từ đơn và từ phức.**  - Thế nào là từ đơn? Ví dụ  - Thế nào là từ phức?  - Em hãy phân biệt các loại từ phức?  - Trong các từ láy đó từ nào có sự “giảm nghĩa”, từ nào có sự tăng nghĩa so với yếu tố gốc?  **Hoạt động II: Thành ngữ**  ? Thế nào là thành ngữ? ví dụ?  Xác định thành ngữ, tục ngữ?  **Thảo luận nhóm**  ? Tìm 2 thành ngữ có yếu tố động vật và 2 yếu tố chỉ thực vật?  ? Tìm 2 ví dụ về việc sử dụng thành ngữ trong văn chương?  Bảy nổi ba chìm: Lênh đênh, chìm nổi  **Hoạt động III: Nghĩa của từ.**  ? Thế nào là nghĩa của từ?  ? Chọn cách biểu đạt trong những cách hiểu sau:  ? Cách giải thích nào đúng? Vì sao?  **Hoạt động IV: Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.**  ? Từ có thể có mấy nghĩa?  ? Trả lời câu hỏi 2 ở sgk.  GV nhận xét, chuyển ý vào phần sau | - HS trả lời cá nhân.  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có)    - Học sinh đọc 2 ở sgk  - HS trả lời cá nhân.  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có)  - HS làm việc theo nhóm  - Các nhóm khác theo dõi, bổ sung (nếu có)  - HS trả lời cá nhân.  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có)  - HS trả lời cá nhân.  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có) | **I. Hệ thống hoá kiến thức về từ đơn và từ phức.**  ***1. Từ đơn***  - Là từ chỉ có một tiếng  VD: Nhà, bút, thước  ***2. Từ phức***  Là từ gồm hai hay nhiều tiếng  - Có 2 loại  + Từ láy: Là từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng.  + Từ ghép là từ phức được cấu tạo bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa  Cho ví dụ?  - Từ ghép: Nhà cửa, sông núi, sách vở…  - Từ láy: Xanh xanh, xôn xao, nho nhỏ  - Từ ghép: Ngặt nghèo, giam giữ, bó buộc, tươi tốt, bọt bèo, cỏ cây, đưa đón, nhường nhịn, rơi rụng, mong muốn.  - Từ láy: Nho nhỏ, gật gù, lạnh lùng, xa xôi, lấp lánh.  - Tăng nghĩa: Sạch sành sanh, sát sàn sạt, nhấp nhô  - Giảm nghĩa: Trăng trắng, đèm đẹp, nho nhỏ, lành lạnh, xôm xốp.  **II. Thành ngữ**  ***1. Khái niệm***  - Là loại cụm từ có cấu tạo cố định biểu thị một ý nghĩa cố định.  Ví dụ: Đẹp như tiên  Đen như cột nhà cháy  - Thành ngữ:  + Đánh tiếng bỏ dùi: Làm việc không đến nơi đến chống, thiếu trách nhiệm.  + Được voi đòi tiên: Lòng tham vô độ, được cái này đòi cái khác.  + Nước mắt cá sấu: Hành động giả dối được che đậy tinh vi.  - Tục ngữ:  + Gần mực thì đen… Hoàn cảnh xã hội nào sẽ không tạo ra con người đó.  + Chó treo mèo đậy: Muốn tự bảo vệ mình thì tuỳ cơ ứng biến.  - Nhanh như sóc. Lòng chim dạ cá  - Nhát như cáy  - Dây cà ra dây muống  - Bãi bể nương dâu, bèo dạt mây trôi, cây cao bóng cả, cây nhà lá vườn.  “Thân em vừa trắng lại vừa tròn  Bảy nổi ba chìm với nước non”.  Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chống dối con, dưới xin làm mồi co cá tôm trên xin làm cơm cho diều quạ  **III. Nghĩa của từ.**  ***1. Ôn lại khái niệm nghĩa của từ***  Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị  Ví dụ: Từ chỉ sự vật: Bàn ghế, bút, cây cối, thuyền, biển.  HĐ: đi, chạy, nhảy…  TC: Rắn, lỏng, mềm, cứng…  Quan hệ: và, với, cùng  Cách giải thích a là hợp lý nhất  b. đúng vì dùng từ rộng lượng để giải thích cho từ độ lượng, giải thích bằng từ đồng nghĩa.  a. sai vì không thể dùng ngữ danh từ để định nghĩa cho tính từ.  **IV. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.**  - Từ có thể có một nghĩa hoặc nhiều nghĩa  + Một nghĩa: Xe đạp, bút, thước…  + Nhiều nghĩa: Xuân, chân  => Chuyển nghĩa là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ tạo ra những từ nhiều nghĩa.  - Thềm hoa, lệ hoa là 2 từ được dùng theo nghĩa chuyển. Tuy nhiên, không thể coi đây là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa vì 2 từ này chỉ có nghĩa lâm thời trong văn cảnh. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG ( 9’)** | | |
| **Hoạt động V: Tìm các thành ngữ, từ nhiều nghĩa, hiện tượng chuyển nghĩa của từ trong Truyện Kiều** | - HS trả lời cá nhân.  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có) | Thành ngữ:  - Tài tử giai nhân  - Quạt nồng ấp lạnh  Từ nhiều nghĩa  - Hoa, ngọc |
| **D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Xem lại các bài về từ, nghĩa của từ và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.  - Xem các bài về : Từ đồng nghĩa; Từ trái nghĩa; Từ đồng âm; Trường từ vựng. |  |  |

**\*. Rút kinh nghiệm**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: .../..../20 Ngày dạy: .../..../20***

***Tiết 44:* TỔNG KẾT TỪ VỰNG *(Tiếp)***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu khái niệm, phân loại và tác dụng của các loại từ vựng đã học trong chương trình Ngữ văn THCS.

**2. Kỹ năng:**

*\*Kĩ năng bài học:*

- Hệ thống hoá các được kiến thức đã học, nhận diện, phân tích tác dụng của từ vựng trong các hoàn cảnh giao tiếp.

*\* Kĩ năng sống:*

- Làm việc theo nhóm, tham gia các hoạt động trong bài học đặc biệt là thực hành, ứng dụng, bổ sung để phát huy những năng lực của bản thân (năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ …)

**3. Thái độ:**

**-** Tích cực ôn tập tích hợp kiến thức đã học.

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ;

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc – hiểu văn bản

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

1. **Chuẩn bị của giáo viên**

- Soạn bài, tham khảo tài liệu

1. **Chuẩn bị của học sinh**

**-** Soạn bài.

- Tự tìm hiểu và trau dồi vốn từ vựng đã học.

- GiấyA4, bút dạ.

**C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**1. Ổn định tổ chức: ( 1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ: ( 1’)** KT chuẩn bị của HS

**3. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động**  **của học sinh** | **Nội dung**  **cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 3’)** | | |
| - GV cho học sinh chơi trò chơi  Gọi 4 học sinh lên bảng  Câu hỏi: Hãy ghi nhanh lên bảng 5 thành ngữ  GV nhận xét: Chuyển ý | - 4 HS được chọn lên ghi  - HS khác theo dõi, bổ sung (nếu có) |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 30’)** | | |
| **Hoạt động I: Từ đồng âm**  ? Thế nào là từ đồng âm?  Ví dụ?  ? Phân biệt hiện tượng từ nhiều nghĩa và từ đồng âm? Ví dụ?  ? Trường hợp nào có hiện tượng từ nhiều nghĩa?  ? Trường hợp nào có hiện tượng đồng âm?  **Hoạt động II: Từ đồng nghĩa**  ? Thế nào là từ đồng nghĩa? Lấy ví dụ?  - Chọn cách hiểu đúng trong những cách hiểu sau:  Dựa trên cơ sở nào, từ “xuân” có thể thay thế cho từ “tuổi”.  **Hoạt động III: Từ trái nghĩa**  ? Thế nào là từ trái nghĩa? Cho ví dụ?  Xác định cặp từ trái nghĩa?  **Hoạt động IV: Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ**  ? Thế nào là từ ngữ nghĩa rộng? Thế nào là từ ngữ nghĩa hẹp?  **Học sinh thảo luận trả lời câu hỏi 3 ở sgk**.  **Hoạt động V: Trường từ vựng**  ? Thế nào là trường từ vựng?  ? Ví dụ? | - HS trả lời cá nhân.  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có)    - Học sinh đọc câu 2 ở sgk  - HS trả lời cá nhân.  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có)  - Học sinh đọc phần 2 ở sgk  - HS trả lời cá nhân.  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có)  - Học sinh đọc vd ở sgk.  - HS trả lời cá nhân.  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có)  - Học sinh đọc vd ở sgk  - HS trả lời cá nhân.  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có)  - HS làm việc theo nhóm Các nhóm khác theo dõi, bổ sung (nếu có)  - HS trả lời cá nhân.  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có) | **V. Từ đồng âm**  ***1. Khái niệm:*** Là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì với nhau.  Ví dụ: Đường: đường ăn  đường đi  - Hiện tượng nhiều nghĩa: Một từ có chứa nhiều nét nghĩa khác nhau.  - Ví dụ: từ “chín”, từ “mặt”  - Hiện tượng đồng âm: Hai hay nhiều từ có nghĩa rất khác nhau.  Ví dụ: từ lồng  Con ngựa lồng lên  lồng gà  đèn lồng  Câu a: Có hiện tượng từ nhiều nghĩa.  Câu b: Xuất hiện hiện tượng đồng âm  **VI. Từ đồng nghĩa**  ***1. Khái niệm:***  Từ đồng nghĩa là những từ có vỏ âm thanh khác nhau nhưng lại có nghĩa gần giống nhau.  Ví dụ: Chết, hi sinh, mất, ra đi, bỏ mạng, nghẻo, từ trần, băng hà…  a. Sai, b. Sai, c. Sai (2 từ đồng nghĩa có thể nghĩa giống nhau nhưng sắc thái biểu cảm lại khác nhau).  d. Đúng vì tuỳ vào ngữ cảnh để lựa chọn từ ngữ thích hợp, tuỳ vào sắc thái biểu cảm.  - Từ “xuân” chỉ một mùa trong 4 mùa của một năm, một năm lại tương ứng với một tuổi. Có thể coi đây là trường hợp lấy bộ phận để chỉ tổng thể một hình thức chuyển thể theo phương thức hoán dụ.  Việc thay từ “tuổi” bằng từ “xuân” để tránh lặp từ và đồng thời cũng thể hiện sự trẻ trung, lạc quan của tác giả.  **VII. Từ trái nghĩa**  ***1. Khái niệm***  Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau  Ví dụ: Già - trẻ  Đục – trong  Sống - chết  Xấu - đẹp, xa - gần, rộng - hẹp  - Cùng nhóm với sống - chết có: chẵn - lẻ, chiến tranh – hoà bình.  (Thường được gọi là từ trái nghĩa lưỡng phân, 2 từ trái nghĩa kiểu này biểu thị hai khái niệm đối lập nhau và loại trừ nhau.)  - Cùng nhóm với già - trẻ có: yêu – ghét,  cao-thấp, nông – sâu, giàu – nghèo.  (thường được gọi là từ trái nghĩa thang độ, 2 từ trái nghĩa kiểu này biểu thị hai khái niệm có tính chất thang độ. Khẳng định cái này không có nghĩa là phủ định cái kia).  **VIII. Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ**  1. Nghĩa của một từ có thể rộng hơn hoặc hẹp hơn nghĩa của từ ngữ khác.  a. Một từ được coi là có nghĩa rộng khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó bao hàm phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác.  b. Một từ được coi là có nghĩa hẹp khi phạm vi của từ ngữ đó được bao hàm trong phạm vi nghĩa của từ ngữ khác.  **(Sơ đồ cuối bài)**  **V. Trường từ vựng**  ***1. Khái niệm***  Trường từ vựng là tập hợp của tất cả các từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.  Ví dụ: Trường học: Lớp học, bàn ghế, thầy cô, học sinh.  Tác giả dùng 2 từ cùng trường từ vựng là từ bể, tắm -> làm tăng giá trị biểu cảm của câu nói, làm cho câu nói có sức tố cáo mạnh mẽ hơn. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH ( 7’)** | | |
| **Hoạt động VI: Viết 5 cặp từ trái nghĩa, 1 trường từ vựng về tình cảm gia đình**  **Tổ chức dưới dạng trò chơi “ai nhanh hơn”** | - HS làm việc theo nhóm  - Các nhóm khác theo dõi, bổ sung (nếu có) |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Ôn lại kiến thức của phần Tiếng Việt  - Làm lại các bài tập ở sgk.” |  |  |

**\*. Rút kinh nghiệm**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:.../...../.... Ngày dạy: .../..../....***

**Tiết 45: TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm

**2. Kỹ năng:**

*\* Kĩ năng bài học*

- Học sinh biết cách đánh giá bài làm, rút kinh nghiệm sửa chữa những sai sót về các mặt: Diễn đạt, bố cục, sử dụng từ ngữ.

- Rèn kỹ năng viết văn tự sự kết hợp với các yếu tố miêu tả và biểu cảm

\* *\* Kĩ năng sống:*

- Làm việc theo nhóm, tham gia các hoạt động trong bài học đặc biệt là thực hành, ứng dụng, bổ sung để phát huy những năng lực của bản thân (năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ …)

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận.

**-** Phát huy những mặt tốt, hạn chế những mặt còn yếu.

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ;

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc – hiểu văn bản

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Chấm bài, vào điểm, nhận xét bài làm của học sinh.

**2. Học sinh:** Lập dàn bài

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: ( 1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ: Trong quá trình dạy**

**3. Bài mới .**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động**  **của học sinh** | **Nội dung**  **cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 3’)** | | |
| - Tóm tắt ngắn gọn “Chuyện người con gái Nam Xương” – Nguyễn Dữ  - GV nhận xét, chuyển ý vào phần sau. | - HS làm việc cá nhân  - HS khác lắng nghe, bổ sung (nếu thiếu) |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 30’)** | | |
| **Hoạt động 1: Chữa bài**  **GV ghi đề bài lên bảng**  - Theo em đề bài yêu cầu gì?  **Hoạt động 2: Nhận xét bài làm của học sinh**  **Hoạt động 3: Nêu giải pháp khắc phục**  **Thảo luận nhóm**  - Nêu cách khắc phục những tồn tại trên?  **Hoạt động 4: Đọc bài tốt**  GV nhận xét, chuyển ý vào phần sau | - HS trả lời  cá nhân  - HS khác lắng nghe, bổ sung (nếu thiếu)  - HS ghi bài  - HS thảo luận nhóm  - HS nhóm khác lắng nghe, bổ sung (nếu thiếu)  - HS đọc bài được điểm cao.  - HS cả lớp lắng nghe | **I. Đề bài**  (Trong sổ lưu đề)  **II. Chữa bài**  (Trong sổ lưu đề)  **III. Nhận xét**  **1. Ưu điểm**  …………………………………  …………………………………  …………………………………  …………………………………  **2. Tồn tại**  …………………………………  …………………………………  …………………………………  …………………………………  …………………………………  **3. Cách khắc phục**  …………………………………  …………………………………  …………………………………  …………………………………  **III. Bài tốt**  …………………………………  …………………………………  …………………………………  …………………………………  ………………………………… |
| **C. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG ( 10’ )** | | |
| **Hoạt động 5: Trao đổi bài**  Hãy tìm ra điểm hay trong bài của bạn để học tập | - HS trao đổi bài, viết ra giấy những điểm đáng học tập | \* Về hình thức trình bày, cách diễn đạt.  …………………………………  …………………………………  …………………………………  …………………………………  \* Về nội dung:  …………………………………  …………………………………  ………………………………… |
| **D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Xem lại ngôi kể, vai kể, thứ tự kể, kết hợp miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự  - Chuẩn bị : Hình tượng người lính trong văn học Việt Nam thời kì chống Pháp và Mĩ  - Chuẩn bị tranh ảnh liên quan đến người lính  - Đoạn video, bài hát  - Soạn bài :Đồng chí | Ghi chép |  |

**VI. Rút kinh nghiệm**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Tuần 11 Ngày soạn:.../.../20 Ngày dạy:...../..../20***

**CHỦ ĐỀ: HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP VÀ CHỐNG MĨ**

**Tiết 46:**

**I. Hoàn cảnh lịch sử giai đoạn kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ**

**II. Giới thiệu chung về hình tượng người lính**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu hoàn cảnh lịch sử giai đoạn kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mĩ. Nắm được những yếu tố chi phối ngòi bút của các tác giả khi xây dựng hình tượng người lính trong văn học.

- Những đặc điểm cơ bản của hình tượng người lính trong hai thời kì kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ.

- Khái quát hình tượng người lính trong văn học qua các thời kỳ, so sánh, nhận biết điểm tương đồng và khác biệt, lý giải dựa vào bối cảnh lịch sử.

**2. Kỹ năng:**

- Kĩ năng liên hệ, so sánh, khai thác các sự kiện, yếu tố lịch sử.

- Kĩ năng đọc hiểu văn bản, cảm nhận hình tượng văn học.

**3. Thái độ:**

- Yêu mến, tự hào, trân trọng những người lính đã hi sinh xương máu và tuổi thanh xuân của mình vì độc lập tự do của Tổ quốc.

- Học tập, noi gương anh bộ đội cụ Hồ : những phẩm chất như : lí tưởng sống cao đẹp, tinh thần yêu nước, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, ý chí sắt đá…

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ;

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc – hiểu văn bản

**B. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên:**

- Soạn giáo án, nghiên cứu tài liệu.

- Tranh ảnh, máy chiếu, bảng phụ

**2. Học sinh:**

- Soạn bài, đọc tài liệu tham khảo theo sự hướng dẫn của giáo viên.

- Sưu tầm tranh ảnh

- Sản phẩm báo cáo của nhóm.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy*** | ***Hoạt động của trò*** | ***Nội dung kiến thức*** |
| **A. Hoạt động khởi động (5’)** | | |
| Giới thiệu video về các hình ảnh  trong cuộc kháng chiến chống Pháp  - Dẫn vào bài | Theo dõi  Lắng nghe |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức (20’)** | | |
| **Hoạt động 1:** Tìm hiểu hoàn cảnh lịch sử giai đoạn kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ |  | **I. Hoàn cảnh lịch sử giai đoạn kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.** |
| *-Gọi nhóm 1 trình bày*  *? Bối cảnh lịch sử của nước ta trong kháng chiến chống Pháp như thế nào? Bối cảnh này ảnh hưởng đến văn học trong từng thời kì ra sao?*  ***Định hướng***  ***Kháng chiến chống Pháp***  Sau CMT8   * CMT8 thành công, nước VNDCCH ra đời. Đảng và nhân dân Việt Nam có bộ máy chính quyền Nhà nước làm công cụ để xây dựng và bảo vệ đất nước. * Quân đội các nước đến quốc dưới danh nghĩa đồng minh giải giáp quân đội Nhật lũ lượt kéo vào nước ta. Chưa bao giờ trên đất nước Việt Nam lại có nhiều loại kẻ thù đế quốc cùng xuất hiện một lúc đến như vậy. * Ngân sách Nhà nước trống rỗng, tiền tệ mất giá, tài chính rối loạn. * Các tệ nạn xã hội cũ như mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc, nghiện hút ngày đêm hoành hành.   -> Nhiệm vụ lúc này của cả nước là:  + Đối ngoại : “hòa để nhã”  + Đối nội: diệt “giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm”  Sau ngày 19/12/1946:  + Đảng, Nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định: “ Thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.  + Từ lời kêu gọi đó, hàng vạn người con ưu tú của Việt Nam đã lên đường nhập ngũ để bảo vệ tổ quốc thân yêu với đường lối: toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh.  + Trong thời kì này, VH đã được xây dựng để phục vụ cho cuộc chiến đấu của người Việt Nam với phương châm “ Dân tộc -Khoa học - Đại chúng”. Về phong cách, văn học phải nhắm đến đối tượng quần chúng đông đảo mà chủ yếu là nông dân và do vậy văn học giai đoạn này hướng đến phong cách hiện thực, đại chúng.  + Hoàn cảnh lịch sử lúc đó khiến cho cảnh làng quê không phải mơ màng, thơ mộng với *“những hội hè đình đám”* mà là làng quê gian khó trong chiến tranh, làng quê có những người nông dân đang ra trận. Vì vậy mà một mảng đề tài chiếm vị trí quan trọng trong thơ lúc này chính là **hình tượng người lính.** | Nhóm 1 trả lời theo sự chuẩn bị | **1**. Kháng chiến chống Pháp  ***a. Sau CMT8***  + Đối ngoại : “hòa để hoã”  + Đối nội: diệt “giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm”  ***Sau ngày 19/12/1946:***  - Đường lối kháng chiến: toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh.  - Nhiều thắng lợi lớn trên mặt trận quân sự:  Chiến dịch Việt Bắc thu đông (1947), Chiến thắng biên giới thu đông (1950), Chiến thắng ĐBP (1954) |
| **GV kết luận, chốt ý** |  |  |
| * *Gọi nhóm 2 trình bày* * *Hoàn cảnh lịch sử của nước ta trong kháng chiến chống Mĩ như thế nào? Tác động của nó tới văn học thời kì này ra sao?*   **Kháng chiến chống Mĩ**  + Tháng 7 năm 1954, Miền Bắc được giải phóng nhưng Miền nam còn dưới ách thống trị của đế quốc Mĩ và bọn tay sai.  + Đế quốc Mĩ hất cẳng thực dân Pháp cùng bọn tay sai Ngô Đình Diệm tiếp tục thống trị nhân dân ta ở Miền Nam, đất nước tạm thời bị chia cắt.  + Nhân dân ta tiến hành chống Mĩ nhằm hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội  Từ lịch sử, có thể suy rộng ra, nếu văn chương là tấm gương của tính cách và tâm hồn, thì phẩm chất yêu nước có thể xem là đặc tính tiêu biểu nhất của văn chương Việt Nam suốt các thời kì lịch sử. Trong kháng chiến chống Mĩ cũng vậy, có thể xem yêu nước như một sự tiếp nối tự nhiên giữa lịch sử và thời cuộc, như một sự hòa hợp, gặp gỡ tự nhiên giữa tâm tư con người và tinh thần của thời đại, trong tâm hồn người viết, qua ngòi bút của từng tác giả, làm thành một giai đoạn quan trọng của văn chương Việt Nam.  Cuộc kháng chiến chống Mĩ đã làm xuất hiện trong lịch sử văn học Việt Nam một thế hệ nhà văn đặc thù, sản sinh từ trong lòng cuộc kháng chiến, vừa cầm súng vừa cầm bút như một đặc trưng chưa từng có trước đó. Vào mặt trận chưa phải là những tên tuổi nổi bật, hoặc có khi chỉ là những người yêu văn chương ở các đơn vị quân đội khác nhau, nhưng ra khỏi cuộc chiến và cũng nhờ năng lượng tích lũy từ cuộc chiến, họ là những tác giả vững vàng, rồi trở thành lực lượng chủ chốt của nền văn học. Họ là những cây bút mang đến nền văn học tiếng nói tươi trẻ nhất, trực tiếp nhất, gần gũi nhất của người cầm súng trên mặt trận.  Đề tài trong thơ ca thời kì này đều hướng về long yêu nước, về hình ảnh những người đang xây dựng và bảo vệ tổ quốc; từ chị lao công, người dân chài, người chị, người mẹ ở hậu phương và đặc biệt không thể thiếu những người cầm súng. | Nhóm 2 trả lời theo sự chuẩn bị  HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có) | **b. Kháng chiến chống Mĩ**  - Miền Bắc được giải phóng, tiến lên CNXH, làm hậu phương lớn cho Miền Nam.  - Miền Nam, tiếp tục đấu tranh thống nhất đất nước. |
| **GV nhận xét, chốt ý** |  |  |
| **Hoạt động 2: Giới thiệu chung về hình tượng người lính** |  | **II. Giới thiệu chung về hình tượng người lính.**  ***1. Hình tượng nghệ thuật trong văn học*** |
| *Gọi nhóm 3 trình bày*  *? Em hiểu thế nào là hình tượng trong văn học?*  ***Định hướng***  Theo “Từ điển thuật ngữ văn học”: hình tượng nghệ thuật là sản phẩm của phương thức chiếm lĩnh, thể hiện và tái tạo hiện thực theo quy luật. Đó là chất liệu cụ thể mà chúng ta có thể ngắm nghía, thưởng ngoạn, tưởng tượng; qua đó thấy được tư tưởng, tình cảm của tác giả.  Hình tượng nghệ thuật có thể là một đồ vật, một phong cảnh thiên nhiên hay một sự kiện xã hội được cảm nhận. Nhưng nói đến hình tượng nghệ thuật, người ta thường nghĩ tới hình tượng con người với những chi tiết biểu hiện cảm tính phong phú.  Đến với thế giới văn học, ta được gặp gỡ rất nhiều hình tượng: hình tượng người nông dân, hình tượng người phụ nữ, hình tượng người anh hùng….  **GV nhận xét, chốt ý** | Nhóm 3 trả lời theo sự chuẩn bị  HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có) | * Là yếu tố kết tinh giá trị tư tưởng, tình cảm của tác giả. * Là nhân vật trung tâm của tác phẩm văn học. |
| - Gọi nhóm 4 trình bày  - *Từ khái niệm về hình tượng trên, nêu hiểu biết của em về hình tượng người lính trong văn học?*  **Định hướng**  Nếu coi văn học là tấm gương phản chiếu lịch sử và thời đại, mà trung tâm của mỗi thời đại và đời sống xã hội là những con người, thì với hai cuộc kháng chiến vĩ đại và vẻ vang của dân tộc, hình tượng người lính cũng đã đi vào văn học như một hình tượng trung tâm, chủ đạo.  Đó là những con người vừa cao cả, anh hùng, thật hoành tráng, song lại cũng “rất người”, rất đời thường, với những phức tạp của đời sống nội tâm như vốn có.  Từ trong đêm mờ xa xôi của lịch sử, hình ảnh lớp cha trước, lớp con sau, hàng trăm thế hệ in bóng đậm nét vào những trang thơ, trang văn là hình ảnh con người cầm vũ khí để bảo vệ nền độc lập dân tộc. Hình tượng người lính được đi vào trong văn học trở thành những tượng đài bất tử, còn lưu lại mãi với thời gian.  Vì có lý tưởng cách mạng, vì đã mang trong mình ngọn lửa nhiệt huyết của lòng yêu nước, họ không do dự, ngại ngần, can đảm đi thẳng từ đồng ruộng ra chiến trường. Họ đứng lên từ những luống cày, từ mọi miền quê của Tổ quốc. Họ là những con người hoàn toàn xa lạ, chẳng hề quen biết trước đó, họ đã gặp nhau ở lý tưởng chiến đấu, họ kết nối với những trái tim nhỏ thành trái tim chung để trở thành những người bạn thân thiết, để cất tiếng gọi “ *đồng chí”* với bao yêu thương, gắn bó  **GV nhận xét, chốt ý** | Nhóm 4 trả lời theo sự chuẩn  HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có) | **2. Hình tượng người lính**  - Là hình ảnh những con người cầm vũ khí để bảo vệ nền độc lập.  - Những con người vừa cao cả, anh hùng, thật hoành tráng, song lại cũng “rất người”, rất đời thường, với những phức tạp của đời sống nội tâm như vốn có. |
| **C. Hoạt động luyện tập (10’)** | | |
| - GV đọc một đoạn thơ  - Nêu nội dung và cảm nhận của em về đoạn thơ trên. | - HS trả lời |  |
| **D. Hoạt động vận dụng (5’)** | | |
| - Liên hệ hoàn cảnh xã hội ngày nay và vai trò của người lính? | - Hs thảo luận, đại diện trả lời |  |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (4’)** | | |
| - Yêu cầu HS tìm hiểu hình tượng người lính trong văn học thời chống Pháp và chống Mĩ qua 2 bài thơ “*Đồng chí”, “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* | - Hs luyện tập ở nhà |  |

***\*. Rút kinh nghiệm.***

..............................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn : Ngày dạy :***

###### TIẾT 47 :

###### HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG THỜI KÌ

###### KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (tiếp)

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu hoàn cảnh lịch sử giai đoạn kháng chiến chống Pháp. Nắm được những yếu tố chi phối ngòi bút của các tác giả khi xây dựng hình tượng người lính trong văn học.

- Những đặc điểm cơ bản của hình tượng người lính trong hai thời kì kháng chiến chống Pháp.

- Khái quát hình tượng người lính trong văn học qua các thời kỳ, so sánh, nhận biết điểm tương đồng và khác biệt, lý giải dựa vào bối cảnh lịch sử.

**2. Kỹ năng:**

- Kĩ năng liên hệ, so sánh, khai thác các sự kiện, yếu tố lịch sử.

- Kĩ năng đọc hiểu văn bản, cảm nhận hình tượng văn học.

**3. Thái độ:**

- Yêu mến, tự hào, trân trọng những người lính đã hi sinh xương máu và tuổi thanh xuân của mình vì độc lập tự do của Tổ quốc.

- Học tập, noi gương anh bộ đội cụ Hồ : những phẩm chất như : lí tưởng sống cao đẹp, tinh thần yêu nước, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, ý chí sắt đá…

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ;

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc – hiểu văn bản

**B. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên:**

- Soạn giáo án, nghiên cứu tài liệu.

- Tranh ảnh, máy chiếu, bảng phụ

**2. Học sinh:**

- Soạn bài, đọc tài liệu tham khảo theo sự hướng dẫn của giáo viên.

- Sưu tầm tranh ảnh

- Sản phẩm báo cáo của nhóm.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong tiết học

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy*** | ***Hoạt động của trò*** | ***Nội dung kiến thức*** |
| **A. Hoạt động khởi động (5’)** | | |
| Trong thơ văn Việt Nam, hình ảnh người lính trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ đã tạc vào lòng người với những vẻ đẹp của sự bất tử:  - Hãy kể tên một vài tác phẩm viết về người lính trong hai cuộc kháng chiến mà em biết.  - Hãy nêu nhận xét chung về người lính trong kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. | - Hs thảo luận nhóm đôi  - Đại diện nhóm trả lời |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức (25’)** | | |
| **Hoạt động 1:**(7 phút): Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu chung |  | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả Chính Hữu ( 1926 -2007)** |
| - GV cho HS quan sát ảnh và giới thiệu về tác giả | - HS trả lời - HS quan sát | **-**Tên thật : Trần Đình Đắc  - Quê: Hà Tĩnh  - Là người lính của trung đoàn Thủ đô trở thành nhà thơ.  -Được nhà nước trao tặng Giải thưởng HCM về VH NT (năm 2000)  - Thơ của ông hầu như chỉ viết về người lính và hai cuộc kháng chiến,đặc biệt là những tình cảm cao đẹp của người lính, như tình đồng chí, đồng đội, tình quê hương, sự gắn bó giữa tiền tuyến và hậu phương |
|  |  | 2. Tác phẩm |
| Gọi nhóm 1 trình bày phần chuẩn bị ở nhà về tác phẩm  Gv nhận xét, chốt ý | - Nhóm 1  trình bày  HS nghe | **a. Hoàn cảnh sáng tác**: SGK tr 129 |
|  |  | b. **Mạch cảm xúc** trong bài thơ.  Bài theo thể thơ tự do, có 20 dòng, chia làm hai đoạn.  + Sáu dòng đầu: sự lí giải về cơ sở của tình đồng chí. Dòng 7 có cấu trúc đặc biệt (chỉ một từ với dấu chấm than) như một phát hiện, một lời khẳng định sự kết tinh tình cảm giữa những người lính.  + Mười dòng tiếp theo: biểu hiện cụ thể thấm thía của tình đồng chí và sức mạnh của nó.  + Ba dòng thơ cuối đựơc tác giả tách ra thành một đoạn kết, đọng lại và ngân rung với hình ảnh đặc sắc :đầu súng trăng treo như là một biểu tượng giàu chất thơ về người lính. |
| Gv hướng dẫn cách đọc |  | c. Phương thức biểu đạt chính là biểu cảm vì bài thơ tập trung diễn tả cảm nghĩ của con người về tình đồng chí. VB còn có các yếu tố tự sự và miêu tả.  d. Đọc và chú thích  + Cần đọc với nhịp hơi chậm để diễn tả những tình cảm, cảm xúc được lắng lại, dồn nén.  + Với câu thơ có những hình ảnh và cấu trúc tương ứng, cần đọc nhấn vào những chi tiết làm nổi rõ sự gần gũi, thống nhất cùng chung cảnh ngộ và tâm trạng của những người lính.  + Ba dòng thơ cuối bài cần đọc với nhịp chậm hơn và giọng hơi lên cao để khắc hoạ được những hình ảnh vừa cụ thể vừa giàu ý nghĩa biểu tượng trong các câu thơ đó. |
| **Hoạt động 2:**  **(**22 phút) Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu văn bản |  | II. Tìm hiểu chi tiết **1. Cơ sở hình thành tình đồng chí** |
| Gọi HS đọc lại 6 dòng thơ đầu | -HS đọc |  |
| - Quan sát 2 dòng thơ đầu. Hai câu thơ cho em biết điều gì? (Em biết gì về 2 vùng đất ấy?) | HS làm việc độc lập | - Hai câu đầu giới thiệu quê hương của anh và tôi, những người lính xuất thân từ nông dân.  + Anh ở nơi nước mặn đồng chua- là vùng ven biển, đất khó làm ăn; tôi ở vùng đồi trung du- đất cày lên sỏi đá- đất khó canh tác. Tác giả không định nhưng đã nói được tính toàn dân của cuộc kháng chiến.  -> ***Ra đi từ những vùng quê khác nhau nhưng các anh đều chung cảnh ngộ xuất thân nghèo khó.*** |
| - Nêu cơ sở hình thành tình đồng chí của người lính ? | - HS trả lời | - Tình đồng chí, đồng đội bắt nguồn sâu xa từ sự **tương đồng về cảnh ngộ xuất thân nghèo khó** (Quê …đá)->Đó chính là cơ sở đồng cảm giai cấp xuất thân của những người lính cách mạng. Chính điều đó khiến họ từ mọi phương trời xa lạ tập hợp lại trong hàng ngũ quân đội cách mạng và trở nên gắn bó. |
| - Nhận xét về hình ảnh “ Súng bên súng đầu sát bên đầu” ? | - HS trả lời | - “Súng bên súng, đầu sát bên đầu’’ là hình ảnh sinh động, gợi cảm về tình cảm gắn bó của những người cùng chung 1 lí tưởng, sát cánh chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc.  -> Tình đồng chí được nảy sinh từ sự **cùng chung nhiệm vụ sát cánh bên nhau trong chiến đấu** |
| - Giải nghĩa từ tri kỉ. Tình đồng chí còn được hình thành trên cơ sở nào nữa? | - HS trả lời | - Tình đồng chí, đồng đội **nảy nở và thành bền chặt trong sự chan hoà, chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui**,đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt, mà tác giả đã biểu hiện bằng một hình ảnh thật cụ thể, giản dị mà hết sức gợi cảm:Đêm rét… kỉ.Có điều lạ là câu thơ nói về cái rét mà lại gợi cho người đọc 1 cảm giác ấm áp của tình đồng đội. |
| - Thảo luận nhóm đôi, thời gian 2 phút: **Dòng thơ thứ 7 có gì đặc biệt? Tác dụng của dòng thơ thứ 7?** | - HS làm  việc, trình bày | ***-Từ sự sóng đôi của anh và tôi trong từng dòng thơ đến sự gần gũi anh với tôi trong 1 câu thơ và đến đôi tri kỉ- là 1 tình bạn keo sơn gắn bó và cao hơn nữa là Đồng chí! Từ rời rạc, riêng lẻ dần nhập thành chung, thành 1 khăng khít khó tách rời.*** Câu thơ chỉ gồm 2 chữ đồng chí và dấu chấm than tạo thành một nốt nhấn, nó vang lên như một sự phát hiện, một lời khẳng định, 1 tiếng gọi thiết tha ấm áp, xúc động, lắng đọng trong lòng người về 2 tiếng mới mẻ, thiêng liêng đó***. Đồng thời câu thơ lại như một cái bản lề gắn kết 2 đoạn thơ, làm nổi rõ 1 tất yếu, 1 kết luận: cùng hoàn cảnh xuất thân, cùng lí tưởng thì trở thành đồng chí của nhau và mở ra ý tiếp :Biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí.*** |
| - Gọi HS đọc tiếp từ câu 8-> 17. | - HS đọc | 2) Biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí |
| ***-*** Những đêm rét chung chăn. Tấm chăn khép lại đã mở ra biết bao tâm tình của những người đồng đội. Hãy tìm những chi tiết, hình ảnh thể hiện sự gắn bó và đồng cảm sâu sắc giữa những người đồng đội? | - HS tìm chi  tiết | \* Biểu hiện :  ***- Ruộng nương anh gửi bạn thân cày…nhớ người ra lính***  ***+ Áo.. không giày*** |
| + Nêu cảm nhận của em khi đọc câu thơ “ ***Ruộng nương anh gửi bạn thân cày. Gian nhà không mặc kệ gió lung lay. Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính***.”( Từ mặc kệ gợi cho em suy nghĩ gì? Gian nhà không gợi cho em suy nghĩ gì? | - HS nêu  cảm nhận | - Họ t**hấu hiểu và cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi lòng của nhau.** Mỗi người lính đã để lại những gì quí giá thân thiết nhất nơi làng quê để ra đi chiến đấu. Họ hi sinh âm thầm cho kháng chiến.  + Mặc kệ đã nói được cái dứt khoát, mạnh mẽ, quyết ra đi nhưng những người lính vẫn nặng lòng gắn bó với làng quê thân yêu.  + Gian nhà không: vừa gợi gian nhà nghèo nàn, xơ xác, vừa gợi cả cái trống trải của ngôi nhà, của lòng người ở lại khi người đàn ông ra trận. Nói mặc kệ mà không dửng dưng vô tình. Các anh hiểu rõ lòng nhau và hiểu rõ cả nỗi niềm của những người thân của nhau nơi hậu phương. “ Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”. Cách nói tế nhị hợp với tâm hồn người lính nông dân vốn kín đáo trong tình cảm. Câu thơ nói quê hương nhớ người lính mà thực ra là nói người lính da diết nhớ nhà. |
| ***- Là đồng chí nghĩa là cùng nhau chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính*** (Bấm máy ý 2 nhỏ ) Đọc lại đoạn thơ “áo anh....tay”. Hiện thực của cuộc kháng chiến trường kì được biểu hiện ntn? | - HS đọc  - HS nêu suy  nghĩ của cá nhân | - **Cùng nhau chia sẻ những gian lao, thiếu thốn** của cuộc đời người lính.  - ***Họ cùng chịu bệnh tật, những cơn sốt rét rừng ghê gớm, cùng thiếu, cùng rách. Đây là hoàn cảnh chung của bộ đội ta những ngày đấu kháng chiến chống Pháp. Hình ảnh thơ chân thực, xúc động và gợi tả.*** |
| - Nhận xét về đặc điểm trong cấu trúc các câu thơ và hình ảnh ở đoạn thơ này? | - HS trao đổi lớp | ***- Để diễn tả đuợc sự gắn bó, chia sẻ, sự giống nhau trong mọi cảnh ngộ của người lính, tác giả đã xây dựng những câu thơ sóng đôi, đối ứng nhau (từng cặp hoặc trong từng câu). Đáng chú ý là người lính bao giờ cũng nhìn bạn, nói về bạn trước khi nói về mình, chữ anh bao giờ cũng xuất hiện trước chữ tôi. Cách nói ấy phải chăng thể hiện nét đẹp trong tình cảm của người lính.*** |
| - Sức mạnh của tình đồng chí được thể hiện trong đoạn thơ ntn? | - HS trả lời | - Chính tình đồng đội làm ấm lòng người chiến sĩ để họ vẫn cười trong buốt giá và vượt lên buốt giá. Miệng cười buốt giá là câu thơ dồn nén cả tình lẫn ý.  - Cảm động nhất là cử chỉ Thương nhau tay nắm lấy bàn tay vừa nói lên tình cảm gắn bó sâu nặng giữa những người lính vừa gián tiếp thể hiện sức mạnh của tình cảm ấy.Dường như chỉ bằng một cử chỉ tay nắm lấy bàn tay mà **những người lính như được tiếp thêm sức mạnh vượt qua mọi gian khổ.**  Những bàn tay như biết nói đã nói lên bao tình cảm ấm áp đằm sâu, lặng lẽ mà thấm thía. Nắm lấy đôi bàn tay nhau để ấm đôi bàn chân, để trụ vững trước mọi gian lao thiếu thốn. Đây là những câu thơ có sức bao quát cả chủ đề của bài thơ |
| Gọi đọc đoạn kết.  Thảo luận theo nhóm lớn, thời gian : 3 phút  Những câu thơ trên gợi cho em suy nghĩ gì về người lính và cuộc chiến đấu. Hãy phân tích vẻ đẹp và ý nghĩa của hình ảnh trong những câu thơ ấy?  Gv chốt ý | - HS đọc  - HS suy  nghĩ, trình bày | 1. **Biểu tượng về tình đồng chí**   Bài thơ kết thúc bằng hình ảnh rất đặc sắc: “Đêm nay…trăng treo’’.  **-** Đây **là bức tranh đẹp về tình đồng chí**, đồng đội của người lính, là **biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ: cùng chung chiến hào**.Trên cái nền hùng vĩ, khắc nghiệt của thiên nhiên: đêm- rừng hoang- sương muối, người chiến sỹ đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới. Hình ảnh họ sát cánh bên nhau vững chãi, tràn đầy khí thế lạc quan làm mờ đi cái gian khổ ác liệt của cuộc chiến đấu.  Sức mạnh của tình đồng đội đã giúp họ vượt lên tất cả những khắc nghiệt của thời tiết và mọi gian khổ, thiếu thốn.  -Trong bức tranh trên, nổi lên trên nền cảnh rừng đêm giá rét là ba hình ảnh gắn kết với nhau: người lính, khẩu súng, vầng trăng. Người lính trong cảnh phục kích giặc khuya còn có một người bạn nữa, đó là vầng trăng. Bên đồng đội, tâm hồn người chiến sĩ vẫn bình thản và lãng mạn ngay cả trong nguy hiểm gian lao.  **Đầu súng trăng treo là hình ảnh thực** được nhận ra từ những đêm hành quân, phục kích của chính tác giả. Nhưng hình ảnh ấy còn **mang ý nghĩa biểu tượng**, được gợi ra bởi những liên tưởng phong phú***.*** Súng : hình ảnh của chiến tranh, khói lửa, trăng - hình ảnh của thiên nhiên trong mát, của cuộc sống thanh bình. Người lính cầm súng để bảo vệ cho cuộc sống hoà bình, độc lập tự do cho tổ quốc. **Súng và trăng là gần và xa, thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất chữ tình, chiến sĩ và thi sĩ. Đó là các mặt bổ sung cho nhau, hài hoà với nhau của cuộc đời người lính cách mạng.** Xa hơn, đó cũng thể xem là biểu tượng cho thơ ca kháng chiến-nền thơ kết hợp chất hiện thực và cảm hứng lãng mạn.  Chốt:**3 câu thơ thật cô đọng, hàm súc, giàu chất tạo hình, giàu nhạc điệu. Hình ảnh thơ chân thực, gợi tả mà giàu ý nghĩa khái quát, gợi nhiều liên tưởng, vừa thực, vừa lãng mạn.** |
| - Gọi HS đọc những ấn tượng của nhà thơ Chính Hữu và suy nghĩ của chính tác giả về hình ảnh “Đầu súng trăng treo” | HS đọc |  |
| - Gọi HS đọc lại bài thơ. | - HS đọc |  |
| - Qua bài thơ em có cảm nhận gì về hình ảnh anh bộ đội thời KC chống TD Pháp?  + Nguồn gốc xuất thân?  + Cuộc sống chiến đấu của người lính? | - HS nêu cảm nhận | ***- Qua bài thơ về tình đồng chí, hiện lên*** *vẻ đẹp bình dị mà cao cả của người lính* ***cách mạng, cụ thể ở đây là anh bộ đội*** *hồi đầu kháng chiến chống Pháp.*  -**Đó là anh bộ đội xuất thân từ nông dân**. Họ sẵn sàng bỏ lại những gì quý giá, thân thiết của cuộc sống làng quê để ra đi vì nghĩa lớn nhưng vẫn nặng lòng gắn bó với làng quê thân yêu.  - **Họ trải qua những gian lao, thiếu thốn tột cùng:** những cơn sốt run người, trang phục phong phanh giữa mùa đông giá lạnh (áo rách, quần vá, chân không giày). Nhưng gian lao thiếu thốn càng làm nổi bật vẻ đẹp của anh bộ đội: sáng lên nụ cười của người lính (miệng cười buốt giá).  Những chi tiết về cuộc sống gian khổ, thiếu thốn của người lính được tác giả miêu tả rất thật, vừa chân thực vừa có sức gợi cảm cao.  **- Đẹp nhất ở họ là tình đồng chí đồng đội sâu sắc, thắm thiết**  **- Kết tinh hình ảnh người lính và tình đồng chí của họ là bức tranh đặc sắc trong đoạn cuối của bài thơ** |
| - Vì sao bài thơ viết về tình đồng đội của người lính lại được đặt tên là “Đồng chí”? | HS nêu ý kiến cá nhân | ***- 4’)Đồng chí là cùng chung chí hướng, lí tưởng. Đây cũng là cách xưng hô của những người cùng trong một đoàn thể cách mạng. Vì vậy, tình đồng chí là bản chất cách mạng của tình đồng đội và thể hiện sâu sắc tình đồng đội.*** |
| **Hoạt động 3:** Hướng dẫn HS tổng kết |  | **III. Tổng kết** |
| - Nêu cảm nhận của em về giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ? | - HS nêu cảm nhận | - Nội dung: Vẻ đẹp chân thực, giản dị của anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp và tình đồng chí, đồng đội của họ.  - Nghệ thuật: Chi tiết, hình ảnh và ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm. |
| - Gọi HS đọc ghi nhớ SGK tr | - HS đọc | \***Ghi nhớ** : SGK tr 131 |
| C. Hoạt động luyện tập (5’) | | |
| **Bài 1**: Trò chơi ô chữ | | |
| 1.Từ chỉ vẻ đẹp của người lính trong bài thơ ?( bình dị)  2.Tên bài thơ nổi tiếng của Chính Hữu ? ( Đồng chí)  Hoặc : Từ chỉ người có cùng chí hướng, lí tưởng  3. Từ chỉ điều cao cả nhất, đẹp đẽ nhất, trở thành lẽ sống mà người ta mong ước và phấn đấu thực hiện ? ( lí tưởng)  4.Từ chỉ hành động của người lính trong 3 dòng thơ cuối ? ( chờ giặc)  5.Điền từ thích hợp vào chỗ trống : Đêm rét chung chăn thành đôi …( tri kỉ)  6. .Điền từ thích hợp vào chỗ trống : Người lính trải qua những …thiếu thốn tột cùng.(Gian lao)  7. Nhà thơ có tên thật là Trần Đình Đắc ? ( Chính Hữu)  8.Cử chỉ Thương nhau tay nắm lấy bàn tay nói lên tình cảm gì của những người lính ( gắn bó)  9. Từ chỉ vị trí chờ giặc của người lính ? ( rừng hoang) | | |
| **Bài 2**:  Viết 1 đoạn văn diễn dịch khoảng 10 câu trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ cuối bài “Đêm nay….trăng treo” | | |
| **D. Hoạt động vận dụng (5’)** | | |
| Sưu tầm các bài thơ viết về hình tượng người lính thời kì chống Pháp | - Hs sưu tầm |  |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (4’)** | | |
| - Hoàn chỉnh bài tập .  - Hướng dẫn HS học và chuẩn bị bài ở nhà  - Soạn bài : *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* | - Hs luyện tập ở nhà |  |

***\*. Rút kinh nghiệm.***

..............................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn : Ngày dạy :***

**TIẾT 48 : HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN**

**CHỐNG MỸ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu hoàn cảnh lịch sử giai đoạn kháng chiến chống Mĩ. Nắm được những yếu tố chi phối ngòi bút của các tác giả khi xây dựng hình tượng người lính trong văn học.

- Những đặc điểm cơ bản của hình tượng người lính trong hai thời kì kháng chiến chống Mĩ.

- Khái quát hình tượng người lính trong văn học qua các thời kỳ, so sánh, nhận biết điểm tương đồng và khác biệt, lý giải dựa vào bối cảnh lịch sử.

**2. Kỹ năng:**

- Kĩ năng liên hệ, so sánh, khai thác các sự kiện, yếu tố lịch sử.

- Kĩ năng đọc hiểu văn bản, cảm nhận hình tượng văn học.

**3. Thái độ:**

- Yêu mến, tự hào, trân trọng những người lính đã hi sinh xương máu và tuổi thanh xuân của mình vì độc lập tự do của Tổ quốc.

- Học tập, noi gương anh bộ đội cụ Hồ : những phẩm chất như : lí tưởng sống cao đẹp, tinh thần yêu nước, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, ý chí sắt đá…

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ;

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc – hiểu văn bản

**B. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên:**

- Soạn giáo án, nghiên cứu tài liệu.

- Tranh ảnh, máy chiếu, bảng phụ

**2. Học sinh:**

- Soạn bài, đọc tài liệu tham khảo theo sự hướng dẫn của giáo viên.

- Sưu tầm tranh ảnh

- Sản phẩm báo cáo của nhóm.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong tiết học

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy*** | ***Hoạt động của trò*** | ***Nội dung kiến thức*** |
| 1. **Hoạt động khởi động (5’)** | | |
| Tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn. Nhóm nào có câu trả lời nhanh nhất được quyền trả lời:  ? Người lính trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp qua bài thơ Đồng chí đã để lại cho em những xúc cảm và ấn tượng gì? | - Học sinh hoạt động theo nhóm đôi:  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả  - Nghe thầy cô nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. | * Khâm phục, tự hào, thêm yêu quý trân trọng người lính Việt Nam. |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức (25’)** | | |
| **Hoạt động 1:** Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu chung |  | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả** |
| Gọi nhóm 1 thuyết trình về tác giả | * Đại diện nhóm trình bày | - Quê: Phú Thọ.  **- Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Văn.**  **-Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.**  **-Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1970).**  **- Một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mỹ cứu nước.** |
| - GV cho HS quan sát ảnh và giới thiệu thêm về tác giả. | - HS quan sát và nghe | - Giải nhất cuộc thi thơ báo Văn nghệ 1969 –1970. |
|  |  | **2**. Tác phẩm |
| - Giới thiệu xuất xứ bài thơ? | - HS trả lời | * + 1. **Xuất xứ**: SGK tr 132 |
| - GV đọc mẫu và gọi HS đọc | - HS đọc | **b. Đọc và chú thích**  -Chú ý giọng điệu và ngôn ngữ của bài thơ: lời thơ gần với lời nói thường, giọng tự nhiên, có vẻ ngang tàng, sôi nổi của tuổi trẻ |
| - Kiểm tra việc đọc chú thích của HS |  |  |
| - Nhan đề của bài thơ có gì khác lạ? Nhưng vì sao tác giả thêm vào nhan đề hai chữ bài thơ? | - HS thảo luận lớp | **c. Nhan đề** :  - **Khá dài, tưởng như thừa**, thu hút người đọc ở cái vẻ **lạ, độc đáo** của nó.  -**Làm nổi bật rõ hình ảnh của toàn bài: những chiếc xe không kính.** Hình ảnh này là một phát hiện thú vị của tác giả, thể hiện sự gắn bó và am hiểu hiện thực đời sống chiến tranh trên tuyến đường Trường Sơn.  - Hai chữ *Bài thơ* cho thấy rõ hơn **cách nhìn, cách khai thác hiện thực của tác giả**: không phải chỉ viết về những chiếc xe không kính hay là cái hiện thực khốc liệt của chiến tranh, mà điều chủ yếu là Phạm Tiến Duật muốn **nói về chất thơ của hiện thực ấy, chất thơ cả tuổi trẻ hiên ngang, dũng cảm, trẻ trung, vượt lên thiếu thốn, gian khổ, hiểm nguy của chiến tranh.** |
| - Xác định bố cục của bài thơ? |  | d. Bố cục:  -Từ đầu ->lùa khô mau thôi: Cảm giác của người lính trên xe không kính.  -Tiếp ->trời xanh thêm: Tình đồng đội của người lính lái xe.  -Còn lại: Quyết tâm chiến đấu của họ. |
|  |  |  |
| **Hoạt động 2:**  Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu văn bản  - Trong bài thơ có 1 hình ảnh rất độc đáo? Theo em đó là hình ảnh gì? | - HS trả lời | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Hoàn cảnh chiến trường** |
| - Gọi HS đọc những câu thơ giới thiệu những chiếc xe không kính? | - HS đọc | - Không có………..có kính  Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi  - Không có kính, rồi xe không có đèn,  Không có mui xe, thùng xe có xước. |
| - Hiện tượng những chiếc xe không kính được giải thích ntn trong lời thơ mở đầu? | -HS trả lời | - Tác giả giải thích nguyên nhân cũn*g* rất thực. Không có kính không …vỡ đi rồi  + Hai câu thơ đậm chất văn xuôi, giọng thản nhiên, gây sự chú ý về vẻ khác lạ của những chiếc xe. ->Đây là những chiếc xe đã đi qua bom đạn thử thách, xe của những con người quả cảm. Cái không bình thường của xe đó được bình thường hóa. |
| - Hai câu thơ-Không có kính, rồi xe không có đèn,/Không có mui xe, thùng xe có xước còn cho ta cảm nhận điều gì? | Học sinh trả lời | - **Bom đạn chiến tranh đã làm cho những chiếc xe bị phá huỷ, biến dạng đi** và **trần trụi hơn nữa**.  Tất cả *không* và *có* ấy (*có xước* cũng là thêm sự tổn thất, mất mát, có thể làm ảnh hưởng đến khả năng lăn bánh của xe.  **Xe không kính - biểu tượng thách thức của sự tàn phá, huỷ diệt.** |
| - Đó là hiện tượng bình thường hay bất bình thường? | Học sinh trả lời | - Đó là hiện tượng không bình thường trong cấu tạo và đời thường; bình thường trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt ở Trường Sơn. |
| ***- Hình ảnh những chiếc xe không kính cho em biết điều gì?*** | - Học sinh trả lời | **- Cho thấy hiện thực khốc liệt, dữ dội của chiến tranh**  **- Bộc lộ được phẩm chất cao đẹp của người chiến sĩ** .  Hình ảnh chiếc xe không kính vốn không hiếm trong chiến tranh, nhưng phải có hồn thơ nhạy cảm với nét ngang tàng và tinh nghịch, thích cái lạ như của Phạm Tiến Duật mới nhận ra được và đưa nó vào thành hình tượng thơ độc đáo của thời chiến tranh chống Mĩ. |
| ***- Hình ảnh của những người lính lái xe ở TS được miêu tả gắn liền với những chiếc xe, đồng thời nổi bật lên trong toàn bài thơ.*** |  | **2. Hình ảnh những chiến sĩ lái xe.** |
| ***- Quan sát lại khổ thơ 1. Trên những chiếc xe không kính, người chiến sĩ lái xe hiện ra với tư thế ntn?*** | - Học sinh trả lời | * ***Ung dung ...thẳng*** |
| ***- Từ*** Ung dung ***gợi cho em cảm giác gì? Nhận xét về cách nhìn của người chiến sĩ?*** | -Học sinh trả lời | ***- Ung dung:đặt lên trước vừa gợi hình vừa tả được thái độ tự tin, hiên ngang, sự bình tĩnh coi thường bom đạn của người chiến sĩ.***  *\* Tư thế ung dung, hiên ngang, tự tin***,** *đàng hoàng****.***  Con mắt nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng. Nhìn thẳng là con mắt nhìn có vẻ trang nghiêm, bất khuất, không thẹn với đất, với trời, nhìn thẳng vào gian khổ, hi sinh, không run sợ, không né tránh. |
| - Trên chiếc xe không kính, người lái xe có những ấn tượng và cảm giác gì? | * Học sinh trả lời | - Nhìn …… buồng lái  - Qua khung cửa xe không còn kính chắn gió, người lái xe tiếp xúc trực tiếp với thế giới bên ngoài: có gió thổi, có cánh chim chiều và cả ánh sao đêm. Gió được nhân hóa và chuyển đổi cảm giác đầy ấn tượng. (gió vào xoa mắt đắng). Không có kính, con người gần gũi, thân mật với thiên nhiên hơn. Không chỉ mặt đất mà cả bầu trời với sao trời, cánh chim như cũng ùa vào buồng lái.  -> Câu thơ diễn tả được cảm giác về tốc độ trên chiếc xe đang lao nhanh. Nhà thơ diễn tả chính xác các cảm giác mạnh và đột ngột của người ngồi trong buồng lái. |
| ***- Em hiểu thế nào về câu thơ*** Nhìn thấy con đường chạy thằng vào tim | - HS nêu cảm nhận riêng | Hiện thực thì khốc liệt, mọi thứ có thể va đập, quăng quật vào buồng lái nhưng người chiến sĩ cảm nhận nó bằng 1 tâm hồn trẻ trung, lãng mạn, nhạy cảm với cái đẹp, 1 nghị lực phi thường. Hình ảnh con đường chạy thẳng vào tim còn là 1 khái quát đặc sắc về con đường trái tim. Đường Trường Sơn, con đường giải phóng Miền Nam là con đường của trái tim. |
| - Tuy nhiên trên những chiếc xe không kính, người lái xe vẫn phải chấp nhận hiện thực nào? Tìm câu thơ cho biết điều đó? | - HS tìm dẫn chứng | - Không có kính, ….. ha ha.  - Không có kính …… mau thôi. |
| - Nhận xét giọng thơ, cách nói trong lời thơ này và tác dụng của nó? | - HS nhận xét | - Giọng thơ ngang tàng, bất chấp gian khổ thể hiện trong cấu trúc được lặp lại: ừ thì, chưa cần…  - 1 tiếng ừ quả quyết ngắn gọn, bất chấp tất cả, cả mưa tuôn, cả gió thổi, cả ướt áo.  => Tình cảnh của người chiến sĩ được miêu tả rất chân thực, sự thú nhận của họ rất là lính. Với tinh thần chấp nhận thử thách, họ hết sức bình thản: chưa cần rửa, chưa cần thay.  \* Thái độ bất chấp khó khăn, gian khổ, nguy hiểm. |
| ***-*** Những câu thơ: Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc/ Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha/ Chưa cần thay lái trăm cây số nữa còn gợi ra điều gì? | - HS trao đổi lớp | *-* Hình ảnh của họ thật lãng mạn: Cái cách phì phèo điếu thuốc và nhìn nhau mặt lấm cười ha ha( cười hết cỡ, cười sảng khoái), thái độ phớt tỉnh lái trăm cây số nữa thì sự bình thản đã đạt tới đã đạt đến mức vô tư lự 1 cách thật trẻ trung.  *\* Trẻ trung, sôi nổi, vui nhộn, lạc quan.* |
| - Gọi HS đọc lại khổ thơ 5, 6. | - HS đọc |  |
| - Cái cách thành lập tiểu đội xe không kính gợi cho em suy nghĩ gì? | - Học sinh làm việc độc lập | - Cách thành lập tiểu đội xe không kính rất đặc biệt: ( Những chiếc xe …. tiểu đội) Đi từ trong bom đạn ra họp thành tiểu đội. Hình ảnh những chiếc xe từ trong bom rơi là những chiếc xe gan góc, đã qua thử thách, thương tích vẫn bám trụ trong 1 phiên chế mới. Họ có thể bắt tay qua cửa kính vỡ rồi mà không cần mở cửa xe, thật thoải mái, tự hào, thắm tình đồng đội. Con đường giải phóng miền Nam là con đường đi tới chính nghĩa, họ càng đi càng có thêm nhiều bạn.  ( Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới)  \* Tình đồng đội thật cởi mở, chân thành |
| - Khổ thơ 6 giúp ta hiểu thêm gì về cách sống của người lính lái xe trên tuyến lửa?  (Em hiểu thế nào là chông chênh?) | - Học sinh nêu cảm nhận | **- Tình đồng đội của họ** thắm thiết như ruột thịt**, như anh em trong gia đình. 1 cách định nghĩa về gia đình thật lạ, thật hóm hỉnh mà tình cảm thì sâu nặng thiêng liêng. Những phút sinh hoạt nghỉ ngơi ngắn ngủi, cái ăn, giấc ngủ thật giản dị, gian khó nhưng tâm hồn người lính thật vui tươi lạc quan, có gì xao xuyến: Võng mắc …. xanh thêm.**  **- Chông chênh: từ láy tượng hình gợi thế không vững chãi vì không có chỗ dựa. Mặc dù vậy, khí phách, nghị lực, ý chí chiến đấu của họ vẫn vững vàng, kiên định, vượt lên trên tất cả. Tình đồng đội tiếp cho họ thêm sức mạnh để tâm hồn họ phơi phới, lạc quan. Điệp ngữ** lại đi **khẳng định đoàn xe vẫn không ngừng tiến tới, khẩn trương và kiên cường. Hình ảnh** trời xanh thêm **gợi lên tâm hồn lạc quan, đầy hi vọng, khát vọng của những người lính. Họ họp thành tiểu đội, họ làm thành gia đình, họ kết thành 1 khối, cùng làm nhiệm vụ chiến đấu, cùng chịu gian nguy.** |
| - Câu hỏi thảo luận (nhóm 4HS): Khổ thơ cuối chính là sự đối lập giữa cái “không có” và cái “có”. Quan điểm của em vế ý kiến trên. | - HS thảo luận, trình bày | - Những cái không của xe: không kính, không đèn, không mui. Có 1 cái có nhưng đó lại là thùng xe có xước, nghĩa là thêm sự hư hại.  +1 cái có của người: Trái tim. Có trái tim, chiếc xe thành ra cơ thể sống thống nhất với người lái xe, không gì ngăn trở tàn phá được. Nói phương tiện để chỉ người chủ phương tiện. Cách diễn đạt thật độc đáo. |
| - Theo em, 1 trái tim trong lời thơ có ý nghĩa gì? | * Học sinh trả lời | - 1 trái tim: đa nghĩa  + Có sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ.  + Có nhiệt huyết với sự nghiệp chống Mĩ cứu nước.  + Có lí tưởng chiến đấu giải phóng miền Nam.  - Những gian khó không thể ngăn cản được ý chí quyết tâm chiến đấu của người lính lái xe. |
| - Theo em, động lực mạnh mẽ và sâu xa tạo nên sức mạnh phi thường, bất chấp mọi nguy nan, mọi sự hủy diệt tàn phá của người lính lái xe là gì? | - Học sinh trả lời | - **Đó là** ý chí chiến đấu để giải phóng Miền Nam, thống nhất Tổ quốc, là tình yêu nước nồng nhiệt của tuổi trẻ. |
| - Qua bài thơ, những vẻ đẹp nào của người lính được bộc lộ? | - Học sinh trả lời |  |
| - Em có nhận xét gì về ngôn ngữ, giọng điệu của bài thơ này? Những yếu tố đó đã góp phần ntn trong việc khắc hoạ hình ảnh những người lính lái xe ở Trường Sơn? | - Học sinh trả lời | -Về thể thơ: kết hợp linh hoạt thể bảy chữ và thể tám chữ  **- Giọng thơ rất gần với lời nói, có những câu như văn xuôi, tưởng như rất khó chấp nhận trong một bài thơ. Nhưng chính đây lại là nét độc đáo của bài thơ, tạo nên một giọng điệu ngang tàng,** thể hiện cái hiên ngang, bất chấp khó khăn, nguy hiểm của các anh lính lái xe Trường Sơn. |
| **Hoạt động 3:** Hướng dẫn HS tổng kết |  | III. Tổng kết |
| - Nêu cảm nhận của em sau khi học bài ? | - Học sinh nêu cảm nhận | - Bài thơ đã khắc hoạ được hình ảnh đẹp đẽ, đầy khí phách, đầy chất kiêu hùng trong vẻ giản dị của người chiến sỹ lái xe ở Trường Sơn thời chống Mỹ. Đó cũng là hình ảnh anh bộ đội Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ.  **+ NT: Ngôn ngữ giản dị, lời thơ gần với lối văn xuôi, lời đối thoại , lời nói thường nhưng giàu chất thơ.** |
| - Suy nghĩ của em về thế hệ trẻ thời kháng chiến chống Mỹ qua hình ảnh người lính trong bài thơ? | - Học sinh nêu cảm nhận | - Đó là 1 thế hệ sống thật đẹp, thật anh hùng, ý thức sâu sắc về sứ mệnh lịch sử của mình, trong gian khổ hi sinh vẫn phới phới, lạc quan |
| - Gọi HS đọc ghi nhớ SGK tr 133 | - Học sinh đọc | \* **Ghi nhớ** : SGK tr 133 |
|  |  |  |
| *C. Hoạt động luyện tập (10’)*  Viết đoạn cảm  nhận về khổ thơ  : “Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng  Nhìn thấy con đường chạy thằng vào tim  Thấy sao trời và đột ngột cánh chim  Như sa như ùa vào buồng lái” | Làm cá nhân | Khổ thơ cho ta cảm nhận được thái độ bất chấp khó khăn, gian khổ, nguy hiểm của người lính lái xe trên tuyến lửa TS. Qua khung cửa xe không còn kính chắn gió, người lái xe tiếp xúc trực tiếp với thế giới bên ngoài: có gió thổi, có cánh chim chiều và cả ánh sao đêm. Gió được nhân hóa và chuyển đổi cảm giác đầy ấn tượng. (gió vào xoa mắt đắng). Không có kính, con người gần gũi, thân mật với thiên nhiên hơn. Không chỉ mặt đất mà cả bầu trời với sao trời, cánh chim như cũng ùa vào buồng lái. Câu thơ diễn tả được cảm giác về tốc độ trên chiếc xe đang lao nhanh. Nhà thơ diễn tả chính xác các cảm giác mạnh và đột ngột của người ngồi trong buồng lái.Hiện thực thì khốc liệt, mọi thứ có thể va đập, quăng quật vào buồng lái nhưng người chiến sĩ cảm nhận nó bằng 1 tâm hồn trẻ trung, lãng mạn, nhạy cảm với cái đẹp, 1 nghị lực phi thường. Hình ảnh con đường chạy thẳng vào tim còn là 1 khái quát đặc sắc về con đường trái tim. Đường Trường Sơn, con đường giải phóng Miền Nam là con đường của trái tim |
| **D. Hoạt động vận dụng (3’)** | | |
| - Đọc các câu thơ, bài thơ viết về người lính trong kháng chiến chống Mĩ | Hs trả lời |  |
| **E. Hoạt động tìm tòi, sáng tạo (1’)** | | |
| - Hướng dẫn HS học và chuẩn bị bài ở nhà  - Soạn bài : Chuẩn bị luyện tập, báo cáo | Hs luyện tập ở nhà |  |

***\*. Rút kinh nghiệm.***

..............................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: Ngày dạy:***

**TIẾT 49: LUYỆN TẬP VỀ HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Nắm rõ kiến thức hai bài thơ.

**2. Kỹ năng:**

- Kĩ năng liên hệ, so sánh, khai thác các sự kiện, yếu tố lịch sử.

- Kĩ năng đọc hiểu văn bản, cảm nhận hình tượng văn học.

**3. Thái độ:**

- Yêu mến, tự hào, trân trọng những người lính đã hi sinh xương máu và tuổi thanh xuân của mình vì độc lập tự do của Tổ quốc.

- Học tập, noi gương anh bộ đội cụ Hồ : những phẩm chất như : lí tưởng sống cao đẹp, tinh thần yêu nước, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, ý chí sắt đá…

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ;

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc – hiểu văn bản

**B. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên:**

- Soạn giáo án, nghiên cứu tài liệu.

- Tranh ảnh, máy chiếu, bảng phụ

**2. Học sinh:**

- Soạn bài, đọc tài liệu tham khảo theo sự hướng dẫn của giáo viên.

- Sưu tầm tranh ảnh

- Sản phẩm báo cáo của nhóm.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong tiết học

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy*** | ***Hoạt động của trò*** | ***Nội dung kiến thức*** |
| **Hoạt động 1: Khởi động (10’)**  Thi viết nhanh 2 bài thơ “Đồng chí” và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” | - Viết theo trí nhớ  - Đổi chéo, chữa lỗi |  |
| **Hoạt động 2: Luyện tập (25’)** |  |  |
| GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung luyện tập đã giao chuẩn bị ở tiết trước’  Theo dõi đại diện nhóm 2 trình bày  - Nhận xét, bổ sung ý kiến | Nhóm 1 cử đại diện trình bày  Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, nêu ý kiến. | 1. Trình bày cảm nhận về hình tượng người lính trong 1 đoạn thơ hoặc 1 bài thơ mà em thích.  - Nét đẹp của hình tượng  - Cảm xúc của bản thân.  - Bài học |
| Theo dõi đại diện nhóm 2 trình bày  - Nhận xét, bổ sung ý kiến | Nhóm 2 cử đại diện trình bày, các nhóm khác bổ sung, nhận xét | 2. Vẽ tranh, giới thiệu.  - Nội dung tranh  - Cách sử dụng màu sắc, bố cục…  - Ý nghĩa bức tranh |
| Theo dõi đại diện nhóm 3 trình bày  - Nhận xét, bổ sung ý kiến | Nhóm 3 cử đại diện trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung | 3. Sưu tầm thơ văn, mẩu chuyện về hình tượng người lính.  - Kháng chiến chống Pháp: Cá nước – Tố Hữu, Bao giờ trở lại – Hoàng Trung Thông, Tây Tiến – Quang Dũng.  - Kháng chiến chống Mỹ: Dáng đứng Việt Nam – Lê Anh Xuân, Những ngôi sao xa xôi – Lê Minh Khuê.  - Câu chuyện về những người lính ở Hoàng Sa, Trường Sa… |
| Theo dõi đại diện nhóm 4 trình bày  - Nhận xét, bổ sung ý kiến  GV nhận xét phần chuẩn bị, cho điểm. | Nhóm 4 cử đại diện trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung | 4. Thuyết trình về việc học tập và noi gương anh bộ đội cụ Hồ trong cuộc sống hiện nay. |
| Bổ sung gợi ý 1 số hoạt động khác: thăm Bảo tàng Quân đội, diễn đàn trao đổi về phẩm chất của anh bộ đội cụ Hồ, sưu tầm những tấm gương người lính trong cuộc sống hiện đại | Lắng nghe, xây dựng kế hoạch tìm hiểu. |  |
| **Hoạt động vận dụng (5’)** | | |
| GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung kiến thức của chủ đề, lập sơ đồ hoặc bản đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học |  |  |
| **D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (4’)** | | |
| - Hoàn thiện sơ đồ hoặc bản đồ tư duy hệ thống kiến thức  - Hoàn thiện bài tập.  - Tiếp tục tìm hiểu về chủ đề.  - Chuẩn bị: ôn tập phần văn học trung đại để kiểm tra. | Hs luyện tập ở nhà |  |

***\* Rút kinh nghiệm:***

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...../..../20 Ngày dạy:..../..../20***

**Tiết 50: KIỂM TRA TRUYỆN TRUNG ĐẠI**

I. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**:

**1.Kiến thức:**

- Nắm được những kiến thức cơ bản về tác phẩm truyện trung đại Việt Nam: những thể loại chủ yếu, giá trị nội dung và nghệ thuật của những tác phẩm tiêu biểu: Chuyện người con gái Nam Xương, Truyện Kiều. Qua bài kiểm tra, học sinh đánh giá được trình độ của mình về các mặt kiến thức và năng lực diễn đạt

**2.Kỹ năng:**

**-** Phân tích, đánh giá khái quát kiến thức

- Tạo lập văn bản,lập luận (phân tích,chứng minh) chặt chẽ.

**3. Thái độ:**

- Làm bài nghiêm túc, trung thực.

**4. Năng lực:**

- Đọc – hiểu, giải quyết vấn đề, cảm thụ…

**II. CHUẨN BỊ.**

**1. GV**: ra đề, soạn bài.

**2. HS:** ôn tập, chuẩn bị giấy kiểm tra.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**1. Ổn định tổ chức.**

**2. Kiểm tra bài cũ:** kiểm tra sự chuẩn bị của HS

**3. Bài mới.**

**HĐ1. Kiểm tra:** Đề và đáp án như sổ lưu đề.

**HĐ2.** Thu bài, nhận xét giờ kiểm tra

**4. Củng cố**

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Tìm đọc tiểu sử nhà thơ Huy Cận

- Soạn “Đoàn thuyền đánh cá”.

***\* Rút kinh nghiệm***

.................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: Ngày dạy:***

**TIẾT 51: TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- HS hiểu khái niệm, đặc điểm, vai trò của sự phát triển từ vựng; từ mượn, từ Hán Việt; thuật ngữ và biệt ngữ xã hội; cách trau dồi vốn từ

**2. Kĩ năng:**

- Hệ thống hoá các được kiến thức đã học, nhận diện, phân tích tác dụng của từ vựng trong các hoàn cảnh giao tiếp.

- Rèn kĩ năng khai thác tư liệu trong các văn bản đã học.

- HS biết vận dụng kiến thức vào liên hệ thực tế.

**3. Tư tưởng :**

- HS nhận thức được sự giàu đẹp của Tiếng Việt.

- Có thái độ trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**4. Phát triển năng lực:**

**-** *Năng lực chung:* Năng lực làm việc nhóm; Năng lực giải quyết vấn đề; Năng lực sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực CNTT; Năng lực tự học;Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo

- *Năng lực chuyên biệt:* Năng lực cảm thụ; Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**B. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy** : SGK, SGV, giáo án, máy chiếu, máy hắt, phiếu bài tập, bảng phụ, bút dạ...

**2. Trò:**

+ Tìm hiểu bài trước khi đến lớp.

+ Sưu tầm từ mượn, từ Hán Việt, biệt ngữ xã hội.

+ Trò chơi khởi động

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

**1. Ổn định lớp: (1p)**

**2. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Nội dung cần đạt** |
| 1. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5p)** | | |
| \* Tổ chức cho HS hoạt động tập thể  - Trò chơi*: Tiếp sức*  GV nhận xét, dẫn vào bài mới | Một học sinh điều hành.  Các học sinh khác:   * Tham gia theo nhóm. * Theo dõi * Nhận xét, bổ sung |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP LÍ THUYẾT (15p)** | | |
| **Hoạt động 1 : Hướng dẫn HS hệ thống hoá kiến thức về**  **sự phát triển của từ vựng; từ mượn, từ Hán Việt (7p)** | | |
| - Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh  - Giới thiệu nhóm 1 lên báo cáo phần chuẩn bị của nhóm mình  (Hệ thống hoá kiến thức về sự phát triển của từ vựng; từ mượn, từ Hán Việt)  - Hãy liệt kê những kiến thức mà nhóm 1 vừa trình bày về từ mượn?  - GV chốt ý (Trên bảng)  - GV chuyển ý | - Lớp trưởng báo cáo.  - Đại diện nhóm 1 báo cáo.  - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có)  - Liệt kê.  - Lắng nghe | **I. Ôn tập lí thuyết**  **1.Sự phát triển của từ vựng**  **2.Từ mượn**  a. Từ Hán Việt  b. Các ngôn ngữ khác |
| **Hoạt động 2 : Hướng dẫn HS hệ thống hoá kiến thức về thành ngữ (8p)** | | |
| \* Yêu cầu nhóm 2 lên trình bày phần chuẩn bị của nhóm mình  - GV nhận xét, bổ sung (các biệt ngữ của đối tượng HS)  - Để ôn tập từ vựng, cần phải nắm chắc các đơn vị kiến thức nào?  - GV nhật xét, chốt ý  - GV chuyển ý | - Đại diện nhóm 2 báo cáo.  - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có)  - Trả lời cá nhân.  - Lắng nghe, trả lời | **3. Thuật ngữ và biệt ngữ xã hội**  **4. Cách trau dồi vốn từ**  \* Lưu ý:  + Khái niệm  + Phân loại, đặc điểm, vai trò  + Cách sử dụng |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 18p)** | | |
| GV tổ chức cho học sinh làm một số bài tập trong SGK  **Bài 1:** Em hãy phân loại từ Hán Việt và từ mượn các ngôn ngữ khác của các từ dưới đây (Gạch 1 gạch dưới từ Hán Việt, 2 gạch dưới từ mượn các ngôn ngữ khác)   * *Giang sơn, săm, hoàng đế, lốp, a-xit, hải tặc, xăng, tiền hậu, vi-ta-min* * Yêu cầu: Làm theo nhóm đôi * Thời gian: 1 phút * Hình thức: làm trên phiếu bài tập * GV chọn một nhóm nhanh nhất để chấm   chữa.   * GV đưa đáp án lên máy   - Giải nghĩa các từ *nương tử, hoàng đế*?  - Vì sao các từ cùng là từ mượn các ngôn ngữ khác nhưng cách viết của hai từ *vi-ta-min, a-xit* lại khác các từ còn lại*?*  ***-*** Qua bài tập trên, em cần lưu ý điều gì khi làm dạng bài phân loại từ chia theo nguồn gốc?  - GV chốt  **Bài 2:** **Tổ chức trò chơi “*Đuổi hình bắt chữ*”**  **Luật chơi**  + Người dẫn chương trình đưa ra hình ảnh tương ứng với từ hoặc cụm từ có từ mượn  + Tất cả các bạn có thời gian suy nghĩ 10 giây.  + Ai đưa ra đáp án đúng sẽ nhận được một điểm 10  - Hãy giải nghĩa 1từ hoặc cụm từ có từ mượn trong trò chơi.  - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu nghĩa của các từ, cụm từ còn lại.  Bài 3:  **Theo em, thuật ngữ có vai trò gì trong đời sống xã hội hiện nay**   * **Hình thức**: Nhóm 4 HS. * **Thời gian:** 2 phút. * **Trình bày** ra giấy, đại diện một nhóm trình bày   **Gv chốt máy** | - Đọc bài tập và yêu cầu của bài  - Thảo luận và làm theo nhóm đôi.  - Các nhóm khác đổi phiếu cho nhau, chấm chéo.  - Suy nghĩ, trả lời  - Trả lời  - Đọc luật chơi  - Cả lớp tham gia bằng hình thức giơ tay  Thảo luận, đại diện trình bày, nhận xét | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1: Phân loại**  + Từ Hán Việt : *Giang sơn, hoàng đế, hải tặc, tiền hậu, nương tử*  *+ Từ mượn các ngôn ngữ khác: Săm, lốp, xăng, vi-ta-min, a-xit*    **Bài tập 2: Tìm từ mượn**  - Quốc kì  - Ngũ cốc  - Nhất, nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu, thập  - Tình mẫu tử  - Ra-di-o  - Lá lành đùm lá rách  **Bài 3**: Vai trò của thuật ngữ trong đời sống   * Sự phát triển của khoa học công nghệ vô cùng mạnh mẽ. * Trình độ dân trí ngày càng tăng * Nhu cầu giao tiếp và nhận thức về khoa học, công nghệ tăng lên   🡪Thuật ngữ **đóng vai trò quan trọng** trong đời sống xã hội |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 4 p)** | | |
| Trò chơi:chọn đáp án đúng |  |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG ( 2 p)** | | |
| - Giới thiệu một số bài tập trong sách ôn tập có liên quan đến kiến thức vừa ôn tập  - GV giao bài tập và phân công nhiệm vụ tiết sau:  **+ Nhóm 1 (Tổ 1+2)**: Hệ thống hoá kiến thức về từ tượng hình, từ tượng thanh  **+ Nhóm 2 (Tổ 3+4):** Hệ thống hóa kiến thức về một số phép tu từ | - Lắng nghe |  |

**\* Rút kinh nghiệm tiết dạy:**

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

###### *\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

###### *Ngày soạn : Ngày dạy :*

###### TIẾT 52: NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

**A. Mục tiêu cần đạt** : Qua bài học HS nắm được:

**1. Kiến thức**:

-Yếu tố nghị luận trong trong văn bản tự sự.

- Mục đích của việc sử dụng yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.

-Tác dụng của các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự

**2. Kỹ năng**: Nghị luận trong khi làm văn tự sự.

- Phân tích được các yếu tố nghị luận trong 1 bài văn nghị luận cụ thể.

**3. Thái độ**: Luyện tập nhận diện các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự và viết đoạn văn tự sự có sử dụng các yếu tố nghị luận.

**4. Phát triển năng lực:**

**-** *Năng lực chung:* Năng lực làm việc nhóm; Năng lực giải quyết vấn đề; Năng lực sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực CNTT; Năng lực tự học;Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo

- *Năng lực chuyên biệt:* Năng lực cảm thụ; Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**B. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên** :

- Soạn giáo án.

- Chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu

**2. Học sinh :**

- Soạn bài .

- Chuẩn bị giấy khổ to & bút dạ để thảo luận nhóm .

### C Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy - học

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ** (1 phút) **:** Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

**3. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)** | | |
| - Gv chiếu 1 đoạn video có yếu tố nghị luận.  (?) Hãy nêu ý nghĩa câu chuyện em vừa theo dõi?  - GV dẫn vào bài | - HS theo dõi, phát hiện  - Hs khác theo dõi, bổ sung |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (10 phút)** | | |
| **Hoạt động 1: hướng dẫn học sinh tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự**  - Các nhóm trình bày phần chuẩn bị của mình theo phân công ở tiết trước  + Nhóm 1: Tìm hiểu ví dụ (a)  + Nhóm 2: Tìm hiểu ví dụ (b)  - Yêu cầu học sinh tìm hiểu theo câu hỏi trong sách giáo khoa, trang 138.  ? Qua 2 đoạn trích em hãy xác định các dấu hiệu, đặc điểm của nghị luận trong văn bản tự sự? | - Đại diện các nhóm trình bày  - Các nhóm khác đặt câu hỏi  - Trả lời | **I. Tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.**   1. **Ví dụ** 2. Ví dụ a 3. Ví dụ b 4. **Nhận xét**   **-** Nội dung nghị luận: lời đối thoại, phán đoán, nhận định....  - Tác dụng: tăng tính triết lí cho câu chuyện  **3. Ghi nhớ**  - Trong văn bản tự sự để người đọc (người nghe) phải suy nghĩ về một vấn đề nào đó, người viết (người kể) và nhân vật có khi nghị luận bằng cách nêu lên các ý kiến, nhận xét cùng những lí lẽ và dẫn chứng.  - Nội dung đó thường được diễn đạt bằng hình thức lập luận, làm cho câu chuyện thêm phần triết lí. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (15 phút)** | | |
| **Bài tập 1: *Trong hai đoạn văn sau, đâu là đoạn văn tự sự có đan xen yếu tố nghị luận; đâu là đoạn văn nghị luận?***  Đoạn a:  Dế Choắt nói với Dế Mèn:  - Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh. Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.  *( Tô Hoài)*  Đoạn b:  Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào về những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung…  Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc để các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.  *( Hồ Chí Minh****)***  **Bài tập 2 : Yêu cầu:** *Ở đoạn trích (b) mục I.1 Hoạn Thư đã lập luận như thế nào mà nàng Kiều phải khen rằng: “Khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời”? Hãy tóm tắt các nội dung lí lẽ trong lập luận của Hoạn Thư để làm sáng tỏ lời khen của nàng Kiều (xây dựng dàn ý, thực hành nói)*  - Hình thức: Thảo luận nhóm lớn  - Trình bày ra bảng phụ  - Thời gian: 5 phút  - Đại diện nhóm trình bày   * Quan sát tranh, tìm vấn đề nghị luận | - Hs trả lời  - Học sinh thảo luận nhóm, trình bày  - Các nhóm nhận xét  - Trả lời cá nhân | **II. Luyện tập:**  **1. Bài 1:**  - Xác định đoạn văn tự sự có yếu tố nghị luận: đoạn a.  **2. Bài 2:**  - Hoạn Thư giây phút đầu “Hồn lạc phách xiêu” nhưng sau đó “Liệu điều kêu ca”:  + “Rằng tôi … thường tình”->Lí lẽ này xóa sự đối lập giữa Kiều và Hoạn Thư. Từ đối lập trở thành cùng cảnh ngộ “chồng chung…cho ai”. Hoạn Thư từ tội nhân trở thành nạn nhân của chế độ đa thê. + Kể công: Cho Kiều ở gác viết kinh. Khi Kiều trốn không đuổi theo. + Cuối cùng nhận tất cả lỗi về mình, mong tha thứ |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (10 phút)** | | |
| a. Quan sát 2 bức tranh và hãy tìm vấn đề nghị luận mà người họa sĩ muốn đề cập trong 3 bức tranh dưới là gì?  b. Dựa vào hình ảnh, iết đoạn văn khoảng 5-7 câu kể lại câu chuyện. Trong đoạn có yếu tố nghị luận  - GV chấm, chữa | **-** Hs theo dõi, trả lời  - Hs viết đoạn, đọc bài | **3. Bài 3:** Tìm vấn đề nghị luận  a. Thái độ thờ ơ, vô cảm trước sự nguy hiểm của người khác  - Hồi chuông cảnh báo về vấn đề đạo đức của con người bị xuống cấp  - Trao yêu thương, nhận lại hạnh phúc  b. Gợi ý  \* Nội dung:   * Kể lại vắn tắt diễn biến sự việc:   + Sự việc mở đầu  + Sự việc diễn biến  + Sự việc kết thúc  - Rút ra suy nghĩ và bài học cho bản thân  \* Yêu cầu: Có và chỉ ra được yếu tố nghị luận trong đoạn văn |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, SÁNG TẠO (4 phút)** | | |
| - Nắm cách đưa yếu tố nghị luận và vai trò của nó trong văn bản tự sự  - Hoàn thành bài tập 2 trong SGK – trang 139  - Soạn bài: *Đoàn thuyền đánh cá*  *+ Tổ 1,2: Tìm hiểu tác giả*  *+ Tổ 3,4: Tìm hiểu tác phẩm* | - Học sinh luyện tập ở nhà |  |

###### *\* Đánh giá, rút kinh nghiệm :*

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

**Ngày soạn : Ngày dạy :**

###### TIẾT 53, 54 : ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

###### HUY CẬN

**A. Mục tiêu cần đạt** : Qua bài học HS nắm được:

**1. Kiến thức**:

- Những hiểu biết bước đầu về tác giả Huy Cận và hoàn cảnh ra đời cảu bài thơ

- Những xúc cảm của nhà thơ trước biển cả rộng lớn và cuộc sống lao động của ngữ dân trên biển.

- Nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, cách tạo dựng những hình ảnh tráng lệ, lãng mạn.

**2. Kỹ năng**:

- Đọc –hiểu tác phẩm thơ văn hiện đại

- Phân tích 1 số các chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong bài thơ.

- Cảm nhận được cảm hứng về thiên nhiên và cuộc sống lao động của tác giả được đề cập đến trong tác phẩm.

**3. Thái độ**: Tự hào về vẻ đẹp và sự giàu có của biển Việt Nam

**4 Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**B. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên** : - Soạn giáo án.

- Chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu

- Chuẩn bị ảnh chân dung các tác giả và tranh ảnh minh hoạ cho bài học

**2. Học sinh :**  - Soạn bài .

- Chuẩn bị giấy khổ to & bút dạ để thảo luận nhóm .

### C Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy - học

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp trong học bài mới

#### 3. Bài mới

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)**  -Nhóm 1 lên tổ chức cho các bạn chơi trờ chơi “Ai là triệu phú”  -> GV dẫn vào bài  ***Sự gặp gỡ và phối hợp của 2 cảm hứng: cảm hứng lãng mạn tràn đầy niềm vui hào hứng về cuộc sống mới trong thời kỳ MB bước vào XD CNXH và cảm hứng thiên nhiên, vũ trụ đã tạo ra những hình ảnh rộng lớn, tráng lệ, lung linh như những bức tranh sơn mài trong bài thơ Đoàn thuyền đánh cá mà chúng ta sẽ tìm hiểu ngày hôm nay*** | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (35’)** | | |
| **Hoạt động :**(15 phút): Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu chung  Nhóm 2:  **Thuyết trình về tác giả Huy Cận.**  **Giáo viên nhận xét, chốt ý** | Đại diện nhóm 2 thuyết trình  Các nhóm khác bổ sung (nếu cần) | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Tác gỉa** |
| GV Hướng dẫn học sinh đọc và gọi học sinh đọc | HS đọc theo hướng dẫn | **-** Tên : Cù Huy Cận  - Quê: Hà Tĩnh  - Được nhà nước trao tặng Giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật (năm 1996) |
| **Nhóm 3 : Thuyết trình về tác phẩm « Đoàn thuyền đánh cá »** | Đại diện nhóm 2 thuyết trình  Các nhóm khác bổ sung (nếu cần) | **2. Tác phẩm** |
| Giáo viên nhận xét, chốt ý |  | \* Hoàn cảnh sáng tác - Xuất xứ: Viết vào năm 1958 – « Trời mỗi ngày lại sáng » |
|  |  | **\* Bố cục**: theo hành trình một chuyến ra khơi của đàn thuyền đánh cá.  + Hai Khổ đầu : là cảnh đoàn thuyền ra khơi.  + 4 khổ tiếp theo là cảnh hoạt động của đoàn thuyền đánh cá giữa khung cảnh biển trời ban đêm  Khổ cuối là cảnh đoàn thuyền trở về trong buổi bình minh lên. |
| **Hoạt động 2: (**20’) HS đọc và tìm hiểu văn bản | -HS trả lời | **II. Đọc -hiểu bài thơ**  **1. Cảnh đoàn thuyền ra khơi** |
| - Gọi HS đọc lại khổ đầu bài thơ. Xác định thời điểm ra khơi của đoàn thuyền đánh cá? Lời thơ nào cho em biết điều đó. Không gian và thời gian được hình tượng hoá ntn? | -HS đọc  -HS thảo luận lớp | **-Thời điểm : hoàng hôn**  - NT:  + So sánh: Mặt trời – hòn lửa  + Nhân hoá, liên tưởng: Sóng – cài then; đêm – sập cửa  -> vũ trụ như một ngôi nhà lớn, |
| -Khổ thơ giúp em hình dung được 1 cảnh tượng thiên nhiên  Trong khổ đầu có sự đối lập hoạt động của thiên nhiên và hoạt động của con người. Em hãy chỉ rõ sự đối lập và nêu ý nghĩa của sự đối lập ấy?ntn? | -HS trả lời  - HS chỉ rõ sự đối lập | **- Không gian:** Cảnh**vừa khoáng đạt, bao la lại vừa gần gũi với con người**  **+ “lại”:**  **- Một công việc thường xuyên, lặp lại**  **- Tạo đối lập ->TN nghỉ ngơi >< con người hoạt động** |
|  | - |  |
| Đọc lại 2 câu thơ “ Đoàn thuyền ....khơi”. Em hiểu 2 câu thơ ấy ntn?  +Chữ lại cho em biết điều gì?  +Nhận xét không lao động trong khổ đầu ?  Thảo luận nhóm:  \* Hình thức : Nhóm lớn  \* Thời gian: 3 phút  \* Câu hỏi:  - So sánh sự giống và khác nhau giữa hai câu hát trong những câu thơ sau  + Câu hát căng buồm cùng gió khơi  + Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng / Cá thu biển Đong như đoàn thoi  **Gợi ý:**  **Giống nhau:** Thể hiện khí thế hăm hở, say mê của người dân chài  **Khác nhau**  + *Câu hát căng buồm cùng gió khơi sử dụng nghệ thuật ẩn dụ* thể hiện niềm tin, lạc quan của người dân chài vào một chuyến hải trình tốt đẹp  + Hát rằng: cá bạc biển đông lặng…sử dụng phép liệt kê là câu hát ca ngợi sự giàu có của biển cả  **Bình**  Câu hát vừa thể hiện, **khí thế vẫn hăm hở, náo nức cất lên thành khúc hát**. Đó là **không khí tập thể tưng bừng**, cả 1 đoàn thuyền nối nhau ra khơi, người đánh cá hát vang bài ca tiến quân ra biển cả và câu hát góp gió, căng buồm, đẩy thuyền ra khơi. Tâm tư người đánh cá gửi gắm trong lời hát: phấn khởi, say mê công việc và sự giàu đẹp của biển quê hương. Không khí làm ăn nhộn nhịp, ấm cúng tạo nên quan hệ đầm ấm hài hoà giữa con người và vũ trụ. | -HS đọc  -HS trả lời  Hs Thảo luận nhóm, cử đại diện trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. | + **Câu hát**   * Niềm hăm hở, náo nức, lạc quan, hi vọng. * Ca ngợi biển giàu có. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (4’)** | | |
| Cho HS làm bài tập trắc nghiệm  Trò chơi “Đuổi hình bắt chữ”  Chủ đề các tỉnh ven biển Việt Na | -HS làm việc độc lập  Nhóm 4 lên thực hiện | Bài tập 1: Những hiểu biết chung về tác giả và tác phẩm |
| **D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Học thuộc phần Tìm hiểu chung  - Tìm hiểu tiết 2 của bài  - Tổ 1+ 2: Giới thiệu về tỉnh Quảng Ninh và nghề đánh bắt cá  Tổ 3+ 4: Tìm hiểu về các loại cá quý hiếm của nước ta |  |  |

**\*. Rút kinh nghiệm.**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tiết 2:**

**\*Ổn định tổ chức: 1’**

**\*Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong dạy bài mới

**\*Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (4’)** | | |
| Nhóm 1: Giới thiệu về tỉnh Quảng Ninh và nghề đánh bắt cá  Giáo viên chuyển ý vào bài. | Cả lớp xem, nhận xét, bổ sung (nếu có) |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (29’)** | | |
| **HDHS tìm hiểu chi tiết**  -Đọc lại đoạn 3, 4, 5, 6. | -HS đọc | **2)Cảnh thuyền đánh cá trên biển** |
| Thảo luận nhóm:  \* Hình thức : Nhóm lớn  \* Thời gian: 3 phút  \* Câu hỏi:  - Cảnh và người lao động được nhà thơ miêu tả như thế nào qua những khổ thơ trên.  - Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ của tác giả | Hs Thảo luận nhóm, cử đại diện trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. | **\* Cảnh:**  NT: Nói quá, ẩn dụ, nhân hoá,…  + Lái gió, buồm trăng  + Đêm thở, sao lùa  + Gõ thuyền là nhịp trăng cao,…   * **Cảnh vừa hùng tráng, vừa thơ mộng,**   NT: Liệt kê, liên tưởng, so sánh, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác,  + Cá nhụ, cá chim, cá đé  + Cá song lấp lánh  + Biển – lòng mẹ   * **Biển giàu có, phong phú và ân tình**   **\* Người**  - “Kéo xoăn tay”:  + Hình ảnh khoẻ khoắn của người dân chài  + Những mẻ cá nặng đầy khoang |
|  |  | -> Người lao động làm chủ thiên nhiên, làm chủ biển trời, hăng say lao động |
|  |  |  |
| GV bình - Cảm hứng lãng mạn đã giúp cho tác giả phát hiện những vẻ đẹp của cảnh đánh cá giữa biển đêm, trong niềm vui phơi phới, khoẻ khoắn của người lao động làm chủ công việc của mình.  -Những hình ảnh được sáng tạo như trên có thể không hoàn toàn đúng như trong thực tế, nhưng làm giàu thêm cách nhìn cuộc sống (thiên nhiên và con người), biểu hiện niềm say sưa, hào hứng và những ước mơ bay bổng của con người muốn hoà hợp với thiên nhiên và chinh phục thiên nhiên bằng công việc lao động của mình  -Thiên nhiên, vũ trụ không đối lập với con người, không làm cho hình ảnh con người trở nên nhỏ bé, cô đơn, bơ vơ, mà càng nâng cao, làm nổi bật vẻ đẹp và sức mạnh của con người trong sự hài hoà đẹp với khung cảnh thiên nhiên. | | |
| -Gọi đọc khổ thơ cuối | HS đọc | **3. Cảnh đoàn thuyền trở về** |
| -So sánh khổ thơ đầu và khổ thơ cuối? Việc lặp lại những hình ảnh và chi tiết ấy có tác dụng gì ?  ( Bảng phụ hoặc máy chiếu )  - Hình ảnh đoàn thuyền trở về được tác giả miêu tả ntn? Tìm các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ? | HS trao đổi nhóm  HS trả lời | * Kết cấu đầu cuối tương ứng. * NT: Nhân hoá, bút pháp khoa trương, ý thơ phảng phất không khí thần thoại -> Con người sánh ngang với vũ trụ * “Mặt trời đội biển”, “Mắt cá huy hoàng” -> Hùng vĩ, tráng lệ.   => Con người hoà vào TN trong 1 bức tranh đầy sáng tạo. |
| **Bình** |  |  |
| Bài thơ kết thúc bằng hình ảnh đẹp của 1 ngày mới khi đoàn thuyền đang trở về, các khoang đầy ắp cá. Thuyền và người luôn được đặt ở kích thước vũ trụ, mạnh mẽ, hào hùng. Lời thơ tràn đầy niềm vui và tự hào của những người lao động đã chiến thắng. |  |  |
| Bài thơ là 1 khúc ca- khúc tráng ca ca ngợi con người trong LĐ với tinh thần làm chủ, với niềm vui. Bài thơ có nhiều từ hát được lặp lại khiến nó thực sự là khúc ca. Âm hưởng và giọng điệu bài thơ tạo nên chất hùng tráng của khúc ca. Đó là âm hưởng khoẻ khoắn, phơi phới, bay bổng |  |  |
| **Hoạt động 3:** ( 2 phút): Hướng dẫn HS tổng kết |  | **III. Tổng kết** |
| - Nêu đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. | HS trả lời |  |
| Gọi HS đọc ghi nhớ SGK tr 142 | -HS đọc | \***Ghi nhớ** : SGK tr 142 |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (6’)** | | |
| **Hoạt động luyện tập** ( 10 phút ): Hướng dẫn HS làm bài luyện tập 1 tr 142 để củng cố kiến thức (Bảng phụ hoặc máy chiếu)  **Bài tập bổ sung (Phiếu bài tập)**   1. Chép chính xác khổ cuối bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” 2. Phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ thứ 2 của khổ thơ em vừa chép. 3. Tìm một văn bản khác đã học có cùng kết cấu với bài thơ   Lấy phiếu của HS là nhanh nhất chấm và chữa | -HS làm việc độc lập  HS làm độc lập  HS khác nhận xét, bổ sung | **IV. Luyện tập**  **Bài 1**:  - Chép thơ   * Phân tích biện pháp nghệ thuật * Liên hệ |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (4’)** | | |
| **GV nhận xét** | Nhóm 2: Giới thiệu về các loại cá quý hiếm của nước ta |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TIM TÒI – MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Hoàn chỉnh bài tập .  - Hướng dẫn HS học và chuẩn bị bài ở nhà  - Soạn bài :Tổng kết về từ vựng (tiếp) |  |  |

**Rút kinh nghiệm.**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tuần 13 Ngày dạy : Ngày soạn :**

**TIẾT 55 : TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (TIẾP THEO)**

**A. Mục tiêu cần đạt** :

**1. Kiến thức**:

- Các khái niệm từ tượng thanh và tư tượng hình, một số phép tu từ từ vựng: so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ

-Tác dụng của việc sử dụng các từ tượng thanh, tượng hình và phép tu từ trong các VB nghệ thuật?

**2. Kỹ năng**:

- Nhận diện từ tượng thanh và tư tượng hình. Phân tích giá trị cảu 1 số từ tượng thanh, tượng hình trong VB

-Nhận diện một số phép tu từ từ vựng: so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ trong 1 số VB. Phân tích tác dụng cảu các phép tu từ trong VB cụ thể.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức sử dụng những kiến thức về từ vựng trong nói và viết

**4 Năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực thể chất; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**B. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên** : -Soạn giáo án.

-Chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu

**2. Học sinh :**  -Soạn bài .

-Chuẩn bị giấy khổ to & bút dạ để thảo luận nhóm .

### C Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy – học

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ** (1 phút) **:** Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

#### 3. Bài mới

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)**  **-**  HS hát tập thể bài hát “Nhà em có con gà trống…..”  -> GV dẫn vào bài | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **C. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG (38’)** | | |
| **Hoạt động 1:** Hướng dẫn HS ôn lại khái niệm từ tượng thanh và từ tượng hình.  -Cho HS làm miệng bài tập 1, 2 mục I (SGK)  **Hoạt động 2: (30** phút) Hướng dẫn HS ôn lại khái niệm một số phép tu từ từ vựng.  -Cho HS làm miệng bài tập 1  -Cho HS thảo luận nhóm bài tập 2, 3 mục II (SGK) | -HS làm miệng - HS làm miệng  - HS thảo luận nhóm và trình bày | **I. Từ tượng thanh và từ tượng hình.**  Bài tập 2 :  ( Bảng phụ hoặc máy chiếu )  -Những tên loài vật là từ tượng thanh: mèo, bò, tắc kè, (chim) cu,  -Từ tượng hình: lốm đốm, lê thê, loáng thoáng, lồ lộ. Những từ này có tác dụng mô tả hình ảnh đám mây một cách cụ thể và sống động.  **II. Một số phép tu từ từ vựng.**  **Bài tập 1**: HS tự làm  **Bài tập 2**  a)Phép ẩn dụ tu từ: từ hoa, cánh dùng để chỉ Thuý Kiều và cuộc đời của nàng, từ cây, lá dùng để chỉ gia đình của Thuý Kiều và cuộc sống của họ. Ý nói Thuý Kiều bán mình cứu gia đình.  b)Phép nói quá: Thuý Kiều có sắc đẹp đến mức “Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh. Thuý Kiều không chỉ đẹp mà còn có tài: Một hai nghiêng nước nghiêng thành-Sắc đành đòi một, tài đành hoạ hai. Nhờ biện pháp nói quá Nguyễn Du đã thể hiện đầy ấn tượng một nhân vật tài sắc vẹn toàn.  d)Phép nói quá: Gác Quan Âm, nơi Thuý Kiều bị Hoạn Thư bắt ra chép kinh, rất gần với phòng đọc sách của Thúc Sinh. Tuy cùng ở trong khu vườn nhà Hoạn Thư, gần nhau trong gang tấc, nhưng giờ đây hai người cách trở gấp mừơi quan san. Bằng lối nói quá, Nguyễn Du cực tả sự xa cách giữa thân phận cảnh ngộ của Thuý Kiều và Thúc Sinh.  e)Phép chơi chữ: tài và tai.  **Bài tập 3**  a)Phép điệp ngữ (còn) và dùng từ đa nghĩa (say sưa). Say sưa vừa được hiểu là chàng trai vì uống nhiều rượu mà say, vừa được hiểu là chàng trai say đắm vì tình. Nhờ cách nói đó mà chàng trai đã thể hiện tình cảm của mình mạnh mẽ mà kín đáo.  b)Tác giả dùng phép nói quá để nói về sự lớn mạnh của nghĩa quân Lam Sơn.  c)Nhờ phép so sánh mà nhà thơ đã miêu tả sắc nét và sinh động âm thanh của tiếng suối và cảnh rừng dưới đêm trăng (trăng rất sáng khiến cảnh vật hiện rõ đường nét).  d)Phép nhân hoá: nhà thơ đã nhân hoá ánh trăng, biến trăng thành người bạn tri kỉ (Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ). Nhờ phép nhân hoá mà thiên nhiên trong bài thơ trở nên sống động, có hồn hơn và gắn bó với con người hơn.  e)Phép ẩn dụ tu từ: từ mặt trời trong câu thơ thứ hai chỉ em bé trên lưng mẹ. Ẩn dụ này thể hiện sự gắn bó của đứa con với người mẹ, đó là nguồn sống, nguồn nuôi dưỡng niềm tin của mẹ vào ngày mai***.*** |

**D.Củng cố - dặn dò :**(2 phút )

-Hoàn chỉnh bài tập .

-Hướng dẫn HS học và chuẩn bị bài ở nhà

-Soạn bài :Tập làm thơ 8 chữ

**CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ TIẾNG VIỆT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **BIỆN PHÁP TU TỪ** | **ĐỊNH NGHĨA** |
| **1** | **So sánh** | -Là đối chiếu sự vật , sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt |
| **2** | **Nhân hoá** | -Là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật ...bằng những từ ngữ vốn dùng để gọi hoặc tả người; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật ...trở nên gần gũi với con người, biểu thị được suy nghĩ, tình cảm của con người |
| **3** | **Điệp ngữ** | -Là biện pháp lặp lại từ ngữ(hoặc cả 1 câu )để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. Cách lặp lại như vậy gọi là phép điệp ngữ; từ ngữ được lặp lại là điệp ngữ |
| **4** | **Ẩn dụ** | -Là gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt |
| **5** | **Hoán dụ** | Là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của 1 sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt |
| **6** | **Nói quá** | -Là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, qui mô, tính chất, của sự vật, hiện tượng được miêu tả, nhằm nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm. |
| **7** | **Nói giảm, nói tránh** | -Là 1 biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ , nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự . |
| **8** | **Tương phản** | -Là cách dùng từ ngữ biểu thị những đối tượng, khái niệm trái ngược nhau trong cùng 1 văn cảnh. |
| **9** | **Chơi chữ** | -Lợi dụng sự đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm hài hước...làm câu văn hấp dẫn, thú vị |

###### \* Đánh giá, rút kinh nghiệm :

###### .................................................................................................................................................................................................................................................................. \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Tuần 13 Ngày soạn: Ngày dạy:***

***Tiết 56:* TẬP LÀM THƠ TÁM CHỮ**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức:***

- Vận dụng những kiến thức đã học về Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn đã học để làm thơ tám chữ.

***2. Kỹ năng:***

- Rèn kỹ năng dùng từ, đặt câu, cách dùng hình ảnh.

***3. Thái độ***: Giáo dục tình yêu quê hương, đất nước qua các bài thơ mẩu và những bài thơ các em tự làm.

**-**Học sinh biết vận dụng luật thơ để làm được những bài thơ tám chữ đúng luật.

**4. Phát triển năng lực:**

**-** *Năng lực chung:* Năng lực làm việc nhóm; Năng lực giải quyết vấn đề; Năng lực sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực CNTT; Năng lực tự học;Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo

- *Năng lực chuyên biệt:* Năng lực cảm thụ; Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, máy chiếu.

**2. Học sinh:** Đọc, nhận diện và tự làm thơ theo các chủ đề.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong tiết dạy.

**3. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (4’)** | | |
| - Giáo viên trình chiếu một số bài thơ  - Yêu cầu học sinh nhận xét về thể thơ.  - GV dẫn vào bài | - Học sinh trả lời |  |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (20’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Nhận diện thể thơ:** |  | **I. Nhận diện thể thơ:** |
| Gọi học sinh đọc những đoạn thơ ở sách giáo khoa. | - Hs đọc |  |
| ? Nhận xét về số chữ trong mỗi dòng thơ trên? | - HS nhận xét | - Mỗi dòng thơ có tám chữ. |
| ? Tìm những tiếng có chức năng gieo vần ở mỗi dòng thơ? | - Hs trả lời | a. Gieo vần chân liên tiếp, chuyển đổi theo từng cặp: tan – ngàn, mới – gội, bừng – rừng, gắt – mật.  b. gieo vần chân liên tiếp theo từng cặp. |
|  |  | c. Gieo vần chân gián cách. |
| Nhận xét cách ngắt nhịp ở mỗi đoạn thơ? | - HS trả lời | - Nhịp thơ không cố định, ngắt nhịp linh hoạt ở mỗi dòng thơ. |
| ? Hãy cho biết đặc điểm của thể thơ tám chữ? | - Hs trả lời | \* Ghi nhớ: sgk. |
| Gọi học sinh đọc ghi nhớ ở sgk | - Hs đọc |  |
| **Hoạt động 2: Luyện tập nhận diện thể thơ tám chữ:** |  | **II. Luyện tập nhận diện thể thơ tám chữ:** |
| Gọi học sinh đọc bài tập 1, yêu cầu các em điền tiếp các từ còn thiếu vào ô trống. | - Hs đọc | Ca hát -> ngày qua -> bát ngát -> muôn hoa. |
| Gọi học sinh đọc khổ 2, điền vào ô trống, nhận xét. | - Hs đọc, nhận xét | Cũng mất -> tuần hoàn -> đất trời. |
| Gọi học sinh đọc bài tập 3, tìm ra chổ sai và sửa lại cho đúng. | - Hs đọc, trả lời câu hỏi | - Sai từ “rộn ràng” vì chưa đảm bảo sự gieo vần giữa hai dòng thơ và về thanh điệu từ đó phải mang thanh bằng.  - Thay rộn rã bằng “ vào trường” |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP-VẬN DỤNG (19’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thực hành làm thơ tám chữ**:  Gọi học sinh đọc câu 1 ở sgk, hãy tìm từ điền vào ô trống  Gọi học sinh đọc bài 2 ở sgk.  Em hãy tìm từ và điền câu cuối phù hợp với cách gieo vần và phù hợp với nội dung, cảm xúc của bài thơ.  Yêu cầu mỗi em tự làm một bài thơ đúng vần, nhịp, đọc trước lớp, học sinh nhận xét -> giáo viên nhận xét, ghi điểm | - Hs đọc, trả lời câu hỏi  - Hs đọc, trả lời câu hỏi | **III. Thực hành làm thơ tám chữ**  … Hoa lựu nở đầy một vườn đỏ nắng  Lũ bướm vàng lơ đãng lướt bay qua.  **…** Bâng khuâng hoài những tiếng nói yêu thương  3. Tập làm thơ: |
| 1. **HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Nắm được các đặc điểm của thể thơ tám chữ.  - Nhận diện và làm được những bài thơ tám chữ đúng yêu cầu. | **Ghi chép** |  |

**\* Rút kinh nghiệm:**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:…/…/20***  ***Ngày dạy: …/…/20***

**Tiết 57:** **TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức:***

- Qua hoạt động trả bài giúp học sinh củng cố và khắc sâu kiến thức về phần văn từ đầu năm học, cụ thể là phần văn học trung đại.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kỹ năng làm bài và trình bày, đặc biệt là chú ý đến bố cục của một bài kt.

**-**Học sinh nhận biết lỗi và cách sửa lỗi.

***3. Thái độ:***

- Học tập nghiêm túc

***4. Năng lực:***

***- Năng lực chung:*** Năng lực sử dụng CNTT, cảm thụ, thẩm mĩ.

- ***Năng lực riêng:*** giao tiếp, nhận thức, đánh giá

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, bài kiểm tra và nhận xét về bài làm của học sinh.

**2. Học sinh:** Nhận xét về bài làm của mình.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ** (lồng ghép trong tiết dạy)

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động**  **của học sinh** | **Nội dung**  **cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 3’)** | | |
| - Quan sát hình ảnh đoán tên văn bản  - GV nhận xét, chuyển ý vào phần sau. | - Tham gia  - HS khác lắng nghe, bổ sung |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 30’)** | | |
| **Hoạt động 1: Chữa bài**  **GV ghi đề bài lên bảng**  - Theo em đề bài yêu cầu gì?  **Hoạt động 2: Nhận xét bài làm của học sinh**  **Hoạt động 3: Nêu giải pháp khắc phục**  **Thảo luận nhóm**  - Nêu cách khắc phục những tồn tại trên?  **Hoạt động 4: Đọc bài tốt**  GV nhận xét, chuyển ý vào phần sau | - HS trả lời  cá nhân  - HS khác lắng nghe, bổ sung (nếu thiếu)  - HS ghi bài  - HS thảo luận nhóm  - HS nhóm khác lắng nghe, bổ sung (nếu thiếu)  - HS đọc bài được điểm cao.  - HS cả lớp lắng nghe | **I. Đề bài**  (Trong sổ lưu đề)  **II. Chữa bài**  (Trong sổ lưu đề)  **III. Nhận xét**  **1. Ưu điểm**  …………………………………………..  …………………………………………..  …………………………………………..  **2. Tồn tại**  …………………………………………..  …………………………………………..  …………………………………………..  …………………………………………..  **3. Cách khắc phục**  …………………………………………..  …………………………………………..  …………………………………………..  …………………………………………..  …………………………………………..  **III. Bài tốt**  …………………………………………..  …………………………………………..  …………………………………………..  …………………………………………..  ………………………………………….. |
| **C. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG ( 10’ )** | | |
| **Hoạt động 5: Trao đổi bài**  Hãy tìm ra điểm hay trong bài của bạn để học tập | - HS trao đổi bài, viết ra giấy những điểm đáng học tập | \* Về hình thức trình bày, cách diễn đạt.  …………………………………………..  …………………………………………..  …………………………………………..  …………………………………………..  …………………………………………..  \* Về nội dung:  …………………………………………..  …………………………………………..  …………………………………………..  ………………………………………….. |
| **D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Chuẩn bị tranh ảnh liên quan về bà cháu  - Đoạn video, bài hát  - Soạn bài: Bếp lửa | Ghi chép |  |

**Rút kinh nghiệm**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy:..../.../20***

**Tiết 58, 59:**

**BẾP LỬA**

***(Bằng Việt)***

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức:***

- Học sinh thấy được tình cảm, cảm xúc chân thành và sâu lắng của nhân vật trữ tình- người cháu và hình ảnh người bà giàu tình thương, đức hi sinh đối với con cháu trong gia đình

***2. Kỹ năng:***

- Rèn kỹ năng sử dụng phương thức miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự.

***3. Thái độ:*** Yêu mến, trân trọng những tình cảm với bà và những người thân yêu.

**-** Học sinh cảm nhận tình bà cháu ấm áp trong bài thơ từ đó mở rộng đến tình cảm của bản thân đối với ông bà, cha mẹ, với quê hương, đất nước.

**4. Năng lực**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học

- Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực thẩm mỹ.

\* Năng lực riêng: giao tiếp, hợp tác, công nghệ thông tin và truyền thông

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, đọc các tài liệu về nhà thơ Bằng Việt và bài thơ Bếp lửa.

**2. Học sinh:** Đọc bài thơ và trả lời các câu hỏi ở sách giáo khoa.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ: lồng ghép trong tiết dạy**

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)** | | |
| - Cho học sinh theo dõi một số hình ảnh về bếp lửa  - Yêu cầu học sinh phát hiện và nêu đặc điểm  - Câu hỏi: Hiện nay, hình ảnh này còn phổ biến không? Ở đâu?  🡪 GV dẫn vào bài | - Hs theo dõi, phát hiện  - Hs trả lời câu hỏi |  |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25 phút)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung:** |  | | **I. Tìm hiểu chung:** | |
|  |  | | ***1. Tác giả*** | |
| Gọi học sinh đọc chú thích \* ở sách giáo khoa.  - Nêu vài nét về tác giả Bằng Việt? | - Hs đọc  - Hs trả lời | | - Bằng Việt  - Sinh 1941  Nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. | |
|  |  | | ***2. Tác phẩm***  a. Đọc văn bản: | |
| Đọc to, rõ ràng, giọng thơ chân thành, tha thiết. | - Hs đọc | |  | |
|  | - Hs theo dõi chú thích | | b. Chú thích: | |
|  |  | | c. Bố cục: Bốn phần. | |
| Hãy cho biết bố cục của văn bản? | - Hs trả lời câu hỏi | | - Ba dòng thơ đầu: Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng cảm xúc về bà.  - Bốn khổ tiếp theo: Hồi tưởng những kỉ niệm tuổi thơ bên bà và hình ảnh bếp lửa.  - Khổ thứ 6: Suy ngẩm về bà và cuộc đời bà.  - Khổ cuối: Người cháu đã trưởng thành, đi xa nhưng không nguôi nhớ về bà. | |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu văn bản:** |  | | **II. Tìm hiểu văn bản:** | |
|  |  | | ***1. Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu:*** | |
| Sự hồi tưởng của nhà thơ bắt nguồn từ hình ảnh nào? | - Hs trả lời | | “ Một bếp lửa…nồng đượm” | |
|  |  | | - Bắt nguồn từ hình ảnh bếp lửa thân thương, ấm áp. | |
| Hình ảnh ấy có ý nghiã như thế nào? | - Hs khá – giỏi | | ***-*** Đó là một hình ảnh quen thuộc của mỗi làng quê nông thôn Việt Nam. | |
| Hai từ láy “ chờn vờn” và “ ấp iu” gợi cho em cảm xúc gì? | - Hs trả lời | | - “ Chờn vờn”; là một từ láy tượng hình gợi ra hình ảnh sương khói mờ nhạt buổi sớm mai đang bay nhè nhẹ gợi ra hình ảnh nhạt nhòa của kí ức theo thời gian. | |
|  |  | | - Ấp iu: Là sự sáng tạo mới mẻ, sự kết hợp gữa hai từ: ấp ủ và nâng niu, ấp iu gợi đến bàn tay kiên nhẩn, khéo léo và tấm lòng chi chút của người nhóm lửa -> Gợi cảm giác ấm áp, thân thuộc. | |
| Vì sao nỗi nhớ thương bà lại được gợi lên từ hình ảnh bếp lửa? | - Hs trả lời | | - Vì những lo toan của người bà nơi vùng quê nghèo luôn gắn liền với hình ảnh bếp lửa. | |
| Nắng mưa trong lời thơ: “ cháu thương bà biết mấy nắng mưa” được hiểu như thế nào? | - Hs khá – giỏi | | - Nắng mưa không phải nói về thời tiết mà nói thời gian kéo dài cùng với nổi vất vã kéo dài của người bà. | |
|  |  | | -> Nỗi nhớ thương bà bền bỉ, dai dẳng trong tâm hồn người cháu | |
| Từ bếp lửa chờn vờn sương sớm nhà thơ gợi lại một thời thơ ấu bên bà, nhà thơ đã nhớ lại những kỉ niệm nào? | - Hs trả lời | | - Kỉ niệm tuổi thơ gắn liền với hình ảnh bếp lửa và mùi khói bếp đã trở thành nổi ám ảnh trong suốt cuộc đời nhà thơ.  “ Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu  Nghĩ lại đến giờ sống mủi còn cay”  - Đó là những năm tháng đầy gian khổ, thiếu thốn, là sự đe dọa của nạn đói năm 1945, là mối lo giặc tàn phá xóm làng. Đó cũng là hoàn cảnh chung của những gia đình Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp, mẹ cha bận công tác không về, cháu lớn lên trong sự cưu mang, dạy bảo của bà. | |
| Trong các kỉ niệm tuổi thơ thì kỉ niệm nào khiến nhà thơ day dứt nhất? | - Hs trả lời | | -> Mùi khói bếp trở thành nổi day dứt trong suốt cuộc đời nhà thơ. | |
| ? Ngoài hình ảnh bếp lửa và mùi khói bếp thì còn hình ảnh nào gợi lên sự liên tưởng trong tâm hồn nhà thơ? | - Hs trả lời | | - Tiếng chim tu hú kêu trên những cánh đồng xa. | |
| ? Âm thanh của tiếng chim tu hú có ý nghĩa như thế nào trong việc gợi lên những cảm xúc của nhà thơ? | - Hs trả lời | | - Tiếng tu hú báo hiệu hè về, báo hiệu mùa lúa chín -> Là âm thanh quen thuộc trên những cánh đồng quê mỗi độ hè về. | |
| ( Nhà thơ như hòa mình vào quá khứ để nghe lại những câu chuyện mà bà từng kể, để giận hờn , để trò chuyện với tiếng chim, trách chim tu hú không đến ở cùng bà để bà vơi bớt nổi cô đơn) |  | | -> Tiếng tu hú như giục giã, khắc khoải về những hoài niệm, nhớ mong. | |
| Những câu thơ cảm thán:  Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!  Tu hú ơi…có tác dụng gì trong việc thể hiện cảm xúc của nhà thơ đối với bà và đối với quê hương? | - Hs khá- giỏi | | => Nổi nhớ bà, nhớ quê cứ mãi cồn cào, day dứt, không nguôi. | |
| **C.Hoạt động luyện tập – vận dụng (10 phút)** | | | | |
| Viết đoạn văn khoảng 7 câu trình bày suy nghĩ về hình ảnh người bà trong đoạn thơ trên. | Làm bài cá nhân | |  | |
| **D.Hoạt động tìm tòi, mở rộng (1 phút)** | | | | |
| Chuẩn bị tranh vẽ về bài thơ |  | |  | |
| **\* Rút kinh nghiệm:**  ..............................................................................................................................................................................................................................................................  \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*  **Tiết 2**  1. Ổn định tổ chức (1 phút)  2. Kiểm tra bài cũ: lồng ghép trong tiết dạy  3. Bài mới | | | | |
| ***Hoạt động của GV*** | | ***Hoạt động của HS*** | | ***Nội dung cần đạt*** |
| 1. ***Hoạt động khởi động (5 phút)*** | | | | |
| Thuyết trình tranh vẽ về bài thơ | | Lắng nghe, nhận xét | |  |
| 1. ***Hoạt động hình thành kiến thức (20 phút)*** | | | | |
| Gọi học sinh đọc đoạn còn lại. | | - Hs đọc | | ***2. Những suy ngẩm về bà và hình ảnh bếp lửa:*** |
| Từ những hồi tưởng về kí ức tuổi thơ và về bà, người cháu đã thể hiện những suy ngẩm về bà. Hình ảnh người bà luôn gắn liền với bếp lửa, có thể nói bà là người nhóm lửa và cũng là người giữ cho ngọn lửa luôn nồng ấm trong mỗi buổi sớm mai. | |  | |  |
| Sự tần tảo, đức hi sinh của bà được tác giả thể hiện qua những câu thơ nào? | | - Hs trả lời | |  |
| Qua hai câu thơ đó cho thấy nhà thơ đã suy nghĩ gì về bà? | | - Hs trả lời | | Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ  Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm |
| ? Trong ngọn lửa mà bà nhóm lên tác giả đã cảm nhận được những điều gì? | | - Hs trả lời | | - Bà là người tần tảo sớm hôm, luôn chăm chút cho mọi người. |
| Từ hình ảnh bếp lửa đến cuối bà thơ lại xuất hiện hình ảnh ngọn lửa, các điệp ngữ đó có tác dụng gì? | | - Hs khá – giỏi | | - Bà không chỉ nhóm lửa mà còn nhóm lên niềm yêu thương, niềm vui sưởi ấm và nhóm dậy cả những kỉ niệm tuổi thơ. |
| Câu thơ: “ Ôi kì lạ thiêng liêng bếp lửa có ý nghĩa như thế nào? Vì sao tác giả lại nói bếp lửa là kì lạ và thiêng liêng? (HS giỏi) | | - Hs khá – giỏi | | Từ bếp lửa là một hình ảnh tỉnh tại -> ngọn lửa đã trừu tượng hơn, chủ quan hơn, đó là tình yêu thương con cháu, là ngọn lửa của nềm tin bền chặt, niềm tin vào tương lai, niềm tin kháng chiến. |
| Gọi học sinh đọc bốn câu thơ cuối. | | - Hs đọc | | - Đó là câu thơ được thốt lên từ đáy lòng người cháu.  - Kì lạ vì không gì có thể dập tắt được, nó luôn cháy rực lên trong mọi hoàn cảnh.  - Thiêng liêng vì nơi ấy ấp ủ và sáng mãi tình cảm ấm áp của bà, tình cảm đó sẽ theo cháu đến hết cuộc đời.  -> Bếp lửa kì lạ và thiêng liêng vì không gì dập tắt đượcvà mãi tỏa sáng tình cảm ấm áp cảu bà |
| Trở về với thực tại người cháu muốn nhắn gửi điều gì đến bà? | | - Hs trả lời | |  |
| Kết thúc bài thơ tác giả muốn nhắn gửi điều gì đến tất cả chúng ta? (HS giỏi) | | - Hs trả lời | | - Cuộc sống đã thay đổi, đầy đủ và sung sướng hơn.  - Cháu không bao giờ quên những kỉ niệm bên bà, bên bếp lửa ngày xưa.  - Không quên nhắc bà nhóm bếp mỗi sớm mai. |
| Từ hình ảnh người bà trong bài thơ em có liên tưởng gì? | | - Hs trả lời | | => Hãy gìn giữ quá khứ và những kỉ niệm êm đẹp bên những người thân yêu. |
|  | |  | | - Hình ảnh người bà trong bài thơ cũng chính là hình ảnh người phụ nữ Việt Nam ân cần, dịu dàng, tần tảo và giàu đức hi sinh. |
| **Hoạt động III. Tổng kết**: | |  | | **III. Tổng kết**: *Ghi nhớ sgk.* |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (10 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 1:** Hiện lên trong bài thơ *Bếp lửa* là hình tượng người bà – người nhóm lửa, người giữ lửa, người truyền lửa  Em hiểu như thế nào về ý kiến trên?  **Câu 2:** Em thích nhất khổ thơ nào? Hãy chép chính xác khổ thơ đó và cho biết vì sao em thích? | - Hs thảo luận, trả lời  - Hs suy nghĩ, trả lời | Bà là người nhóm lửa, người giữ lửa, người truyền lửa. Điều đó được thể hiện qua:  - Bà chăm chút cho gia đình, ngày ngày nhóm lửa nấu ăn, nuôi con cháu. Bà nhóm bếp lửa cũng chính là nhóm niềm yêu thương, sự sống. Bà là người nhóm lửa yêu thương *Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ.*  - Bà giữ cho bếp lửa luôn ấm nóng, bếp lửa gắn với cuộc sống bà cháu, với gian nan đời bà. Giữ bếp lửa chính là bà giữ cho sự bền vững của những tình cảm gia đình với “*Niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi.*  - Bếp lửa được bà nhóm lên, gìn giữ còn nhờ *ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn* – ngọn lửa yêu thương, ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng. Bà đã truyền cho con cháu ngọn lửa yêu thương, tin vào cuộc sống, vào tương lai. |
| **D. Hoạt động vận dụng (7 phút)** | | |
| Suy nghĩ của em về vài trò của gia đình với mỗi chúng ta? | Trả lời |  |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (2 phút)** | | |
| - Phân tích những tình cảm của người cháu đối với bà và hình ảnh bếp lửa. |  |  |

**\* Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn*:..../..../20 *Ngày dạy*: ...../..../20**

***Tiết 60:***

**HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM:**

**KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ.**

***( Nguyễn Khoa Điềm)***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức:*** Học sinh cảm nhận đầy đủ tình cảm của người mẹ người dân tộc thể hiện qua bài thơ.

- Cảm nhận được âm điệu dìu dặt, vấn vương như một khúc hát.

***2. Kĩ năng:*** Phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật.

***3. Thái độ***:

- Biết ơn công lao to lớn của người mẹ.

**-** Từ tình cảm của người mẹ dành cho con trong bài thơ mở rộng đến tình yêu đất nước, yêu kháng chiến.

**4. Năng lực**

\* Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, thẩm mỹ.

\* Năng lực riêng: giao tiếp, hợp tác, công nghệ thông tin và truyền thông

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, đọc tài liệu.

**2. Học sinh:** Đọc bài thơ và trả lời tiếp các câu hỏi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** (lồng ghép trong tiết dạy)

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (4 phút)** | | |
| - Cho học sinh nghe một đoạn nhạc nói về tình cảm của những người mẹ dành cho con  - GV dẫn vào bài | | |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn tìm hiểu chung** |  | 1. **Tìm hiểu chung:** |
|  |  | ***1. Tác giả*** |
|  |  | ***2. Đọc văn bản:*** |
| Giáo viên nêu yêu cầu về cách đọc, đọc mẩu, gọi học sinh đọc lại theo yêu cầu. | - Hs đọc | ***3. Chú thích:*** |
| Em hãy cho biết bố cục của văn bản? | - Hs trả lời | ***4. Bố cục:***  - Bài thơ chia làm 3 khúc, mỗi khát hát gồm hai khổ thơ. |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc sắc nội dung, nghệ thuật** (20 phút) |  | **II. Tìm hiểu đặc sắc nội dung, nghệ thuật** |
| Hướng dẫn học sinh trả lời các câu hỏi ở sgk. |  |  |
| Giáo viên nêu câu hỏi 1 học sinh suy nghĩ, trả lời | - Hs trả lời | - Cách lặp đi lặp lại và cách ngắt nhịp đó đã tạo nên âm điệu dìu dặt, vấn vương của lời ru. Giọng điệu trử tình đã thể hện một cách đặc sắc những tình cảm thiết tha, trìu mến của mẹ. |
| Câu hỏi 2 - SGK | - Hs trả lời | - Hình ảnh người mẹ được gắn với hoàn cảnh, công việc cụ thể qua từng đoạn thơ.  - Mẹ giả gạo mẹ nuôi bộ đội.  - Mẹ tỉa bắp trên nương  Sự chịu đựng gian khổ của người mẹ giữa rừng núi mênh mông, heo hút được nhà thơ thể hiện qua hình ảnh: lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ, em ngủ ngoan đừng làm mẹ mỏi  - Mẹ cùng mọi người chiến đấu, chuyển lán, đạp rừng… |
| Câu hỏi 3 - SGK | - HS trả lời | - Hình ảnh mặt trời ở câu sau là hình ảnh ẩn dụ, con chính là ước mơ, là khát vọng, là niềm tin của mẹ. là nguồn hạnh phúc ấm áp, vừa gần gũi vừa thiêng liêng của đời mẹ. chính con đã góp phần sưởi ấm niềm tin, ý chí của mẹ trong cuộc sống, chiến đấu. |
| Câu hỏi 4 - SGK | - Hs trả lời | - Đó là mối liên hệ tự nhiên và chặt chẽ:  - Vì đang giả gạo nên ước mong: con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần  - Vì đang tỉa bắp nên người mẹ ước mong: con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều.  - Đang địu con để giành trận cuối nên mẹ ước: con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ. |
| Câu hỏi 5 giáo viên hướng dẫn học sinh tự tìm hiểu ở nhà. |  |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (20 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 1:** Phân tích hình ảnh *mặt trời* trong câu:  ***Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi***  ***Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng***  **Câu 2:**  Đưa lời ru vào bài thơ, điều đó có ý nghĩa gì? | - Hs thảo luận, trả lời  - Hs khá – giỏi | **Bài 1:**  - Hình ảnh *mặt trời* trong câu thơ thứ nhất chỉ vầng thái dương của vũ trụ, hiểu theo nghĩa gốc.  - Hình ảnh *mặt trời* trong câu thứ hai hiểu theo nghĩa chuyển (chuyển theo phương thức ẩn dụ): chỉ người con – sự sống của mẹ.  -> Thể hiện tình yêu thương bao la của mẹ dành cho con, niềm tin của mẹ đối với con.  **2. Bài 2:**  - Phân tích các lời ru  - Thấy được hình ảnh và tấm lòng người mẹ dành cho con |
| **D.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (4 phút)** | | |
| Liên hệ với bài thơ khác đã học về chủ đề tình mẫu tử | Trả lời |  |
| **E.HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (1 phút)** | | |
| - Soạn văn bản : ***Ánh trăng***.  **-** Chuẩn bị hình ảnh, vi deo về Nguyễn Duy |  |  |

**\* Rút kinh nghiệm:**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 61:**

**ÁNH TRĂNG**

***( Nguyễn Duy)***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh hiểu được ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng, từ đó thấm thía cảm xúc ân tình với quá khứ gian lao, tình nghĩa của Nguyễn Duy và biết rút ra bài học về cách sống cho mình.

- Cảm nhận được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố trử tình và yếu tố tự sự trong bố cục, giữa tính khái quát và tính cụ thể trong hình ảnh của bài thơ.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng phân tích và cảm nhận hình ảnh thơ..

**3. Thái độ:** Giáo dục học sinh ý thức gìn giữ các giá trị truyền thống, gìn giữ quá khứ.

**-** Ý thức gìn giữ quá khứ, trân trọng tình cảm đối với quê hương, đất nước.

**4. Năng lực**

\* Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, thẩm mỹ.

\* Năng lực riêng: giao tiếp, hợp tác, công nghệ thông tin và truyền thông

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án., đọc các tài liệu về nhà thơ Nguyễn Duy.

**2. Học sinh:** Đọc bài thơ và soạn bài theo hệ thống câu hỏi ở sgk.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra lồng ghép vào bài dạy.**

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động**  **của học sinh** | **Nội dung**  **cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 4’)** | | |
| - Thi đua giữa các dãy  ? Tìm những câu thơ có hình ảnh trăng | Cả lớp chơi theo sự hướng dẫn của quản trò | - Đọc được những câu thơ có hình ảnh trăng (Đồng chí, Cảnh khuya, Rằm tháng giêng, Tĩnh dạ tứ, Đoàn thuyền đánh cá,. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 30’)** | | |
| **Hoạt động I: Tìm hiểu chung:**  ? Hãy nêu những nét khái quát về tác giả và tác phẩm?  Yêu cầu: đọc với giọng tâm tình, đằm thắm.  Cho biết bố cục của văn bản?  Cho biết phương thức biểu đạt chính của bài thơ?  **Hoạt động 2: Tìm hiểu văn bản:**  Gọi học sinh đọc hai khổ thơ đầu.  Tình cảm của tác giả với vầng trăng qua thời gian diễn ra như thế nào?  Vì sao nói vầng trăng thành tri kỉ?  Vì sao khi đó trăng là người bạn tri kỉ của con người?  Vì sao lúc đó con người có tình cảm với vầng trăng và trăng cũng có tình cảm với con người?  Em có nhận xét gì về vầng trăng trong quá khứ của nhà thơ? | - Học sinh đọc chú thích ở sách giáo khoa.  - HS đọc  - HS trả lời cá nhân  - HS khác theo dõi, bổ sung  (nếu có)  - HS đọc  - HS trả lời cá nhân  - HS khác theo dõi, bổ sung  (nếu có)  - HS trả lời cá nhân  - HS khác theo dõi, bổ sung  (nếu có) | **I. Tìm hiểu chung:**  ***1. Tác giả, tác phẩm:***  ***2. Đọc văn bản:***  ***3. Chú thích:***  ***4. Bố cục:***  Bài thơ chia làm 3 đoạn:   * Hai khổ thơ đầu: Cảm nghĩ về vầng trăng quá khứ. * Hai khổ tiếp theo: Cảm nghĩ về vầng trăng hiện tại. * Hai khổ thơ cuối: cảm xúc và suy ngẩm của nhà thơ.   - Tự sự xen trử tình.  **II. Tìm hiểu văn bản:**  **1. Cảm nghỉ về vầng trăng quá khứ:**  - Hồi nhỏ gắn bó với vầng trăng ở đồng, ở sông rồi ở bể.  - Khi chiến tranh, vào bộ đội, vầng trăng trở thành người bạn tri kỉ.  - Trăng trở thành người bạn thân thiết soi sáng con đường hành quân.  - Vì trăng gắn liền với những kỉ niệm thời thơ ấu, kỉ niệm của người lính trong rừng sâu những năm kháng chiến.  ***->*** Lúc đó con người sống giản dị, thanh cao, chân thật, hòa hợp với thiên nhiên, cây cỏ.  - Trăng là trò chơi của tuổi thơ với những ước mơ trong sáng.  - Trăng là ánh sáng trong đêm tối hành quân, là niềm vui bầu bạn với những người lính trong gian lao, vất vã.  => Trăng đẹp đẽ, ân tình, trăng gắn liền với kỉ niệm tuổi thơ và những gian lao của con người trong kháng chiến |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (4’)** | | |
| Cho học sinh làm bài tập luyện tập trong SGK | HS làm bài |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5’)** | | |
| Viết đoạn văn 5 câu nêu cảm nhận của em về chủ đề của bài thơ | HS làm việc cá nhân |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Học thuộc lòng bài thơ  - Chuẩn bị Tiết 2 |  |  |

**\* Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 62:**

**ÁNH TRĂNG (tiếp)**

***( Nguyễn Duy)***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh hiểu được ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng, từ đó thấm thía cảm xúc ân tình với quá khứ gian lao, tình nghĩa của Nguyễn Duy và biết rút ra bài học về cách sống cho mình.

- Cảm nhận được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố trử tình và yếu tố tự sự trong bố cục, giữa tính khái quát và tính cụ thể trong hình ảnh của bài thơ.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng phân tích và cảm nhận hình ảnh thơ..

**3. Thái độ:** Giáo dục học sinh ý thức gìn giữ các giá trị truyền thống, gìn giữ quá khứ.

**-** Ý thức gìn giữ quá khứ, trân trọng tình cảm đối với quê hương, đất nước.

**4. Năng lực**

\* Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, thẩm mỹ.

\* Năng lực riêng: giao tiếp, hợp tác, công nghệ thông tin và truyền thông

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án., đọc các tài liệu về nhà thơ Nguyễn Duy.

**2. Học sinh:** Đọc bài thơ và soạn bài theo hệ thống câu hỏi ở sgk.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra lồng ghép vào bài dạy.**

**3. Bài mới ( 43’ )**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động**  **của học sinh** | **Nội dung**  **cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 3’)** | | |
| GV tổ chức Thi đọc diễn cảm bài thơ | 2 học sinh có giọng đọc tốt | - Đọc diễn cảm bài thơ, thể hiện được cảm xúc của tác giả |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 30’)** | | |
| Gọi học sinh đọc 2 khổ thơ tiếp theo  Sau chiến tranh nhà thơ trở về thành phố, khi đó vầng trăng xuất hiện như thế nào?  ? Theo em người dưng qua đường nghĩa là như thế nào?  Vì sao lại xảy ra điều ấy?  Vậy con người chợt nhớ đến vầng trăng trong hoàn cảnh nào?  Hành động bật tung cửa sổ và cảm giác đột ngột nhận ra vầng trăng cho thấy trăng và người có còn tri kỉ như xưa không?  Vì sao lại có sự khác biệt này?  Từ sự xa lạ của con người đối với ánh trăng nhà thơ muốn nhắc nhở điều gì?  Gọi học sinh đọc hai khổ thơ cuối.  Vì sao nhà thơ viết “ Ngửa mặt lên nhìn mặt” mà không phải “ ngửa mặt lên nhìn trăng”  Từ rưng rưng phản ánh được cảm xúc gì? Tg đang hướng về những kỉ niệm nào?  Trong câu thơ: “Ánh trăng im phăng phắc” tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Tác dụng ra sao?  Vì sao khi đối diện với vầng trăng nhà thơ lại giật mình?  ? Qua những cảm xúc đó nhà thơ muốn nhắc nhở chúng ta điều gì?  *? Từ vẻ đẹp của thiên nhiên trong bài đặc biệt là vẻ đẹp của ánh trăng gợi cho em những cảm nhận gì thiên nhiên?*  **Hoạt động 3: Tổng kết:** | - HS đọc  - HS trả lời cá nhân  - HS khác theo dõi, bổ sung  (nếu có)  - HS trả lời cá nhân  - HS khác theo dõi, bổ sung  (nếu có)  - HS trả lời cá nhân  - HS khác theo dõi, bổ sung  (nếu có)  - HS trả lời cá nhân  - HS khác theo dõi, bổ sung  (nếu có) | ***2. Cảm nghĩ về vầng trăng hiện tại:***  Vầng trăng đi qua ngõ  Như người dưng qua đường.  - Là hoàn toàn xa lạ, không hề quen biết -. Lúc này nhà thơ trở thành hoàn toàn xa lạ với vầng trăng.  - Trăng vẫn tình nghĩa như xưa nhưng lòng người đã thay đổi.   * Thình lình đèn điện tắt * Phòng buynh đinh tối om. * Bật tung cửa sổ -> tìm nguồn sáng khác thay thế cho ánh điện bị tắt.   - Lúc này trăng và người không còn tri kỉ vì con người chỉ tìm đến trăng như một vật chiếu sáng thay thế cho ánh điện mà thôi.   * Không gian khác biệt * Thời gian cách biệt * Đời sống của con người đã đổi thay.   => Cuộc sống hiện đại, sung sướng khiến người ta dễ dàng lãng quên những kỉ niệm tốt đẹp trong quá khứ.  ***3. Cảm xúc và suy ngẫm của nhà thơ:***  - Vì tác giả muốn đối diện với sự thật, đó là một cách viết độc đáo và sâu sắc, trăng cũng có tâm hồn giống con người, và lúc này chính là hai người bạn đang đối diện với nhau và lúc này tác giả mới cảm nhận hết cảm giác mình là một người phản bội.   * Trạng thái xúc động dồn nén. * Lúc này tác giả đang hướng về những kỉ niệm tươi đẹp trong quá khứ.   - Nhân hóa, trăng như một người bạn nhân hậu mà nghiêm khắc.  - Vì lúc này trăng vẫn tròn, vẫn sáng, vẫn ân nghĩa, thủy chung dù lòng người thay đổi, chính điều đó làm cho tác giả phải giật mình.  => Hãy trân trọng,gìn giữ vẻ đẹp và những giá trị truyền thống. Lãng quên quá khứ là con người đang phản bội chính mình.  **III. Tổng kết: *(Ghi nhớ).*** |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (10’)** | | |
| **Thảo luận nhóm**  Hình thức: Nhóm lớn  Thời gian: 3 phút  Trình bày ra bảng phụ.  Tại sao trong bài thơ tác giả rất nhiều lần dung hình ảnh “vầng trăng”, thế mà nhan đề lại dung hình ảnh ánh trăng? | - HS làm việc heo nhóm  - Các nhóm trưởng cáo cáo  - HS khác theo dõi, bổ sung | * Vầng trăng: khi tròn, khi khuyết. * Ánh trằng: Lúc nào cũng màu vàng không đổi. * Nhan đề làm nổi bật chủ đề tác phẩm |
| **D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI - MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Học thuộc lòng bài thơ  - Chuẩn bị bài Tổng kết từ vựng |  |  |

**\* Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 63:**

**TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (Luyện tập tổng hợp )**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Tổng hợp các kiến thức đã học về từ vựng

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng nhận diện và phân tích tác dụng các biện pháp tu từ, biết viết đoạn có sử dụng các yếu tố từ vựng đã học.

**-** So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa ẩn dụ và hoán dụ.

**3. Thái độ**

**-** Có ý thức sử dụng ngôn ngữ Việt một cách trong sáng

**4. Năng lực**

\* Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, thẩm mỹ.

\* Năng lực riêng: giao tiếp, hợp tác, công nghệ thông tin và truyền thông

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án.

**2. Học sinh:** Đọc ví dụ, làm các bài tập ở sgk.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ: Lồng trong bài học**

**3. Bài mới: (43’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động**  **của học sinh** | **Nội dung**  **cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 3’)** | | |
| - Trò chơi! Đi tìm ca sĩ  Hãy hát những câu hát có từ láy. | HS tham gia trò chơi theo hướng dẫn của quản trò. | VD:   * Có con chim vành quyên nhỏ. Dáng trông thật ngoan ngoãn quá… * Con cào cào có cái cánh xinh xinh, nó bay rất nhanh từ cành cây sang bụi cỏ |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH (35’)** | | |
| **THẢO LUẬN NHÓM**  Yêu cầu học sinh thảo luận theo bàn.  - Cách hiểu của người vợ như thế nào?  - Gọi học sinh đọc đoạn thơ, xác định từ nào dùng theo nghĩa gốc, từ nào dùng theo nghĩa chuyển.  Yêu cầu học sinh xác định hai trường từ vựng là trường màu sắc và trường từ vựng về lửa. sau đó phân tích cái hay trong việc sử dụng hai trường từ vựng đó.  Tổ chức cho các em chơi trò chơi, 2 dãy làm hai đội, các em sẽ luân phiên nhau lên ghi tên của các loài được đặt tên theo đặc điểm. Trong thời gian 3 phút đội nào ghi được nhiều từ đúng sẽ thắng cuộc | Học sinh đọc bài tập 1  Các nhóm thảo luận và đại diện trình bày  Học sinh đọc bài tập 2  HS trả lời cá nhân.  HS chơi theo sự hướng dẫn của giáo viên | **I Bài tập 1:**   * Gật đầu là cúi xuống rồi lại ngẩng lên ngay, thường chỉ sự đồng ý hay chào hỏi còn gật gù là rất nhẹ và nhiều lần biểu thị thái độ đồng tình hay tán thưởng * > Như vậy trong trường hợp này gật gù thể hiện thích hợp hơn.   **Bài tập 2:**  - Người vợ không hiểu cách nói chỉ có một chân sút, cách nói này có nghĩa là cả đội bóng chỉ có một người ghi bàn giỏi.  **Bài tập 3:**   * Từ miệng, chân, tay dùng theo nghĩa gốc. * Từ vai, đầu dùng theo nghĩa chuyển, từ vai chuyển nghĩa theo phương thức hoán dụ, từ đầu chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ.   **Bài tập 4:**  Có hai trường từ vựng:  -Chỉ màu sắc: đỏ, xanh, hồng, ánh.  - Chỉ lửa, sự vật và hiện tượng liên quan đến lửa: lửa, cháy, tro.  → Liên quan chặt chẽ.  **Bài tập 5:**  - Cá kim, cá ngựa, cá kiếm, linh dương đầu bò, chè móc câu, mướp đắng, dưa bở, gấu chó… |
| **C. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG ( 5’ )** | | |
| **Viết đoạn hội thoại có sử dụng trường từ vựng về trường học**  GV nhận xét | - HS làm việc cá nhân. |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Hs tiếp tục bổ sung, hoàn thiện bài tập.  - Chuẩn bị bài: Luyện tập viết đoạn văn có sử dụng yếu tố nghị luận |  |  |

**\* Rút kinh nghiệm:**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 64:**

**LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ SỬ DỤNG YẾU TỐ NGHỊ LUẬN**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh biết cách đưa yếu tố nghị luận vào bài văn tự sự một cách hợp lí.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng nhận diện và đưa yếu tố nghị luận vào bài văn tự sự.

**-** Học sinh viết được những bài văn tự sự có kết hợp yếu tố nghị luận, thấy được tác dụng của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.

**3. Thái độ**

- Sử dụng hiệu quả, trân trọng nét đẹp của ngôn ngữ Việt

**4. Năng lực**

\* Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, thẩm mỹ.

\* Năng lực riêng: giao tiếp, hợp tác, công nghệ thông tin và truyền thông

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án.

**2. Học sinh:** Đọc các đoạn văn ở sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: ( 1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong học bài mới

**3. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động**  **của học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 3’)** | | |
| - GV cho học sinh hát tập thể 1 bài | - HS hát tập thể | Tạo không khí vui vẻ, phấn chấn |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 10’)** | | |
| **Hoạt động: Thực hành tìm hiểu yếu tố nghị luận trong bài văn tự sự:**  Gọi học sinh đọc đoạn văn ở sách giáo khoa  ? Trong đoạn văn trên yếu tố nghị luận thể hiện ở những câu văn nào?  Vậy yếu tố nghị luận có tác dụng gì? | -  HS trả lời cá nhân.  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có) | **I. Thực hành tìm hiểu yếu tố nghị luận trong bài văn tự sự:**  - Những điều viết lên cát sẽ mau chóng xóa nhòa theo thời gian, nhưng không ai có thể xóa được những điều tốt đẹp đã được ghi tác trên đá, trong lòng người.  - Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nổi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.  => Yếu tố nghị luận làm cho câu chuyện thêm sâu sắc, giàu tính triết lí và có ý nghĩa giáo dục cao. Đó là bài học về sự bao dung, lòng nhân ái, biết tha thứ và ghi nhớ ân nghĩa, ân tình. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG ( 30’)** | | |
| **Hoạt động: Thực hành viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận.**  ? Viết đoạn văn kể lại buổi sinh hoạt lớp trong đó có sử dụng yếu tố nghị luận.    Giáo viên nhận xét, ghi điểm. (GV phát hiện HS có năng lực viết văn tốt) | Học sinh viết bài  - HS đọc bài mình  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có) | **II. Thực hành viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận.** |
| **D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Nắm được vai trò của yếu tố nghị luận trong văn tự sự.  - Làm bài tập 2, đọc đoạn trích “Bà nội” tìm những câu văn có sử dụng yếu tố nghị luận trong văn bản.  - Xem bài: Làng – Kim Lân |  |  |

**\* Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 65:**

**LÀNG**

***(Kim Lân)***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh cảm nhận được tình yêu làng quê thống nhất với lòng yêu nước và tình yêu kháng chiến của nhân vật ông Hai. Qua đó thấy được một biểu hiện cụ thể, sinh động về tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp.

- Thấy được những đặc sắc trong nghệ thuật truyện: Xây dựng tình huống, miêu tả sinh động diễn biến tâm trạng, ngôn ngữ của nhân vật.

**2. Kỹ năng:** Rèn luyện năng lực phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự, đặc biệt là phân tích tâm lí nhân vật

**3. Thái độ:** Giáo dục tình yêu làng quê, đất nước.

**-** Từ tình yêu làng của ông Hai mở rộng đến tình yêu quê hương, đất nước.

**4. Năng lực**

\* Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, thẩm mỹ.

\* Năng lực riêng: giao tiếp, hợp tác, công nghệ thông tin và truyền thông

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, đọc tác phẩm ***“Làng”***, tóm tắt tác phẩm.

**2. Học sinh:** Đọc văn bản, soạn bài theo các câu hỏi ở sgk.

**C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**1. Ổn định tổ chức: ( 1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong dạy bài mới

**3. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động**  **của học sinh** | **Nội dung**  **cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 3’)** | | |
| - GV cho học sinh chơi trò chơi  Gọi 4 học sinh lên bảng  Câu hỏi: Hãy ghi nhanh lên bảng 5 tác phẩm có thể loại là truyện ngắn  GV nhận xét: Chuyển ý | - 4 HS được chọn lên ghi  - HS khác theo dõi, bổ sung (nếu có) |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 30’)** | | |
| * Trình bày hiểu biết của em về tác giả. * Nêu hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm? * Bố cục văn bản?   GV chuyển ý, sang phần II   * Truyện có mấy tình huống? Tình huống nào là cơ bản? Vì sao?   GV nhận xét, chốt ý. | - HS trả lời cá nhân.  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có)    - HS đọc văn bản  - HS trả lời cá nhân.  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có)  - Học sinh đọc phần 2 ở sgk  - HS trả lời cá nhân.  - Các học sinh khác theo dõi, bổ sung (nếu có) | **I. Tìm hiểu chung:**  ***1. Tác giả, tác phẩm:***  ***2. Đọc văn bản ( tóm tắt):***  ***3. Chú thích:***  ***4. Bố cục****:* 3 phần:  - Từ đầu -> không nhúc nhích: Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin đồn làng Chợ Dầu theo giặc.  - tiếp theo -> đôi phần: tâm trạng xấu hổ, đau buồn của ông Hai.  - Phần còn lại: Tâm trạng của ông Hai khi tin đồn được cải chính.  **II. Tìm hiểu văn bản:**  **1. Tìm hiểu tình huống truyện:**  - Tình huống truyện rất đặc sắc: Ông Hai tình cờ nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc, làm Việt gian bán nước.  - tình huống đó đã tạo ra nút thắt của câu chuyện gây ra những mâu thuẩn giằng xé trong nội tâm của nhân vật để từ đó bộc lộ ngững nét tính cách nổi bật.  => Tính cách nhân vật được thể hiện một cách chân thực. Từ đó ca ngợi lòng yêu nước chân thành, giản dị của người nông dân Việt Namtrong kháng chiến chống Pháp. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 6’)** | | |
| Củng cố phần tìm hiểu chung dưới dạng bài tập TN | HS trả lời cá nhân |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (4’)** | | |
| Kể tóm tắt tác phẩm bằng ngôi thứ nhất | - HS kể  - Các nhóm khác theo dõi, bổ sung (nếu có) |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Nắm được vai trò của việc xây dựng tình huống truyện.  - Tóm tắt cốt truyện.  - Phân tích nhân vật ông Hai. |  |  |

**\* Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20

**Tiết 66**

**LÀNG *( tiếp) (Kim Lân)***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh cảm nhận được tình yêu làng quê thống nhất với lòng yêu nước và tình yêu kháng chiến của nhân vật ông Hai. Qua đó thấy được một biểu hiện cụ thể, sinh động về tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp.

- Thấy được những đặc sắc trong nghệ thuật truyện: Xây dựng tình huống, miêu tả sinh động diễn biến tâm trạng, ngôn ngữ của nhân vật.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện năng lực phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự, đặc biệt là phân tích tâm lí nhân vật.

**3. Thái độ:** Thể hiện tình yêu làng quê, yêu đất nước từ đó có những việc làm cụ thể để thể hiện tình yêu đó.

**-** Từ tình yêu làng, yêu nước của ông Hai mở rộng đến tình yêu quê hương, đất nước của người dân Việt Nam trong kháng chiến.

**4. Năng lực**

*\* Năng lực chung*

- Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

*\* Năng lực riêng*

*-* Năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực thưởng thức văn học / cảm thụ thẩm mỹ

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án.

**2. Học sinh:** Đọc văn bản, tóm tắt cốt truyện, soạn bài theo các câu hỏi ở sgk.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung kiến thức** |
| 1. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)** | | |
| **- 1** nhóm lên đóng tiểu phẩm tái hiện hình ảnh nhân vật ông Hai  - GV dẫn vào bài: Nhân vật ông Hai là đại diện cho người nông dân thời kì kháng chiến.. .  Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu rõ hơn về con người này để thấy được những nét mới của người nông dân khi kháng chiến. | **HS** thực hiện  Hs theo dõi |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (35’)** | | |
| **Hoạt động I. Tìm hiểu chi tiết:** |  | **II. Tìm hiểu chi tiết:** |
|  |  | ***2. Diễn biến tâm lí và hành động của ông Hai khi nghe tin làng theo giặc:*** |
| Gọi học sinh đọc lại đoạn ông Hai nghe tin làng theo giặc. | Đọc |  |
| Khi nghe tin làng theo giặc ông Hai đã có những biểu hiện như thế nào? | Trả lời | - Ông sững sờ, cổ nghẹn ắng lại, da mật tê rân rân, lão lặng đi tưởng đến không thở được. |
| Những biểu hiện đó thể hiện tâm trạng gì? |  | - Ngạc nhiên, hốt hoảng, nghẹn ngào, xấu hổ. |
| Vì sao ông lão lại có tâm trạng đó? | Trả lời | - Vì làng với ông là tất cả, ông rất yêu và tự hào về nó, ở làng ông cái gì cuãng đẹp, cái gì cũng hay, ông lại có một lòng tin vững chắc về các đ/c ở lại làng nên ban đầu ông không tin, sau đó người nói đã đưa ra các dẫn chứng cụ thể buộc lòng ông phải tin. |
| Vậy những hành động, cử chỉ tiếp theo của ông Hai là gì? |  | - Ông cười nhạt, lãng chuyện rồi vội vàng bước ra khỏi đám đông.  - Ông cúi gằm mặt xuống, nhục nhã, xấu hổ. |
| Về nhà ông Hai có tâm trạng như thế nào? | Trả lời | - Thương con, lo lắng sợ bị người ta rẻ rúng, hắt hủi -> Tủi thân.  - Căm giận dân làng, ông nguyền rủa họ vì tội bán nước, phản bội lại lòng tin của ông. |
| Khi nghe tin đồn ấy ông Hai đã thật sự tin chưa? | Trả lời | - Chưa, lúc này trong ông đang diễn ra một cuộc độc thoại nội tâm, ông rất tin những đồng chí của mình ở làng nhưng những cái tên, cái đình mà người đàn bà tản cư đã nói thì đúng là làng ông rồi. Ông không thể hiểu nổi vì sao những đ/c của ông lại đổ đốn ra như thế. |
| Sự đau đớn tột cùng của ông Hai được thể hiện qua câu văn nào? | Trả lời | * Chao ôi! Cực nhục chưa? Cả làng Việt gian   -> Đau khổ tột cùng, căm ghét tột cùng kẻ bán nước. |
| Khi bà Hai trở về và trò chuyện thì ông có thái độ ntn? | Suy nghĩ, trả lời | - Ông cáu gắt, trằn trọc thở dài, lo lắng đến mức chân tay nhũn ra. |
| Những ngày sau đó tâm trạng ông ntn? |  | - Ông không dám bước chân ra khỏi nhà, xấu hổ, lo lắng, sợ hải -> Tâm trạng ngày càng u ám, bế tắc. |
| Điều mà ông lo lắng nhất lúc này là gì? Vì sao? | Trả lời | - Lo lắng, tuyệt vọng, sợ mụ chủ đuổi cả gia đình ông ra khỏi nhà, không nơi nào người ta chứa chấp bố con ông. |
| Lúc đó trong đầu ông thoáng xuất hiện ý nghĩ quay về làng nhưng ngay lập tức ông liền thay đổi, vì sao như vậy? | Thảo luận theo nhóm 2 HS | - Vì theo ông, về lại làng tức là từ bỏ k/c, chịu đầu hàng giặc, làm Việt gian bán nước. |
| Ý nghĩ làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù chứng tỏ điều gì? (HS giỏi) |  | - Tình yêu làng quê đã phát triển thành tình yêu nước, yêu kháng chiến. |
| Gọi học sinh đọc đoạn ông Hai trò chuyện với đứa con. |  |  |
| Qua cuộc trò chuyện này em có suy nghĩ gì về nhân vật? |  | - Ông Hai đang tự giải bày, tự minh oan cho chính mình, qua đó để thể hiện đầy đủ tình yêu làng quê, yêu đất nước của nhân vật.  -> Đây cũng chính là đoạn miêu tả nội tâm thành công nhất của truyện. |
| Qua phân tích em hãy khái quát những nét tính cách nổi bật của nhân vật? |  | => Ông Hai là người có tình yêu làng, yêu nước mộc mạc nhưng chân thành và sâu sắc. |
|  |  | ***3. Tâm trạng của ông Hai khi tin đồn làng theo giặc được cải chính:*** |
| Khi tin đồn làng theo giặc được cải chính tâm trạng ông Hai thay đổi như thế nào? | Trả lời | - Ông mừng rỡ, háo hức chia quà cho các con, khoe với mọi người về tin đồn mình vừa nghe được, ông kể với một giọng say mê, náo nức lạ thường cứ như ông là một người trong cuộc vậy.  => Tấm lòng ân nghĩa, thủy chung với cách mạng với quê hương, đất nước. |
| **Hoạt động 2. Tổng kết:** | **Trả lời** | **III. Tổng kết:** |
| Gọi học sinh đọc ghi nhớ |  | - Nhân vật được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ qua suy nghĩ, thái độ, cử chỉ, lời nói và hành động.  - Đặt nhân vật vào tình huống bất ngờ mà hợp lí tạo sự căng thẳng mà hấp dẫn, đưa câu chuyện phát triển đến cao trào. |
|  |  |  |
| Tìm các văn bản truyện ngắn mà em đã học cũng được kể bằng ngôi thứ ba | Trả lời |  |

**\* Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 67:**

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Nắm vững các nội dung Tiếng Việt đã học ở học kì I :Các phương châm hội thoại và cách xưng hô trong hội thoại, cách dẫn trực tiếp, gián tiếp.

**2. Kỹ năng:** Luyện kĩ năng trình bày một vấn đề trong Tiếng Việt.

**3. Thái độ:**

**-** Trân trọng vẻ đẹp của Tiếng Việt

**4. Năng lực**

*\* Năng lực chung*

- Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

*\* Năng lực riêng*

*-* Năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực thưởng thức văn học / cảm thụ thẩm mỹ

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án.

**2. Học sinh:** Đọc ví dụ, trả lời câu hỏi ở sgk.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| A. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)**  Trong bài “Bếp lửa” em có suy nghĩ gì về lời bà dặn cháu khi viết thư cho bố?  Như vậy việc sử dụng các kiến thức TV cần linh hoạt trong từng hoàn cảnh cụ thể  B. **HOẠT ĐỘNG TỔNG KẾT KIẾN THỨC ĐÃ HỌC** | | |
| Hướng dẫn học sinh ôn tập các phương châm hội thoại đã học? Nêu nội dung các phương châm?  Treo bảng phụ và ghi các phương châm khi học sinh nhắc nội dung từng phương châm.  Giáo viên: Kể một tình huống giao tiếp mà một số phương châm hội thoại nào đó không được tuân thủ.  Giáo viên: Nêu 2 tình huống ở sgk.  - Tình huống 1 : Phương châm nào không được tuân thủ?  - Tình huống 2: Phương châm nào bị vi phạm?  **Hoạt động II:**  - Kể tên các đại từ xưng hô? Chia theo mấy ngôi?  - Ngoài đại từ xưng hô còn có các đại từ loại nào cũng dùng xưng hô?  Giáo viên: Hiểu “Xưng khiêm”, “Hô tôn” như thế nào? Ngày xưa, trong xã hội quân thần, việc xưng hô với vua, với nhà sư, kẻ sĩ như thế nào?  Giáo viên: Vì sao tiêng Việt khi giao tiếp phải lựa chọn từ ngữ xưng hô?  Giáo viên: cho học sinh thảo luận.  - Nội dung quan hệ trong mỗi từ có giống nhau không? Mục đích từ chọn từ xưng hô có tác dụng gì? | **Trả lời**  **Trả lời**  **Trả lời**  **Trả lời** | **I. Các phương châm hội thoại:**  ***1.Ôn lại nội dung các phương châm hội thoại:***  - Phương châm về lượng.  - Phương châm về chất.  - Phương châm quan hệ.  - Phương châm cách thức  - Phương châm lịch sự  ***Ví dụ:***  - Tình huống 1 : Phương châm quan hệ.  - Tình huống 2: Quan hệ.  **II. Xưng hô trong hội thoại:**  ***1.Các từ ngữ xưng hô:***  Đại từ xưng hô số 1 – 2 – 3: Dùng các từ chỉ quan hệ họ hàng, quan hệ xã hội là từ xưng hô.  - “Xưng khiêm”, “hô tôn”: phương châm giao tiếp lịch sự của nhiều nước.  - Thời trước: bệ hạ, bần tăng, bần sĩ.  - Hiện nay: quý ông, quý cô, quý anh… Gọi người nghe là “anh” hoặc “bác”, xưng “em”.  \* Trong tiếng Việt khi giao tiếp phải lựa chọn từ ngữ xưng hô.  - Từ xưng hô trong tiếng Việt phong phú:  + Dùng từ thân tộc.  + Dùng từ chỉ chức vụ nghề nghiệp.  + Tên riêng.  - Mỗi từ xưng hô thể hiện tính chất của tình huống giao tiếp và mối quan hệ người nói - người nghe.  ⇨ Chú ý lựa chọn để đạt kết quả cao trong quá trình giao tiếp.  **III. Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp**  1. Cách dẫn trực tiếp: Dẫn lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của nhân vật, được đặt trong dấu ngoặc kép  2. Cách dẫn gián tiếp: dẫn lại lời nói hay ý nghĩ của nhân vật có sự điều chỉnh hoặc thêm bớt từ sao cho phù hợp với văn cảnh, lời dẫn gián tiếp không được đặt trong dấu ngoặc kép. |

**C. Hoạt động vận dụng**

- Việc sử dụng các phương châm hội thoại trong thực tế cần lưu ý những điều gì.

**D. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

- Nắm lại các nội dung ôn tập.

- Xem phần cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

**\*.Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: ...../..../20 Ngày dạy:..../..../20***

**Tiết 68:**

**KIỂM TRA TRUYỆN TIẾNG VIỆT**

I. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**:

**1.Kiến thức:**

- Nắm được những kiến thức cơ bản về Tiếng việt đã được học trong chương trình THCS

**2.Kỹ năng:**

**-** Phân tích, đánh giá khái quát kiến thức

- Tạo lập văn bản,lập luận (phân tích,chứng minh) chặt chẽ.

**3. Thái độ:**

- Làm bài nghiêm túc, trung thực.

**4. Năng lực**

*\* Năng lực chung*

- Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

*\* Năng lực riêng*

*-* Năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực thưởng thức văn học / cảm thụ thẩm mỹ

**II. CHUẨN BỊ.**

- GV: ra đề, soạn bài.

- HS: ôn tập, chuẩn bị giấy kiểm tra.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**1. Ổn định tổ chức.**

**2. Kiểm tra bài cũ:** kiểm tra sự chuẩn bị của HS

**3. Bài mới.**

**HĐ1. Kiểm tra:** Đề và đáp án như sổ lưu đề.

**HĐ2.** Thu bài, nhận xét giờ kiểm tra

**4. Củng cố**

**5. Hướng dẫn về nhà:**

**-** Chuẩn bị bài Chương trình địa phương phần Tiếng Việt

**\*. Rút kinh nghiệm**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:.../..../20 Ngày dạy:..../..../20***

**Tiết 69 :** **CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG**

**(Phần Tiếng Việt)**

## A. Mục tiêu cần đạt

**1. Kiến thức.**

- Hs hiểu được sự phong phú của các phương ngữ trên các vùng miền đất nước.

**2. Kĩ năng.**

- Biết cách sử dụng từ ngữ khi nói và viết.

**3. Thái độ**

- Có ý thức sử dụng từ ngữ chính xác, phù hợp hoàn cảnh.

**4. Năng lực**

*\* Năng lực chung*

- Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

*\* Năng lực riêng*

*-* Năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực thưởng thức văn học / cảm thụ thẩm mỹ

## B. Chuẩn bị

- GV: soạn bài, sgk, sgv, tư liệu

- HS: chuẩn bị bài theo nhóm

## C. Tiến trình dạy học

**1. Ổn định tổ chức.**

**2. Bài mới**

**A. Hoạt động luyện tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV | Hoạt động của HS | Nội dung cần đạt |
| A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’) - 1 nhóm lên trình chiếu đoạn video đã chuẩn bị giới thiệu về đặc trưng của quê hương mình  -> GV dẫn vào bài: Đó là những đặc điểm riêng có ở mỗi địa phương. Một trong những yếu tố làm nên màu sắc cho cái đẹp đó chính là từ ngữ. Sau đây chúng ta cùng đi tìm hiểu về vốn từ ngữ đó của con người Long Biên.  B. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (37’)** | | |
| **Hoạt động 1: Mở rộng vốn từ ngữ địa phương**  Hướng dẫn hs làm bài 1.  \* Nghệ Tĩnh  - Nhút : món ăn làm bằng xơ mít muối trộn với một vài thứ khác.  - Chẻo : một loại nước chấm  - Nốc : chiếc thuyền.  **Hoạt động 2**: **Vai trò của từ ngữ địa phương trong mối quan hệ với từ ngữ toàn dân**  Gv chốt lại vấn đề  Gv lưu ý hs  **Hoạt động 3**: **Nhận xét về phương ngữ chuẩn của Tiếng Việt**  Tui → tôi  Chi → gì  ưng → bằng lòng  chừ → giờ, bây giờ  rứa → thế  nờ → nhỉ, ơi  màn xanh : tấm vải dù nguỵ trang  răng → sao  \* Không nên dùng trong hoàn cảnh gtiếp mang tính toàn dân hoặc gtiếp có t/c nghi thức  Nên sử dụng từ ngữ địa phương trong những trường hợp nào? Hiệu quả diễn đạt (HS giỏi)  \* Có thể dùng trong phạm vi gđình đồng hương hoặc TPVH có nét đặc trưng địa phương. | Đọc bài, trả lời  Đọc bài, trả lời  Đọc bài, trả lời  Hs đọc bài 3 – thảo luận theo nhóm nhỏ | I. Mở rộng vốn từ ngữ địa phươngBài 1. Tìm các phương ngữ a. Chỉ các sự vật, hiện tượng... không có tên gọi trong các phương ngữ khác và trong ng2 toàn dân.  \* Nam Bộ  - mắc - đắt  - reo – kích động  \* Thừa Thiên Huế  - bọc – cái túi áo  - sương – gánh.  b) Đồng nghĩa nhưng khác về âm  Bắc Trung Nam  - bố mẹ bọ mụ (mệ) ba má(tía má)  - giả vờ giả đò  - đâu mô  - cái bát cái tô cái chén  - vừng mè  - quả doi trái táo trái mận  - quả dứa trái thơm  - thấy chô  c. Đồng âm nhưng khác về nghĩa  Bắc Trung Nam  - ốm : bị bệnh gầy gầy  - hòm: thứ đựng áo quan áo quan  hính hộp  - nón: thứ đồ dùng mũ, nón  đội đầu che mưa  nắng làm bằng lá  - sương: hơi nước gánh  - bắp: bắp chân ngô ngô  - chén: bát  **II.** **Vai trò của từ ngữ địa phương trong mối quan hệ với từ ngữ toàn dân**  Bài 2.  \* Có ~ từ ngữ địa phương như mục 1a vì có ~ sự vật hiện tượng xuất hiện ở địa phương này không xuất hiện ở địa phương ≠  \* Các từ ngữ “độc nhất vô nhị” ấy chứng tỏ Việt Nam là một đất nước có sự khác biệt giữa các vùng miền về đkiện tự nhiên, đặc điểm tâm lý, phong tục tập quán... Nhưng sự khác biệt đó không quá lơn, bằng chứng là ~ từ ngữ thuộc nhóm này không nhiều  \* Một số từ ngữ địa phương trong phần này có thể chuyển thành từ ngữ toàn dân : VD : sầu riêng, chôm chôm, thanh long, tôm sú, mãng cầu.  **III. Nhận xét về phương ngữ chuẩn của Tiếng Việt**  Bài 3.  - Các ng2 trên thế giới đều chọn ng2 thủ đô làm ngôn ngữ toàn dân  - Phần b ng2 toàn dân : cá quả, lợn, ngã  - Phần c ng2 toàn dân : ốm (bị bệnh)  Bài 4.  \* Những từ ngữ địa phương Trung Bộ (được dùng các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế)  chi, rứa, nờ, tui, cớ răng, ưng, mụ  \* Tác dụng : thể hiện chân thực hơn h/ảnh của một vùng quê Quảng Bình và t/cảm, suy nghĩ, tính cách của một người mẹ anh hùng trên vùng quê ấy; làm tăng sự sống động, gợi cảm cho tác phẩm.  → Tác dụng từ ngữ địa phương nói chung :  + Tạo không khí địa phương  + Tăng gtrị gợi cảm, gợi hình của VB |

**C. Hoạt động vận dụng: Khi sử dụng ngôn ngữ, em cần lưu ý điều gì?**

**D. Hoạt động** tìm tòi, mở rộng

Chuẩn bị: Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn tự sự

**\* Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 70:**

**ĐỐI THOẠI, ĐỘC THOẠI VÀ ĐỘC THOẠI**

**NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ.**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- HS hiểu thế nào là đối thoại, thế nào là độc thoại và độc thoại nội tâm, đồng thời thấy được tác dụng của chúng trong văn bản tự sự.

**2. Kỹ năng:** - Rèn luyện kĩ năng nhận diện và tập kết hợp các yếu tố này trong khi đọc cũng như khi viết văn.

**-** Vận dụng các hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong quá trình viết văn tự sự.

**3. Thái độ:** Từ việc phân tích tình yêu làng, yêu nước của ông Hai giáo dục cho học sinh tình yêu làng quê, yêu đất nước.

**4. Năng lực**

*\* Năng lực chung*

- Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

*\* Năng lực riêng*

*-* Năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực thưởng thức văn học / cảm thụ thẩm mỹ

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án.

**2. Học sinh:** Đọc ví dụ, trả lời câu hỏi ở sgk.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Nội dung** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)** | | |
| **Trò chơi**  Hai học sinh tham gia cuộc đối thoại với các nội dung xoay quanh một chủ đề nhất định  GV chuyển | Thực hiện |  |
| B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (28-30’) | | |
| **Hoạt động I: Tìm hiểu yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự**  cho Học sinh đọc ví dụ sách giáo khoa, trả lời câu hỏi.  Trong 3 câu đầu đoạn trích ai nói với ai? Tham gia câu chuyện có ít nhất mấy người? Dấu hiệu nào cho ta thấy đó là một cuộc trò chuyện trao đổi qua lại?  - Câu “*Hà, nắng gớm, về nào”,* ông Hai nói với ai? Đây có phải là câu đối thoại không? Vì sao?  Giáo viên: Những câu “Chúng nó…tuổi đầu…” là những câu hỏi ai? Tại sao trước những câu này không có gạch đầu dòng?  ? Các hình thức diễn đạt trên có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện diễn biến câu chuyện và thái độ của những người tản cư trong buổi trưa ông Hai gặp họ? (HS giỏi)  ? Đặc biệt chúng đã giúp nhà văn thể hiện thành công diễn biến tâm lí của ông Hai như thế nào?  ? Để thể hiện nhân vật trong văn bản tự sự, người ta thường dùng những hình thức nào?  **C.Hoạt động luyện tập (8-10’)**  Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập 1 phần luyện tập. | **Đọc**  **Trả lời**  **Trả lời**  **Trả lời**  **Trả lời**  **Trả lời**  **Làm bài cá nhân** | **I.Tìm hiểu yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự**  ***1 .Ví dụ:***  ***2. Nhận xét:***  a. – Hai người phụ nữ tản cư đang nói chuyện với nhau.  - Dấu hiệu: Có 2 lượt lời qua lại.  Có 2 gạch đầu dòng.  b. Ông Hai nói một mình →mục đích là lãng tránh, thoái lui →độc thoại.  c. Những câu trên, ông Hai hỏi chính mình → độc thoại nội tâm.  🢥Các hình thức đối thoại tạo cho câu chuyện có không khí như cuộc sống thật, thể hiện thái độ căm giận của những người tản cư đối với dân làng Chợ dầu ⭢tạo tình huống đi sâu vào nhân vật.  🢥Khắc hoạ được sau sắc tâm trạng dằn vặt đau đớn khi nghe tin làng Chợ dầu theo giặc ⭢ làm cho câu chuyện sinh động hơn.  ***2.Ghi nhớ:*** *(sách giáo khoa)*  **II. Luyện tập:**  ***Bài 1:***  - Cuộc đối thoại diễn ra không bình thường giữa vợ chồng ông Hai.  - Có ba lượt lời trao (bà Hai) nhưng chỉ có 2 lời đáp ⭢ Làm nổi bật tâm trạng chán chường, buồn bã, thất vọng của ông Hai khi nghe tin làng theo giặc. |

**D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: Tìm các lời đối thoai, độc thoại, đọc thoại nội tâm của Vũ Nương trong Chuyện người con gái Nam Xương**

**E. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

- Nắm lại nội dung bài học.

- Hoàn thành bài tập 2.

- Chuẩn bị bài *: Luyện nói: Tự sự kết hợp với nghị luận và miêu tả nội tâm.*

**\* Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày soạn : Ngày dạy :**

Tiết 71 : **LUYỆN NÓI: TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI NGHỊ LUẬN**

**VÀ MIÊU TẢ NỘI TÂM**

***I*. Mục tiêu cần đạt** : Qua bài học HS nắm được:

**1. Kiến thức**:

-Tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong kể chuyện

-Tác dụng của việc sử dụng các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong kể chuyện

**2. Kỹ năng**:

-Nhận biết được các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong 1 văn bản

-Sử dụng các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong văn kể chuyện

**3. Thái độ**: Có ý thức kết hợp miêu tả nội tâm, nghị luận, có đối thoại và độc thoại trong viết văn tự sự

4. Năng lực:

*\* Năng lực chung*

- Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

*\* Năng lực riêng*

*-* Năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực thưởng thức văn học / cảm thụ thẩm mỹ

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên** : -Soạn giáo án.

-Chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu

**2. Học sinh :**  -Soạn bài .

-Chuẩn bị giấy khổ to & bút dạ để thảo luận nhóm .

### III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy – học

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ**: lồng ghép trong tiết dạy

#### 3. Bài mới

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| 1. **Hoạt động khởi động (5 phút)** | | |
| Trình bày trước lớp giới thiệu về bản thân và mục đích của em. | Cá nhân |  |
| 1. **Hoạt động hình thành kiến thức (10 phút)** | | |
| **Hoạt động 1:**  - Nên chia lớp thành bốn nhóm, mỗi nhóm lập dàn ý 1 bài tập  -Các nhóm cử đại diện trình bày  -Cả lớp nhận xét và góp ý  -GV chốt lại | -HS thảo luận nhóm-HS trình bày-HS góp ý | **Đề bài:**  1 Tâm trạng của em sau khi để xảy ra 1 chuyện có lỗi đối với bạn.  2 Kể lại buổi sinh hoạt lớp, ở đó em đã phát biểu ý kiến để chứng minh Nam là 1 người bạn rất tốt  3 Dựa vào nội dung phần đầu tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” (từ đầu đến “Bấy giờ chàng mới tỉnh ngộ…qua đó”), hãy đóng vai Trương Sinh để kể lại câu chuyện và bày tỏ niềm ân hận |
| 1. **Hoạt động luyện tập (20 phút)** | | |
| **Hoạt động 2:** Tổ chức cho HS nói trước lớp  -GV nhắc lại yêu cầu việc luyện nói  -Yêu cầu mỗi nhóm cử đại diện của mình lên bảng, quay xuống phía các bạn và trình bày bài nói của nhóm mình. Yêu cầu cả lớp theo dõi và chuẩn bị nhận xét. | -HS nghe -HS các nhóm nói trước lớp | **\*Yêu cầu:**  Nói có nội dung, có thông tin mới, hấp dẫn, hàm lượng thông tin cao và nói hay, rõ ràng, có động tác, tư thế và ngữ điệu phù hợp là một yêu cầu rất cao đối với tất cả mọi người nói chung. Nói theo một yêu cầu cụ thể với những nội dung cụ thể như kể lại một sự việc theo ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba; trong khi kể có kết hợp với miêu tả nội tâm, nghị luận, có đối thoại |
| 1. **Hoạt động vận dụng (7 phút)** | | |
| **Hoạt động 3** ( phút ):Tổ chức cho HS nhận xét về ưu, nhược điểm trong việc trình bày miệng của mỗi HS vừa nói trước lớp.  - GV tổng kết và nhắc nhở những lỗi cần tránh trong việc nói trước tập thể. | -HS nhận xét -HS nghe và rút kinh nghiệm | **\*Chú ý**  a)Không viết thành bài băn, chỉ nêu ra các ý chính sẽ nói.  b)Nói tự nhiên, rõ ràng, mạch lạc; tư thế ngay ngắn, mắt hướng vào người nghe. |
| 1. **Hoạt động tìm tòi, vận dụng (2 phút)** | | |
| -Soạn bài : Lặng lẽ Sa Pa |  |  |

**\* Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn : Ngày dạy :

**TIẾT 72 - 73 : LẶNG LẼ SA PA**

**NGUYỄN THÀNH LONG**

**I. Mục tiêu cần đạt** : Qua bài học HS nắm được:

**1. Kiến thức**:

-Vẻ đẹp của hình tượng con người thầm lặng cống hiến quên mình vì Tổ quốc trong tác phẩm.

-Nghệ thuật kể chuyện, miêu tả sinh động, hấp dẫn trong truyện

**2. Kỹ năng**:

-Nắm bắt diễn biến và tóm tắt được truyện

-Phân tích được nhân vật trong tác phẩm tự sự

Cảm nhận được 1 số chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm.

**3.Thái độ**: Rèn luyện kĩ năng cảm thụ và phân tích các yếu tố của tác phẩm truyện: miêu tả nhân vật, những bức tranh thiên nhiên.

4. Năng lực

*\* Năng lực chung*

- Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

*\* Năng lực riêng*

*-* Năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực thưởng thức văn học / cảm thụ thẩm mỹ

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên** : -Soạn giáo án.

-Chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu

-Chuẩn bị ảnh chân dung tác giả và tranh ảnh minh hoạ cho bài học

**2. Học sinh :**  -Soạn bài .

-Chuẩn bị giấy khổ to & bút dạ để thảo luận nhóm .

### III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy – học

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ:** lồng ghép trong tiết dạy

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| 1. **Hoạt động khởi động (5 phút)** | | |
| Thuyết trình bằng video về mảnh đất SaPa | Lắng nghe |  |
| 1. **Hoạt động hình thành kiến thức (25 phút)** | | |
| **Hoạt động 1.** Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu chung |  | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Tác giả** |
| -Giới thiệu đôi nét về tác giả? | -HS trả lời | *- Quê: Huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam*  *- Là cây bút chuyên về truyện ngắn và bút ký* |
| -GV cho HS quan sát ảnh và giới thiệu thêm về tác giả. | -HS quan sát và nghe | Truyện ngắn của ông thường pha chất kí, mang vẻ đẹp trong trẻo thơ mộng |
|  |  | **2. Tác phẩm** |
| -Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác truyện? | -HS trả lời | * **Hoàn cảnh sáng tác :** SGK tr 188   - Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa ra đời năm 1970, sau chuyến đi thực tế ở Lào Cai.  -Truyện được in trong tập giữa trong xanh(1972) |
|  |  | * **Đọc –chú thích** |
| -GV đọc mẫu và gọi HS đọc | -HS đọc |  |
| -Kiểm tra việc đọc chú thích của HS |  |  |
| Em hãy xác định bố cục của văn bản? |  | * **Bố cục:** 3 phần:   + Phần1: Từ đầu đến” Kìa, anh ta kia”: Bác lái xe giới thiệu một người cô độc nhất thế gian  + Phần 2: tiếp đến” Vật gì như thế”: Cuộc gặp gỡ trò chuyện giữa anh thanh niên, bác lái xe, ông hoạ sĩ, cô kĩ sư  + Phần 3: Còn lại: Họ chia tay nhau, ông hoạ sĩ, cô kĩ sư trẻ xuống đồi cứ vấn vương vì sao anh thanh niên không tiễn ra tận xe. |
| -Em có suy nghĩ gì về nhan đề của tác phẩm? | -HS trả lời | * **Nhan đề:** Lặng lẽ Sa Pa, đó chỉ là cái vẻ lặng lẽ bên ngoài của một nơi ít người đến, nhưng thực ra nó lại không lặng lẽ chút nào, bởi đằng sau cái vẻ lặng lẽ của Sa Pa là cuộc sống sôi nổi của những con người đầy trách nhiệm đối với công việc, đối với đất nước, với mọi người mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng một mình trên đỉnh núi cao=> Trong cái không khí lặng im của Sa Pa. Sa Pa mà nhắc tới người ta chỉ nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi lại có những con người ngày đêm lao động hăng say, miệt mài lặng lẽ, âm thầm, cống hiến cho đất nước. |
|  |  | * **Cốt truyện và hệ thống nhân vật** |
| -Nhận xét về cốt truyện và tình huống cơ bản của truyện?  - Em có suy nghĩ gì về nhan đề của tác phẩm? | -HS trả lời | -**Cốt truyện đơn giản**, chỉ tập trung vào cuộc gặp gỡ tình cờ của mấy người khách trên chuyến xe với người thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh cao Yên Sơn ở Sa Pa. ***Đây cũng là tình huống của tác phẩm. Tạo ra tình huống ấy, tác gỉa giới thiệu nhân vật chính 1 cách thuận lợi và để nhân vật ấy hiện ra qua cái nhìn và ấn tượng của các nhân vật khác.*** |
| -Tác phẩm này theo lời tác giả là 1 “bức chân dung”. Đó là bức chân dung của ai, hiện ra trong cái nhìn và suy nghĩ của nhân vật nào? | -HS trao đổi lớp | -**Truyện đã được trần thuật chủ yếu từ điểm nhìn và ý nghĩ của nhân vật ông hoạ sĩ*-> không phải là nhân vật chính nhưng nhân vật ông hoạ sĩ có vị trí quan trọng trong truyện.***  - Không sử dụng ngôi kể thứ nhất (Tức là để ông Họa sĩ xưng tôi) – Kể theo ngôi thứ 3 - nhưng tác giả lại đặt điểm nhìn vào nhân vật ông Họa Sĩ, 1 đoạn nhỏ là điểm nhìn của cô kĩ sư.  - Tác dụng: Câu chuyện trở lên chân thực tạo điều kiện làm nổi bật nhân vật và chủ đề tư tưởng của tác phẩm. |
| **Hoạt động 2.** Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu văn bản |  | **1. Nhân vật anh thanh niên**  **a)Vị trí của nhân vật và cách miêu tả của tác giả** |
| -Xác định tình huống xuất hiện nhân vật anh thanh niên ? Nhân vật có vị trí ntn và cách miêu tả của tác giả? | -HS trả lời | Anh thanh niên là nhân vật chính của truyện, nhân vật này không xuất hiện ngay từ đầu truyện mà chỉ **hiện ra trong cuộc gặp gỡ giữa các nhân vật kia với anh**, khi xe của họ dừng lại nghỉ. Nhân vật ấy chỉ **hiện ra trong chốc lát**, đủ để các nhân vật khác kịp ghi nhận một ấn tượng, một “kí hoạ chân dung’’ về anh rồi dường như anh lại khuất lấp vào trong mây mù bạt ngàn và cái lặng lẽ muôn thuở của núi cao Sa Pa***. Nhân vật anh thanh niên hiện ra để cho mọi người cảm nhận được rằng “Trong cái lặng im của Sa Pa (…), Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước’’.***  -**Nhân vật anh thanh niên được hiện ra qua sự nhìn nhận, suy nghĩ, đánh giá của các nhân vật khác**: bác lái xe, ông hoạ sĩ, cô gái. Qua cách nhìn và cảm xúc của mỗi người, hình ảnh anh thanh niên thêm rõ nét và đáng mến hơn |
| 1. **Hoạt động luyện tập (10 phút)** | | |
| Cảm nhận về vẻ đẹp thiên nhiên SaPa | Cá nhân |  |
| 1. **Hoạt động vận dụng (3 phút)** | | |
| Tìm các văn bản khác cũng có chung đề tài |  |  |
| 1. **Hoạt động tìm tòi, mở rộng (2 phút)** | | |
| Chuẩn bị nội dung tiếp theo |  |  |

**\* Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**TIẾT 2:**

**1. Ổn định tổ chức** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ : lồng ghép trong tiết dạy**

#### 3. Bài mới

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động của HS** | | | **Nội dung cần đạt** |
| 1. **Hoạt động khởi động (5 phút)** | | | | |
| Giới thiệu về video về cuộc sống lao động sản xuất thời kì xây dựng CNXH ở miền Bắc | Lắng nghe | | |  |
| 1. **Hoạt động hình thành kiến thức (25 phút)** | | | | |
| **Tiếp hoạt động 2** Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu tiếp văn bản |  | | | **b)Những nét đẹp của nhân vật** |
| -Trình bày hoàn cảnh sống và làm việc của người thanh niên? | -Học sinh trả lời | | | -**Hoàn cảnh sống và làm việc**: **một mình trên núi cao**, quanh năm suốt tháng giữa có cây và mây núi Sa Pa.  -**Công việc** của anh là “đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, **dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu**’’. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao  -Nhưng cái **gian khổ nhất là phải vượt qua được sự cô đơn, vắng vẻ**, quanh năm suốt tháng một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người-một hoàn cảnh thật đặc biệt. |
| +Cái gì giúp anh vượt qua được hoàn cảnh ấy? | -HS trả lời | | | +Trước hết đó là **ý thức về công việc của mình và lòng yêu nghề**, thấy được công việc thầm lặng ấy là có ích cho cuộc sống, cho mọi người. |
| +Anh có suy nghĩ ntn về công việc của mình? | -HS trả lời | | | +Anh đã **có những suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc** đối với cuộc sống con người: “… khi ta làm việc… buồn đến chết mất’’. |
|  |  | | | +Cuộc sống anh không cô đơn, buồn tẻ còn vì anh có một nguồn vui khác nữa ngoài công việc-đó là **niềm vui đọc sách** mà anh thấy như lúc nào cũng có người bạn để trò chuyện.  +Anh **tổ chức, sắp xếp cuộc sống một mình ở trạm khí tượng thật ngăn nắp, chủ động**: nào trồng hoa, nào nuôi gà, tự học và đọc sách ngoài giờ |
| +Ở người thanh niên ấy còn có những nét tính cách và phẩm chất đáng mến nào nữa? | -HS thảo luận lớp | | | ->Chỉ bằng một số chi tiết và chỉ cho xuất hiện trong khoảnh khắc của truyện, tác giả đã phác hoạ được **chân dung nhân vật chính với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc.** |
| -Cho HS đọc lại những đoạn viết về ông hoạ sỹ. | -HS đọc | | | **2. Nhân vật ông hoạ sĩ và các nhân vật phụ khác**  **a)Nhân vật ông hoạ sĩ** |
| - Xác định vai trò của nhân vật ông hoạ sĩ, những điều tác giả muốn gửi gắm trong những suy nghĩ của nhân vật này về con người, về nghệ thuật? | -HS trả lời | | | -Tuy không dùng cách kể từ ngôi thứ nhất, nhưng hầu như **người kể chuyện đã nhập vào cái nhìn và suy nghĩ của nhân vật ông hoạ sĩ để quan sát và miêu tả** từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính của truyện-người thanh niên.  -Ngay từ những phút đầu gặp anh thanh niên, bằng sự từng trải nghề nghiệp và niềm khao khát của người nghệ sĩ đi tìm đối tượng của nghệ thuật, ông đã xúc động và bối rối: “Vì hoạ sĩ …ý sáng tác…’’.  -Ông hoạ sĩ **muốn ghi lại hình ảnh anh thanh niên bằng nét bút kí hoạ**, và “Người con trai… điều anh suy nghĩ…’’.  -Những xúc cảm và suy tư của nhân vật họa sĩ về người thanh niên và về những điều khác nữa (ví dụ về nghệ thuật với cả sức mạnh và sự bất lực của nó, về mảnh đất Sa Pa…) được gợi lên từ câu chuyện của thanh niên đã làm cho chân dung nhân vật chính thêm sáng đẹp và chứa đựng những chiều sâu tư tưởng. |
|  |  | | | **b)Các nhân vật khác** |
| -Các nhân vật phụ khác góp phần tô đậm hình ảnh người thanh niên trong truyện ntn?  ( Cho HS vẽ bản đồ tư duy) | -HS vẽ bản đồ tư duy và trình bày | | | **-Nhân vật cô kĩ sư**: **Cuộc gặp gỡ bất ngờ** với anh thanh niên, những điều anh nói, cả chuyện anh kể về những người khác đã **khiến cô “bàng hoàng**’’, ***“cô hiểu thêm cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên về cái thế giới những con người như anh’’ và quan trọng hơn nữa là về con đường mà cô đã lựa chọn, cô đang đi tới (việc lên công tác ở miền núi). Đây là cái “bàng hoàng’’ đáng lẽ cô phải biết khi yêu, nhưng bây giờ cô mới biết, nó còn giúp cô đánh giá đúng hơn mối tình nhạt nhẽo mà cô đã từ bỏ và yên tâm hơn về quyết định đó của mình.*** **Đó là sự bừng dậy của những tình cảm lớn lao, cao đẹp khi người ta gặp được những ánh sáng đẹp đẽ toả ra từ cuộc sống, từ tâm hồn của người khác**.  Cùng với sự “bàng hoàng’’ ấy là một tình cảm hàm ơn với người thanh niên, không phải chỉ vì bó hoa to mà anh tặng cô một cách hết sức vô tư, mà còn vì “một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô’’.  **-Nhân vật bác lái xe**: Qua lời kể của nhân vật này,**(làm cho) ông hoạ sĩ và cô gái** trong truyện cũng như người đọc **được kích thích sự chú ý, đón chờ sự xuất hiện của anh thanh niên**-nhân vật chính của truyện ***mà theo lời của bác lái xe là: “1 trong những người cô độc nhất thế gian’’. Cũng qua lời kể của bác mà ta biết được những nét sơ lược về nhân vật chính và nỗi “thèm’’ đựơc gặp người của anh khi mới lên sống một mình trên đỉnh núi cao quanh năm lạnh lẽo, chỉ có cây cỏ và mây mù.***  ->**Thông qua những cảm xúc và suy nghĩ cùng thái độ cảm mến của các nhân vật phụ, hình ảnh nhân vật anh thanh niên được hiện ra càng rõ nét và đẹp hơn, chủ đề tác phẩm được mở rộng thêm**, gợi ra nhiều ý nghĩa như là đã được lọc qua thứ ánh sáng tâm hồn trong trẻo và rực rỡ khiến hình ảnh ấy rạng rỡ hơn, ánh lên nhiều sắc màu hơn. Đây là một thủ pháp nghệ thuật mà tác giả đã sử dụng thành công trong việc xây dựng nhân vật chính của truyện. |
|  | | | | |
| **Hoạt động 3**:Hướng dẫn HS tổng kết | | |  | **III. Tổng kết** |
| -Trong truyện ngắn này có sự kết hợp của các yếu tố trữ tình, bình luận với tự sự. | | | -HS trả lời |  |
| Em hãy chỉ ra các chi tiết tạo nên chất trữ tình của tác phẩm và nêu tác dụng của chất trữ tình đó? | | | -HS vẽ bản đồ tư duy | **1. Chất trữ tình của truyện**  ***Một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn và góp vào thành công của truyện “Lặng Lẽ Sa Pa” là trữ tình.***  -**Chất trữ tình toát lên từ những phong cảnh thiên nhiên đẹp và đầy thơ mộng của Sa Pa***được miêu tả qua cái nhìn của người họa sĩ già, nó còn thấm đượm vẻ đẹp của cuộc sống một mình giữa thiên nhiên lặng lẽ của nhân vật anh thanh niên, trong cuộc gặp gỡ tình cờ của ba nhân vật mà để lại nhiều dư vị, trong những suy nghĩ về con người, về cuộc sống, về nghệ thuật của các nhân vật.*  -Nhưng **chất trữ tình của truyện toát lên chủ yếu từ nội dung truyện**: *từ cuộc gặp gỡ tình cờ mà để lại nhiều dư vị trong lòng mỗi người, từ những nét đẹp giản dị rất đáng mến của người thanh niên, từ những câu chuyện anh kể về cuộc sống của mình giữa lặng lẽ Sa Pa, và từ những tình cảm, cảm xúc mới nảy nở của ông hoạ sĩ, cô kĩ sư với anh thanh niên.* |
|  | | | | |
| -Cho HS nêu chủ đề của truyện? | | | -HS trả lời | \***Chủ đề** : **Truyện “Lặng Lẽ Sa Pa” ngợi ca những con người lao động** như anh thanh niên làm công tác khí tượng và cái thế giới những con người như anh. ***Tác giả muốn nói với người đọc: “Trong cái lặng im của Sa Pa (…), có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước’’.***  Đồng thời qua câu chuyện về anh thanh niên, tác phẩm cũng **gợi ra những vấn đề về ý nghĩa và niềm vui của lao động tự giác, vì những mục đích chân chính đối với con người.** |
| -Gọi HS đọc ghi nhớ SGK tr 189 | | | -HS đọc | **\*Ghi nhớ :** SGK tr 189 |
| 1. **Hoạt động luyện tập – vận dụng (13 phút)** | | | | |
| **Hoạt động 4**:Hướng dẫn HS làm bài luyện tập SGK tr 190 để củng cố kiến thức (Bảng phụ hoặc máy chiếu) | |  | | **IV. Luyện tập** |
| **Bài 1 :** Cho HS vẽ bản đồ tư duy theo nhóm  -Cho các nhóm trình bày | | -HS trao đổi nhóm vẽ bản đồ tư duy  -HS trình bày | | **Bài 1:**  Vẽ bản đồ tư duy về 1 trong 2 nhân vật : anh thanh niên và ông hoạ sỹ |
| -Cho HS làm bài tập 2 (bài thêm ) | | -HS đọc và trả lời miệng | | **Bài 2** : Cho HS đọc lại những đoạn tả cảnh Sa Pa qua cái nhìn của nguời hoạ sĩ ở phần đầu và phần cuối truyện và nêu cảm nhận của mình về vẻ đẹp của những bức tranh thiên nhiên ấy? |
| 1. **Hoạt động tìm tòi, mở rộng (2 phút)** | | | | |
| Viết bài tập làm văn số 3 | |  | |  |

**\* Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 74, 75:**

**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3**

***( Văn tự sự )***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức**

- Biết vận dụng những kiến thức đã học để thực hành viết một bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm bằng nghị luận.

**2. Kĩ năng:** Rèn luyện kĩ năng diễn đạt, trình bày.

**3. Thái độ**: Nghiêm túc, tự giác.

**4. Năng lực**

\* Năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo

\* Năng lực riêng

- Năng lực tạo lập văn bản

**B. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Đọc tài liệu, soạn giáo án, ra đề bài.

**2. Học sinh**: Học bài cũ, chuẩn bị viết bài.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh**

**3. Phát đề**

**4. Thu bài**

**5. Hướng dẫn tự học và chuẩn bị bài:**

- Nắm vững đặc điểm văn bản tự sự.

- Chuẩn bị bài *Người kể chuyện trong văn bản tự sự*.

**\* Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 76:**

**ĐỌC THÊM: NGƯỜI KỂ CHUYỆN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức**

HiÓu vµ nhËn diÖn ®­îc thÕ nµo lµ ng­êi kÓ chuyÖn, vai trß vµ mèi quan hÖ gi÷a ng­êi kÓ víi ng«i kÓ trong v¨n b¶n tù sù.

**2. Kĩ năng:** RÌn luyÖn kÜ n¨ng nhËn diÖn vµ tËp kÕt hîp c¸c yÕu tè nµy trong khi ®äc còng nh­ trong khi viÕt v¨n.

**3. Thái độ**: Nghiêm túc, tự giác.

**4. Năng lực**

*\* Năng lực chung*

- Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

*\* Năng lực riêng*

*-* Năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực thưởng thức văn học / cảm thụ thẩm mỹ

**B. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Đọc tài liệu, soạn giáo án.

**2. Học sinh**: Học bài cũ, chuẩn bị viết bài.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong tiết dạy.

**3. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | Hoạt động của HS | Nội dung cần đạt |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3’)** | | |
| HS kể diễn cảm truyện ngắn « Chiếc lược ngà » | Lắng nghe |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIÊN THỨC (30’)** | | |
| **HĐ 1: Tìm hiểu người kể trong văn tự sự** |  | **I. Người kể trong văn tự sự** |
|  | HS ®äc ®o¹n v¨n SGK vµ giíi thiÖu xuÊt xø ®o¹n v¨n? | 1. VÝ dô:  §o¹n trÝch trong truyÖn *LÆng lÏ Sa Pa* |
|  | - NguyÔn Thµnh Long |
|  | HS trao ®æi vµ th¶o luËn c¸c c©u hái trong SGK. |  |
| GV: Trong c©u a: ChuyÖn kÓ vÒ ai? VÒ viÖc g×? | \* KÓ vÒ phót chia tay gi÷a c« kü s­ trÎ, «ng ho¹ sÜ giµ vµ anh thanh niªn. |
| GV: Trong c©u b: (HS dùa vµo gîi ý SGK tr¶ lêi):  Ai lµ ng­êi kÓ chuyÖn? V× sao? NÕu lµ mét trong 3 nh©n vËt trong ®o¹n v¨n th× ng«i kÓ vµ ®o¹n v¨n ph¶i thay ®æi nh­ thÕ nµo? | - Ng­êi kÓ vÒ phót chia tay trong ®o¹n v¨n ®ã kh«ng xuÊt hiÖn, dÜ nhiªn lµ kh«ng ph¶i mét trong ba nh©n vËt ®­îc nh¾c tíi trong ®o¹n v¨n.  -V× nÕu lµ mét trong ba nh©n vËt trong ®o¹n v¨n trªn th× ng«i kÓ ph¶i thay ®æi - lêi v¨n ph¶i thay ®æi. |
|  |  |
|  |  | - Trong ®o¹n v¨n, c¸c nh©n vËt ®Òu trë thµnh ®èi t­îng miªu t¶ kh¸ch quan. |
|  |  | VÝ dô: |
|  |  | + Anh thanh niªn võa vµo, kªu lªn… |
|  |  | + C« kü s­ nhÕch mÐp, mÆt ®á öng… |
|  |  | + Bçng ng­êi ho¹ sÜ giµ quay l¹i… |
|  |  | Ng­êi kÓ chuyÖn kh«ng xuÊt hiÖn trong ®o¹n v¨n - kh¸ch quan kÓ l¹i (ng«i thø 3). |
|  |  | \* Nh­ vËy, nÕu ng­êi kÓ lµ mét trong ba nh©n vËt trªn th× ph¶i thay ®æi ng«i kÓ: x­ng “t«i” hoÆc x­ng tªn 1 trong 3 nh©n vËt ®ã, do vËy lêi v¨n dÉn d¾t ph¶i thay ®æi theo cho phï hîp víi ng«i kÓ. |
|  |  | Ng­êi kÓ chuyÖn ë ®©y lµ v« nh©n x­ng kh«ng xuÊt hiÖn trong c©u chuyÖn (cã thÓ hiÓu lµ ng«i thø 3). |
| *? C©u hái c*: Nh÷ng c©u: |  |  |
| (1) “Giäng c­êi nh­ng ®Çy tiÕc rÎ”… |  | Lµ lêi nhËn xÐt cña ng­êi kÓ chuyÖn vÒ anh thanh niªn vÒ suy nghÜ cña anh. |
| (2) “Nh÷ng ng­êi con g¸i s¾p xa ta, kh«ng biÕt bao giê gÆp ta n÷a, hay nh×n ta nh­ vËy…” lµ nhËn xÐt cña ng­êi nµo vÒ ai? |  |  |
|  |  | \* Còng cã khi ng­êi kÓ nhËn xÐt kh¸ch quan, cã khi nhËp vai vµo mét (ng«i thø 1). |
|  |  | - C©u nhËn xÐt thø (2) ng­êi kÓ chuyÖn nh­ nhËp vai vµo nh©n vËt anh thanh niªn ®Ó nãi hé nh÷ng suy nghÜ vµ t×nh c¶m cña anh, tuy nhiªn vÉn lµ c©n trÇn thuËt (c©u kÓ) cña ng­êi kÓ chuyÖn. C©u nãi ®ã kh«ng ®¬n thuÇn lµ nãi hé t©m tr¹ng cña anh thanh niªn mµ lµ tiÕng lßng, t©m tr¹ng cña nhiÒu ng­êi trong t×nh huèng ®ã. NÕu ®©y chØ lµ c©u nãi cña anh thanh niªn th× tÝnh kh¸i qu¸t sÏ bÞ mÊt ®i (hoÆc h¹n chÕ nhiÒu). |
| GV yªu cÇu häc sinh th¶o luËn: *Ng­êi kÓ chuyÖn c¨n cø vµo ®©u ®Ó cã thÓ nhËn xÐt vÒ t©m tr¹ng, c¶m xóc, hµnh ®éng cña c¸c nh©n vËt?* |  | \* Ng­êi kÓ c¨n cø vµo chñ thÓ ®øng ra kÓ c©u chuyÖn, ®èi t­îng ®­îc miªu t¶, ng«i kÓ, ®iÓm nh×n vµ lêi v¨n,… ®Ó nhËn xÐt vÒ t©m tr¹ng, c¶m xóc, hµnh ®éng cña c¸c nh©n vËt. |
|  |  | Tõ ®ã, ng­êi kÓ nh­ thÊy hÕt vµ biÕt tÊt c¶ mäi viÖc, mäi ng­êi, mäi ho¹t ®éng, t©m t­, t×nh c¶m cña c¸c nh©n vËt. |
| GV: Nh­ vËy trong ®o¹n v¨n trªn ng­êi kÓ kh«ng hÒ xuÊt hiÖn, nh­ng ta vÉn c¶m nhËn ®­îc g×? |  | Ng­êi kÓ tuy kh«ng xuÊt hiÖn nh­ng l¹i cã mÆt ë hÇu hÕt c¸c phÇn, c¸c c©u trong ®o¹n, lµ ng­êi hiÓu biÕt mäi viÖc vÒ c¸c nh©n vËt, kÓ, nhËn xÐt, ®¸nh gi¸ vÒ hä. |
|  |  | **2. Bµi häc** |
| GV kh¾c s©u cho häc sinh. |  | \* Ng­êi kÓ chuyÖn lµ ng­êi ®øng ra kÓ c©u chuyÖn trong t¸c phÈm. |
|  |  | \* Ng­êi kÓ chuyÖn xuÊt hiÖn d­íi nhiÒu h×nh thøc kh¸c nhau, ng«i kÓ kh¸c nhau. |
|  |  | + V« nh©n x­ng; |
|  |  | + NhËp vµo vai mét nh©n vËt trong truyÖn; |
|  |  | + Khi th× ë ng«i thø 1; |
|  |  | + Khi th× ë ng«i thø 3; |
|  |  | \* Ng­êi kÓ chuyÖn tr×nh bµy sù viÖc g¾n víi ®iÓm nh×n nµo ®ã (®iÓm nh×n lµ vÞ trÝ quan s¸t cña ng­êi kÓ). |
|  |  | Cã 3 lo¹i ®iÓm nh×n: |
|  |  | + §iÓm nh×n bªn trong: th«ng qua ®«i m¾t cña mét nh©n vËt. |
|  |  | + §iÓm nh×n bªn ngoµi: quan s¸t bªn ngoµi kh¸ch quan. |
|  |  | + §iÓm nh×n thÊu suèt: ®iÓm nh×n cã mÆt ë kh¾p n¬i, thÊy mäi ho¹t ®éng, hiÓu hÕt mäi t©m t­ t×nh c¶m cña c¸c nh©n vËt ®¸nh gi¸ vÒ hä. |
|  |  | \* Kh«ng nªn ®ång nhÊt ng­êi kÓ chuyÖn víi t¸c gi¶, ngay c¶ khi ng­êi kÓ x­ng “t«i”. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (10’)** | | |
| **Hoạt động 2: Luyện tập**  - Yêu cầu học sinh đọc đoạn trích trong SGK  - So với đoạn trích ở mục I, cách kể ở đoạn trích này có gì khác?  Gợi ý: Người kể chuyện ở đây là ai? Ngôi kể này có ưu điểm và hạn chế gì so với ngôi kể ở đoạn trên?  - Chọn một trong ba nhân vật (người họa sĩ, anh thanh niên hoặc cô kĩ sư nông nghiệp) là người kể chuyện, sau đó chuyển đoạn văn trích ở mục I thành một đoạn khác, sao cho nhân vật, sự kiện và cách kể phù hợp với ngôi kể thứ nhất. | - Hs đọc  - Hs trả lời  - Hs suy nghĩ, làm bài. | **II. Luyện tập**  a. Ngôi kể thứ nhất (người kể chuyện xưng “tôi” là nhân vật bé Hồng)  - Ưu điểm: Giúp nhân vật dễ dàng bộc lộ cảm xúc của bản thân.  - Nhược điểm: Nhân vật khó có thể kể chuyện ở nhiều không gian khác nhau.  b. Học sinh tự làm |
| **D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI - MỞ RỘNG (1’)** | | |
| - Chuẩn bị bài *Chiếc lược ngà* |  |  |

**\* Rút kinh nghiệm:**

................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

***Tiết 77:***

**CHIẾC LƯỢC NGÀ**

***(Nguyễn Quang Sáng)***

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức:***

- Cảm nhận được tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của cha con ông Sáu trong truyện.

- Nắm được nghệ thuật xây dựng tâm lí nhân vật đặc biệt là nhân vật bé Thu, nghệ thuật xây dựng tình huống truỵên bất ngờ, tự nhiên của tác giả.

***2. Kĩ năng:***Rèn luyện kĩ năng nhận diện và tập kết hợp các yếu tố này trong khi đọc cũng như khi viết văn.

***3. Thái độ:*** Giáo dục thái độ sống đúng đắn, cảm phục và quý trọng người lao động.

**4. Năng lực**

*\* Năng lực chung*

- Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

*\* Năng lực riêng*

*-* Năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực thưởng thức văn học / cảm thụ thẩm mỹ

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên**: Đọc tài liệu, soạn giáo án.

**2. Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

**C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**1. Ổn định tổ chức:** (1’)

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong tiết dạy

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của Hs** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (1’)** | | |
| - Gv cho học sinh nghe bài hát về tình cha con.  - Gv giới thiệu bài | - Hs lắng nghe |  |

1. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (30’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động I:**  Giáo viên: Trình bày những hiểu biết của em về Nguyễn Quang Sáng?  Giáo viên: giới thiệu chân dung nhà văn nhấn mạnh một số đặc điểm tiêu biểu về tác giả và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Quang Sáng?  Cho biết tình huống truyện? tình huống đó có tác dụng gì trong việc thể hiện tình cha con?  **Hoạt động II:**  Giáo viên: Hướng dẫn đọc, tóm tắt.  Giáo viên: Giới thiệu phần đầu tác phẩm  - Đọc mẫu ⭢Học sinh đọc  Diễn biến tâm lí của bé Thu được chia làm mấy giai đoạn? ( Hai giai đoạn: Khi chưa nhận cha và khi đã nhận ra cha)  Phút đầu gặp mặt hai người khách lạ tình cảm, thái độ của bé thu thể hiện như thế nào:  Giáo viên: Những từ ngữ hình ảnh nào chứng tỏ bé Thu không nhận anh Sáu là cha và chỉ ra diễn biến tâm lý đang diễn ra trong lòng cô bé?  Giáo viên: Phản ứng tâm lý đó của bé Thu diễn ra trong mấy hoàn cảnh cụ thể? Phân tích tâm lý Thu trong từng hoàn cảnh đó?  - Vì sao bé Thu có phản ứng đó? Có phải em hỗ láo với ba không? | - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs đọc  - Hs trả lời  - Hs trả lời | **I. Tìm hiểu chung:**  ***1 . Tác giả:***  - Quê ở An Giang.  - Là nhà văn quân đội, trưởng thành trong quân ngũ từ 2 cuộc kháng chiến của dân tộc.  - Thường viết về cuộc sống và con người Nam Bộ.  ***2. Tác phẩm:***  Sáng tác năm 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ.  ***3 .Đọc:***  ***4.Tóm tắt:***  ***5.Tìm hiểu tình huống truyện:***  ***­***- Truyện gồm 2 tình huống:  + Hai cha con gặp nhau ... bé Thu không nhận ra cha đến lúc nhận ra...ông Sáu phải ra đi ⭢tình huống cơ bản  + Ở căn cứ ông Sáu ... làm chiếc lược ngà tặng con ... ông hi sinh khi chưa kịp trao món quà cho con.  **=>** Thểhiện tình cha con sâu nặng trong cảnh ngộ éo le.  **II. Tìm hiểu chi tiết:**  ***1 . Diễn biến tâm lý và tình cảm của bé Thu trong lần ông Sáu về thăm nhà:***  a.Thái độ và hành động của Thu trước khi nhận ông Sáu là cha:  - Khi ông Sáu định ôm hôn con 🠖Thu hốt hoảng, tái mặt, bỏ chạy, thét lên  ⇨ Sự sợ hãi xa lánh  - Gọi trống không, không chịu kêu ba, không chịu nhờ chắt nước cơm giùm, hất cái trứng cá, bỏ sang nhà ngoại 🠖tỏ thái độ ương ngạnh, bất cần.  ⇨ Cá tính mạnh mẽ, tình cảm sâu sắc và chân thật với người ba 🠖tâm lý tự nhiên. |

1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (12’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Phát phiếu bài tập  - Yêu cầu học sinh viết đoạn tóm tắt văn bản | - Hs làm bài |  |

1. **HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (1’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Đọc lại toàn bài văn.  - Diễn biến tâm lý và tình cảm của Thu trước khi nhận ông Sáu là cha.  - Chuẩn bị học tiếp phần còn lại. | - Hs làm bài |  |

**\*.Rút kinh nghiệm:**

................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

***Tiết 78:***

**CHIẾC LƯỢC NGÀ *( Tiết 2)***

***(Nguyễn Quang Sáng)***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức:***

- Cảm nhận được tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của cha con ông Sáu trong truyện.

- Nắm được nghệ thuật xây dựng tâm lí nhân vật đặc biệt là nhân vật bé Thu, nghệ thuật xây dựng tình huống truỵên bất ngờ, tự nhiên của tác giả.

***2. Kỹ năng:*** - Rèn luyện kĩ năng đọc diễn cảm, biết phát hiện những chi tiết nghệ thuật đáng chú ý trong một truyện ngắn.

***3. Thái độ:*** Giáo dục tình cảm gia đình.

**4. Năng lực**

*\* Năng lực chung*

- Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

*\* Năng lực riêng*

*-* Năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực thưởng thức văn học / cảm thụ thẩm mỹ

**B. CHUẨN BỊ:**

***1. Giáo viên:*** Soạn giáo án.

***2. Học sinh*:** Đọc ví dụ, trả lời câu hỏi ở sgk.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:** **(1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động**  **của học sinh** | **Nội dung**  **cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 3’)** | | |
| - Thi đua giữa các dãy  ? Tìm những tác phẩm viết về tình cảm gia đình | Cả lớp chơi theo sự hướng dẫn của quản trò | - Đọc được những tác phẩm viết về tình cảm gia đình: ca dao, thơ, truyện |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động I:**  Giáo viên: Buổi sáng cuối cùng khi ông Sáu lên đường, thái độ và hành động của bé Thu thay đổi như thế nào?  - Hình dung và phân tích tâm trạng, tình cảm của Thu khi gọi và ôm ba? Vì sao Thu có sự thay đổi đó?  - Nếu chứng kiến cảnh này, em sẽ cảm thấy như thế nào? (Xúc động)  - Lí giải tâm trạng của người kể chuyện “như có bàn tay ai nắm lấy trái tim mình”?  Giáo viên: Em hiểu gì về nhân vật bé Thu qua đoạn trích? Đánh giá như thế nào về nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả?  - Lần đầu tiên gặp con anh Sáu đã biểu lộ những cảm xúc như thế nào?  ? Trước phản ứng của bé Thu tâm trạng anh như thế nào?  - Những ngày sau đó tâm trạng của anh ra sao?  - Tâm trạng của anh Sáu trong buổi chia tay?  - Suy nghĩ của em về tình cảm ấy?  Giáo viên: Câu chuyện gợi cho em suy nghĩ gì về chiến tranh và cuộc sống tâm hồn người lính?  **Hoạt động II:**  Giáo viên: Nhận xét về nghệ thuật trần thuật của tác giả.  - Hiểu gì về ý nghĩa câu  chuyện?  Học sinh: Đọc ghi nhớ. | - Hs trả lời  - Hs khá – giỏi  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs khá – giỏi | **II. Tìm hiểu văn bản:**  ***1. Diễn biến tâm lý và tình cảm của bé Thu trong lần cha về thăm nhà:***  b. Thái độ và hành động của Thu khi nhận ra ông Sáu là cha:  - Thái độ: khuôn mặt sầm lại, đôi mắt mênh mông.  - Hành động: gọi thét “Ba!”, chạy đến ôm chầm, bíu chặt không muốn rời.  -> hành động thay đổi đột ngột và đối lập. Sự nghi ngờ về cha đã được giải toả, ân hận hối tiếc vì sự đối xử trước, tình yêu và nỗi nhớ mong bùng ra hối hả, mạnh mẽ, cuống quýt.  => là cô bé có cá tính mạnh mẽ, dứt khoát nhưng hồn nhiên, chân thật và giàu tình cảm.  ***2. Tình cha con sâu nặng ở ông Sáu:***  - Không kịp để thuyền cập bến anh Sáu đã nhảy lên bờ, thấy con anh rất xúc động, giọng anh run run, anh mong được ôm ấp, vỗ về con -> anh háo hức, mong chờ được gặp con.  - Hụt hẫng, đau đớn.  - Anh cố gắng gần gủi con, mong bù đắp cho con những tình cảm khi xa cách nhưng anh càng gần gủi con bé càng bướng bỉnh, lạnh lùng điều đó làm anh rất buồn và khổ tâm.  - Khi ở chiến trường khu căn cứ: ân hận vì đã đánh con, làm cây lược ngà rất kì công, hi sinh khi chưa kịp trao lược cho con gái.  ⇨ Thấm thía những mất mát đau thương, éo le mà chiến tranh đã mang đến cho bao người, bao gia đình.  **III. Tổng kết:**  ***1. Nghệ thuật:***  - Cốt truyện chặt chẽ, tình huống bất ngờ.  ***2. Nội dung***: Ghi nhớ (sgk). |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (10’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **-** Viết một đoạn văn nêu suy nghĩ về tính triết lí trong câu: *Chỉ có tình cha con là không thể chết được (*Trích *Chiếc lược ngà* - Nguyễn Quang Sáng) | - Hs lập ý trong đoạn văn và trình bày | **IV. Luyện tập:**  \* Gợi ý:  - Giải thích: đây là một trong những tình cảm thiêng liêng, không thể chia cắt  Chứng minh:  - Những ngày cha ở bên, Thu không chịu nhận ba.  - Nguyên nhân không nhận: vì vết sẹo.  - Thái độ khi chia tay: thay đổi hoàn toàn (dẫn chứng) |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Kể tóm tắt và diễn cảm văn bản | - Hs kể |  |

**E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (1’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên truyện *Chiếc lược ngà* có liên quan như thế nào đến nội dung câu chuyện này?  - Học bài, hoàn thành phần luyện tập.  - Chuẩn bị bài *Ôn tập tiếng Việt*. |  |  |

**\*.Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 79:**

**KIỂM TRA THƠ VÀ TRUYỆN HIỆN ĐẠI**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

***- Chủ đề 1:*** Thơ hiện đại Việt Nam.

+ Nắm được các tác giả, tác phẩm thơ hiện đại trong chương trình.

+ Cảm nhận được cái hay của một số đoạn thơ, hình ảnh thơ tiêu biểu.

***- Chủ đề 2:*** Truyện hiện đại Việt Nam.

+ Học sinh nắm được các tác giả, tác phẩm truyện hiện đại.

+ Nắm được nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm.

**2. Kỹ năng:** Rèn kĩ năng phân tích , diễn đạt.

**3. Thái độ:** Nghiêm túc, tự giác.

**4. Năng lực**: đọc – hiểu, phân tích, giải quyết vấn đề, cảm thụ…

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, ra đề, pho to đề..

**2. Học sinh:** Tự ôn tập kiến thức.

**C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra sự chuẩn bị của HS**

**3. Phát đề**

**4. Củng cố:**Thu bài, nhận xét

**5. Hướng dẫn học và chuẩn bị bài:**

**\*.Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 80:**

**CỐ HƯƠNG**

***( Lỗ Tấn)***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Đến với một chuyến về thăm quê của nhân vật “tôi” và thấy được cuộc sống nghèo đói cùng với những nét tiêu cực trong tâm hồn của người nông dân Trung Quốc trong XH phong kiến đầu thế kỉ XX (trước khi cuộc cách mạng nhân dân Trung Hoa ra đời).

- Thấy được màu sắc trữ tình đậm đà của tác phẩm và sự kết hợp nhuần nhuyễn nhiều phương thức biểu đạt trong một tác phẩm tự sự.

**2. Kỹ năng:** Phân tích tình huống, phân tích nhân vật.

**3. Thái độ:** Giáo dục tình yêu quê hương, sự cảm thông với những người có hoàn cảnh bất hạnh.

**4. Năng lực**

*\* Năng lực chung*

- Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

*\* Năng lực riêng*

*-* Năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực thưởng thức văn học / cảm thụ thẩm mỹ

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, đọc tài liệu.

**2. Học sinh:** Đọc tác phẩm, trả lời câu hỏi ở sgk.

**C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong dạy bài mới

**3. Bài mới**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **Hoạt động**  **của học sinh** | **Nội dung**  **cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 3’)** | | |
| - Cho học sinh xem đoạn video giới thiệu về tác giả  - Gv dẫn vào bài: Tình yêu quê hương, đất nước là tình cảm lớn đối với mỗi người, *Cố hương* không chỉ là tình cảm với làng quê mà qua đó nhà văn muốn nói những điều sâu xa hơn thế.. | Cả lớp theo dõi |  |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (27’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung bài học** |
| **Hoạt động I:**  Học sinh: Đọc chú thích sách giáo khoa  ? Em hiểu gì về Lỗ Tấn?  ? Em đánh giá như thế nào về mục đích sống của nhà văn?  Giáo viên: Hướng dẫn học sinh đọc.  Giáo viên: Em hãy tìm bố cục của bài văn?  **Hoạt động II:**  ? Truyện có mấy nhân vật chính? Nhân vật nào là trung tâm? Vì sao?  ? Dòng cảm xúc về con người và cảnh vật quê hương trong lòng nhân vật “tôi” có thống nhất từ đầu đến cuối truyện không?  ? Phát hiện những đối tượng được phản ánh qua cái nhìn của “tôi”?  ? Cảnh vật quê hương và con người được tác giả tái hiện bằng phương thức nào là chủ yếu?  (Đối chiếu, miêu tả)  ? Trong chuyến về thăm quê “tôi” đã gặp những ai?  ? Hình ảnh Nhuận Thổ xuất hiện trước mặt “tôi” so sánh với Nhuận Thổ 20 năm trước đây khác nhau như thế nào?  ? Nghệ thuật đối chiếu được thể hiện nhắm làm nổi bật điều gì?  ? Nhuận Thổ lý giải cuộc sống của mình như thế nào? (mất mùa, thuế má, quan lại hách dịch “chẳng có luật lệ gì cả”)  Gặp lại Nhuận Thổ, “Tôi” có tâm trạng như thế nào?  ? Ngoài Nhuận Thổ, “Tôi” còn gặp những ai? Họ thay đổi như thế nào?  ? Sự thay đổi của Nhuận Thổ và những người hàng xóm nói lên điều gì?  ? Nguyên nhân nào dẫn đến thực trạng đáng buồn đó? | - Hs đọc  - Hs trả lời  - Hs khá – giỏi  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs khá – giỏi  - Hs khá – giỏi  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs khá – giỏi | **I.Tìm hiểu chung:**  ***1.Tác giả - tác phẩm:***  - Lỗ Tấn: nhà tư tưởng nhà văn hoá lớn  - Nhà văn với nhân dân.  - Sự nghiệp: cách mạng + văn chương.  ***2. Đọc văn bản:***  ***3.Bố cục:*** 3 phần  - “Tôi” trên đường về thăm quê (từ đầu 🠖đang làm ăn, sinh sống)  - Những ngày tôi ở quê (tinh mơ sáng hôm sau 🠖sạch trơn như quét)  - “Tôi” trên đường xa quê (còn lại)  **II. Tìm hiểu văn bản:**  ***1.Cảnh vật và con người quê hương qua cái nhìn của nhân vật “tôi”:***   1. ***Cảnh vật:***   - Hiện tại: *xa xa thấp thoáng mấy thôn xóm tiêu điều, hoang vắng, nằm im lìm dưới vòm trời màu vàng úa.*  - Quá khứ: *“Làng cũ tôi đẹp hơn kia”*  🠖Nghệ thuật: vừa kể vừa tả vừa biểu lộ tình cảm; biện pháp nghệ thuật được sử dụng là hồi ức và đối chiếu 🠖tình cảnh sa sút của xã hội Trung Quốc đầu thế kỉ XX.  ***b. Con người:***  \* Nhuận Thổ  - 20 năm trước:  + Là cậu bé khoẻ mạnh, nhanh nhẹn.  + Trang phục đẹp, cổ đeo vòng bạc.  + Hiểu biết nhiều (bẫy chim, bắt tra, vỏ sò, ốc…)  + Nói chuyện tự nhiên vô tư  🠖Một Nhuận Thổ đẹp đẽ đầy sức sống  - Hiên tại:  + Ăn mặc rách rưới  + Nước da vàng sạm, …, vết nhăn sâu hoắm, cặp mắt có mi viền đỏ húp mọng lên, bàn tay thô ráp.  + Lấy dáng điệu cung kính: Bẩm ông!  🠖Tàn tạ, bần hàn, cuộc đời xuống dốc sa sút  ⇨ “Tôi” điếng người đi…  \* Chị Hai Dương:  - Ngày trước xinh đẹp ( người ta gọi chị là “nàng Tây Thi đậu phụ”).  - Nay: Chị trở thành người đàn bà đanh đá, nanh nọc…  \* Những người hàng xóm khác:  Cuộc sống đói nghèo cũng làm mất đi những đức tính tốt đẹp ở họ (…Vừa đưa chân vừa lấy đồ đạc…)  ⇨ Sự sa sút về kinh tế nhất là sự sa sút về diện mạo tinh thần ở những người lao động Trung Quốc đầu thế kỉ XX.  Nguyên nhân:  - Chế độ phong kiến tàn bạo…  - Mất mùa.  - Những tiêu cực còn nằm trong tâm hồn của người nông dân ( Sự ấu trĩ trong nhận thức).  🠖 Kết hợp phương thức tự sự và phương thức nghị luận rất khéo. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG (12’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về *cố hương* ở hiện tại? | - Hs thảo luận nhóm, lập ý | - Hai biện pháp nghệ thuật chính được sử dụng làm hồi ức và đối chiếu. Hai biện pháp đó kết hợp nhuần nhuyễn để làm nổi bật sự thay đổi của con người và cảnh vật đặc biệt là ở nhân vật Nhuận Thổ. Trong sự thay đổi của con người và cảnh vật hai mươi năm về trước Nhuận Thổ là một đứa bé có “Khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, đầu đội mũ lông chiên bé tí tẹo, cổ  đeo vòng bạc sáng loáng…”. Vậy mà hai mươi năm sau “Tuy mình nhận ran gay là Nhuận Thổ nhưng không phải là Nhuận Thổ trong ký ức mình. Anh cap hấp hai trước, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật trước kia nay đổi thành vàng sạm, lại có những nếp nhăn sâu hóm, cặp mắt giống hệt cặp mắt bố anh ngày trươc, mi mắt đỏ húp mọng lên… Anh đội một cái mũ lông chiêm rách tươm, mặt một chiếc áo bông mỏng dính, người co ro cúm rúm, tay cầm một bọc giấy và một tẩu thuốc lá dài. Bàn tay anh cũng không phải là bàn tay mình còn nhớ, hồng hào, lanh lẹn, mập mạp, cứng cáp mà vừa thô kệch vừa nặng nề, nứt nẻ như vỏ cây thông.  - Ngoài sự thay đổi của Nhuận Thổ tác giả còn nói đến sự sa sút về kinh tế, tình cảnh đói nghèo của nhân dân do nạn áp bức tham nhũng nặng nề chủ yếu vẫn là sự thay đổi về diện mạo tinh thần thể hiện qua tính cách của con người như thím Hai Dương, tính cách của những người khách mượn cớ tiện mẹ con “Mình” để “lấy đồ đạc” đặc biệt là tính cách của Nhuận Thổ. Điều làm tác giả đau xót nhất, đau xót đến “điếng người đi” là mối quan hệ giữa Nhuận Thổ và “Mình” |

**D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (2’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Đọc và tóm tắt văn bản.  - Tìm hiểu về tâm trạng của nhân vật tôi. |  |  |

**\*.Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 81:**

**CỐ HƯƠNG *(Tiết 2)***

***( Lỗ Tấn)***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:** *Giúp học sinh:*

- Tiếp tục tìm hiểu tác phẩm để thấy được tâm trạng của “tôi” trong chuyến về thăm quê.

- Nắm được nội dung tư tưởng của truyện.

**2. Kỹ năng:**

- Thấy được màu sắc trữ tình đậm đà của tác phẩm.

**3. Thái độ:** Yêu mến làng quê, gia đình.

**4. Năng lực:**

- Năng lực đọc – hiểu, giải quyết vấn đề, tư duy logic, hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án.

**2. Học sinh:** Đọc văn bản, trả lời câu hỏi ở sgk.

**C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**1. Ổn định tổ chức: (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Lồng ghép trong tiết học

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động**  **của giáo viên** | **Hoạt động**  **của học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. Hoạt động khởi động (4’)** | | |
| Đọc những câu thơ về quê hương | HS đọc thơ | - Lớp học sôi nổi |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới (25’)** | | |
| **Hoạt động I:**  Chỉ ra những câu văn trực tiếp thể hiện suy nghĩ cảm xúc của nhân vật “tôi” trước cảnh và người ở quê hương?  Giáo viên: Cảm xúc khi rời quê của “tôi” biểu hiện như thế nào?  - Suy nghĩ như thế nào về hình ảnh con đường mà nhân vật “tôi” muốn nói ở cuối câu chuyện?  Giáo viên: Nêu nội dung và nghệ thuật của truyện? | HS trả lời cá nhân | **II. Tìm hiểu chi tiết:**  ***1.Cảnh vật và con người quê hương qua cái nhìn của nhân vật “tôi”:***  ***2.Những suy nghĩ, cảm xúc của tôi:***  ***a. Những ngày ở quê:***  - Ngạc nhiên trước sự xuất hiện của Thím Hai Dương, Nhuận Thổ.  - Điếng người đi trước lời chào của Nhuận Thổ.  - Than thở cho gia cảnh của NT  ⇨ Buồn, đau xót trước sự sa sút của những người nơi quê hương.  ***b. Khi rời quê:***  - Lòng không chút lưu luyến, cảm thấy ngột ngạt, lẻ loi 🠖 bức bối, ảo não, buồn đau, thất vọng, nhức nhối.  - Mong cho thế hệ con cháu phải sống cuộc đời mới, cuộc đời chưa từng sống.  - Hình ảnh con đường là biểu hiện một niềm tin vào sự thay đổi xã hội, tìm một con đường mới cho người dân Trung Quốc trong những năm đầu thế kỉ XX  **IV.Tổng kết:**  ***1 .Nội dung***: những rung cảm của “tôi” trước sự thay đổi của làng quê 🠖phê phán xã hội lễ giáo phong kiến 🠖đặt ra con đường đi cho người nông dân.  ***2. Nghệ thuật:***  Diễn biến tâm lý nhân vật |
| **C. Hoạt động ứng dụng (12’)** | | |
| **Thảo luận nhóm**  Ý nghĩa của hình ảnh con đường ở cuối truyện. | HS Thảo luận nhóm | * Con đường đi của tác giả. * Con đường thay đổi cho nhân dân Trung Quốc |
| **D. Hoạt động tìm tòi, sáng tạo (3’)** | | |
| - Em học được gì trong cách kể chuyện của nhà văn Lỗ Tấn?  - Chọn một đoạn văn mà em thích, học thuộc.  - Nắm nội dung nghệ thuật của truyện.  - Học bài, chuẩn bị ôn tập TLV. | - Hs lắng nghe |  |

**\*.Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 82:**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**Qua tiết trả bài giúp học sinh thấy được những lỗi mà mình thường mắc phải và biết được cách để khắc phục những lỗi đó.

**2. Kỹ năng:** Rèn kĩ năng trình bày, diễn đạt, dung từ.

**3. Thái độ:** Tự giác và có ý thức tiếp thu, sửa chữa các sai sót.

**4. Năng lực:**

- Năng lực đọc – hiểu, giải quyết vấn đề, tư duy logic, hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, nhận xét bài làm của học sinh.

**2. Học sinh:** Ôn tập kiến thức theo sự hướng dẫn của giáo viên ở tiết trước

**C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**1. Ổn định tổ chức (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ: Trong khi dạy bài mới**

**3. Bài mới**

**B1. Chữa đề (10’)**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**B2. Nhận xét chung về bài làm của học sinh: (15’)**

\* Ưu điểm

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**\* Tồn tại:**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**B3. Nhận xét cụ thể: (17’)**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**4. Củng cố - Hướng dẫn học và chuẩn bị bài: (2’)**

- Giáo viên nhắc lại các yêu cầu khi làm bài..

- Đọc lại bài, sửa lỗi, xem kĩ lời phê của giáo viên.

- Ôn tập chuẩn bị tốt cho thi học kì.

**\*.Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 83:**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA TIẾNG VIỆT – TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**Qua tiết trả bài giúp học sinh thấy được những lỗi mà mình thường mắc phải và biết được cách để khắc phục những lỗi đó.

**2. Kỹ năng:** Rèn kĩ năng trình bày, diễn đạt, dùng từ.

**3. Thái độ:** Tự giác và có ý thức tiếp thu, sửa chữa các sai sót.

**4. Năng lực:**

- Năng lực đọc – hiểu, giải quyết vấn đề, tư duy logic, hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, nhận xét bài làm của học sinh.

**2. Học sinh:** Ôn tập kiến thức theo sự hướng dẫn của giáo viên ở tiết trước

**C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**1. Ổn định tổ chức (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ: Lồng ghép trong dạy bài mới**

**3. Bài mới**

**I. Trả bài kiểm tra Tiếng Việt (23’)**

**B1. Chữa đề (7’)**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**B2. Nhận xét chung về bài làm của học sinh: (5’)**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**B3. Nhận xét cụ thể: (11’)**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**II. Trả bài TLV số 3 (20’)**

**B1. Chữa đề (5’)**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**B2. Nhận xét chung về bài làm của học sinh: (7’)**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**B3. Nhận xét cụ thể: (8’)**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**4. Củng cố - Hướng dẫn học và chuẩn bị bài (1’)**

- Giáo viên đọc bài hay cho cả lớp nghe.

- Đọc lại bài, sửa lỗi, xem kĩ lời phê của giáo viên.

- Xem các đề văn ở sgk và lập dàn ý

- Ôn tập cho thi học kì.

**\*.Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 84:**

**ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:** *Giúp học sinh:*

- Nắm được các nội dung chính của phần tập làm văn đã học trong Ngữ Văn 9, thấy được tính chất tích hợp của chúng với văn bản chung.

- Thấy được tính kế thừa và phát triển của các nội dung tập làm văn học ở lớp 9 bằng cách so sánh với nội dung các kiểu văn bản đã học ở lớp dưới

**2. Kỹ năng:** Rèn kỉ năng làm văn thuyết minh.

**3. Thái độ:** Tự giác, nghiêm túc.

**4. Năng lực:**

- Năng lực đọc – hiểu, giải quyết vấn đề, tư duy logic, hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án.

**2. Học sinh:** Đọc , trả lời câu hỏi ở sgk.

**C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**1. Ổn định tổ chức (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** lồng ghép trong tiết học

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động**  **của giáo viên** | **Hoạt động**  **của học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. Hoạt động khởi động (5’)** | | |
| - GV cho học sinh chơi trò chơi  Gọi 4 học sinh lên bảng  Câu hỏi: Hãy ghi nhanh lên bảng 5 tác phẩm có thể loại là truyện ngắn  GV nhận xét: Chuyển ý | - 4 HS được chọn lên ghi  - HS khác theo dõi, bổ sung (nếu có) |  |
| **B. Hoạt động thực hành - ứng dụng (35’)** | | |
| PhÇn TLV 9/1 cã nh÷ng néi dung lín nµo? Träng t©m cÇn chó ý ?  VÝ dô thuyÕt minh 1 ng«i chïa cæ ng­êi ta ph¶i kÕt hîp liªn t­ëng, t­ëng t­îng, so s¸nh nh©n ho¸ (nh­ ng«i chïa tù kÓ chuyÖn m×nh) vµ miªu t¶ mµu s¾c, d¸ng vÎ, c¶nh vËt, xung quanh.  Hs t×m vÝ dô **.**  - §/v miªu t¶ néi t©m  - §/v nghÞ luËn  Qu©n Thanh sang x©m lÊn n­íc ta hiÖn ®ang ë Th¨ng Long, c¸c ng­êi ®· biÕt ch­a ?  - §/ v cã sö dông yÕu tè miªu t¶ néi t©m vµ nghÞ luËn.  + Hìi ¬i l·o H¹c ! Th× ra ®Õn lóc cïng l·o còng cã thÓ lµm liÒu nh­ ai hÕt...  Mét con ng­êi nh­ thÕ Êy ! Mét ng­êi ®· khãc v× trãt lõa mét con chã !  Mét ng­êi nhÞn ¨n ®Ó tiÒn...  Cuéc ®êi qu¶ thËt l¹i cø mçi ngµy mét thªm ®¸ng buån.  VÝ dô : ChÞ cèc tøc giËn khi bÞ MÌn trªu  C¸c néi dung VB tù sù ®· häc ë líp 9 cã g× gièng vµ kh¸c so víi c¸c ND vÒ kiÓu VB nµy ®· häc ë líp d­íi.  Hs ®äc c©u 8.  Hs th¶o luËn trao ®æi.  Tr¶ lêi. | HS trả lời cá nhân.  HS thảo luận nhóm  HS trả lời cá nhân.  HS thảo luận nhóm | I. Néi dung «n tËp 1. C¸c ND lín vµ träng t©m.  a. VB thuyÕt minh : träng t©m lµ viÖc kÕt hîp gi÷a thuyÕt minh víi c¸c yÕu tè nghÞ luËn, gi¶i thÝch, miªu t¶.  b. VB tù sù :  - KÕt hîp gi÷a tù sù víi biÓu c¶m vµ mt¶ néi t©m, gi÷a tù sù víi nghÞ luËn  - §èi tho¹i, ®éc tho¹i néi t©m, ng­êi kÓ trong VB tù sù.  2. Vai trß vÞ trÝ t¸c dông cña c¸c biÖn ph¸p NT vµ yÕu tè miªu t¶ trong VBTM.  - Gióp ng­êi ®äc cã høng thó khi t×m hiÓu vÒ ®èi t­îng.  - Tr¸nh ®­îc sù kh« khan, nhµm ch¸n.  3. Ph©n biÖt VBTM cã yÕu tè miªu t¶, tù sù víi v¨n b¶n miªu t¶, tù sù.  \* Gièng : sö dông yÕu tè miªu t¶, tù sù  \* Kh¸c :  -TM : ®¶m b¶o tÝnh kh¸ch quan, khoa häc cung cÊp tri thøc vÒ ®èi t­îng\_ ®¬n ng~  - Miªu t¶ : mang c¶m xóc chñ quan ng­êi viÕt tù sù  - Kh«ng nhÊt thiÕt ph¶i trung thµnh víi sù vËt, cã thÓ t­ëng t­îng, so s¸nh nhiÒu\_ ®a nghÜa  4. V¨n b¶n tù sù líp 9 võa lÆp l¹i, võa n©ng cao  - NhËn diÖn c¸c yÕu tè miªu t¶ néi t©m, nghÞ luËn, ®èi tho¹i, ®éc tho¹i, ng­êi kÓ trong VB tù sù.  - KÕt hîp c¸c ph­¬ng thøc trong 1 VB  - ThÊy ®­îc vai trß vÞ trÝ, t¸c dông cña c¸c yÕu tè miªu t¶ néi t©m, nghÞ luËn, ®èi tho¹i, ®éc tho¹i, cña viÖc thay ®æi c¸c h×nh thøc ng­êi kÓ chuyÖn trong 1 v¨n b¶n tù sù.  \* Vai trß cña miªu t¶ néi t©m vµ nghÞ luËn trong VB tù sù.  - Miªu t¶ néi t©m lµ t¸i hiÖn ~ ý nghÜ, c¶m xóc vµ diÔn biÕn t©m tr¹ng cña n/v → lµm n/v sinh ®éng, s©u s¾c  - NghÞ luËn trong VB tù sù b»ng c¸ch nªu ý kiÕn, nhËn xÐt, cïng ~ lÝ lÏ vµ d/chøng → lµm c©u chuyÖn thªm phÇn triÕt lý s©u s¾c.  5.  \* §èi tho¹i : h×nh thøc ®èi ®¸p trß chuyÖn gi÷a hai hoÆc nhiÒu ng­êi.  \* §éc tho¹i : lêi ng­êi nµo ®ã nãi víi chÝnh m×nh hoÆc nãi víi ai ®ã trong t­ëng t­îng  \* §éc tho¹i néi t©m : ®éc tho¹i kh«ng ph¸t ra thµnh tiÕng.  → ThÓ hiÖn ~ diÔn biÕn t©m lý hÕt søc phøc t¹p trong thÕ giíi néi t©m cña con ng­êi → kh¾c ho¹ n/vËt.  6. Ng«i 3 : Lµng.  Ng«i 1 : DÕ mÌn - ChiÕc l­îc ngµ  7. C¸c néi dung VB tù sù ë líp 9 ®­îc lÆp l¹i vµ n©ng cao so víi c¸c néi dung vÒ kiÓu VB nµy ë líp 6.7.8.  \* Gièng : lÆp l¹i vÒ kiÕn thøc.  - VB tù sù cã kÕt hîp tù sù víi miªu t¶ néi t©m víi biÓu c¶m, nghÞ luËn  \* Kh¸c : n©ng cao vÒ kiÕn thøc vµ kü n¨ng.  §éi tho¹i, ®éc tho¹i néi t©m, ng­êi kÓ chuyÖn vµ vai trß cña ng­êi kÓ chuyÖn  8. Bëi v× trong VB tù sù, c¸c yÕu tè miªu t¶, nghÞ luËn, biÓu c¶m chØ lµ nh÷ng yÕu tè tr¬ nh»m lµm næi bËt ph­¬ng thøc chÝnh lµ ph­¬ng thøc tù sù.  Khi gäi tªn 1 VB ng­êi ta c¨n cø vµo ph­¬ng thøc biÓu ®¹t chÝnh cña VB ®ã trong thùc tÕ khã cã 1 VB nµo chØ vËn dông 1 ph­¬ng thøc biÓu ®¹t duy nhÊt. |
| C. Hoạt động tìm tòi, sáng tạo (4p) | | |
| - Nắm lại cách thuyết minh một đối tượng có sử dụng yếu tố miêu tả.  - Tập viết đoạn thuyết minh có sử dụng yếu tố miêu tả và các biện pháp nghệ thuật.  - Chuẩn bị bài ôn tập tiếp theo | - Hs lắng nghe |  |

**\*.Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 85:**

**ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:** *Giúp học sinh:*

- Nắm được các nội dung chính của phần tập làm văn đã học trong Ngữ Văn 9, thấy được tính chất tích hợp của chúng với văn bản chung.

- Thấy được tính kế thừa và phát triển của các nội dung tập làm văn học ở lớp 9 bằng cách so sánh với nội dung các kiểu văn bản đã học ở lớp dưới

**2. Kỹ năng:** Rèn kỉ năng làm văn thuyết minh và làm văn tự sự.

**3. Thái độ:** Tự giác, nghiêm túc.

**4. Năng lực:**

- Năng lực đọc – hiểu, giải quyết vấn đề, tư duy logic, hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án.

**2. Học sinh:** Đọc , trả lời câu hỏi ở sgk.

**C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**1. Ổn định tổ chức (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** lồng ghép trong tiết học

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động**  **của giáo viên** | **Hoạt động**  **của học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. Hoạt động khởi động (2’)** | | |
| GV cho cả lớp hát tập thể 1 bài | HS hát | Không khí sôi nổi |
| **B. Hoạt động thực hành - ứng dụng (20’)** | | |
| Giáo viên: Cho học sinh đọc câu hỏi sách giáo khoa.  Học sinh: Thảo luận theo câu hỏi:  - Nêu vai trò, tác dụng của miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong văn bản tự sự?  Giáo viên: Giải thích tại sao trong văn bản có đủ các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận mà vẫn gọi đó là văn bản tự sự?  giáo viên: Chuẩn bị bảng phụ cho học sinh lên điền.  Học sinh: Nhận xét.  Giáo viên: Cho học sinh đọc câu hỏi số 10 sách giáo khoa.  Học sinh: Trao đổi, trình bày.  Lớp bổ sung.  Giáo viên: Cho học sinh thảo luận nhóm. | HS đọcvà thảo luận  HS đọc và trả lời cá nhân | **II.Đặc điểm văn bản tự sự:**  1 . Những nội dung liên quan:  - Miêu tả trong văn tự sự.  - Nghị luận trong tự sự.  - Biểu cảm trong tự sự.  - Trong văn bản (tự sự) có đủ các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận mà vẫn gọi đó là văn bản tự sự vì:  + Các yếu tố miêu tả, lập luận, biểu cảm chỉ là hỗ trợ nhằm làm nổi bật phương thức chính.  + Gọi tên văn bản 🠖căn cứ vào phương thức biếu đạt.  + Thực tế khó có một văn bản nào chỉ vận dụng một hình thức biểu đạt.  2. Sơ đồ tổng hợp:  3. Văn bản khi học sinh viết cần làm rõ bố cục 3 phần vì các em đang rèn kĩ năng 🠖tác phẩm văn học là thể hiện sự sáng tạo.  4. Độc thoại, đối thoại 🠖 hiểu sâu hơn về *Truyện Kiều*, truyện *Làng*.  5. Giúp học sinh học tốt hơn khi làm văn kể chuyện, dùng ngôi kể, người kể chuyện, dẫn dắt, xây dựng và miêu tả nhân vật, sự việc. |
| **C. Hoạt động luyện tập – vận dụng (20’)** | | |
| **Hoạt động II:**  Đề bài: Viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và nghị luận.  - Gọi học sinh đọc -> nhận xét -> giáo viên nhận xét.  ***Đề bài:*** Kể lại một lần em mắc lỗi. | HS đọc và thảo luận nhận xét | **II. Luyện tập:**  Học sinh viết đoạn tự sự có kết hợp miêu tả nội tâm và nghị luận.  **Dàn bài:**  ***\* Mở bài:*** Giới thiệu tình huống dẫn đến việc mắc lỗi.  \* Thân bài:  - Em đã mắc lỗi gì? Vì sao phải mắc lỗi?  - Khi em mắc lỗi chỉ mình em biết hay có ai đó bắt gặp?  - Tâm trạng, suy nghĩ của em lúc đó như thế nào?  \* Kết bài: Những suy nghĩ và bài học rút ra từ lần mắc lỗi đó |
| **D. Hoạt động tìm tòi, sáng tạo (2’)** | | |
| - Nắm lại nội dung ôn tập.  - Các nội dung chính của kiểu bài thuyết minh, tự sự.  - Nắm được các yếu tố kết hợp trong văn tự sự.  - Hoàn thành bài viết tự sự có kết hợp với miêu tả và nghị luận. | - Hs lắng nghe |  |

**\*.Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

***Tiết 86, 87:***

**KIỂM TRA TỔNG HỢP HỌC KÌ I**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh kiểm tra lại các kiến thức đã học từ đầu năm

**2. Kỹ năng:** Rèn kĩ năng phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ trong văn chương, cảm thụ nhưng chi tiết hay, hình ảnh đẹp

**3. Thái độ:** Nghiêm túc, tự giác.

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, ra đề kiểm tra, photo đề.

**2. Học sinh:** Tự ôn tập kiến thức chuẩn bị cho kiểm tra.

**C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh**

**3. Phát đề**

**4. Củng cố:**Thu bài, nhận xét

**5. Hướng dẫn học và chuẩn bị bài:** *Tập làm thơ tám chữ.*

**\*.Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 88:**

**TẬP LÀM THƠ TÁM CHỮ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức:***

**-** Học sinh làm quen, nhận diện và làm được bài thơ tám chữ đúng luật.

***2. Kỹ năng:***

***-*** Nhận diện đúng thể thơ và làm được bài thơ tám chữ.

**3. Thái độ:**

**-** Tích cực, sáng tạo trong việc tìm hiểu và làm thơ.

**4. Năng lực:**

- Năng lực đọc – hiểu, giải quyết vấn đề, tư duy logic, hợp tác

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, nghiên cứu về luật thơ, tìm những bài thơ tám chữ.

**2. Học sinh:** Tìm những bài thơ làm theo thể thơ tám chữ, nghiên cứu luật thơ.

**C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**1. Ổn định tổ chức (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ:** lồng ghép trong tiết học

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động**  **của giáo viên** | **Hoạt động**  **của học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. Hoạt động khởi động (2’)** | | |
| Trò chơi: Đọc các bài thơ 8 chữ mà em biết | Đọc thơ | Không khí sôi nổi |
| **B. Hoạt động thực hành - ứng dụng (20’)** | | |
| **HĐ1: Ôn tập về thơ 8 chữ**   * Hãy nhắc lại luật thơ tám chữ?   - Thể thơ tám chữ gần gũi với thể thơ nào trong dân gian?  Thảo luận nhóm:  Hãy đặt tiếp hai câu thơ tám chữ đúng luật để điền tiếp vào hai câu thơ còn thiếu ở sách giáo khoa. (Yêu cầu: Phải phù hợp với cách gieo vần, ngắt nhịp và phù hợp với nội dung, cảm xúc của bài thơ.)  Thời gian: 5 phút  Làm một bài thơ 8 chữ về chủ đề học tập | HS đọcvà thảo luận | **1. Ôn tập về thể thơ tám chữ:**  - Mỗi dòng thơ có tám chữ, số dòng thơ không hạn định,có thể phân theo từng khổ thơ.   * Cách ngắt nhịp linh hoạt có thể tùy theo chủ ý của người viết. * - Gieo vần: Gieo vần chân, có thể là vần liền hoặc vần gián cách.   - Gần với thể hát nói.  - Có thể là  ...  Bâng khuâng hoài những tiếng nói yêu thương.  Học sinh tự tìm những bài thơ được làm theo thể thơ tám chữ đã được học trong chương trình ( Quê hương, Nhớ rừng...) |
| **C. Hoạt động luyện tập – vận dụng (20’)** | | |
| **Hoạt động II: Thực hành**  Chia lớp thành 4 nhóm và làm thơ | HS thảo luận luyện tập | **II. Luyện tập:** |
| **D. Hoạt động tìm tòi, sáng tạo (2’)** | | |
| - Xem lại luật thơ, tìm thêm những bài thơ được làm theo thể thơ tám chữ.  - Tự làm những bài thơ tám chữ đúng luật. | - Hs lắng nghe |  |

**\*.Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

**Tiết 89:**

**Hướng dẫn đọc thêm:**

**NHỮNG ĐỨA TRẺ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

**-** Giúp học sinh biết rung cảm trước tâm hồn trẻ thơ trong sáng, sống thiếu tình thương.

- Thấy được nghệ thuật kể chuyện độc đáo của M. goc-ki.

**2. Kỹ năng:** Phân tích tâm lí nhân vật.

**3. Thái độ:** Yêu mến, cảm thông với những đứa trẻ có hoàn cảnh đặc biệt.

**4. Năng lực:**

- Năng lực đọc – hiểu, giải quyết vấn đề, tư duy logic, hợp tác

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Đọc hồi kí “Thời thơ ấu”.

**2. Học sinh:** Đọc văn bản, trả lời câu hỏi ở sgk.

**C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung kiến thức** |
| **A. Hoạt động khởi động (3’)** | | |
| **Trò chơi:** kể tên các văn bản nước ngoài đã học  - Nhóm nào trả lời được nhiều hơn  - > là nhóm chiến thắng |  |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức** | | |
| **HĐ 1: Tìm hiểu chung**  Gọi học sinh đọc chú thích ở sgk.  Gọi học sinh đọc văn bản, cần đọc đúng giọng của các nhân vật.  Tìm hiểu chú thích  Cho biết ai là người kể chuyện? (Là tác giả).  Cho biết bố cục của văn bản?  **Hoạt động 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản**  Hãy cho biết hoàn cảnh của A-li-ô-sa và những đứa trẻ?  Nhận xét về tình bạn giữa A-li-ô-sa và những đứa trẻ.  Tìm trong văn bản một số hình ảnh của 3 đứa trẻ hàng xóm qua sự cảm nhận tinh tế của A-li-ô-sa?  Học sinh tự phân tích và bình luận về các hình ảnh đó.  **Thảo luận nhóm**  Em có nhận xét gì về hoàn cảnh và cuộc sống của những đứa trẻ trong đoạn trích?  Có thể tìm hiểu nghệ thuật kể chuyện của tác giả qua các yếu tố nào?  Chuyện đời thường và cổ tích được lồng vào nhau qua nghệ thuật kể chuyện của Goc- ki ntn qua các chi tiết liên quan đến những người mẹ và những người bà trong văn bản này?  Tìm những lời nhận xét của A-li-ô-sa về ba đứa trẻ?  **Hoạt động 3: Tìm hiểu phần tổng kết**  Qua đoạn trích này em cảm nhận được điều gì? | Trả lời cá nhân, bổ sung  Đọc, trả lời  Đọc  Trả lời  Trả lời  Trả lời cá nhân  Trả lời cá nhân  Trả lời cá nhân  Làm việc nhóm  Trả lời cá nhân | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả, tác phẩm:**  **2.Tác phẩm**  **a. Chú thích:**  **b. Ngôi kể: Thứ ba**  **c. Bố cục**: Ba phần:  - Từ đầu -> ấn em nó cúi xuống-> Tình bạn tuổi thơ trong sáng.  - Tiếp theo-> không được đến nhà tao-> Tình bạn bị cấm đoán.  - Còn lại-> tình bạn vẫn tiếp diễn.  **II. Hướng dẫn tìm hiểu văn bản:**  **1. Những đứa trẻ đáng thương:**  - A-li-ô-sa: Mồ côi cha, mẹ đi lấy chồng khác, ở với ông bà ngoại, ông ngoại rất khó tính.  - Những đưa trẻ:  Mồ côi mẹ, sống với bố và mẹ kế, ông bố rất độc đoán.   * Đó là những hình ảnh, chi tiết được ghi lại bằng sự quan sát tinh tế và chính xác của A-li-ô-sa.   => Những đứa trẻ thiếu tình thương, thiếu sự chăm sóc của ba mẹ, luôn phải sống trong sự lo âu và sợ hãi.  2.**Tìm hiểu nghệ thuật kể chuyện:**  - Yếu tố đời thường và cổ tích đan xen.  - Những quan sát của nhà văn về ba đứa trẻ con ông đại tá.  - Chuyện đời thường và cổ tích lồng vào nhau qua chi tiết bà dì ghẻ. Khi mấy đứa trẻ vừa nhắc đến mẹ khác thì A-li-ô-sa đã nghĩ ngay đến mụ dì ghẻ đọc ác trong các câu chuyện cổ tích.  - Qua chi tiết người mẹ thật: Mẹ thật của các cậu thế nào rồi cũng về. Chết rồi cơ mà về làm sao được. A—li-ô-sa nnhw lạc ngay vào thế giới cổ tích, em tự nói với chính mình: Không được ư,, trời ơi,, biết bao nhiêu lần...  - Qua hình ảnh người bà nhân hậu, bà ngoại của A-li-ô-sa rất nhân hậu...Khi đứa con lớn của lão đại tá khái quát: có lẽ tất cả các bà đều tôt, bà mình trước đây cũng rất tốt thì trước mắt chúng ta như hiện lên các nhân vật bà nội,, bà ngoại trong các câu truyện cổ tích.  - Ngồi sát vào nhau.  - Ngoan ngoãn những chú ngỗng.  - Dường như nó đã sống trên trái đất hàng trăm năm chứ không phải mười một năm.  => Sự quan sát tinh tế, nhạy cảm.  **III. Tổng kết:**  Đoạn trích đã cho ta thấy tình bạn thời thơ ấu giữa M. goc-ki và những đứa trẻ là một tình bạn trong sáng, bền vững, bất chấp mọi cản trở trong cuộc sống.  IV. Luyện tập  Phần luyện tập SGK |
| **C. Hoạt động luyện tập - vận dụng:** | | |
| - Qua văn bản, em liên hệ tới tác phẩm nào cũng cho thấy hoàn cảnh tội nghiệp của những đứa trẻ. |  |  |
| **D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng** | | |
| - Đọc lại đoạn trích, nắm được hoàn cảnh của những đứa trẻ.  - Phân tích tình bạn của A-li-ô-sa và ba đứa trẻ hàng xóm.  - Chuẩn bị bài: Chương trình địa phương phần văn. |  |  |

**\*Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:..../..../20 Ngày dạy: ...../..../20***

***Tiết 90 :***

**TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:** : Qua tiết trả bài giúp học sinh thấy được những lỗi mà mình thường mắc phải và biết được cách để khắc phục những lỗi đó.

**2. Kỹ năng:** Rèn kĩ năng diễn đạt, dung từ, kĩ năng phân tích nhân vật, đưa dẫn chứng.

**3. Thái độ:** Tự giác và có ý thức tiếp thu, sửa chữa các sai sót.

**4. Năng lực:**

- Năng lực đọc – hiểu, giải quyết vấn đề, tư duy logic, hợp tác

**B. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Soạn giáo án, bài kiểm tra để trả cho học sinh và nhận xét về bài làm của các em.

**2. Học sinh:** Ôn tập kiến thức theo sự hướng dẫn của giáo viên ở tiết trước.

**C.TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**B1. Chữa đề**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**B2. Nhận xét chung về bài làm của học sinh:**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**B3. Nhận xét cụ thể:**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**4. Củng cố:**Giáo viên đọc điểm cho cả lớp, giải đáp các thắc mắc của các em.

**5. Hướng dẫn học và chuẩn bị bài:**

- Ôn tập lại các kiến thức về phần Tiếng Việt.

- Học thuộc long các bài thơ ở sách giáo khoa, nắm được nội dung, nghệ thuật, tóm tắt được các tác phẩm truyện và nội dung, nghệ thuật để tiết sau kiểm tra phần học thuộc lòng.

**\*.Rút kinh nghiệm:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*